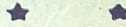




SỬ ĐỊA

DO MỘT NHÓM GIÁO-SU, SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM SÀI-GÒN CHỦ-TRƯỞNG



HOÀNG XUÂN-HÃN

- Vụ Bắc sứ năm Canh-Thìn đời Cảnh-Hung

NGUYỄN THẾ-ANH

- Việt Nam và các Đông-Ấn Công-Ty.

PHAN-KHOANG

- Những trương đầu của lịch-sử hai xứ Thuận Quảng.
Những đợt di dân đầu tiên trong cuộc Nam Tiến...

NGUYỄN HẢI

- Đại-cương về Thủy-Triều và Thủy-Triều tại Duyên-Hải Việt-Nam.

LÊ ƯỚC

- Cuộc Duy-Tân khởi-nghĩa 1916 và Phan Thành Tài.

TRẦN ĐĂNG ĐẠI

- Thử tìm hiểu về Lũy Trường-Dục và Lũy Đồng-Hới.

Tài-liệu của SỞ MẬT-THÁM ĐÔNG-DƯƠNG.

- Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng tại Hải-ngoại (1930-1935).

SỬ ĐỊA

TẬP - SAN SỬU - TÀM,
KHẢO - CỨU, GIÁO - KHOA

BAN CHỦ-BIÊN:

NguyễnThếAnh • BửuCầm • PhanKhoang • LâmThanhLiêm •
PhạmVănSơn • TháiViệtĐiều • PhạmCaoDương • Phù-Lang •
ĐặngPhươngNghị • QuáchThanhTâm • TrầnĐăngĐại • Phạm
ĐìnhTiểu • NguyễnKhắcNgũ • NguyễnHuy • TạChíĐại
Trường • PhạmLongĐiền • TrầnAnhTuấn • NguyễnTháiAn •
TrầnQuốcGiám • NguyễnSaoMai • MaiChưởngĐức.

VỚI SỰ CỘNG-TÁC THƯỜNG XUYỀN CỦA:

HoàngXuânHãn • ChenChingHo • ThíchThiệnÂn • LêVăn
Hảo • NguyễnVănHầu • TạTrọngHiệp • NguyễnTrầnHuân •
PhạmVănĐiều • BửuKế • NguyễnKhắcKham • TrươngBửu
Lâm • LêHữuMục • NguyễnPhương • HồHữuTrường • LêThọ
Xuân • ƯngTrình • NghiêmThầm • TôNam • BùiQuangTung.

BAN TRỊ-SỰ:

NguyễnNhã • NguyễnNhậtTấn • PhạmThịHồngLiên • Nguyễn
NgọcTrác • TrầnĐìnhThọ • NguyễnHữuPhước • PhạmThịKim
Cúc • TrầnNgọcBan • PhạmVănQuảng • PhạmĐứcLiên •

Trình bày:
Kha Thùy Châu
N. N. Tấn

THƯ TỪ, BÀI VỞ, NGÂN, CHI-PHIẾU:
NGUYỄN NHÃ

221 Cộng Hòa, Saigon B. P. : 380

TRƯỞNG MỤC: TẬP SAN SỬ ĐỊA

Sài gòn T/M 2763

Chánh Trung Khu Chi Phiếu

SAIGON

LÁ THU TÒA SOẠN

Tiếp theo số Xuân Mậu Thân, đặc khảo về Quang Trung, gộp hai số 9 và 10 làm một, Tập San Sử Địa kỳ này đã cố gắng ấn hành cho đúng kỳ hạn, mặc dù gặp nhiều khó khăn vì thời cuộc.

Tập San Sử Địa rất lấy làm khích lệ trước sự chiều cố nồng nhiệt của quý độc giả về số « Quang Trung ».

Kỳ tới như chúng tôi đã loan báo, số đặc khảo về 100 năm Nguyễn Trung Trực sẽ được ấn hành. Mong quý vị có bài biên khảo hay tài liệu liên quan đến Nguyễn Trung Trực, xin gửi cho Tập San trước tháng 9 để kịp đăng vào số đặc khảo nói trên.

Vì thời cuộc, việc công bố thể lệ thi sưu tầm, nghiên cứu về cuộc Nam Tiến của Dân Tộc Việt Nam do Tập San Sử Địa tổ chức sẽ được công bố vào đầu năm 1969. Sở dĩ có việc công bố chậm chạp như vậy, vì giải thưởng đặt nặng việc sưu tập các tài liệu mới mẻ, hiện đương tản mác khắp nơi ở miền Nam. Việc nghiên cứu không nhất thiết cả cuộc Nam-tiến, mà chỉ cần một giai đoạn nào đó của cuộc Nam-tiến. Thời cuộc hiện nay lại không thuận tiện cho việc sưu tập các tài liệu tản mác ấy.

Số đặc khảo về Chiến Thắng Kỳ Dục (Đồng Đa) cũng đương được sửa soạn ấn hành vào dịp Xuân Kỳ Dục tới.

Ngoài những số đặc khảo về cuộc Nam-tiến Sử Địa cũng sẽ sửa soạn những số đặc khảo về lịch sử, sinh hoạt của Việt kiều tại Thái Lan, Ai Lao... và 100 năm Nguyễn Trường Tộ.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

VIỆT - NAM và các ĐÔNG-ẤN CÔNG-TY

■ NGUYỄN THẾ-ANH ■

Sự buôn bán giữa Âu-châu và Việt-Nam từ thế-kỷ XVII tới đầu thế-kỷ XIX đã được biết rõ, sau những sự nghiên cứu của nhiều sử-gia, mà những người mở đầu là MAYBON và BUCH (1), đã chú trọng tới hoạt động của các thương gia Âu-châu ở Việt-Nam. Trong bài này, tôi không muốn tóm lược lại những kết quả của các sự nghiên cứu của các sử gia nói trên, nhưng xác định vai trò của các Công-ty buôn bán gọi là Đông-Ấn Công-ty ở Việt-Nam, và những nguyên-nhân đã khiến các Công-ty này thất bại trong sự mậu dịch của họ,



Thế nào là một Đông-Ấn Công-ty? Trong Âu-châu của thế-kỷ XVII đặt dưới dấu hiệu của chủ nghĩa trọng thương, các sự giao thiệp thương mại với những miền trên bờ Ấn-độ-dương và Thái-bình-dương (được bao gồm trong danh từ Đông-Ấn) được giao phó cho những công-ty buôn bán, thiết lập với sự hùn vốn của tư nhân, và được các chính phủ hiến cho độc quyền hoạt động trong miền Đông-Ấn đó. Bồ-đào-nha đã không bao giờ để cho một công-ty tư nhân kiểm tra các sự mậu-dịch trong miền này; những Đông-Ấn công-ty đã hoạt động ở Việt-Nam là những công-ty Hòa lan, Anh và Pháp.

(1) MAYBON Ch. B., *Histoire moderne du Pays d'Annam* (1592-1820). Paris, 1919, XIV-418 tr.

BUCH W.J.M., *La Compagnie des Indes néerlandaises et l'Indo-chine*. B.E.F.E.O., 1936, tr. 97-196, 1937, tr. 121-237.

Đông-Ấn công-ty Hòa lan (Vereenigde Oostindische Compagnie) được thiết lập ở Amsterdam vào năm 1602. Vào năm 1605, các thương gia Hòa-lan đã đặt chân trên các thương khải quan trọng của miền Đông-Nam-Á, và đã lập thương quán trong quần đảo Nam-Dương; trung tâm hoạt động của họ là Batavia, tức là Djakarta ngày nay vậy. Ngay từ đầu thế-kỷ XVII đã có những sự tiếp xúc giữa Công-ty Hòa-lan và chúa Nguyễn; vào năm 1617, chúa Nguyễn có gửi thư mời các đại diện của công-ty ở Patani và Ligor (Mã-lai) tới buôn bán trong các thị trường thuộc lãnh thổ của Nam-triều. Song các sự tiếp xúc đầu tiên đã không được hòa hảo cho lắm, các phương pháp buôn bán gần như cướp bóc của các con buôn Hòa-lan đã gây nên nhiều sự bất bình. Vì những sự xung đột đó mà phải đợi tới sau 1633 chúa Nguyễn mới cho phép công-ty đặt thương quán tại Qui-nhơn (Quinam) (2) và tự do buôn bán ở Hội An nữa. Tuy nhiên, bị nghi ngờ bởi quan lại, và bị cạnh tranh dữ dội bởi các nhà buôn Bồ-đào nha và Nhật-bản, công-ty đã muốn tìm một lãnh vực hoạt động dễ dãi hơn. Vào năm 1637, công-ty được chúa Trịnh cho phép mở thương quán ở Phố Hiến, rồi không bao lâu sau đấy ở Kẻ Chợ. Các điều kiện buôn bán thuận lợi hơn ở Bắc-triều khiến Công-ty Hòa-lan tuyệt-giao với chúa Nguyễn vào năm 1638. Công-ty còn giúp thuyền chiến cho chúa Trịnh nữa trong cuộc chiến bùng nổ giữa Bắc triều và Nam triều vào năm 1642. Sau đó, và cho tới năm 1700, công-ty Hòa-lan chỉ còn buôn bán với Bắc-triều mà thôi.

Đông Ấn Công-ty Anh (East India Company) được thiết lập ở Luân-đôn vào năm 1600, và có độc quyền buôn bán ở Ấn-độ và Trung quốc và tất cả Viễn Đông (3). Trong q ần đảo Nam Dương, vì cạnh tranh dữ dội với thương gia Hòa-lan để kiểm tra những vùng sản xuất gia-vị, Công-ty cũng đặt căn cứ ở Bantam, ngay bên

(2) BUCH W.J.M, *De Oost Indische Compagnie en Quinam*. Amsterdam, 1929, 123 tr.

(3) Xem thêm: ROSE S., *Britain and Southeast Asia* London, 1962 208 tr.

cạnh Batavia. Các bước đầu của Công ty Anh ở Việt Nam gặp thất bại: nhân vật được công-ty phái tới Hội An, Richard Carwarden để xin chúa Nguyễn cho phép thông thương vào năm 1613, bị dân chúng giết chết. Vài năm sau các sự cố gắng buôn bán với Bắc triều cũng bị cản trở bởi người Hòa-lan và Bồ-đào-nha. Phải đợi tới năm 1672, công-ty Anh mới mở được một thương quán ở Phố Hiến; 5 năm sau, Công ty còn được phép buôn bán ở Kẻ Chợ nữa. Song thương quán của Công-ty không được thịnh vượng lắm, và các sự khó khăn buộc Công-ty phải đóng cửa thương quán này vào năm 1697. Trước đó, Công ty cũng tìm sự thông thương với Nam triều, nhưng bị chúa Nguyễn từ chối.

Đồng Ấn công-ty Pháp (*Compagnie française des Indes orientales*) tới Việt-Nam chậm nhất. Cho tới giữa thế-kỷ XVII, Việc Đồng đối với Pháp¹ là lãnh vực truyền bá Thiên chúa mà thôi. Nhưng để đưa các nhà truyền đạo tới đây, Pháp không thể nhờ ở thuyền Anh hay Bồ còn đường bộ thì quá dài và đầy nguy hiểm. Vì thế, sau khi Hội Ngoại quốc Truyền-giáo được thiết lập vào năm 1660, mới nảy ra ý kiến lập một Công-ty buôn bán Pháp, có mục đích trước tiên là để chuyên chở các cố đạo tới nơi truyền đạo, sau là để buôn bán với Trung-quốc và các vương quốc lân cận. Nhưng công ty này chết yểu, và độc quyền của nó được giao phó cho Đông-Ấn công ty Pháp. Năm 1671, Đông-Ấn công ty Pháp phái một chiếc thuyền buôn tới Bắc Việt, nhưng vì thiếu phương tiện, đã không muốn lập thương quán, tuy được chúa Trịnh cho phép cắt nhà ở Phố Hiến và biển cho những đặc quyền giống như đặc quyền của các nhà thương gia Hòa-lan. Phải đợi tới năm 1681, dưới áp lực của các nhà truyền đạo, nói là chúa Trịnh chỉ dung túng hoạt động của họ nếu có hi vọng mậu dịch với người Pháp, Đông-Ấn công ty Pháp mới lại phái một chiếc thuyền buôn khác tới Bắc Việt; đại diện của Công ty là Chappelain lập thương quán ở Phố Hiến. Nhưng, thiếu tài chính, sau vài năm sống vất vả, thương quán này đã phải đóng cửa vào năm 1686.

Trong thế kỷ XVII, các nhà cầm quyền Việt - Nam, chúa

Trịnh cũ g như chúa Nguyễn, đã không cấm đoán sự buôn bán của các Công-ty thương-mại Tây phương, vì không những chúng cho phép các chúa tiếp nhận các hàng hóa cần dùng, mà còn miễn cho ngân khố những lợi tức khá lớn : để được phép buôn bán, các thuyền buôn ngoại quốc khi cập bến đều phải trả những món thuế cao thấp tùy nơi xuất xứ. nhưng phần nhiều đều là những món thuế lớn cả. Các sản phẩm thương gia Âu châu tới tìm ở Việt Nam là hạt tiêu gỗ quý, trầm xạ hương được coi là tốt nhất hoàn cầu, quế, tơ sống, đường, trà, đồ sứ Tàu. Còn thị trường Việt-Nam tiêu thụ những hàng hóa như vải lụa Âu châu, thuốc súng, vài chũ phẩm bạc, chì, và nhất là đại bác. Xem như thế thì các hàng hóa nhập cảng vào Việt-Nam bởi các công-ty Đông Ấn không phải là để cho giới bình dân tiêu thụ.

Nếu nhìn vào sự hoạt độ g của các Công-ty Đông-Ấn ở Việt-Nam trong thế kỷ XVII, thì thấy chỉ có Công-ty Hòa-lan là tương đối thành công. Tới sớm hơn Công-ty Hòa-lan đã lợi dụng được tình trạng phân tranh giữa Bắc và Nam triều; cả chúa Trịnh và chúa Nguyễn, ngoài sự thông thương với người Âu châu, còn chờ đợi ở người Âu châu sự cung cấp khí giới và sự giúp đỡ quân sự nữa. Nhưng, sau năm 1672, chiến tranh Bắc Nam chấm dứt, và thương phẩm chính mà Việt-Nam trước đó nhập cảng nhiều là khí giới không còn cần thiết nữa; hoạt động của các thương quán của các Công-ty ngừng lại, và sự hiện diện của các thương quán ấy tổn hại cho các Công-ty hơn là đưa lại lợi tức. Thêm vào đó, từ khi ít bị bận tâm vì chiến tranh hơn, các chúa trở nên nghi kỵ hơn đối với Tây phương, sợ Tây phương viện có thương mại để xâm lấn về mặt chính trị. Cho nên, thái độ của Việt-Nam đối với các Công ty Đông-Ấn sẽ thay đổi hẳn trong thế kỷ XVIII.



Vào thế kỷ XVIII, các chúa đã không còn muốn miễn cho các Công-ty thương mại Âu-châu những đặc quyền như khi họ mới tới Việt-Nam nữa. Các sự mâu dịch vì thế mà giảm đi rất nhiều, đến

nổi mà về phương diện ngoại thương, Việt-Nam chỉ còn buôn bán với các Hoa kiều ở Hội An mà thôi. Chúng ta có cảm tưởng như các chúa đã muốn đóng chặt các thương cảng Việt-Nam trước các thương gia Tây phương.

Trong khi ấy, sự diễn biến lịch sử ở Âu châu khiến chỉ còn hai cường quốc tranh giành ảnh hưởng ở Á đông : Anh và Pháp đều cố gắng kiểm tra sự mậu dịch với Trung-quốc. Muốn thế, cần phải chiếm một căn cứ để trên con đường biển đi từ Ấn-độ tới Trung-quốc và căn cứ ấy không đâu ngoài một vị trí trên bờ biển Việt-Nam. Ngay từ cuối thế kỷ XVII, một nhân viên của Đông-Ấn Công-ty Pháp tên là Vêret đã đề nghị chiếm đảo Côn Lôn làm căn cứ cho thương mại của Công-ty ở Viễn-đông. Song nhanh chân hơn, Đông-Ấn Công-ty Anh đã lập thương quán ở Côn đảo vào năm 1702, và cố gắng biến đổi đảo này thành một căn cứ thương mại và thủy quân. Chúa Nguyễn đã không làm khó dễ, vì muốn dùng người Anh giúp chúa dẹp giặc biển hoành hành trên nhiều miền ven biển. Song, vào năm 1705, Đông Ấn Công-ty Anh phải bỏ Côn đảo, và từ đấy không ai nghĩ tới Côn đảo làm căn cứ nữa.

Đông Ấn Công ty Pháp, để bù đắp cho các sự thất bại gặp phải ở Ấn độ, đã để ý tới Việt Nam nhiều hơn, và muốn đặt một thương điểm trên bờ biển thuộc lãnh thổ của chúa Nguyễn : các bản báo cáo của các thương-gia Pháp quen buôn bán trong các biển Nam Hải đều đề nghị với Công-ty nên đặt thương quán ấy ở Đà Nẵng, được coi như là có một vị-trí rất tốt, vì nằm giữa Trung-quốc Phi-luật-Tân và bán đảo Mã lai. (4) Nhưng các sự thăm dò của Công ty cho thấy dự định thiết lập thương quán ấy đầy khó khăn và tốn kém. Như trong năm 1749-1750, Đông-Ấn Công-Ty Pháp phái Pierre Poivre tới xin chúa Võ Vương được quyền buôn bán; nếu chúa Nguyễn đẹp lòng vì các món quà mà Công-ty biếu chúa;

(4) GAUDART M. Les archives de Pondichéry et les entreprises de la Compagnie française des Indes en Indochine. B. A. V. H. 1934, tr. 353 350

thì Poivre lại vấp phải một tình trạng kinh tế và tài chính của Nam triều không được đẹp đẽ cho lắm, và nhất là vấp phải sự cản trở của các quan lại, làm Poivre lập một bản báo cáo rất bi quan về tương lai của các sự mậu dịch ở xứ « Cochinchine ».

Song le, giữa năm 1753 và 1778, Đông-Ấn Công-ty Pháp còn nhận được nhiều dự án, trình bày với Công-ty là cần phải tiếp nối sự mậu dịch với Việt-Nam. Có vài dự án còn nghĩ tới sự chiếm lãnh thổ của chúa Nguyễn làm thuộc địa nữa, nhất là cuộc khởi nghĩa của nhà Tây Sơn hiện ra như là một cơ hội tốt để can thiệp vào nội bộ của Việt-Nam. Các dự tính này làm cho Đông Ấn Công ty Anh to ngại, vì nếu Việt Nam rơi vào tay người Pháp, sự buôn bán của Công ty Anh giữa Ấn-độ và Trung Hoa sẽ bị đe dọa. Vì thế, vào năm 1778, thương gia Anh Charles Chapman được phái tới Đà Nẵng để nghiên cứu tình hình. Trong bản báo cáo, Chapman đề nghị nên ủng hộ chúa Nguyễn Ánh chống lại nhà Tây Sơn; như thế, Công-ty Anh sẽ được lợi sau khi chúa Nguyễn thắng thế. Một trong những điều lợi ấy là người Anh sẽ kiểm tra Đà-nẵng, một căn cứ rất tốt về mặt chiến thuật cũng như về thương mại. Nếu các thương gia Anh phải rời Quảng-châu, thì vẫn có thể mua hàng Trung-hoa ở Đà-nẵng, mà lại rẻ hơn nữa, vì ở Quảng-châu, các thương gia Tây phương phải trả thuế nặng. (5)

Nhưng từ cuối thế kỷ XVIII, với các biến cố xảy ra ở Âu-châu, các mối chuyên tâm thương mại không còn quan trọng bằng những vấn đề chính trị nữa. Nếu vào đầu thế kỷ XIX, Đông Ấn Công-ty Anh tỏ ra chú ý tới Việt-Nam, là vì chính phủ Anh muốn giảm ảnh hưởng của Pháp ở Việt Nam, được cho là mạnh từ khi chúa Nguyễn Ánh đánh nhà Tây Sơn với sự giúp đỡ của giám mục Bá-đa-Lộc và một số sĩ quan Pháp. Năm 1803 - 1804, Công-ty Đông-Ấn Anh phái J. W. Roberts tới xin vua Gia Long đặc-quyền

(5) BERLAND H. Relation d'un voyage en Cochinchine par M Chapman. B. S. E. I. 1918, tr. 9 - 75.

buôn bán, nhưng nhà vua rghi ngờ thiện chí của người Anh và sợ bị rơi vào cù g một tình cảnh như các ông hoàng Ấn độ, đã không tiếp Roberts Thái độ rghi kỵ đó dần dần cũng là thái độ của nhà vua đối với các thương gia Pháp nói riêng, và đối với tất cả các thương gia Tây phương nói chung (6).



Với đầu thế kỷ XIX, giai đoạn hoạt động của các Đông Ấn Công-ty ở Việ Nam đã chấm dứt. Thật ra, các hoạt động thương mại của các Công-ty buôn bán này không mạnh mẽ lắm ở Việt-Nam Vì thế, cần đặt câu hỏi tại sao các Công-ty này đã không thành công ở Việ Nam như đã thành công ở Trung Hoa hay ở Ấn độ. Chắc chắn đã có những nguyên nhân sâu xa cho sự thất bại này.

Nguyên nhân sâu xa nhất là do tình trạng kinh tế của Việt-Nam: thị trường Việt-Nam rất hạn chế trước các hàng hóa của các Đông-Ấn công-ty; dân chúng vì nghèo, vì không đủ lợi tức, nhưng cũng vì không cần hàng Tây, thành không mua những hàng hóa ấy. Các thương gia ngoại quốc đều đồng ý là Việt Nam nhập cảng rất ít chế phẩm Tây-phương; ngoài khí giới ra, hàng hóa nhập cảng chỉ là vài quý và vài đồ xa xỉ cho sự tiêu thụ của triều-đình và của các quan đại-thần. Trong sự buôn bán với Việt-Nam các công-ty có lợi được là nhờ vài thổ-sản có thể bán giá cao ở ngoài, như là tơ sống của Bắc Việt chẳng hạn. Nhưng trong sự mua bán tơ này, thương gia Âu châu bị cạnh tranh bởi con buôn người Tàu, tiếp xúc với người bản xứ dễ dãi hơn.

Các thương gia Tây phương cũng gặp nhiều khó khăn vì tính cách giả tạo và cứng rắn của sự mậu dịch ở Việt Nam; đây là một sự mậu dịch hoàn toàn bị kiểm tra bởi chính phủ, không cho phép có một sự tiếp xúc trực tiếp với giới sản xuất. Các quan-viên tự dành cho

(6) NGUYỄN THẾ-ANH, *L'Angleterre et le Viêt-Nam en 1833: la mission de J. W. Roberts. B. S. E. I. 1965, tr. 339-347.*

mình đặc quyền buôn bán với người ngoại quốc, vì được lợi nhiều nhờ những sự giao dịch này: không những các nhà buôn ngoại quốc phải cho họ nhiều tặng phẩm, mà còn phải dành các hàng hóa quý giá nhất cho họ nữa. Ở Kẻ Chợ, các quan chiếm độc quyền buôn bán bằng cách bắt các nhà nuôi tằm phải giao cho họ tất cả số tơ sản xuất, để có thể bán tơ ấy t'eo giá cả họ tự định đoạt. Vị quản lý thương quán của Đông-Ấn công-ty Hoà-lan ở Kẻ chợ, Van Riebeck, phải lên lút tới tận nhà các người nuôi tằm vào ban đêm để có thể mua tơ với giá cả phải chăng. Sự nậu dịch của thương gia Tây phương còn bị cản trở bởi những sự kiểm soát tỉ mỉ nữa: mỗi khi có một thương thuyền cập bến, chủ thuyền bắt buộc phải rở tất cả hàng hóa để cân và để đếm; chỉ khi nào kiểm soát xong và các quan đã giữ lại một phần đáng giữ, thì thương gia mới được đưa hàng về thương điểm. Còn thuyền muốn rời Việt-Nam thì phải xin giấy phép trước nhất là một tháng; bằng không thì nhớ chuyển.

Nhưng nguyên nhân thất bại của các Đông-Ấn công-ty cũng là do chính thương gia của họ. Đối với các thương gia này, mục đích chính yếu là làm thế nào nắm được nhiều hàng hóa mà phải trả ít tiền. Để đạt được mục đích ấy, họ áp dụng những thủ đoạn bất chính, gần như cướp bóc, đến nỗi mà vào năm 1662, chúa Trịnh phải cấm các người ngoại quốc ở chung với dân chúng, vì họ không còn tôn trọng luật pháp nữa. Các thủ đoạn cướp bóc che đậy dưới danh nghĩa thương mại này không phải là hiếm; các thương gia nhất là Anh và Hòa-lan đã quen dùng chúng ở Nam-dương. Còn Pierre Poivre, vì gặp khó khăn ở Đà-nẵng vào năm 1750, đã bắt cóc luôn người thông ngôn để trả thù (7). Cách xử sự của các thương gia Âu châu đã hu g bạo đến nỗi mà vào năm khi Đông-Ấn công-ty Anh muốn tái tục sự buôn bán với Việt-Nam, đã phải nhìn nhận rằng các hành động của các lái buôn Âu châu đã là nguyên nhân chính khiến sự

(7) CORDIER H., *Voyages de Pierre Poivre de 1748 jusqu'à 1757* Rev. Hist. Col. 1918. tr. — 888.

buôn bán ấy phải chấm dứt trong quá khứ. và can đảm phái-viên John Crawford phải 'ránh những lỗi lầm ấy (8)

Các hành động vô trật tự của các nhà buôn Tây phương làm cho giai-cấp lãnh-đạo Việ-Nam đã khinh bỉ sâu giai-cấp thương-gia, thêm nghi kỵ Đông-Ấn công-ty. Các chúa Trịnh cũng thư các chúa Nguyễn ngại rằng nếu hiến những đặc quyền thương mại cho các nhà buôn Tây phương, những người này sẽ lợi dụng để tấn công lãnh thổ của mình; vì thế các chúa càng ngày càng ngăn ngại để cho các Đông-Ấn công-ty đặt thương quán ở Việt Nam. Thêm nữa, nghi ngờ rằng các nhà buôn là đồng loã với nhà truyền đạo, các nhà cầm quyền Việt-Nam tin rằng cần hạn chế các hoạt động của họ, để ngăn cản sự bình trưởng một tôn giáo đe dọa cả cơ cấu của xã hội Việt-Nam nữa. Điều này giải thích cho chúng ta thái độ càng ngày càng dè dặt của vua Gia-Long 'rước những sự giao thiệp với Tây phương trong những năm 1815-1819, và có lẽ cũng giải thích tại sao vua Gia Long đã chọn Minh-Mạng để nối ngôi, một vua Minh-Mạng cho rằng những sự tiếp xúc giữa nước Việt-Nam và Tây-phương không đưa gì tốt đẹp tới cho dân Việt cả.



Như thế, các sự giao thiệp của các Đông-Ấn công-ty Hòa-lan, Anh và Pháp với ViệtsNam đã rất là rǎn ngại, và đã không để lại một dấu vết cụ thể, mà cũng đã không đưa tới một hoạt động kinh tế mới mẻ nào ở Việt-Nam.



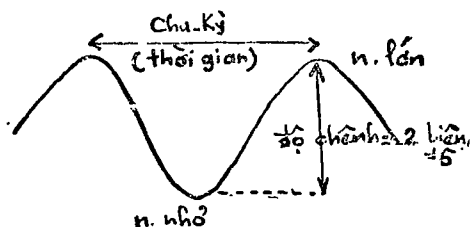
(8) CRAWFURD. John. *Journal of an Embassy from the Governor of India to the courts of Siam and Cochinchina*. London, 1828.

ĐẠI CƯƠNG VỀ THỦY- TRIỀU VÀ THỦY-TRIỀU TẠI DUYÊN HẢI VIỆT - NAM

■ NGUYỄN HẢI ■

I.— Định-nghĩa và Đại-cương về hiện-tượng (ở ven bờ):

1. *Định-nghĩa*: Thủy-triều là hiện tượng, lên xuống của mực nước biển hàng ngày, tại ven bờ. Sự lên, xuống này gần như tuần-hoàn, theo các chu kỳ từ 12 đến 24 giờ. Theo định-nghĩa thì chu-kỳ của hiện-tượng là thời-gian giữa 2 lần nước lớn liên-tiếp, hay 2 lần nước nhỏ liên tiếp, còn biên-độ thì bằng một nửa sự chênh-mực giữa lúc nước lớn và lúc nước nhỏ liên tiếp; (hình 1).



(Hình 1)

2 *Các loại Thủy-triều (hay Triều)*: — Có 3 loại thủy-triều chính được nhận thấy ở trên mặt địa-cầu:

— Triều bán-nhật: chu-kỳ chừng 12 giờ, cho 2 lần nước lớn và 2 lần nước nhỏ trong một ngày;

— Triều toàn-nhật: chu-kỳ gần 24 giờ, cho 1 lần nước lớn và 1 lần nước nhỏ trong ngày;

— Triều hõa-hợp : có cả 2 loại đặc-dểm trên Nói chung nó thường cho 2 lần nước lớn và 2 lần nước nhỏ trong một ngày như ở Triều bán nhật, nhưng với các độ chênh khác nhau Trên thực-tế, người ta còn phân loại này ra làm 3, tùy theo độ chênh của các lần nước lớn hay nước nhỏ so với nhau.

Sau này, để được dễ dàng hơn, Vandr Stok (1897) đã nghĩ ra việc phân loại Triều căn-cứ trên công-thức : $F = K_1 + O_1/M_2 + S_2$. Ta sẽ nói rõ về đoạn này hơn ở phần sau.

3 *Nước hơn và nước kém* :— Người ta nhận thấy cứ cách nhau chừng 11 đến 14 ngày, trong tháng lại có một lần nước lên lớn nhất và bị ngăn ra, cùng số ngày tương-tự, bởi một lần nước xuống thấp nhất. Lần nước lớn nhất này được gọi là nước « hơn » trong tháng còn lần nước nhỏ nhất thì được gọi là nước « kém » tương-ứng. Người ta còn nói tới cả nước « hơn » và nước « kém » của mỗi năm nữa.

4. *Sự phân-phối biến-độ và chu-kỳ Thủy-triều ở trên mặt địa-cầu* :

a) *Biến-độ* :— Người ta ghi nhận được sự phân-phối như sau đây :

— Độ chênh mực gần như triệt-tiêu được thấy ở biển, Baltique và Hắc-hải (dưới 0,10 m) ;

— Độ chênh từ 0,10 tới 1m, gặp ở các địa-trung-hải và ở 1 số đảo nhỏ ở giữa các đại dương như : Polynésie, quần-đảo Nam Đại-tây-dương, Mascareignes. Thường thì ở miền tận cùng của một biển gần khép kín, mở rộng trên phần còn lại của biển, hay có độ cao quan trọng.

— Độ chênh trung-bình, từ 1 đến 2m, thường thấy ở những nơi lục-địa có bờ bên thẳng.

— Độ chênh lớn hơn hay được gặp tại các nơi ven biển ở

phía trước có một thềm lục-địa rộng, hay ở trong các eo biển Độ chênh cũng lớn ở miền cửa các sông quan-trọng.

Dưới đây là vài nơi có độ chênh mực Thủy-triều đặc-biệt, được nhận thấy lớn nhất thế-giới:

Fundy (Gia-nã-đại)	19,6m
Savern (Anh-cát-lợi)	16 8m
Graville (Pháp)	16,1m
Bắc biển Okhotsk (Nga)	14,7m
Tận cùng vịnh Cal fornic (Mễ tây-cơ) . .	12 3m

b) *Chu-kỳ*: — Tùy theo loại Triều mà ta có sự phân phối sau:

— Triều bán-nhật: Thấy ở nhiều nơi ven Đại-tây dương, Nam Chí-lợi, vịnh Bengale, Tân tây-lan, miền Tây Ấn-độ-dương Đa số thường có biên-độ lớn.

— Triều toàn-nhật: Ít phổ-biến hơn và cũng hiếm và có biên-độ quan-trọng. Triều ở cửa sông Hải-phò-g, biên-độ cực-đại gần 4m được thấy là duy-nhất trên thế-giới hiện-giờ. Người ta gặp loại Triều này ở: Địa-trung-hải Mỹ-châu, bờ Đông biển Nhật-bản, nhiều nơi ở duyên hải Đông dương và một số nơi rải-rác khác. Loại này thường cho Triều cao (nước lớn) vào ban ngày trong suốt gần một nửa năm liền, và Triều thấp (nước nhỏ) vào gần nửa năm còn lại.

— Triều hỗn-hợp: Là Triều thông-thường của các bờ biển Thái-bình dương (trừ tại miền Nam); tại đây nó thường cho những độ cao nhỏ, nhưng đôi chỗ lại có thể đặc biệt lớn. Người ta còn gặp loại này ở: biển Oman, Ceylan, Nam Ấn-độ, quần-đảo Falk-lands, Mascareignes, v.v...

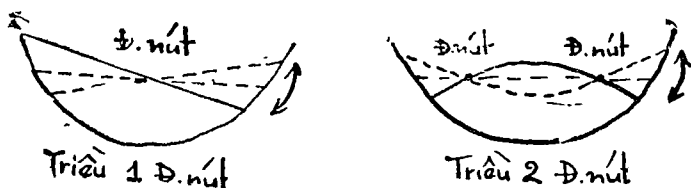
Về biên-độ, nói chung thì được thấy đặc-biệt lớn ở gần các điểm giao-hội và xung-đối của mặt Trời và mặt Trăng (so với trái Đất), nghĩa là vào lúc Sóc vọng, hay khi Trăng tròn hoặc Trăng non. Biên-độ rất nhỏ thường gần lúc 2 vị tinh-tú này ở vào vị-trí vuông góc nhau, tức là lúc Trăng thượng-tuần và hạ-tuần.

II.— Thủy-triều ở ngoài khơi các đại-dương:

1. Triều sóng đứng và Triều sóng di-chuyển (tiềm tiến): —

Danh-từ Thủy-triều còn có thể được nói rộng dùng ở ngoài khơi (giữa) các đại dương; vì tại các nơi đây vẫn có sự biến-đổi tuần-hoàn của mực nước biển, tuy rằng có điều khó nhận thấy được bởi các quan-sát thông-thường.

Thủy-triều, như ta đã nói, là một hiện tượng tuần hoàn, vậy nó có tính-cách « ba động ». Ở ngoài khơi, theo lý-thuyết, Thủy triều có thể hoạt-động dưới một trong hai dạng tổng-hợp: Thủy-triều sóng đứng là khi giao-động nước có một hay nhiều đường « nút » (tức là những đường dọc theo đấy biên-độ giao-động gần như không có), và Thủy-triều sóng di-chuyển là khi ba-động được lan-truyền đi theo chiều ngang (hình 2).



(Hình 2)

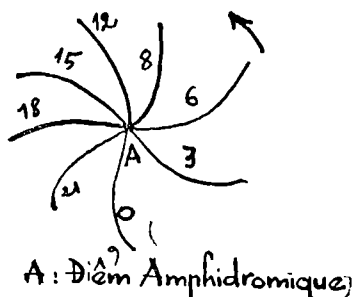
Triều sóng đứng thuần-túy chỉ xảy ra nếu trái Đất không có quay xung quanh trục của nó, và sẽ được nhận ra ở ven biển bằng một số vùng có cùng một giờ Triều cao hay Triều thấp.

Trên thực-tế, trái Đất chúng ta quay Dưới tác-dụng của sức Coriolis tương-ứng, các phân-tử nước sẽ bị đẩy đi ngang, trong khi giao-động, theo một phương thẳng góc với đường nút.

Do vậy giờ Triều (cao hay thấp) không còn giống như nhau ở trong cùng một miền rộng lớn nào nữa. Và thay vào đấy, người ta có một sự phân-phối những nơi cùng giờ Triều trên đại dương theo một đường cong gọi là đường « đã g giờ ». Các đường đẳng

giờ liên-tiếp sẽ cùng xoay quanh một điểm, gọi là điểm « amphidromique », như các nan quạt của một chiếc bánh xe quanh trục chung. Điểm amphidromique được biểu-hiệu bởi sự triệt-tiêu thường-trực của biên-độ Thủy-triều tại nơi đó.

Ở Bắc bán-cầu, các giờ Triều quay trái với chiều của kim đồng-hồ (hình 3). Điểm amphidromique gọi là ảo khi nó xuất-hiện (trong phép vẽ) ở trên bờ : trường hợp 2 biển Manche và Ái nhĩ lan.



(Hình 3)

Người ta có thể coi Triều sóng đứng như tình-trạng khởi-phát của Triều sóng di-chuyển.

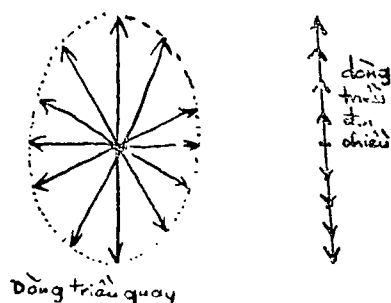
Triều ở các biển phụ-thuộc của đại-dương, hay ở các eo biển thường do sóng Triều ở ngoài khơi đại-duyong di-chuyển vào rồi được biến-tính đi đôi chút.

2. *Dòng Triều*: — Suốt trong thời-gian mà mực nước dâng cao dần (hay hạ thấp dần), trong khối nước biển rộng lớn có xuất-hiện một sự di-chuyển nước nằm ngang mà phương thì thay đổi nhiều nhất là 180° , và cường-độ biến thiên giữa 2 trị-số đối nhau sau khi đã ngang qu một cực-đại ; sự vận chuyển nước đó là dòng Triều dâng (hay rút).

Tại các nơi rộng-rãi, dòng Triều đổi phương dễ dàng và có

tên là dòng Triều quay. Chiều quay của phương dòng Triều tại Bắc bán-cầu thì cùng với chiều của kim đồng-hồ, nghĩa là trái với chiều quay quanh điểm amphidrom'que của các đường đẳng giờ.

Ở những nơi hẹp, hay ở gần bờ, dòng Triều gần như có một phương duy-nhất, với 2 chiều đối nhau, trong suốt một chu-kỳ của Thủy-triều. Dòng Triều này được gọi là dòng Triều đổi chiều (hình 4).



(Hình 4)

Trong các loại hải-lưu (dòng nước biển), dòng Triều thuộc về loại có vận-tốc lớn (cực-đại có thể tới dăm « nút »). Do đó nó chịu chung các định-luật về ảnh-hưởng của địa-thể đáy biển trên phương di-chuyển, như các hải-lưu quan-trọng khác. Nó cũng chịu sự chi phối của sức Coriolis.

III.— Những lý-thuyết nhằm giải-thích hiện-tượng Thủy-triều :

1. *Thuyết hấp-dẫn-lực của Newton và thuyết về lực ly-tâm* : — Từ lâu, người ta đã nhận thấy có những liên-hệ giữa hiện-tượng Thủy-triều và sự vận-chuyển của mặt Trăng và mặt Trời ở quanh trái Đất. Tuy nhiên, Newton là người đầu tiên đã tìm cách giải-thích Thủy-triều một cách khoa-học, bởi định-luật hấp-dẫn vũ-trụ của ông. Theo định-luật này thì 2 trọng-khối M và M' để gần nhau, sẽ

chịu một hấp-lực trái chiều, có cường-độ chung tỷ-lê với bình-phương khoảng cách D giữa 2 trọng-tâm :

$$|f| = |f'| = k \frac{M.M'}{D^2}$$

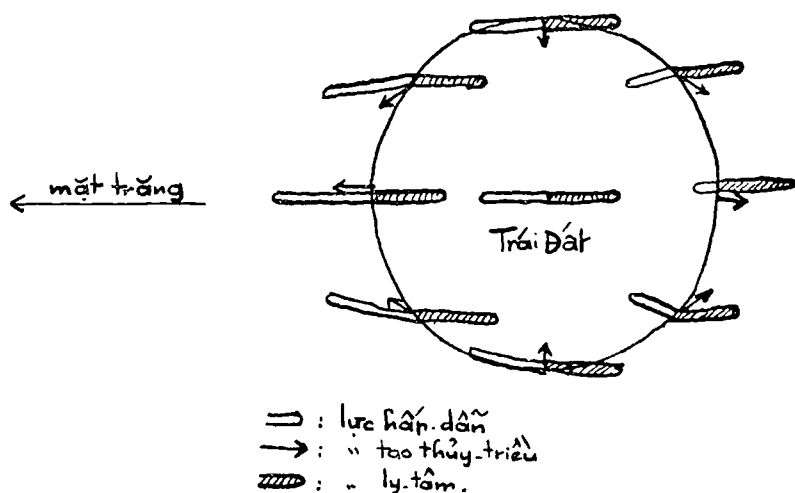
(k là hằng-số hấp-dẫn)

Vì các vị tinh-tú khác ở quá xa trái Đất, nên chỉ có mặt Trời và mặt Trăng là còn cho được một hấp dẫn lực đáng kể lên trên một trọng-khối đặt ở trên mặt Đất. Mặt Trăng tuy nhỏ, nhưng lại ở gần trái Đất nhiều, nên sức hấp-dẫn tương-ứng rõ-rệt lớn hơn của mặt Trời. Newton cho rằng, riêng đối với mặt Trăng chẳng hạn, hấp-dẫn lực của nó sẽ có tác-dụng là làm phồng phần thủy-quyển của trái Đất ở về phía mặt Trăng, hướng về phía mặt Trăng (nghĩa là mực nước cao nhất ứng với lúc mặt Trăng ở Thiên-đỉnh, hay ở trên kinh-tuyến trên một nơi).

Vì so với trọng-tâm chung của hệ-thống trái Đất-mặt Trăng, trái Đất còn có một chuyển-động *tịnh-tiến* tròn bao quanh, nên mỗi chất điểm nước ở trên mặt đất lại còn phải chịu thêm một sức ly-tâm bằng nhau, tương ứng; khiến cho, sau cùng, phần thủy-quyển xuyên-tâm đối còn lại cũng bị làm phồng lên tương-tự.

Đúng ra lực làm phồng 2 phần thủy-quyển nói trên là lực tổng-hợp của 2 lực hấp-dẫn và ly-tâm tại mỗi nơi: bên phía mặt Trăng, lực hấp dẫn chiếm ưu-thế; tình-trạng ngược lại lại xảy ra ở phía bên kia. Tại tâm trái Đất, hai lực Newton và ly-tâm thì đặc-biệt trực đối: (hình 5).

Như vậy, dưới sức hút của riêng mặt Trăng và của sức ly-tâm, thủy-quyển. Trái Đất đã bị phồng lên ở 2 đầu, và dẹp xuống ở những phần còn lại làm 1 góc ở tâm 90^0 với 2 đầu này. Vì trái Đất còn xoay quanh trục của nó nên mỗi nơi ở trên mặt đất, trong 1 ngày, sẽ có 2 lần Triều cao và 2 lần Triều thấp: đó là Triều bán nhật. Vấn đề Thủy triều phồng lên tại 2 đầu đã giải thích thêm được tại sao vào lúc Trăng non (hay không có Trăng) Thủy triều vẫn lớn được.



(Hình 5)

Tuy-nhiên sức tạo ra Thủy-triều của mặt Trời so với mặt Trăng, tuy nhỏ hơn nhưng không phải là không đáng kể (nhỏ hơn $1/2$ sức của mặt Trăng). Đáng khác, khoảng cách mặt Trời-Trái đất lại thay đổi nhiều, so với khoảng cách gần như bất-biến của mặt Trăng-Trái đất. Nên trên thực-tế, hiện-tượng Thủy-triều phức-tạp hơn nhiều; với nhiều chu-kỳ khác nhau và với những lần nước ròng, nước ròng rờ-rệt trong năm, v.v...

2. *Thuyết cộng-hưởng và quán-tính của vật-chất*: — Tính-chất của các sức tạo ra Thủy-triều như thế, đã được biết, và ngay cả được thực-hiện ở trong phòng thí-nghiệm. Duy chỉ có hiệu-quả của chúng ở trên các đại-dương là còn phải được làm sáng tỏ ở một số điểm hệ-trọng.

Thật vậy, cực-đại của sức tổng-hợp sinh ra Thủy-triều do mặt Trăng chẳng hạn, so với trọng-lực còn thật quá nhỏ ($1/9$ triệu của trọng-lực). Thật khó mà dùng giải-thích được trường-hợp của những biên-độ Thủy-triều thực-tế thường lớn như ta đã ghi nhận. Nhất là

đối với các độ cao của Triều lớn hơn 10^m tại một số nơi đặc-biệt mà ta nói ở phần trước.

Ấy là chưa kể tới các trường-hợp « bất thường » của tỷ-số biên độ Thủy-triều một nơi, không giống như đã được tiên-đoán bởi các thuyết Newton và sức ly-tâm (theo 2 thuyết này thì lẽ ra cao-độ của 2 lần Triều lớn trong một ngày ở xích đạo phải tương-đương nhau, và phải rất khác biệt tại các vĩ-độ khác).

Về giờ Triều lớn tại một nơi trên mặt đất cũng có sự chậm trễ ít, nhiều (có khi tới vài tiếng đồng-hồ) so với lý-thuyết.

Và ngoài ra, còn một số điểm khúc-mắc nữa, mà ta không thể liệt-kê cả ra ở đây.

Để có thể giải-thích được các sự « bất thường » về cao độ, người ta đã phải viện tới thuyết Cộng hưởng. Áp-dụng của thuyết này (đề nghị bởi Harris) cho thấy kích-thước (hình-dạng) của vũng biển và đại-dương ảnh-hưởng rõ-rệt trên biên-độ Thủy-triều. Vì theo Fourier thì Thủy-triều, một hiện-tượng gần như tuần-toàn, có thể được phân ra làm nhiều ba-động thành-phần (hòa-ba) có chu-kỳ khác nhau: kích-thước của vũng biển và đại-dương sẽ chỉ làm khuếch-đại riêng biên-độ của một số chu-kỳ (sóng) nào có độ dài sóng thích-hợp, còn thì làm tiệt-dảm rõ-rệt các chu-kỳ (sóng) khác. Sự việc này cũng giúp ta hiểu được tại sao sự phân-phối của các loại Thủy-triều lại quá phức-tạp ở trên mặt địa-cầu

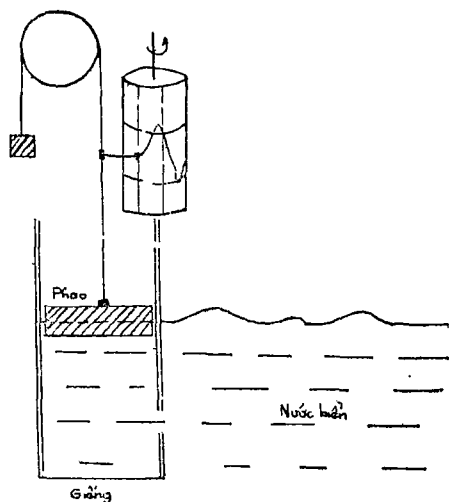
Còn về các hiện-tượng Triều trễ, người ta ngày nay cũng đã cắt-nghĩa được nhờ ở quán-tính của các vật thể. Luật quán-tính nói rằng: bất cứ vật nào, khi có một trọng khối, đều không có phản-ứng tức-thời đối với mọi sự di-chuyển. Mà thuyết Newton lại không có nghĩ tới điều đó.

Trước khi đề-cập tới phần khác, ta nên ghi thêm lại đây rằng: Laplace. áp-dụng phép phân-tích ra hòa-ba của Fourier, đã coi Thủy-triều như kết-hợp bởi các Triều thành-phần chính khác nhau như: M_2 (nguyệt-triều bán-nhật chính), S_2 (nhật-triều bán-nhật chính), K_1 (nguyệt-

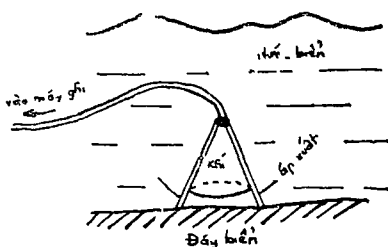
nhật-triều toàn-nhật), O_1 (nguyệt-triều toàn-nhật chính), v.v... Và hệ-số phân-loại Triều, F , của Vander Stok ấn-định: Triều bán nhật khi $F < 0,25$; toàn-nhật khi $F > 1,5$ và hỗn-hợp khi $0,25 < F < 1,5$.

Máy ghi Thủy-triều, hay máy Triều ký:— Để có thể khảo-sát một cách liên-tục hiện-tượng Thủy-triều tại một nơi, người ta đã nghĩ ra các máy Triều ký. Các máy này thường được đặt tại ven biển, tuy-nhiên gần đây người ta đã tìm cách cải biến để có thể đặt được ở ngoài khơi.

Về nguyên-tắc, đại-để có 2 loại chính, thường dùng (hình 6):



a) Máy ghi trực-tiếp



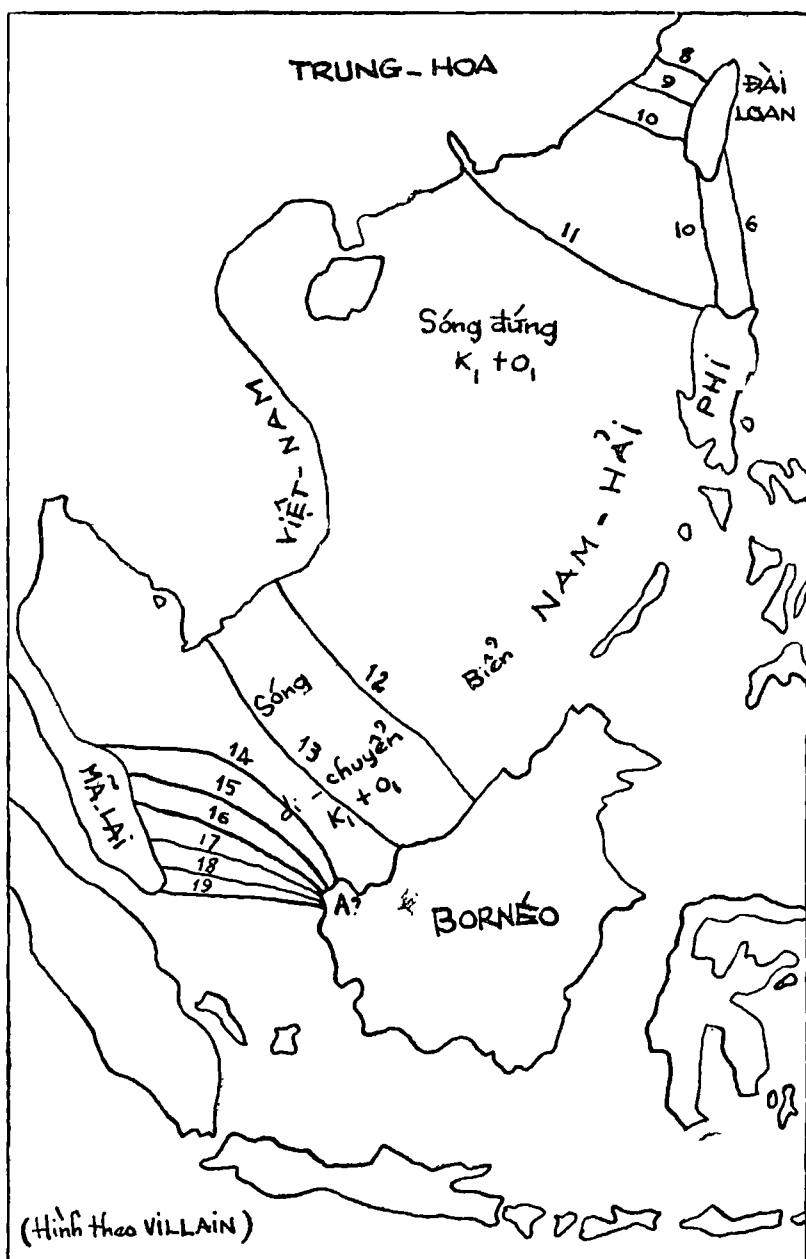
b) Máy ghi gián-tiếp

MÁY TRIỀU-KÝ

(Hình 6)

- Loại trực-tiếp ghi sự thay đổi của mực nước Thủy-triều và
- Loại ghi gián-tiếp độ biến-đổi của mực nước này.

Ở loại đầu, nước biển được dẫn vào một cái giếng (nhờ 1 cái lỗ kích thước tính trước) trong đó có thả sẵn một phao nổi. Độ



Sóng TRIỀU trong Biển Nam-hải
(Hình 7)

di-chuyển thẳng đứng của p'ao sẽ cho biết ngay độ biến đổi của mực nước Thủy-triều ở b'ên ngoài. Một máy đồng-hồ được dùng để điều-khển hoạt-động quay của trục giấy ghi.

Trong loại sau sự thay đổi độ cao của mặt biển được diễn tả qua trung gian của sự biến-thiên áp-xuất của một chất khí bị giam-hãm ở trong một cái chuồng, được ngâm sâu ở trên mặt đáy biển.

Vấn đề tiên đ'ầu hiện-tượng: — Phép phân-tích ra các sóng thành phần (hay hòa-ba) của Fourier đã là căn-bản cho việc tiên-đoán Thủy-triều tại một nơi. Để áp-dụng, người ta phải có trước các tài-liệu ghi được về Thủy-triều nơi đó, suốt trong một thời-kỳ nhiều năm, rồi dùng tính ra một số hằng-số điều-hòa chính, cần-thiết. Ngày nay máy Tide Predictor của Lord Kelvin đã giúp đắc-lực các chuyên-viên trong các phép tính lẽ ra rất phức-tạp này.

IV.— Thủy-triều tại duyên-hải Việt-nam :

1. *Triều tại Biển Nam-hải:* — Nói chung thì Triều ở Biển Nam-hải khá phức tạp. Theo Villa'n thì sóng toàn-nhật ưu thế, $K_1 + O_1$, là sóng đứng tại phần Bắc và Trung của Biển; sóng này trở nên di-chuyển trong miền giữa Nam Việt-nam và đảo Bornéo. Sóng bán nhật M_2 cũng là sóng đứng tại phần Bắc và Trung của Biển, tuy-nhiên tầm quan-trọng của sóng ở phần Trung tương-đối kém.

Biên-độ đặc-biệt lớn của Triều toàn-nhật, nói riêng, tại cửa sông Hải-phòng chắc-chắn là do ở sự cộng hưởng của Vịnh Bắc-Việt với sóng Triều K_1 (hình 7).

2. *Sự phân-phối các loại Triều dọc theo duyên-hải Việt-Nam, với các đặc-tính:* — Từ Bắc xuống Nam, dọc theo duyên-hải Việt-Nam, các loại Triều ưu-thế thay đổi từ toàn-nhật, qua hỗn-hợp, tới hỗn-hợp thiên nhiều về bán-nhật. Triều ở Bắc và Trung-Việt không hoàn-toàn có dạng đường « sin ».

Biên-độ trung-bình lúc nước hơn, và loại triều ưu-thế, tại một số nơi ven biển Việt-Nam, theo vĩ-độ thoái dần, được liệt-kê ở trong bảng sau (Trích trong Niên-giám Thủy-triều của Sở Thủy-đạo Pháp) :

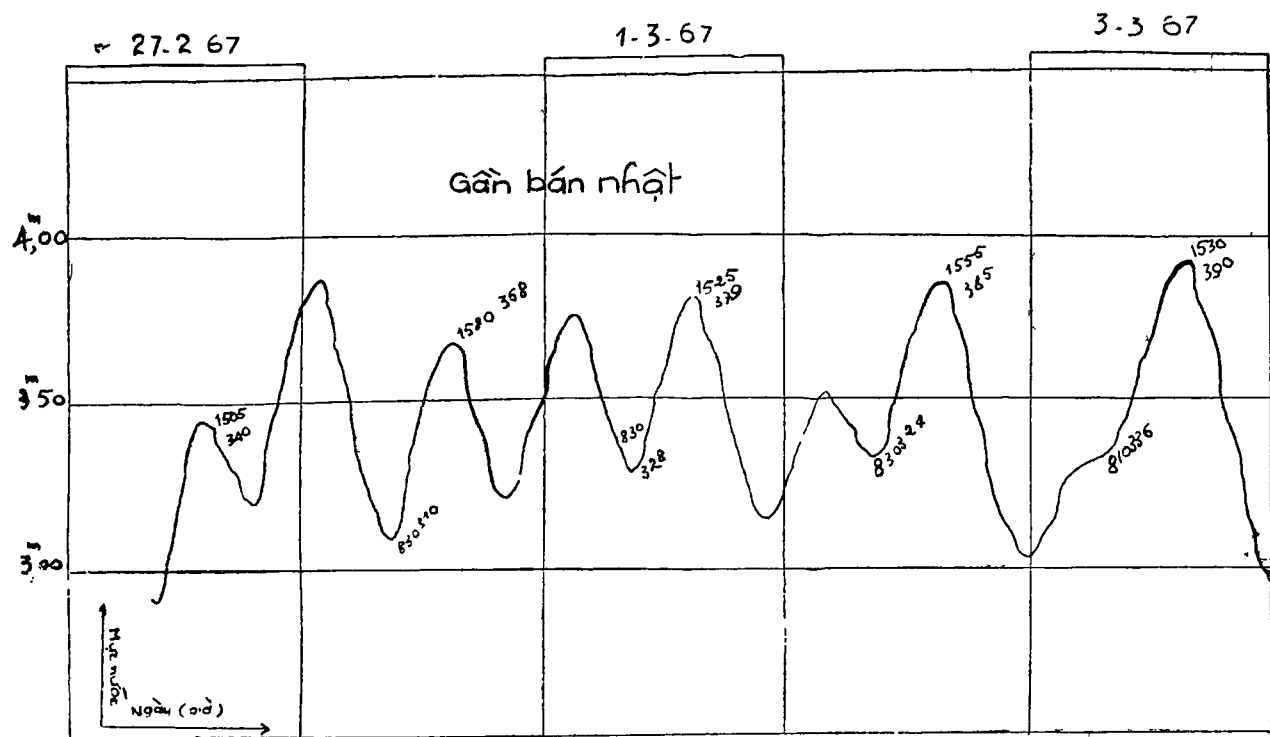
N Ơ I	Biên độ trung-bình nước ròng	Loại Triều ưu thế
Cầm-phả	3 ^m 0	Toàn nhật Toàn nhật
Hải-phòng	3, 1	
Đồ-sơn	3, 0	
Vinh	2, 5	Hỗn-hợp
Đà-nẵng	1, 0	
Quy-nhơn	1, 4	
Nha-trang	1, 4	— nt —
Cam-ranh	1, 5	— nt —
Cà ná	1, 6	— nt —
Sài-gòn	3, 0	Hỗn-hợp (b. n. có t. n. không đều)
Vũng-tàu	3, 3	— nt —
Hà-tiên	0, 8	
Côn-sơn	3, 3	

Ta nhận thấy tại miền Bắc và Nam Việt-nam (trừ Hà-tiên) biên-độ lớn, một phần thích-hợp với luật về thềm lục-địa rộng và về cửa sông; còn ở miền Trung biên-độ có trị-giá trung-bình, cũng hợp với luật về bờ biển thẳng (hình 8) mà ta đã nói ở trên.

Riêng ở miền Bắc, nơi Triều toàn-nhật chiếm ưu-thế, Triều cao nhất không ứng vào lúc các Phân điểm, mà vào lúc các Chí điểm; Nước kém xảy ra khi mặt Trăng ngang qua xích-đạo (độ xích-vĩ cực-tiểu).

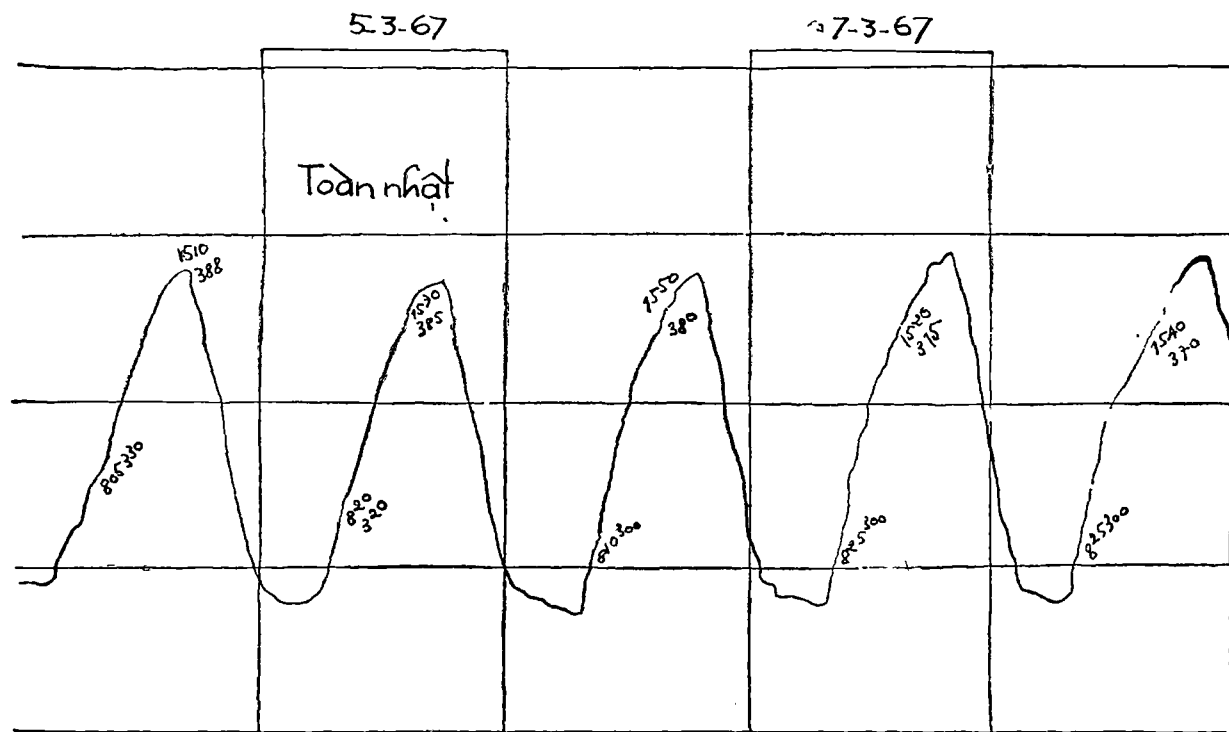
3. Vài kết-quả mới về Thủy-triều Việt-nam :

Viện Hải-học Nha trang, với sự phối-hợp của Sở Hàng-hà



(Hình 8)

THỦY-TRIỆU NHATTRANG
1967



(Hình 8)

Saigon, vào năm 1965*, đã thực-hiện một cuộc khảo-sát một số đặc-điểm của Thủy-triều Việt-nam, căn-cứ trên các tài-liệu ghi nhận được trong mấy năm gần đây tại 1 số các trạm Triều-ký đang hoạt-động dọc theo duyên hải.

Dưới đây là vài kết-quả thăm-lượng được đáng lưu-ý :

— Mức cao trung-bình của mặt biển dọc theo duyên-hải: nói chung, có 2 cực-đại vào đầu và cuối mỗi năm, và một cực-tiểu ở khoảng giữa. Dạng biển-thiên này giống như dạng chung ở miền Tây Thái-bình-dương. Ảnh-hưởng của gió trong năm trên mức nước rất có thể có (ví-dụ: về mùa Đông và Xuân, gió từ Đông-Bắc tới, dưới tác-dụng của sức Coriolis rất có thể tạo ra một sự dồn nước từ ngoài khơi vào bờ v.v.).

— Giờ Triều tại Nha-trang, trung-bình có thể trễ 35 phút so với giờ tiên-đoán bởi Niên-Giám Thủy-triều Pháp hiện nay.

— Giờ Triều tại Qui-nhơn thường sớm hơn ở Nha-trang chừng 40 phút (trong khi Niên-giám trên phông tính là như nhau). Do vậy, rất có thể là sóng Triều di-chuyển đã có thể bắt đầu xuất-hiện từ một vĩ-độ cao hơn của Nha-trang (coi lại phần Triều tại Nam-hải của Villain, ở trên).

V.— Vài ích-lợi của hiện-tượng Thủy-triều :

Thủy-triều là một hiện-tượng thiên-nhiên thường-trực vừa có lợi, vừa có hại cho nhân loại. Kể về những tai-hại, ta có thể nói như: gây sóng lớn mỗi lúc Triều lên làm khó khăn một phần cho sự giao-thông trên mặt biển của các tàu nhỏ nhất là tạo nên hiện tượng Mascaret ở một số cửa sông lớn; dễ làm cho tàu lớn bị mắc cạn ở gần bờ mỗi khi Triều xuống; giúp thêm sóng biển trong việc làm soi mòn 1 số bờ biển; v.v... Tuy-nhiên, các ích-lợi loài người được hưởng tương-đối nhiều hơn, đại để:

— Giúp ta lưu-thông xa hơn được ở những nơi cạn, nếu biết lợi dụng đúng lúc Triều lên.

* Coi bài khảo-cứu nhan đề *Sơ-khảo về Thủy-triều tại duyên-hải V.N.C.H.* của Trần-đăng-Đại (1965).

— Giúp ta dễ-dàng thâm-nhập biển cả xa hơn, mỗi khi Triều xuống, để tăng phần năng-suất thu-hoạch ngư-nghiệp ven bờ.

— Tạo nên một số loại sinh-vật mới sống giữa 2 mực Triều.

— Và gần đây, cung-cấp thế-năng dùng cho kỹ nghệ tại một số nơi thuận-tiện (chạy máy bơm, máy xay, máy phát-điện: chương-trình nhà máy Thủy điện sông Rana. Nói riêng, Thủy-triều rất quan-hệ trong các công-cuộc khảo-cứu Hải-sinh-vật học.

VI.— Kết-luận :

Thủy-triều là một hiện-tượng thiên-nhiên, tuần-hoàn, phức tạp ; được sinh ra do sức hấp-dẫn vũ-trụ giữa các vật-chất, và sức ly-tâm ; được khuếch-đại bởi sự công hưởng, và chịu ảnh hưởng trở nãi của quán-tính vật-chất. Triều được xếp theo ba loại chính tùy theo chu-kỳ ưu-thế và có thể được coi như khối sự dưới dạng sóng đứng. Lúc Triều lên và Triều xuống đều có tạo ra một loại hải-lưu riêng, gọi là dòng Triều ; dòng Triều thuộc loại hải-lưu mạnh, nhưng phương, chiều và cường-độ lại thay đổi theo thời-gian.

Thủy-triều vừa đem ích-lợi, vừa gây tai-hại cho nhân-loại ; nói riêng Triều cung cấp cho nhân-loại một lượng thế-năng khổng-lồ, hữu-ích nếu ta biết cách khai-thác.

Người ta nghiên-cứu Thủy-triều một cách thường-trục bởi các máy Triều-ký, và có thể tiên-đoán được hiện-tượng dựa trên phép phân-tích ra hòa-ba Fourier và nhờ ở việc xử-dụng máy Tide Predictor của Kelvin.



SÁCH CÓ THỂ DÙNG ĐỂ THAM-KHẢO THÊM :

1.— Cours *Océanographie : Hydrologie des océans et des mers* của A. Guilcher, Giáo-sư Văn-khoa Đại-học Ba-Lê (1957).

2.— Bài giảng về *Thủy-học các đại-dương*, của Nguyễn-Hải, dùng cho các Đại-học Văn-khoa và Sư-phạm Saigon (1964-67).

3.— *Sơ-khảo về Thủy-triều tại Việt-nam Cộng-hòa*, của Trần-đăng-Đại Tiểu-luận Cao-học, Đại-học Văn-khoa Saigon (1965) (dưới sự bảo trợ của Ô. Nguyễn Hải).

4.— *The Ocean*, của Sverdrup, Johanson và Fleming; Nữu-uớc (1954).

5 — *La Mer* (1939); *Physique des mers* (1941); *Traité d'Océanographie physique* (1943-48), của Rouch.

6.— *Physical Oceanography*, của A Defant (1961).



Danh-từ chuyên-môn đối-chiếu VIỆT, PHÁP :

Thủy triều : <i>Marée</i> (n.) <i>océanique</i>	Hải-lưu : <i>Courant marin</i>
Tuần-hoàn : <i>Périodique</i> (a)	Nút (vận-tốc) : <i>Nœud</i> (n.)
Chu-kỳ : <i>Période</i> (n)	Hấp-dẫn lực : <i>Force d'attraction</i>
Biên-độ : <i>Amplitude</i> (n)	Lực ly-tâm : <i>Force centrifuge</i>
Độ chênh mực : <i>Marnage</i> (n.)	Trọng-khối : <i>Masse</i> (n.)
Bán-nhật : <i>Semidiurne</i> (a)	Thủy-quyển : <i>Hydrosphère</i> (n.)
Toàn-nhật : <i>Diurne</i> (a.)	Thiên-đỉnh : <i>Zénith</i> (n)
Hỗn-hợp : <i>Mixte</i> (a)	Kinh-tuyến : <i>Méridien</i> (n.)
Nước lớn, Triều cao : <i>Pleine mer,</i> <i>haute mer.</i>	Trọng tâm : <i>Centre de gravité</i>
Nước nhỏ, Triều thấp : <i>Basse mer</i>	Tịnh-tiên tròn : <i>Translation circulaire.</i>
Công-thức : <i>Formule</i> (n.)	Chất điểm : <i>Point matériel</i>
Nước hơn : <i>Vive-eau</i> (n)	Xuyên-tâm đối : <i>Diamétralement op-</i> <i>posé.</i>
Nước kém : <i>Morte-eau</i> (n.)	Trực đối : <i>Directement opposé</i>
Thềm lục-địa : <i>Plateau continental</i>	Cộng-hưởng : <i>Résonance</i> (n)
Điểm giao-hội : <i>Conjonction</i> (n)	Quán-tính : <i>Inertie</i> (n)
Điểm xung đối : <i>Opposition</i> (n.)	Trọng-lực : <i>Pesanteur</i> (n.)
Điểm Sóc-vọng : <i>Syzygie</i> (n.)	Bất thường : <i>Anomalie</i> (n.)
Tròn, non (Trăng) : <i>Pleine, nouvelle</i> <i>(Lune).</i>	Vũng : <i>Bassin</i> (n.)

Vuông góc nhau : *En quadrature*
 Thượng, hạ tuần : *Premier, dernier quartier.*
 Sóng đứng : *Onde stationnaire*
 Sóng di-chuyển, tiệm tiến : *Onde progressive*
 Ba-động : *Ondulatoire (a)*
 Tổng-hợp : *Résultant (a)*
 Giao-động : *Oscillation (n)*
 Đường nút : *Ligne nodale*
 Phân-tử : *Molécule (n)*
 Phương : *Direction (n.)*
 Chiều : *Sens (n)*
 Đường đẳng giờ : *Ligne cotidale*
 Dòng Triều : *Courant de marée*
 Dòng Triều dâng (lên) : *Courant de flot.*
 Dòng Triều rút (xuống) : *Courant de jusant.*
 Vận-chuyển : *Mouvement (n.)*
 Di-chuyển, rời chỗ : *Déplacement (n.)*
 Quay : *Rotatif (a)*
 Đổi chiều, thay chiều : *Alternatif (a.)*

Hòa-ba : *Harmonique (n.)*
 Điều-hòa : *Harmonique (a)*
 Độ dài sóng : *Longueur d'onde*
 Triều trễ : *Retard de la marée*
 Phản-ứng : *Réaction (n)*
 Máy Triều-ký : *Marégraphe (n)*
 Tiên-đoán : *Prédire (v.), Prédiction (n).*
 Đường « sin » : *Sinusoidé (n.)*
 Niên-giám : *Annuaire (n.)*
 Sở Thủy-đạo : *Service Hydrographique*
 Sở Hàng-hà : *Service de la Navigation fluviale.*
 Viện Hải-học : *Institut Océanographique*
 Phân điểm : *Equinoxe (n.)*
 Chí điểm : *Solstice (n)*
 Xích-vĩ : *Declinaison (n.)*
 Mức cao trung-bình : *Niveau moyen*
 Giữa 2 mực Triều : *Intertidale (a.)*
 Thế năng : *Energie potentielle.*



thử tìm hiểu về

LŨY TRƯỞNG - DỤC

và

LŨY ĐỒNG - HỐI

▼ Bà và Ông TRẦN ĐĂNG-ĐẠI

I.— NGUYÊN NHÂN XÂY LŨY :

Sau khi Nguyễn-Uông, anh Nguyễn-Hoàng, bị Trịnh-Kiểm (1) kiếm chuyện giết đi, Nguyễn Hoàng sợ Trịnh-Kiểm lại sẽ có ý ám-hại mình, mới cho người ra Hải-Dương hỏi ý-kiến Ông Nguyễn-bình-Khiêm (2) Ông ấy bảo rằng “Hoành sơn nhất đá, vạn đại dung thân :”

(Một dãy Hoành-sơn kia (3) có thể yên thân được muôn đời) nên Nguyễn-Hoàng mới nói với chị là Ngọc-Bảo xin Trịnh-Kiểm cho vào trấn phía Nam.

(1) *Trịnh-Kiểm* là con rể Nguyễn-Kim, vợ là Ngọc-Bảo, anh rể Nguyễn-Uông và Nguyễn-Hoàng.

(2) *Nguyễn-bình-Khiêm* làm quan nhà Mạc, được phong là Trình-quốc-công cho nên mới gọi là Trang-Trình, sau về trí-sĩ ở làng Trung-An, huyện Vĩnh-Lại, tỉnh Hải-Dương.

(3) *Hoành-Sơn* là dãy núi ngang. Đầu niên-hiệu Gia-Long đặt dinh Quảng-Bình lấy núi này làm giới-hạn: nửa núi ra phía Bắc thuộc tỉnh Hà Tĩnh, nửa núi vào phía Nam thuộc tỉnh Quảng-Bình (dẫn theo *Đại Nam Nhất Thống chí. Tỉnh Quảng Trị và Tỉnh Quảng Bình, do Tu-Trai Nguyễn Tào dịch*, Saigon, Nha Văn-Hóa, bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản, 1961, trang 118).

Năm Mậu-Ngọ (1558), Trịnh-Kiểm tâu vua Lê Anh-Tôn cho Nguyễn-Hoàng vào trấn Thuận-Hóa. Từ khi Nguyễn-Hoàng về Thuận-Hóa rồi, bề ngoài tuy chưa ra mặt chống với họ Trịnh, nhưng bề trong hết sức lo sợ phòng bị. Xem như năm Quý Sửu (1613), khi Nguyễn Hoàng sắp mất, gọi người con thứ sáu là Nguyễn-phúc-Nguyên vào dặn rằng: «Đất Thuận, Quảng này bên Bắc thì có núi Hoành-Sơn, sông Linh-Giang, bên Nam thì có núi Hải-Vân và núi Bi-Sơn, thật là một nơi trời để cho người anh-hùng dụng-võ, vậy ta phải thương yêu nhân dân, luyện-tập quân-sĩ để mà gây dựng cơ-nghiệp về muôn đời». (1)

Miền Nam, tuy có nhiều sông, nhưng sông không giao-thông với nhau, lòng sông thường có cồn cát, thuyền bè đi lại hay bị ngừng trệ, cho nên thủy-quân không thể bành-trướng như ngoài Bắc, có nhiều sông to lại có kinh đào liên-lạc. Vì vậy nhà Nguyễn chú-trọng đến việc mở mang lục quân và kiến-thiết các đồn ải.

Năm Đinh Mão (1627) Nam, Bắc khởi cuộc binh-đao. Ngoài Bắc lúc này Trịnh-Tráng cầm quyền được rồi-rãnh vì bấy giờ nhà Minh bên Tàu đang chống nhau với nhà Thanh, và họ Mạc ở Cao-Bằng đã về hàng nên mới nghĩ tới việc đối phó với miền Nam. Trịnh-Tráng sai quân vào Thuận-Hóa mượn tiếng vua Lê đòi tiền thuế từ ba năm về trước. Chúa Sãi, Nguyễn-phúc-Nguyên, tiếp sứ nhưng không chịu nộp thuế. Trịnh-Tráng lại sai sứ mang sắc vua Lê vào dụ Chúa Sãi cho con ra châu và nộp 30 con voi cùng 30 chiếc thuyền để đưa đi cống nhà Minh, Chúa Sãi lại cũng không chịu. Trịnh-Tráng thấy vậy, bèn quyết ý đánh họ Nguyễn; sai Nguyễn Khải và Nguyễn-danh-Thế đem 5000 quân đi làm tiên-phong vào đóng ở xã Hà-Trung (tục gọi là Cầu Doanh) rồi đem đại binh, rước vua Lê đi đánh. Các tài-liệu (2) đều có chép là vào năm 1627, hai bên Trịnh-Nguyễn

(1) Theo Lê-Thần TRẦN TRỌNG KIM, *Việt-Nam Sử-Lược*. Saigon, Tân Việt, in lần thứ năm 1954, tr 293-294.

(2) *Cương-mục*, quyển XXXI, tờ 23b; *Thực-lục*, quyển II, tờ 11a; *Liệt truyện*, quyển II, tờ 3a.

dàn quân trên tả-ngạn sông Nhứt-Lệ, tức sông Đồng-Hới, giới-hạn bởi một bức lũy (1). Bên Nguyễn, chưa kịp chuẩn-bị, nên bị chết hại rất nhiều. Bọn Nguyễn-hữu-Dật (miền Nam) vì vậy phải đặt kế phao rằng ở Bắc có Trịnh-Gia, Trịnh Nhạc (có họ với Trịnh-Tráng) sắp làm loạn. Trịnh-Tráng nghe tin ấy trong bụng sinh nghi, không biết thực hư thế nào, bèn rước vua và rút quân về Bắc,

Thế là, sau cuộc đụng độ đầu tiên với chúa Trịnh, nhận thấy lực-lượng hùng hậu của địch-quân, Sãi-vương càng phai nghĩ đến việc phòng-thủ cũng là tạo lập thêm đồn lũy ở các nơi hiểm yếu để ngăn quân địch.

«Tại cửa ngõ vào miền Nam và sát cạnh ngay miền Bắc, theo lời linh-mục Alexandro de Rhodes, có một hải-khẩu thường gọi là Cửa Sài (2) là nơi mà các chiến thuyền nhà Trịnh muốn vào đất địch (đất Nguyễn) tất phải qua» (3) Cho nên Cửa Sài và vùng phụ-cận là một nơi hiểm-yếu mà người Bắc bao giờ cũng cố gắng đề cướp lấy, và người Nam bắt buộc phải giữ-gìn. Chính trong thời-kỳ này Sãi-Vương đã cho xây hai lũy Trường-Dục và Đồng-Hới.

Văn bia ở đò Cầu Dài (4) đã chép việc này như sau :

«Mùa xuân, tháng hai, năm Canh-Ngọ (1630) nhằm năm thứ 17,

(1) Bức lũy này chỉ là một tác-phẩm tạm thời và không quan trọng vì tất cả các công-trình phòng-thủ kiên-cố như lũy Trường-Dục hoặc Đồng-Hới do Đào-duy-Từ xây-dựng đều thành-hình sau trận-chiến năm 1627 là trận giao-phong đầu tiên giữa hai họ Trịnh-Nguyễn.

(2) Cửa Sài tức là cửa sông Đồng-Hới.

(3) Trong Tunchinensis historia libri duo..., II, p. 32-33 Authore P. Alexandro de Rhodes; dẫn theo L. Cadière, *Le mur de Đồng-Hới, Etude Sur l'établissement des Nguyễn en Cochinchine*; in : BEFEO, Tome VI, 1906, p. 131.

(4) Văn bia ở đò Cầu Dài do Thiệu-Trị cho dựng lên năm 1842.

đời Hi-Tôn Hiếu-Văn Hoàng-Đế (Sãi-Vương) Nội tán (1). Đào-đuy Từ tâu cùng vua rằng: «Phàm mưu-đồ sự-nghiệp vương-bá, cốt-yếu là phải tìm cách vạn toàn. Cồ-giả có câu: «không chịu khó nhọc một phen thì không được thông-thả lâu dài, không chịu tốn kém một lần thì không được yên ổn mãi-mãi» (2). Thần xin đem quân dân hai trấn (3) ra đắp Trường Lũy, chạy từ núi Trường-Dục xuống đến phá (4) Hạc-Hải, nhân theo địa-thể hiểm-yếu mà đặt đồn lũy đề củng-cố biên-phòng, quân địch dù có kéo đến cũng không thể làm gì chúng ta được». Chúa bèn nghe theo và sai làm ngay lũy Trường-Dục» (5) .

Mùa thu, tháng tám, năm Tân-Vị (Tân Mùi) (1631) nhằm năm thứ 18 đời chúa Sãi-Vương, Đào-đuy Từ lại xin Chúa cho đi xem xét hình thế núi sông (6). Đến khi về, Duy-Từ tâu lên cùng chúa rằng:

«Thần đã quan-sát thấy từ cửa biển Nhứt-Lệ, cho đến núi

(1) *Nội tán*: chức nội tán không thấy ghi trong quan chế đời các chúa Nguyễn. Song xét theo văn-mạch trong *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, quyển thứ nhì, tờ 25b ghi là Nội tán Đào-đuy Từ, ta có thể cho rằng chức nội tán là một chức riêng mà Chúa Sãi đặc-ban cho Đào-đuy-Từ.

(2) Nguyên văn là: *Bất nhứt lao, bất cửu đạt, bất tạm phi, bất vĩnh ninh.*

(3) *Trấn*: Văn-bia Đò Cầu Dài và *Đại-Nam thực lục tiền-biên*, quyển thứ nhì, tờ 16a, chép là Trấn. Nhưng *Liệt truyện* chép là xứ, thì sát hợp hơn, vì danh xưng thời bấy giờ vẫn gọi Nam-hà là xứ.

(4) Phá: Hồ lớn, cửa ăn thông ra biển, những lúc hạn hán, có khi cạn, nước thường mặn.

(5) So-sánh với *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, quyển II, tờ 15b, 16a và *Đại-Nam liệt-truyện tiền-biên*, quyển III, tờ 13a-b, chúng ta thấy văn-bia khác rất ít và có chỗ chép giống *Thực-lục*, có chỗ lại chép giống *Liệt-truyện*.

(6) Theo *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, quyển II, tờ 20a chép là Đào-đuy Từ vâng lệnh Chúa Sãi cùng đi với Nguyễn hữu Dật trong công việc này.

Đầu Mầu (1): ngoài có khe sông chảy trên đất bùn sinh lầy, nhân theo đó mà làm hào-hổ, trong đắp rặng lũy mới thì thể hiềm-yếu của nó hơn thập bội lũy Trường-Dục». Chúa Sãi thuận và sai Đào duy Từ làm (2).

(1) Đầu Mầu là tên gọi thông dụng, nhưng sách chép là Đầu Mâu. *Đại-nam Nhất-thống chí*; *tỉnh Quảng-Trị và Quảng-Bình* do Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Saigon, Nha Văn-Hóa, bộ Q. G. G. D., xuất bản, 1961, trang 107 giải-thích như sau: núi Đầu-Mâu ở phía tây huyện Phong-Lộc 22 dặm, tọa lạc xã Lệ-Kỳ. Núi gò trùng-diệp, cây cối sâm uất, hùng vĩ cao nhon, hình núi như mào đầu mâu [mào của chiến-trượng, xưa gọi là mào trụ, đời Tần gọi là Đầu Mâu, xưa làm bằng da, sau làm bằng sắt (Tư-Nguyên)] nên gọi tên ấy. Lục truyền bên núi có giếng, ở trong giếng có con cá dị-kỳ, chân núi gối sông Nhứt-Lệ, hay sinh cua đá.

(2) Trong bài: *Một nhà thơ lục-bát cổ nhất, Đào duy Từ (1572-'634) sinh bình và văn thơ*, giáo sư Phạm-văn Diêu, nơi trang 919-920, số 63 (tháng 8/1961) *Văn-hóa nguyệt-san*, đã viết: *Chúa Sãi rất lấy làm khó mà không nghe theo, Duy Từ bèn xưng bệnh, mượn lời ngậm vịnh để khuyên răn, từ ý rất khôn-thiết, và chú-thích cùng dẫn giải rằng: Trong Việt-Hán văn-khảo, ông Phan-kế Bình có chép một bài thơ Đường luật bát cú của Đào duy Từ: Nhà là lá, cột là tre và cho là có «chủ-ý cốt nói cảm-động lòng chúa».* Ta nay xét từ ý bài thơ ấy:

*Nhà là lá, cột là tre,
Ngày tháng an nhàn được chỗ che,
Màn vải thưa giăng ngăn muỗi bọ
Giàu cây kín đáo giữ ong ve
Cơm ba bữa, chuồng rau cùng muối
Thủ bốn mùa ra rượu với chè
Muốn việc thoả tình chẳng ước mồn
Ước tôi hay gián, chúa hay nghe*

thì thấy rất sát hợp với hoàn-cảnh trên, nên có thể tin chắc rằng bài *Nhà là lá, cột là tre* ắt làm trong giai-đoạn này.

Theo ông Khái-sinh Dương Tự Quán, trong sách *Đào-duy Từ Tiểu-sử và thơ văn*, sách đã dẫn, thì bài trên làm ra sau khi lũy Trường-Dục đã được hoàn-thành và trong trường-hợp Từ yêu-cầu chúa Sãi tì n quân đánh Trịnh và vì lẽ không được toại-nguyện nên mới soạn ra bài thơ ấy.

Ta không rõ soạn-giả đã căn-cứ vào đâu mà chép thế. Tuy nhiên có điều chắc là ta không thấy *Đại-Nam liệt-truyện tiền-biên* cũng như *Đại-Nam thực lục tiền biên*, tức những bộ sử chính, đang tin cậy hơn cả, đều không đã động gì đến việc ấy. Vả chẳng, từ-ý bài thơ lại không liên-hệ gì với việc đánh Trịnh, nó chưa phải là một tâm-lý thiết tha của Từ lúc bấy giờ. Điều nhận xét này càng làm cho luận điểm trên vững chắc hơn.

II.— TIỂU-SỬ TÁC-GIA HAI LỮ TRƯỜNG-DỤC VÀ ĐỒNG-HỚI, ĐÀO-DUY TỪ (1572-1634)

Trước khi chúng ta xét công-trình từng chi-tiết một, tưởng chúng ta cũng nên biết qua tay thợ đã dựng nên.

Văn-bia ở đền Cầu Dài có chép sơ lược, nhưng Đại-Nam liệt-truyện tiền biên và Đại-nam thực lục tiền-biên thì chép rõ ràng hơn và còn cho chúng ta biết thêm nhiều biến cố quan-trọng xảy ra hoặc trước hoặc đồng thời với công-trình kiến-trúc hai lữ.

Đào duy Từ, sinh-năm 1572, người làng Hoa-Trai, huyện Ngọc-Sơn (nay là phủ Tĩnh-Gia), tỉnh Thanh-Hóa. Thân-sinh Từ là Đào-tá-Hán, làm nghề xướng ca (1). Từ sinh ra thông-minh đĩnh-ngộ khác thường, đã tinh thông kinh-sử lại sở trường về thơ văn; ngoài ra, lại còn hiểu rõ lý số và binh-pháp, binh-thu.

Mùa thu năm 1592, Bình-An-Vương Trịnh-Tùng mở khoa thi hương. Từ mới 21 tuổi cũng nộp quyền ứng-thí, song quan trường cho là con nhà « xướng-ca vô loại » và chiếu theo luật-lệ thời đó, không nhận quyền (2). Nuốt hận, Từ trở về nhà, không nản chí vẫn cố gắng học-hành, chờ cơ hội khác lập thân. Khốn nỗi, cha mẹ mất sớm, nhà lại nghèo, không sẵn tiền để tìm thầy học riêng. Mãi rồi về sau Từ cũng xin vào học được tại trường

(1) *Hán, do chân Quân-Giáp trong nghề hát, thăng dần lên chức Linh-Quan, coi đội nữ-nhạc trong nội khoảng triều Lê-Anh-Tông (theo Khái-Sinh DƯƠNG TỰ QUÁN, Đào Duy Từ, Tiểu-sử và thơ văn, Hà-nội, Đông tây Thư quán, 1944, trang 11, chú 1).*

(2) *Sách Việt nam Khai-quốc chí truyện của Bàng-trung-hầu NGUYỄN KHOA-HIỀM chép rằng: Quan-trường xét ra Từ là dòng dõi phường chèo, chiếu trong lễ-luật không được ứng-cử, bèn không nhận quyền, bắt phải trở về với cái nghề « vô loại » (theo Khái-Sinh DƯƠNG TỰ-QUÁN, sách đã dẫn, chú 1, trang 12).*

Chiêu-văn Quán (1) mở tại Đông-Kinh (Hanoi). Tiền học đồ phải lo, song lại khổ về thiếu ăn, thiếu mặc. May sao, Từ có bạn kết nghĩa là Lê-thời Hiến (quán làng Phú-Hào, huyện Lôi-Dương, tỉnh Hải-Dương) vì quý mến tài đức của Từ mà hết sức tư-trợ cho Từ.

Giữa hồi này, đất nước lọt vào thế lực của hai họ: Trịnh ở ngoài Bắc, Nguyễn ở trong Nam, vua Lê chỉ là hư-vị. Từ nhận thấy chúa Trịnh không biết tôn-hiền đãi-sĩ lại ý-quyền lấn áp vua Lê, nên không phục. Lúc ấy, Từ lại được tin con thứ sáu của Nguyễn Hoàng là Nguyễn Phúc-Nguyên (tức Sãi Vương) lên kế-nghiệp, có lòng thương dân, yêu chuộng kẻ hiền-sĩ, nhiều người hào-khiet đều theo về. Từ bèn quyết chí vào Nam (2) Ý-định này của Từ còn được ghi rõ ở *Tang-Thương Ngẫu-lục* trong lời Từ nói với Lê-Thời-Hiến trước khi chia tay vào Nam là: « Tôi nghe xứ Quảng-Thuận đất hiểm mà dân giàu, vị chúa ở đây lại biết đãi người một cách nhún-nhường, đó là tư cách của bậc bá-vương. Nếu ta đến theo, rồi đem mưu-kế thuyết cho họ nghe thì trên có thể làm được như Tề-Hoàn, Tấn-văn, dưới cũng không mất được cái thể chân vạc...» (3)

(1) Về triều Hậu-Lê, có lẽ con của các quan to đều là Chiêu-Văn-Quán học-sĩ như kiểu các ấm-sinh dưới triều Nguyễn. Chức Linh-quan của thân-sinh Từ có lẽ cũng là quan to, nên Từ mới được theo học trường này chăng ?

(2) Trường hợp Đào-duy-Từ có thể xem là trường-hợp điển hình cho ta thấy rõ chính-sách dùng người của các chúa Nguyễn để xây-dựng, củng cố vùng Nam-Hà mà chống với họ Trịnh ở Bắc-Hà. Chính sách ấy là chính sách chiêu-hiền, trọng sĩ, kêu gọi những kẻ bất mãn với Triều-đình họ Trịnh. Những người bị miền Bắc ngược-đãi và khinh rẻ thường rất hăng-hái đi vào Nam để tìm đường tiến thân, tận-tâm phục-vụ cho chúa Nguyễn báo thù, lại họ Trịnh.

(3) Xem bản dịch *Tang thương Ngẫu lục* của TRÚC KHÊ, Hanoi, Tân-dân, 1943, mục Ông Lê-Thời-Hiến, trang 44 - 45.

Đi hơn một tuần, Từ đến sông Giang (tức Linh Giang) là ranh-giới của Nam Bắc. Nơi này canh phòng rất nghiêm mật, Từ phải nghĩ kế dùng ống tre làm phao lội qua sông vào lúc tối trời. Theo *Việt-Nam khai quốc chí truyện*, khi vào Nam Từ đã thăm dò đến nơi dinh-thự chúa Nguyễn, xét thấy quả có vương khí, lòng rất mừng, nhưng Từ cho chỗ này là nơi đô-hội, khó lòng phân-biệt được kẻ dở người hay, nên Từ bèn đi nơi khác.

Một hôm đến phủ Hoài-Nhơn (tức phủ Bồng-Sơn, tỉnh Bình-Định ngày nay) Từ thấy địa-thể rất đẹp, phong tục lại thuần-hậu nên thác thân vào một nhà giàu (1), làng (thôn) Tùng-Châu (2) ở gần trâu cho nhà ấy. Một ngày kia, phú gia này bày tiệc rượu hội-hop các tay danh-sĩ để đánh chén, vịnh thơ cho vui. Từ, chiều hôm ấy dẫn trâu về, bèn cầm roi đứng trước bàn tiệc, cùng các danh sĩ đàm-luận cồ-kim kinh-sử bách-gia cùng tam-giáo cửu lưu, tất cả thấy đều thông-suốt, ai nấy trong bàn tiệc đều kinh. Riêng nhà điền-chủ tỏ vẻ mừng vô-hạn, và từ hôm ấy rất trọng-đãi Từ coi như khách quý, giữ luôn ở nhà trên đề cùng bàn-luận về đạo-lý, kinh truyện. Nhà điền-chủ lại đem chuyện Từ nói với bạn thân là quan khám-lý Trần-đức-Hòa (3) ở Qui-Nhơn, vốn là một trọng-thần của Chúa Sãi-Vương. Đức-Hòa hội-kiến cùng Duy-Từ, nhận thấy quả Từ là người học vấn rộng, kiến-thức nhiều, bèn đãi Từ cách đặc-biệt, mời Từ ở dạy

(1) Có sách chép nhà giàu này họ Lê.

(2) Thuộc phủ Hoài Nhơn, tức phủ Bồng-Sơn, tỉnh Bình-Định bây giờ.

(3) Xem *Đại nam liệt-tiuyện tiền-biên*, quyển thứ ba, tờ 9b. 10b.

Tóm lược như sau: Trần Đức Hoà là người phủ Bồng-Sơn, tỉnh Bình-Định. Đời tổ là Trần-ngọc-Trà làm quan nhà Lê được tặng Vinh-lộc đại-phu, cha là Trần-ngọc-Phán, thờ nhà Lê làm chức Phó tướng Quảng-nam dinh. Hoà vốn người hào mại, do con nhà tướng mà được bổ quan, làm đến chức Cầm-y vệ đô-chỉ-huy-sư thự-vệ sự có quân-công. Hoà được phong làm Qui-Nhơn khám-lý Công quận-công và được Sãi-Vương tin-nhiệm. Khi mất Hoà được phong làm Phúc thần, dân Bồ-đề lập đền thờ tự rất trọng vọng.

học luôn trong nhà và gả con gái cho. Lúc thông thả, Đức-Hòa lần dở mấy tập văn của Từ ra xem, đọc tới bài *Tư dung văn* và *Ngọa long cương* thấy từ-chương tao nhã, ý-tứ cao-kỳ, tỏ ý có tài làm cổ-văn cho vua không khác gì Khổng Minh Gia-cát-Lượng ngày trước, nên nghĩ thầm rằng: «Hay trời tựa chúa ta? Trời đã sinh ra minh chúa để trị dân, tất phải có hiền thần lương tướng để giúp nước. Duy-Từ này có lẽ là Ngọa long tiên-sinh (1) đời nay của nước nhà chăng?»

Nam Đinh-Mão (1627) nhằm năm thứ 14 Hi-Tôn — Hiếu-văn-Hoàng-đế (Chúa Sãi) quân chúa Nguyễn đánh bại binh họ Trịnh ở Nhứt-Lệ, Đức-Hoà nghe tin báo tiếp bèn từ Hoài-Nhon về triều để mừng, khi chúa hỏi han việc dân tình Quảng-Nam xong (2), Hoà bèn thung dung rút trong tay áo bài *Ngọa long cương ngâm* dâng lên Chúa và tâu rằng: «Bài ca này của thầy đồ dạy học ở nhà tôi tên Đào-duy-Từ làm ra». Chúa Nguyễn xem xong, biết người soạn là bậc kinh-bang tế-thế, lập tức cho đòi vào thử tài và hỏi chuyện. Khi Duy-Từ vào thấy chúa Sãi mặc áo lụa trắng, chân đi vắn-hải xanh, tay chống gậy long-trúc, đứng đợi ở cửa dịch môn (cửa bên) thì lùi lại không vào. Chúa Sãi biết ý, tức thời chỉnh-nghi áo mào rồi cho triệu Từ vô. Chúa Sãi hỏi Từ về cách trấn giữ đất Thuận-Hóa, Từ trần-thuyết rất minh bạch. Chúa Sãi cả mừng, liền phong cho Từ làm Nha-Ủy (3) và

(1) Tên tự (hay tên hiệu) của Khổng-Minh, bậc quân-sư nổi tiếng của nhà Thục đời Tam-Quốc bên Tàu. Trước Khổng-Minh ẩn-cư trong một túp nhà tranh trên núi Ngọa-long (nghĩa là con rồng nằm) sau Lưu-Bị đến thỉnh ba lần mới chịu ra giúp nước.

(2) *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, quyển thứ nhì, tờ 11 b-12a.

(3) *Nha-Ủy*: là một chức quan trọng-yếu trong bộ máy hành-chánh của chúa Nguyễn đứng đầu cơ-quan chăm nom, coi sóc việc lễ-nghi, tế-tự, việc quân-lương ở triều gọi là Lịnh sử tư. Trong nước, ở kinh-đô có một lịnh-sử-tư và ở toàn cõi Gia-định cũng có riêng một lịnh-sử-tư. Ngoài ra còn có một cơ quan gọi là Nội-lịnh-sử-tư (hay tí) coi việc thuế khoá (chuyên về thuế điền-thổ), một cơ quan gọi là Lã-lịnh-sử-tư và một cơ-quan nữa gọi là Hữu lịnh-sử-tư coi việc thu thuế sai-dư-tiền (một loại thuế thân). Năm 1617 cơ-quan Nội-lịnh-sử-tư còn có nhiệm-vụ quản-lý những kho-hàng hoàng-cung tức là đồ-gia. Do đấy, ta có thể thấy rõ chức Nha-Ủy đứng đầu các cơ-quan này thực là hệ-trọng.

Nội-tán, lại ban tước Lộc-Khê hầu, kiêm quản cả việc quân-cơ trong ngoài và xét định việc quốc chính

Biển-cổ quan-trọng sau đây chứng cho ta biết tài-năng của Từ:

Năm Kỷ-tị (1629) Trịnh Tráng bàn định muốn vào xâm chiếm trong Nam, bèn sai Nguyễn Khắc Minh mang tờ sắc-thư vào tấn-phong cho Hi-Tôn làm Thái-phó Quốc công trấn giữ hai xứ rồi giục ngài kíp ra Đông đô (Hà-nội) để đi đánh họ Mạc ở Cao-Bằng (1). Sãi Vương rất lấy làm khó nghĩ. Chúa coi tờ sắc thư kia như một việc lằng nhục vì Chúa nghĩ rằng: «từ hai mươi năm nay không có lệnh vua mà Chúa vẫn cai-quản hai xứ và chúa chẳng đã từng đầy lui đao binh của vua một lần hay sao?» Phần khác, tuy Chúa thắng trận đầu nhưng Chúa không dám chắc sẽ còn chiến-thắng được nữa vì binh-lính Chúa chưa được thành-thạo và trên hết là vì biên-thùy chưa được vững chắc.

(1) Chép theo *Thực-lục*, quyển II, tờ 13b, *Liệt-truyện*, quyển III tờ 12a, *Đại-việt sử-ký toàn-thư* về năm này không thấy chép chuyện trên. *Thực-lục*, quyển II, tờ, 13b, chép rõ thâm-ý Trịnh-Tráng về việc này như sau: «Mùa đông, tháng 10, (15 tháng 11 — 14 tháng chạp 1629) Trịnh-Tráng lại bàn định việc phát binh đại qui mô để Nam-xâm. Một vị triều thần là Nguyễn-danh-Thế tâu lên rằng: «Hiện nay ở cõi Nam, quần thần cố kết, nước giàu, binh mạnh. Trái lại bên ta nạn đói xảy liên liếp bao năm, quân nhu không sẵn sàng. Vậy không gì bằng cứ sai sứ vào tấn-phong cho Sãi-Vương tước Quốc-Công và ủy-nhiệm cho trấn giữ hai xứ rồi ta sẽ truyền lệnh cho đem quân ra đánh giặc ở Cao Bằng; nếu họ tuân lệnh nhà vua về châu thì sẽ bắt giữ dễ dàng-nhược bằng trái mệnh, ta sẽ có danh chính để đem binh chinh-phạt».

Về tước Quốc-Công ban phong cho Sãi-Vương thì *Việt-Nam khai quốc chí-truyện*, trong phần nói về Hệ tộc, quyển I chép là Nhân, (nhơn) Quốc-Công, nhưng *Đại-Việt Sử-ký toàn-thư*, quyển XVIII, tờ 2 b, chép là Thụy-quốc-Công.

Chúa bèn hội quần-thần đề nghị-bàn và Duy Từ tâu xin cùng Chúa là nên nhận sắc-phong đề tránh sự nghi-ngờ của Chúa Trịnh, rồi khi mà biên-thùy đã củng cố chúng ta sẽ trả sắc chỉ. Sãi-Vương nghe theo, nhận lấy sắc thư, hậu-đãi sứ-giã, cho về (1).

Chính lúc này, vào mùa thu năm 1630 Đào duy Từ xây lũy Trường-Dục. Theo *Khâm-định Việt-sử Thông-giám Cương-mục* thì công-việc hoàn tất trong vòng một tháng mấy ngày. Lũy xây rồi, Từ vững tâm nghĩ kế trả lại sắc-thư. Từ xin Chúa (2) làm một mâm đồng hai đáy, đề tờ sắc-thư đã nhận năm trước vào giữa, rồi sắp phẩm-vật lên trên, cử Văn-Khuông (3) trong ty Tướng-thần-lại (4) làm sứ-thần đi tạ ơn Từ nghĩ sẵn 10 điều vấn-đáp đề dận Văn-Khuông ứng đối. Tới Đông đô, Trịnh-Tráng triệu vào hỏi chuyện Nam-Hà. Văn-Khuông biện-bác không

(1) Theo *Thực-lục*, quyển II, tờ 13b, 14a và *Liệt truyện*, quyển III, tờ 12a-b.

(2) *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, quyển II, tờ 16a chép rằng sau khi lũy Trường-Dục đắp xong Chúa Sãi thân hỏi Duy Từ kể hoàn lại sắc thư cho họ Trịnh.

(3) Theo *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, quyển II, tờ 16a, chỉ có tên Văn-Khuông, chú-thích là tên khuyết tính (không có họ).

(4) *Tướng thần lại* là do tên một cơ quan gọi là Tướng thần lại tư mà Chúa Sãi đặt ra vào năm 1614 (xem *Đại-Nam thực-lục tiền biên* quyển II, tờ 2b, 3a) để coi việc thu bạc, lúa thóc, và phân phát lương-thực cho quân binh. Đứng đầu cơ-quan này là chức *Cai bộ*. Vậy danh-xưng Tướng thần lại đứng trước tên sứ-giã Văn-Khuông có thể chỉ sự Văn-Khuông là viên-chức đứng đầu trông nom ty ấy. Vả chẳng do sự chép lẫn như thế nên *Đại-Nam liệt-truyện tiền-biên* đã nhầm lẫn đọc ra sứ giã có họ với tên : Lại-Văn-Khuông.

chịu khuất (1). Trịnh-Tráng đãi Văn Khuông rất hậu. Hiến xong mâm lễ vật, Văn-Khuông ra nghỉ-ngoi ở dịch-xá, mưu đề cả đồ-đạc rương tráp đầy, lên xuống thuyền xuôi về Nam — Khi Chúa Trịnh cho soạn phẩm vật thấy mâm hai đáy, lấy làm lạ, sai tách ra, thấy có một tờ sắc-thư năm trước và một cánh thiệp trên có bốn hàng chữ:

Mâu nhi vô dịch

Mịch phi kiến tích

Ái lạc tâm trường

Lực lại tương địch.

(1) *Đại-Nam thực-lục tiền-biên*, quyển II, tờ 16b, 17a b, có thuật lại cuộc đối-thoại giữa Chúa Trịnh-Tráng và Văn-Khuông như sau: « Văn-Khuông đến nơi (Đông đô) rồi, Trịnh-Tráng triệu vào hỏi rằng: « Trước đây có lệnh trưng thu cống-lễ để nạp cho Minh-triều, lâu nay vẫn không thấy Nam Chúa đem nạp là tại làm sao? » Văn-Khuông thưa rằng: « Voi và thuyền vốn không nằm trong lệ cống nhà Minh nên chúng tôi e rằng người truyền mệnh sai ngoa, bởi đó mà không dám thi-hành lệnh ấy ». Hỏi: « Tại sao không sai con ra châu để làm tin? » Đáp: « Nam Bắc hai bên tình nghĩa như cùng một nhà, lòng thành-thực và tin-cậy cùng như nhau, thì có cần chi phải dùng con tin ». Hỏi: « Hoàng-đế có lệnh-triệu Nam Chúa đi chinh-thảo Cao-Bằng vì lẽ gì mà lại không ra? » Đáp: « Cao-Bằng là thế giặc cùng đồ, quân binh Trung-đô có sức bắt giặc bằng thừa. Chúa tôi phụng-mệnh trấn-thủ hai xứ Thuận-Quảng, phải chống-cự với Chiêm-Thành ở phía Nam, nếu phải đi chinh-thảo họ Mạc ở phía Bắc thì xét nghĩ cho sâu lại ngại rằng sẽ không bảo toàn lãnh-thổ, vì thế nên không dám bỏ đi xa ». Hỏi: « Việc Nam Chúa xây-đắp lũy Trường-Dục chẳng phải là có ý muốn chống lại mệnh nhà vua ư? » Đáp: « Thừa mệnh giữ đất thì việc thực-hiện xây-đắp củng-cố biên-cảnh không thể không có cho được. Thế sao lại có thể gọi là chống mệnh nhà vua? » Hỏi: « Tướng tá Nam phương ra thế nào? » Đáp: « Hạng tài kiêm văn-võ như Đào-duy-Từ, Nguyễn-hữu-Dật nhiều không phải chỉ vài mươi người mà thôi ». Hỏi: « Người ta đồn rằng Nam-Chúa anh-hùng hào-kiệt thế tại sao lại không lo nguyên đi dẹp giặc để lập công? » Đáp: « Chúa tôi không ham tử-sắc, không say đờn ca, thường ra ân-huệ phủ-dụ dân tình. Có uy-vũ, có thành tín, Ngai lại biết hậu-đãi người ngoại-quốc, phía đông thì Mã-cai (Ma-cai) và Lật-già (?), phía tây thì Vạn-Tượng và Ai-Lao (Lào) không nước nào là không kiêng sợ, nề vì. »

Chúa Trịnh hỏi các đình-thần chẳng ai rõ nghĩa bốn câu trên. Sau có quan Thiếu-Ủy Phùng-khắc-Khoan (1) giải đoán thành câu ẩn ngữ có 4 chữ:

« *Dur bất thụ sắc* (予不受勅 nghĩa là *ta không nhận sắc-phong*) (2). Ai nghĩ nổi mấy chữ này hẳn là bậc phi-thường lắm đấy!» Biết mình bị lừa, Chúa Trịnh cả giận cho người đuổi theo bắt Văn-Khuông, thì Khuông đã tềch xa lâu rồi, Tráng muốn đẩy binh vào đánh ngay Chúa Sãi thì vừa gặp khi ấy ở Cao-Bằng và Hải-Dương có giặc, nên bèn thôi đi. Còn Văn-Khuông sau khi trở về Nam được Chúa Sãi ân-thưởng rất hậu. Riêng Duy-Từ được khen là Tử-Phòng đời nay. (3).

Ngoài Bắc Chúa Trịnh dò tin biết rõ Duy-Từ bày mưu «đổ chữ» để trả lại sắc-dụ vua Lê, bèn phái Thuyết khách đem vàng bạc vào Nam dụ Từ quay về Bắc. Nhưng Từ không bao giờ phụ ơn người tri-kỷ.

Tương truyền Từ đã mượn lời người con gái tạ lại khách tình để trả lời như sau:

*Ba đồng một mớ trâu cay
Sao anh không hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.*

(1) *Phùng khắc Khoan* là Trạng Bùng, em một mẹ khác cha với Trạng Trình Nguyễn bỉnh Khiêm.

(2) *Mâu nhi vô dịch*: chữ *Mâu* 矛 mà không có phẩy (丶) ở nách là chữ *dur* 予 (ta); *Mịch phi kiến tích*: chữ *Mịch* mà bỏ chữ *kiến* là chữ *bất* 不 (chẳng) *Ái lạc tâm trường*: chữ *Ái* 愛 mà rụng mất lòng ruột (tâm) thì còn là chữ *thụ* 受 (nhận); *Lực lai tương dịch*: chữ *lực* 力 hợp với chữ *lai* 來 là chữ *sắc* 勅 (sắc phong). Hiếp 4 chữ lại thành câu: *Dur bất thụ sắc*.

(3) *Tử-Phòng* là tên tự của Trương-Lương, quân-sư của Hán-Cao-Tổ, đã giúp vua Cao-Tổ thống-nhất nước Tàu và lập nên cơ-nghiệp nhà Hán.

*Cá cần câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra?*

Trịnh-Tráng đọc bài thơ trên dù đã rõ ý chí của Từ vẫn cứ phải người thuyết dụ hoà. Từ lại phải gởi thêm hai câu thơ để trả lời dứt-khoát:

*Có lòng xin tạ ơn lòng.
Xin đừng đi lại nữa mà chồng em ghen*

Thấy dụ không xong, Chúa Trịnh bèn cho đặt những câu hát để nói khích Từ:

*Rồng năm hồ cạn phò râu
Mấy lời anh nói, dấu đầu hồ đuôi.
Rồng khoe vượt gió tung mây
Nào hay rồng đất có ngày rồng tan
Có ai về tới đường trong
Nhấn nhẹ « bổ đồ » liệu trông đường về
Mãi tham lợi bỏ quê-quán tở
Đất nước người dù có như không?*

Từ lại còn lo xa đề đối-phó với cuộc Nam-chinh không sớm thì chầy của Chúa Trịnh, nên tâu với Chúa Sãi ngay năm Canh-Ngọ (1630) sai tướng đem quân ra đất Nam Bố Chính (Bồ trạch bây giờ) chiếm lấy phía Nam-ngạn sông Gianh để chống với quân Trịnh và năm sau (1631) ông lại cho đắp thêm lũy Đồng-Hới.

Từ giúp Chúa Sãi được tám năm thì mất vào tháng 10 năm 1634, thọ 63 tuổi (1).

III. – CÁCH KIẾN-TẠO CÙNG CÔNG-DỤNG CHIẾN LƯỢC CỦA HAI LŨY TRƯỜNG-DỤC VÀ ĐỒNG-HỚI.

Trên đây là tất cả tài-liệu mà các sách đã cho chúng ta

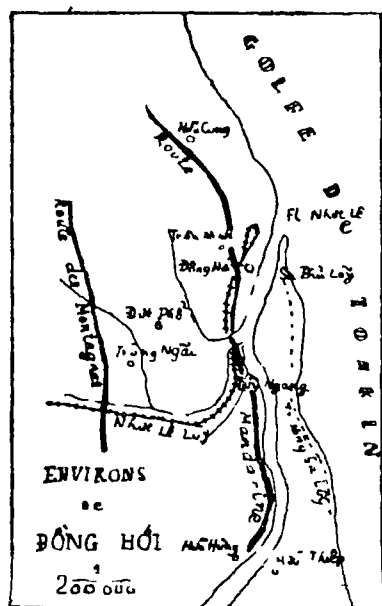
(1) Theo Đại-nam thực-lục tiền-biên, quyển II, tờ 25b.

rặng lũy lớn bắt đầu từ chân núi đá vôi Chùa Non (Thần-dinh-Sơn) (1) dọc theo bờ sông Rào đá (hữu ngạn sông Nhựt-Lệ) và sông Kiến-Giang. Lũy uốn theo tả ngạn sông Nhựt-Lệ, lên đến làng Quảng-Xá sau khi đã kinh qua các làng Trường-Dục, Xuân-Dục, Cồ-hiền rồi ngoặt đột ngột về phía đông và tới Bình Thôn. Lũy này chống giữ con đường núi và án ngữ địch quân xuôi sông Nhựt-Lệ xuống.

Lũy dài 2.500 trượng (khoảng 10 - 12km), vài nơi cao đến 3 thước (m) và chân rộng từ 6 đến 8 thước (m). Về cực tây, lũy giáp xóm kho (nơi xưa để chứa lúa cho vua), phía trên là chợ Cộc vụ ruộng Dinh. Lũy này ở chặn vòng trên có xây cất dinh đồn để cho tướng binh trú-ngụ, một kho để chứa thức ăn cho lính, theo hình chữ *đi* 己 ở trong chữ *hồi* 回 nên gọi là *Hồi-văn-lũy*. Năm 1648, họ Trịnh đến xâm-lăng, khi ấy Trương-phúc-Phấn cùng con là Hùng giữ lũy (2), binh họ Trịnh không phá nổi nên lũy còn được gọi là Phấn-cổ-trì.

(1) *Thần-dinh-Sơn* ở địa-phận xã Xuân-Dục, cách phía nam huyện 20 dặm, núi đá cao nhọn, trên có chùa Kim-Phong, lưng núi có động, cửa động chật hẹp, phải nghiêng mình leo xuống, lần thấy rộng rãi, trong động có thót đá, như đặt bàn ghế, trên có những viên đá hình như tượng Phật, bốn bên có thạch-nhũ rủ thông xuống ẩn-hiện trùng-diệp, có cái hình như lọng vàng, có cái hình như con voi, Ở bên có một cái hang tên là Cấm huyết, trong hang u-lịch chưa ai đi xuống. Phía tả hữu trước động có hai động nhỏ gọi là động chuông và động trống có nắm tay bằng đá thông xuống, gõ kêu như tiếng chuông trống, nên gọi tên ấy. Nơi cửa động có hai giếng đá, nước ngọt, bốn mùa không cạn. Kể kỳ-lão tương-truyền «núi Đâu Mâu nhiều tiên, núi Thần Đình nhiều Phật» là chỉ nơi đây vậy. Sách *Ô-châu Cận-lục* có câu «núi Thần Đình cao lớn, có khí lực nuốt trọn cả bốn châu.» (*Thần đình tụy luật, khế thôn bình tứ bách chi châu*), ấy là nói hình-thắng núi này vậy. (dẫn theo *Đại Nam nhất Thống chí, lĩnh Quảng-Trị và Quảng-Bình*, Tu Trai NGUYỄN TẠO dịch, 1961, sách đã dẫn, trang 108).

(2) Chép theo *Khâm-dịnh Việt-Sử thông giám cương-mục*, quyền 32, tờ 5a.

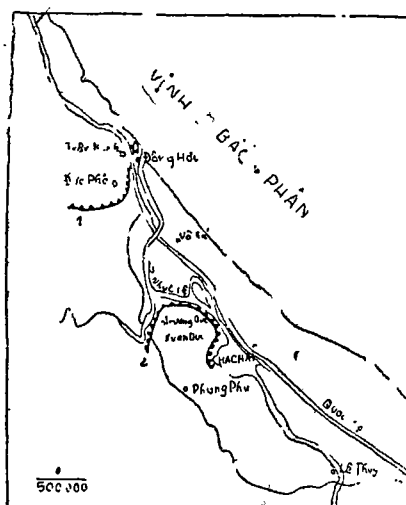


Trích: L. Cadière, *Le mur de Đồng Hới*
in *Bull. de L'Ecole Française d'Extrême-Orient* VI, 1906

Bây giờ chúng ta khảo-sát qua lũy Đồng-Hới. Lũy này được gọi bằng nhiều tên: *Cương mục* và các tài-liệu khác gọi nó là *Trần-ninh-lũy* (vì gọi theo tên làng ở về phía cực đông của lũy); *Nhứt-lệ-lũy* (vì nó nằm trên tả ngạn sông Nhứt-Lệ) (1); *Đồng hới-*

(1) *Sông Nhứt-Lệ* (Nhật Lệ) ở phía Nam huyện Phong Lộc 2 dặm, sông rộng 1 dặm rưỡi, dài 90 dặm, có hai nguồn, phía tây theo núi An-Đại Trường-Môn chảy xuống 9 thác, một nguồn phía nam theo núi Quan độ chảy khuất khúc về hướng đông đến xã Trung-quán hiệp lại rồi chảy quanh ra phía bắc đến xã Cồ-hiền, Trần Xá, hội với sông Bình-Giang, lại chuyển qua Đông-Bắc chảy đến xã Vĩnh Tuy cùng khe Hữu-Gia và cảng Hàm Nhược hội lại, rồi chảy về đông hơn 20 dặm, đến Cù-Hà chảy ra cửa Nhứt Lệ. Theo *Đại-Nam Nhất-Thống Chí*, *lĩnh Quảng-Bình* và *lĩnh Quảng Trị*, Tu trai NGUYỄN TẠO dịch, sách đã dẫn, trang 125.

lũy, hay có thể là *Động-Hải*, *Đổng-Hời* hay tệ hơn nữa là *Đồng-giã* do sự sai lầm của người khắc chữ. *Đổng-Hời* là làng nằm ở địa-đầu tỉnh Quảng-Bình. Dân gian gọi lũy này là Lũy Thầy vì muốn tỏ lòng trọng-vọng Đào-duy-Tử là người đã có công đắp lũy (theo Văn-Bia ở Đò Cầu Dài). Chữ Thầy viết thành chữ Hán Việt là Sài (nghĩa là củi) cho nên Lũy Thầy đôi khi còn được gọi là Lũy Sài vì đọc trật. Những nhà truyền-giáo thì lại gọi là *bức trường-thành của miền Nam, bức lũy ngăn cách hai miền v.v..* Thiệu-Trị năm 1842 gọi lũy là *Định-Bắc Trường-Thành* để kỷ niệm việc quân Nguyễn toàn thắng quân Trịnh. Giải Hoành-Sơn có một ngọn núi cao tên là Đâu-Mâu tọa làm hai dãy núi trùng-trùng điệp-diệp: một dãy chạy thẳng đến sông Nhứt-Lệ về địa-phận tỉnh Văn-La (các tài-liệu cổ gọi là Cầm-La) gọi nôm na là Cồn-Hàu; còn một dãy kéo dài xuống mé bờ cách khoảng 15 cây-số về phía Bắc tới làng Phú-Hội, tên thông thường là Kê địa. Hai dãy núi tọa hình như một cảng của vẫy bọc một cánh đồng bán-nguyệt, lầy lội, binh mã không qua lại được, nhất là



Vị-trì Lũy Thầy (1) Đồng-hới và Lũy Trường-Dục (2)

về mùa đông, nước đồng ứ-trệ. Năm 1631, Đào duy Từ dùng quân-sĩ và dân phu đắp Trường-Lũy (1).

Lũy bắt đầu từ cửa Nhứt-Lệ vòng xuống Nam, rồi kéo dài sang Tây cho đến sát giải Hoành-Sơn. Lũy cao một trượng, năm xích (độ 6 m); mặt ngoài lũy chôn kè bằng gỗ lim, mặt trong đắp đất thành năm cấp, voi ngựa đều có thể đi được. Lũy dài trên 3.000 trượng nghĩa là hơn 30 lí. Cứ 3 hay 5 trượng (12 hay 20 thước) (2), thì lại xây một pháo đài trang bị súng lớn, cứ một trượng (4 m) lại đặt một khẩu súng Khố-Sơn. Hơn nữa, lại có nhiều ụ thuốc súng và đạn.

Đây tức là một biên-phòng -kiên-cố ngăn-cách giữa hai cõi Nam-Bắc (3). Tầm quan-trọng và hiểm-trở của Lũy Thầy cũng đã được ghi rõ trong tục-ngữ, ca-dao đương thời :

(1) Trong bài *Văn Bia ở Đò Cầu Dài*, gần thành Đồng-Hới, cũng như trong *Đại-Nam Liệt-truyền tiền biên*, quyển thứ III, tờ 14b và trong *Đại-Nam thực-lục tiền biên*, quyển thứ II, tờ 20a đều gọi « lũy Nhứt-Lệ » là « Trường Lũy ».

(2) Về đơn-vị đo-lường, không có sự phù hợp nhau mấy. Một trượng bằng 10 xích và nếu không lầm thì một xích ở đây có lẽ tương đương với một thước tàu (40 cm). Một xích (tàu) theo tự điển P. Couvreur, đo từ 20 đến hơn 35 cm. Nếu chúng ta công nhận ở đây là xích tương đương với 1 thước tàu thì một thước tàu khoảng 40cm và 1 trượng dài 4m, và 3.000 trượng dài 12km. Còn về lí, tương đương với dặm theo tự-điển Génibrel, một dặm là 888 m. 30 lí là 27 cây số. Sách địa-dư làm dưới triều Minh-Mạng chép là lũy này dài 5000 trượng nghĩa là khoảng 20km. Nhưng chúng tôi tưởng chỉ độ khoảng 12km (3000) trượng.

(3) Đây theo *Văn Bia Đò Cầu Dài*, cần so sánh với *Đại Nam thực lục tiền biên*, quyển II, tờ 20 a-b và *Đại-Nam liệt truyện tiền-biên* quyển III, tờ 14 a-b về cách kiến trúc lũy Đồng Hới để được đầy đủ hơn.

Thứ nhất thì sợ Lũy Thầy

Thứ nhì sợ lầy Võ Xá (1)

Đại-Nam Nhất thống-chí đã dịch ra hán văn như sau :

Nhất khả kỵ hồ Động hải Trường lũy

Nhị khả kỵ hồ Võ Xá Nê điền.

hoặc là: *Có tài vượt nổi sông Gianh*

Dẫu thêm hai cánh, Trường-thành khó qua

Đại Nam nhất thống chí chuyển dịch ra Hán văn là :

Hữu tri dũng hồ khả quá Thanh hà

Túng hữu dực hồ Trường lũy bất khả quá

Quân địch từ Bắc xuống Nam tất phải theo hai đường: về phía đông theo dọc bề tức là đường cái quan; về phía tây là đường núi hiểm trở khó trèo. Còn ở giữa thì đồng-bằng Đồng-Hới lầy-lội không thể qua được. Lũy Đồng-Hới là một trở lực cho quân miền Bắc không thể theo đường bộ xuống Nam.

Bây giờ chúng ta thử theo gót quân địch để xét công-dụng của Trường-Lũy. Giả thử rằng, quân Trịnh đã đoạt được tất cả các trạm phía bắc lũy Đồng-Hới, họ sẽ tiến xuống bằng hai đường: đường thủy và đường bộ. Họ thường tấn công vào cuối Đông hay đầu Xuân. Khi ấy không còn bão lớn hay mưa to mà lại có gió mùa Đông-Bắc rất tiện cho việc xuôi thuyền từ Bắc vào Nam. Thỉnh thoảng họ cũng theo vừa đường bộ (đường núi) vừa đường thủy, nhưng thường thường họ tập trung lực-lượng tại cửa sông Nhứt-Lệ, rồi phối-hợp tấn-công hai mặt thủy, bộ. Nhưng trên bộ họ sẽ gặp Lũy Đồng-Hới và Lũy Trường-

(1) Võ Xá là một xã thuộc huyện Phong Lộc, có nhiều bùn lầy rất sâu.

Sa (xem phụ bản) (1). Dưới nước, họ sẽ gặp thủy-quân nhà Nguyễn được sự trợ-lực của cửa sông Nhứt-Lệ có đóng cọc và chằng dây xích. Chiến thuyền của họ vì thế không dễ gì từ ngoài khơi đột-nhập được vào. Nhưng nếu họ đánh thắng, họ sẽ theo dòng Nhứt-Lệ ngược lên hợp cùng với bộ-binh, vượt qua lũy Đồng Hới theo đường cái quan kéo xuống phía Nam. Nơi đây họ sẽ gặp một đồn binh hiểm-yếu ở giữa thành Quảng-Bình thuộc địa-phận xã Võ-Xá ngày nay. Đồn binh này rộng tới vài cây số lại có nhiều quan-ải phòng-thủ về mặt bắc và nam. Năm 1648, quân Trịnh đã chiếm được Dinh Mười và lũy Đồng-Hới, tuy vậy họ vẫn chưa toàn thắng vì chưa chiếm được hẳn cả miền Nam, do lẽ ở phía Tây còn có Lũy Trường-Dục, là một trở lực nữa cho việc thống-nhất sơn-hà. Xem như thế thì những cơ-quan phòng-thủ của Đào-duy-Từ ăn khớp với nhau, cho nên dù quân Trịnh có thắng được nhiều trận lẻ-tẻ, cuối cùng vì gặp những đồn lũy miền Nam, công cũng thành như «dã-tràng xe cát». Và nếu họ Nguyễn vẫn được riêng biệt một cõi sơn-hà cũng là do phần lớn công tận-tụy của Đào-duy-Từ vậy.

Tuy nhiên, đến năm 1885, một đạo-binh Pháp theo tiếng kèn, nhịp trống rầm rộ kéo vào thành Đồng Hới như vào chốn bình-địa không người. Lấy sức chọi sức thì được, chứ lấy sức chọi với văn-minh cơ-giới tối-tân thì không còn thành vấn-đề nữa.



(1) *Trường-sa Lũy* do Chiêu-vũ-Hầu Nguyễn-hữu-Dật (người xã Gia-Miễn, huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh-Hóa) học rộng tài cao, văn hay, võ giỏi, sai đắp, năm 1633, trên bãi bệ giữa cửa Đồng-Hới và Cửa Tùng (Minh linh hải môn) để trợ-lực phòng-thủy cho lũy Đồng-Hới, phòng khi quân địch không đổ-bộ ở hải-khẩu Nhứt-Lệ mà theo đường thủy xuống quá phía Nam, đặt chân lên bãi biển ở phía bắc cửa Tùng rồi đánh đồn quân Nguyễn từ nam lên bắc. Quân Nguyễn, lúc ấy trước mặt phải đương đầu, với quân Trịnh, sau lưng mắc Trường-Lũy Đồng-Hới không còn lối để tháo thân tất phải ở vào tử-địa.

Từ đó Trường-Lũy và thành Đồng-Hới, oanh-liệt một thời; không còn công-dụng gì trong việc chiến-thủ. Đá gạch cứ dần dần từ-biệt cổ-lũy để dùng vào việc xây cất các dinh-thự quan-trọng và ích-lợi cho đương thời, và theo thời-gian, ruộng dâu hóa bãi, Trường-Lũy Đồng-Hới nay chỉ còn là một cái tên không, dù rằng xưa đã từng đóng một vai trò quân-sự lớn lao trong lịch-sử hai triều Nam-Bắc.

tháng mười sáu sáu

Bà và Ông TRẦN-ĐĂNG-ĐẠI



TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

■ SÁCH VIỆT-NAM

A) Hán văn

● *Bài văn bia* do vua *Thiệu-Trị* cho dựng năm 1842 ở đền Cầu Dài trên Quốc-lộ về khoảng một cây số phía Nam thành Đồng-hới.

- *Đại-Nam thực lục tiền biên*, Quyền thứ nhì, tờ 8a-26a.
- *Đại-Nam liệt-truyện tiền biên*, Quyền thứ ba, tờ 10b 16a.
- *Đại-Nam nhất thống chí*, Quyền thứ tám, Quảng bình chí.
- *Đại-Việt sử-ký toàn thư*.
- *Khâm - định việt - sử thông giám cương - mục*, gọi tắt là *Cương-mục*.
- *Tang-thương ngẫu lục*, Quyền thượng.
- *Việt-Nam khai-quốc chí-truyện*.

B) Quốc Ngữ

a) Sách

● BÙI VĂN-LĂNG và TÔ VĂN CẦN. *Lịch sử Đào duy-Từ*. Hà-nội, Imprimerie Trung Bắc Tân Văn, 1937.

● *Đại Nam nhất thống chí*: tỉnh Quảng-Trị và tỉnh Quảng-Bình do Tu-Trai Nguyễn Tạo dịch. Saigon, Nha Văn-Hóa bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, 1961.

● *Đào duy-Từ*. Saigon, Trung tâm nghiên cứu Việt-Nam, 1960.

● HOÀNG TÂM, *Nam-hải Kỳ-nhân liệt-truyện*, Hà-nội, nhà xuất bản Cây Thông, 1950.

● Khái-Sinh DƯƠNG TỰ QUÁN biên tập *Đào duy Từ, Tiểu sử và thơ văn*. Hà-nội, Đông Tây thư quán, 1944. (Khái-sinh Dương-tự-Quán. « Một bậc danh thần đời Nguyễn sơ Đào duy-Từ (1572-1634) » (Trong: *Tri tân*, số 163 (19/Octobre/1944), từ trang 10-11; số 164 (26/Octobre/1944), từ trang 12-13, số 165 (2/Novembre/1944), từ trang 6-7; số 166 (16/Novembre/1944), trang 8; số 168 (30/Novembre/1944), từ trang 12-13) (Tạm dứt).

● Lê-thần TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*. Saigon, Tân Việt, In lần thứ năm sửa chữa cần thận, 1954.

● NGUYỄN NGỌC-KIM, *Danh nhân đất Việt (Quyển II.)* Hà-nội, Nam-Hải, 1952.

● PHAN KẾ-BÍNH. *Nam-hải dị-nhân liệt-truyện*. Hà-nội, Imprimerie tonkinoise, In lần thứ năm, Lê văn Phúc hiệu chỉnh sửa và thêm nhiều bài, 1930.

● *Tang thương ngẫu lục* do Trúc Khê dịch. Hà-nội, Tân dân, 1943.

● VIỆT THƯỜNG, *Người xưa*. Hà-nội, « C. I. P. I. C ». xuất bản, 1941.

b) Tạp chí

● Phạm văn Diêu, « Một nhà thơ lục bát cổ nhất Đào

duy-Từ (1572-1634) sinh bình và văn thơ » (Trong: *Văn-Hóa Nguyệt-san*, loại mới, số 63 (tháng 8/1961) từ trang 910-921; số 64 (tháng 9/1961), từ trang 1079-1094, số 65 (tháng 10/1961) từ trang 1265-1282).

● HOÀI CỒ. «Người xây lũy Trường dục». (Trong: *Thời Nay*, số 160 (15/5/1966), tr. 45-52).

● NHẬT NHAM. «Lũy Thầy tức lũy Đồng Hới» (Trong: *Tri-Tân*, số 9 (1/Août/1941), từ trang 12-13; số 10 (8/Août/1941), từ trang 19-20).

● PHONG CẦM. «Nhân vật xuất sắc thời Nam Bắc phân tranh: Đào-duy-Từ, Khổng Minh của Việt-Nam». (Trong: *Phê Thông*, số 16 (30/7/1959), từ trang 110-113; số 17 (15/8/1959), từ trang 55-57).

● TƯ-NGUYỄN. «Một bậc kỳ tài kiến quốc: Đào-duy-Từ (1572-1634)» (Trong: *Văn-Hóa Nguyệt-san*, loại mới, số 32 (tháng 7/1958) từ trang 677-692).

■ SÁCH PHÁP VĂN

● R. P. Cadière. «Géographie historique du Quảng-Bình d'après les Annales impériales» (In: *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient (BEFEO)*, Tome II, n^o 1, Janvier-Mars 1902, pp. 55-73).

● Léophold Cadière. «Le mur de Đồng-Hới, Etude sur l'établissement des Nguyễn en Cochinchine» (In: *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient (BEFEO)*, Tome VI, Nos 1-2, Janvier-Juin 1906, pp. 87-254 + 1 carte hors-texte).

● R. P. Cadière. «Les lieux historiques du Quảng Bình» (In: *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême Orient (BEFEO)*, Tome III, n^o 2: Avril-Juin 1903, pp. 164 - 205).

● M. UNG HANH. «Le plateau de cuivre à double paroi» (In: *Bulletin des amies du vieux Huế*, 15^e Année, N^o 3 Juillet-Septembre 1928), pp. 167-170).

những trường đầu của

LỊCH-SỬ HAI XỨ

THUẬN QUẢNG

những đợt di dân đầu-tiên trong
cuộc nam-tiến của dân-tộc VIỆT-NAM

Đất từ núi Hoành-sơn trở vào nam, đến tỉnh Bình-thuận ngày nay, trước thế kỷ X là của người Chăm. Người Chăm thuộc giống người Malayo-polynésien, đến ở các đồng bằng dọc theo bờ biển này trước kỷ-nguyên tây lịch, theo văn-hóa Ấn-độ

Năm — 214 Tần Thủy-hoàng Trung-quốc sai quân sang đánh phương nam, lấy đất đặt ra ba quận: Nam-hải tức tỉnh Quảng-đông ngày nay, Quế-lâm tức tỉnh Quảng-tây ngày nay, và Tượng-quận là đất Bắc Việt cho đến Quảng-nam của Trung Việt ngày nay. Nhà Tần mất (— 210), Triệu Đà chiếm cứ Nam-hải, thôn tính Quế-lâm và Tượng-quận, rồi chia Tượng-quận làm hai quận là Giao-chỉ và Cửu-chân; quận Cửu-chân gồm đất từ Thanh-hóa đến Quảng-nam ngày nay. Đời Hán, vua Võ-đế, năm 111, bình Nam Việt, lấy đất ba quận đời Tần đặt làm 9 quận, thuộc bộ Giao-chỉ, lấy đất Tượng-quận của Tần mà Triệu Đà đã chia làm 2 quận Giao-chỉ và Cửu-chân, đổi đặt làm 3 quận là Giao-chỉ gồm 10 huyện, Cửu-chân gồm 7 huyện, Nhật-nam gồm 5 huyện Sự phân chia khu vực và danh xưng có thay đổi, nhưng đất đai đã chiếm được ở phương nam thì từ Tần đến Hán không thay đổi. Ba quận Giao-chỉ, Cửu-chân, Nhật-nam là đất Bắc-Việt và bắc-bộ Trung Việt ngày nay. Quận Nhật-nam là đất cực nam của Giao-chỉ bộ, và 5 huyện của Nhật-nam, từ bắc vào nam là Lư-duong, Tị-cảnh, Châu-ngô, Tây-quyển, Tượng-lâm, quận lỵ đóng ở huyện Tây-quyển, và Tượng-lâm là huyện ở cực nam. Vị trí huyện Tượng-lâm là đâu? Theo Đại-Nam nhất-thống-chí thì Tượng-quận đời

Tần, quận Nhật-nam đời Hán phía nam vào đến tỉnh Phú-yên ngày nay; theo L. Aurousseau trong bài *La première conquête chinoise des pays annamites* (1) thì Tượng-quận của Tần phía nam đến mũi Varella; nhưng các nhà học giả gần đây đã bác các thuyết ấy, cho rằng chính-lệnh của nhà Tần chưa thể đi xa như vậy; và Giáo-sư Trần Kinh Hòa (2) cho rằng phía nam Tượng-quận nhà Tần, hoặc huyện Tượng-lâm nhà Hán là núi Hải-vân, tỉnh Quảng-nam ngày nay.

Dầu sao, các man di thủy tổ người Chăm ở trên đất Trung-Việt ngày nay đã bị các nhà Tần, Triệu, Hán đô hộ, nhưng tuy các triều đại Trung quốc có đặt các chức quan Thú, Lệnh, người Tàu chỉ cai trị một cách gián tiếp, các địa phương đều do thổ tù cầm quyền.

Đến đời vua Quang-vô nhà Đông Hán, năm 40, hai chị em bà Trưng khởi nghĩa, man di ở Nhật-nam có hưởng ứng. Nhà Đông Hán sai Mã Viện sang đánh dẹp, không đầy ba năm, bình định 2 quận Giao-chỉ, Cửu-chân, nhưng quân Hán vào đến 2 huyện Cư-phong, Võ-công của quận Cửu-chân rồi trở ra, chứ không vào đến quận Nhật-nam (3) Người man di ở đây được rảnh-rang để tự tổ chức. Rồi từ năm 100 trở đi, họ nhiều lần nổi dậy, cướp bóc, đốt phá các dinh thự công, giết trưởng lại; đánh dẹp hoặc phủ dụ yên được một thời gian, rồi họ lại nổi lên chống đối.

Cuối đời Đông Hán, thế lực quan Tàu ở bên này cũng theo triều-đình mà suy yếu, nhờ đó người man di ở Nhật-nam càng mạnh thêm. Năm 192, đời vua Hiến-đế nhà Đông Hán, con của viên Công-tào huyện Tượng-lâm là Khu-liên (4) giết quan Huyện-lệnh mà tự lập

(1) Đăng ở *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême Orient*, tome 23.

(2) Khảo cứu về danh xưng Giao-chỉ của Trần kinh Hòa, tạp-chí *Đại-học*, số 15, tháng 5 năm 1960.

(3) *Bắc-thuộc thời-kỳ dịch Việt-nam* của Lữ Sĩ Bằng, xuất bản ở Hong Kong năm 1964, trang 85, 86.

(4) Theo Giáo-sư Trần kinh Hòa đã khảo chứng thì Khu-liên không phải là tên người, mà là dịch âm chữ Kalinga nghĩa là chủng tộc lãnh đạo cuộc độc lập Lâm-ấp.

làm vua, dựng nước mà người Tàu gọi là Lâm-ấp, còn người ấy tự xưng là Chiêm-bà (Champa), lấy đất Quảng-nam ngày nay làm trung-tâm-điểm, dựng đô ở Trà-kiệu hoặc Đồng-dương (1) tiến ra lập thành lũy, chứa binh khí, chiến cụ ở Khu-túc, gần Huế ngày nay, và giữ từ đây cho đến núi Hoành-sơn, trong thời-gian nhà Ngô, nhà Tấn, nhà Tống (Lưu Dũ), nhà Tùy đô hộ, người Lâm-ấp thường đem quân ra bắc, đánh phá, cướp bóc các quận, huyện bắt giết Thái-thú Tàu, giết hại lại, dân tuy vẫn thỉnh thoảng sai sứ sang cống Trung-quốc. Quân Lâm ấp đã nhiều lần đánh hãm được quận lỵ quận Nhật-nam; quân nhà Tống, nhà Tùy cũng đã hai lần vào chiếm Kinh-đô Lâm-ấp ở Trà-kiệu (hoặc Đồng-dương), thu được vàng và của báu rất nhiều.

Nhà Tùy sau khi đánh dẹp, bình định được Lâm-ấp, chia nước này làm 3 châu: Đẳng-châu, rồi đổi làm quận Tỵ cảnh; Nông-châu, rồi đổi làm quận Hải-âm; Xung-châu rồi đổi làm quận Lâm-ấp. Ba quận ấy là bắc-bộ quận Nhật nam đời Hán, đại khái bao quát các tỉnh Quảng-bình, Quảng-trị cho đến Thừa-thiên ngày nay. Nhà Tùy đặt 3 quận ấy chưa đầy 10 năm thì nước Tàu loạn, vua Lâm-ấp là Phạm-phạm-Chí khôi phục đất cũ, sai sứ sang tạ tội và vẫn nạp cống.

Nhà Đường lên thay nhà Tùy, Lâm-ấp vẫn vào nạp cống. Nhà Đường chia đất Giao-châu làm 12 châu, thuộc An-nam Đô-hộ-phủ quân hạt, và châu cực nam là Hoan-châu là đất tỉnh Hà-tĩnh ngày nay. Như vậy, biên giới phía nam của An-nam Đô-hộ-phủ là núi Hoành-sơn, và từ Quảng-bình trở vào nam là đất của Chiêm-bà.

Vào khoảng năm 758, là năm vương - triều thứ năm của Chiêm-bà lên ngôi, thì sử Tàu đổi gọi tên nước này là Hoàn-vương; đến năm 859, vương-triều thứ năm cáo chung, vương-triều thứ sáu kế vị, thì sử Tàu đổi gọi là Chiêm-bà hoặc Chiêm-thành.

(1) Các nhà khảo cứu chưa biết chắc kinh-đô Lâm-ấp thời ấy ở Trà-kiệu (thuộc phủ Duy-xuyên tỉnh Quảng-nam) hay Đồng-dương (thuộc phủ Thăng-bình, tỉnh Quảng-nam).

Đến thời nước Việt-nam độc-lập, Chiêm-thành vẫn nuôi ý chí xâm lấn đất bắc.

Trong 12 sứ-quân mà Đinh Tiên-Hoàng đã dẹp, có Ngô Nhật Khánh, dòng dõi Ngô Quyền, chiếm cứ Đường-lâm (Phú-thọ, Sơn-tây). Muốn vờ về Nhật Khánh, vua Đinh lấy mẹ Nhật-Khánh làm hậu, cưới em gái ông cho con mình là Đinh Liễn, lại gả con gái mình cho Nhật Khánh. Tuy vậy, Nhật Khánh vẫn oán giận, đem cả gia quyến chạy vào Chiêm-thành xin viện binh (1), năm kỷ-mão (979), đưa hơn nghìn binh thuyền về đánh Hoa-lư. Chẳng may, binh thuyền Chiêm-thành vào cửa Đại-an (Nam-dịnh) thì gặp gió to, thuyền đắm, Nhật Khánh chết đuối, vua Chiêm thu quân về nước.

Lê Hoàn lên ngôi rồi, năm nhâm-ngọ (982) sai sứ là Từ Mục, Ngô Tư Bửu sang giao hiếu với Chiêm-thành, hai sứ giả bị vua Chiêm giữ lại, Lê Hoàn bèn đem quân sang đánh, phá thành trì, hủy tổng miếu, giết vua là Ti-mi-thuế (Paramesvara) và bắt nhiều người Chiêm, thu nhiều vàng bạc, bửu vật đem về. Ấy là cuộc nam phạt đầu tiên của vua ta. Và vua Chiêm-thành, từ đó, phải kính nể và sai sứ sang cống.

Sau cuộc thất bại nặng nề năm nhâm-ngọ, người Chiêm nhận thấy kinh-đô ở Indrapura (Trà-kiệu hoặc Đồng-dương ở Quảng-nam) gần đất Việt, rất dễ bị xâm lăng, nên vào khoảng năm 1000, đã thiên đô vào Vijaya, tức Trà-bàn ở Bình-dịnh ngày nay.

Đời Lý, ban đầu Chiêm-thành vẫn giữ lệ cống. Năm canh-thân (1020), vua Thái-tổ sai Khai-thiên-vương Phạt-mã và Đào Thạc Phụ đi đánh Chiêm-thành ở trại Bô-chính. Đến núi Long-tị (2). Phạt-mã giết được tướng Chiêm là Bồ-linh tại trận, quân Chiêm chết hơn một nửa.

(1) Đi đến cửa biển Nam-giới, Nhật-Khánh rút con dao vấu đeo bên mình, rạch vào má vợ mà kể tội rằng: «Cha mày lừa gạt, ức hiếp mẹ con ta, ta đâu có vì mày mà quên thù được! Cho mày về, ta đi tìm người nào để cứu ta» (*Việt-sử lược án*).

(2) Làng Thuận-chất, huyện Quảng-trạch ngày nay.

Đến vua Thái-tông lên ngôi đã 15 năm mà Chiêm-thành không chịu thông sứ, lại cứ sang quấy nhiễu ở ven biển, vì vậy năm giáp-thân (1044), vua sai đóng hơn 100 chiến thuyền, rồi thàng giềng, vua thân chinh, bắt 5000 người (1) 30 con voi của Chiêm, tướng Chiêm là Quách-gia-gi chém quốc-vương là Sạ-đầu đem đầu sang hàng, quan quân chém giết đến 3 vạn người, vua Lý tiến binh đến kinh-đô Chiêm là Phật-thệ (2), bắt vương-phi Mị-Ê, và cung nữ, nhạc nữ, rồi trở về.

Từ đó, Chiêm-thành phải cống hiến như cũ, lúc dâng voi trắng, lúc dâng tê trắng.

Từ đời Lý, nền độc lập của ta đã vững vàng, nên các triều đại đều muốn bành trướng về phía nam, và bắt buộc nước Chiêm-thành yếu nhỏ hơn mình, phải giữ bốn phần một phiên thuộc chư hầu, như mình đối với Trung-quốc vậy. Còn về Chiêm-thành thì vì cái thâm-thù đối lập và nhục nhã nhiều lần vua bị giết, kinh-đô bị tàn phá, vì cái bản tính hiếu chiến, cái nhu cầu của một xứ nghèo nàn, đã phải tìm mọi cách để chống đối, trong các cách ấy có sự thần phục và triều cống Trung-quốc để dựa thế mà Việt-nam muốn ngăn cản Đó là những lý-do khiến hai nước Chiêm, Việt tranh

(1) 5000 người Chiêm ấy bắt về Thăng-long, làm lễ hiến phù, rồi cho ra ở từ trấn Vĩnh-khương đến Đàng-châu (nay là Qui-hóa).

(2) Phật-thệ ở đâu? Theo *Thông-giám cương-mục* thì Phật-thệ ở làng Nguyệt-biêu, tỉnh Thừa-thiên ngày nay; R. P. Cadière cũng nói thế. Nhưng sách *Việt-sử-lược*, thuật lại lộ trình vua Lý Thánh-tông đi đánh Phật-thệ năm 1069, viết: «... tháng 2, ngày canh-ngọ, đến cửa Tư-dung (tức Tư-hiền), tháng 3, ngày quý-dậu, một con rồng hiện trên thuyền Cảnh-thắng là thuyền vua ngự, ngày bính-tí đến cửa biển Thi-lợi-bi-nại (tức cửa Thi-nại), binh thuyền đến bờ sông Tu-mao, tướng Chiêm là Bô-bi-đà-la nghênh chiến, bị giết. Vua Chiêm là Đê-củ và gia-đình đương đêm bỏ trốn. Trong đêm ấy, vua đến thành Phật-thệ...» Phải mất 6 ngày mới đi từ Tư-hiền (Thừa-thiên) đến Phật-thệ, vậy Phật-thệ không thể ở Thừa-thiên, mà là ở gần Thi-nại (Qui-nhơn). Vậy Phật-thệ là một danh xưng khác của Trà-bàn chăng?

chấp, chiến tranh trong 8 thế-kỷ trên giải đất từ núi Hoành-sơn đến địa-giới nước Chân-lạp, nhiều lần ra đến châu Hoan, châu Ái và tận Thăng-long nữa, để rồi Chiêm-thành vì đất đai bị tước đoạt lần lần, không còn đủ sức làm một nước chư hầu của triều Nguyễn nữa mà bị bôi tên hẳn trên bản đồ.

Sau năm ất-tị (1065), Chiêm-thành không triều cống vua Lý nữa, vì có một vị vua mới lên ngôi là Chế Củ (sử Chiêm gọi là Rudravarman III hoặc Yan Pu Çri Rudravarmandra) quyết chí báo thù Đại Việt, đã luyện tập binh lính, sai sứ sang nhà Tống cống phương vật, mua ngựa, để chuẩn bị chiến tranh. Vì vậy, năm ất-dậu (1069), tháng 2, vua Thánh-tông phát binh, Lý Thường Kiệt làm Đại tướng, đem 5 vạn quân vào cửa Thị-nại (Qui-nhơn), rồi đổ bộ, tướng Chiêm là Bồ-bi-đa-la nghênh chiến, bị giết, quân Lý tiến vào kinh-đô Phật-thệ (Trà-bàn), vua Chiêm là Chế Củ đã đương đêm bỏ thành đem vợ con chạy trốn Vua Lý vào thành rồi sai Lý Thường Kiệt đuổi theo Chế Củ, gần đến biên giới Chân-lạp thì bắt được. Cầm tù 5 vạn quân Chiêm, đặt tiệc ăn mừng trong cung điện vua Chiêm, ra lệnh đốt hết 2500 khu nhà ở trong và ngoài thành Phật-thệ, rồi tháng 6, giải hoàn, giải Chế Củ và bộ thuộc về Thăng-long. Chế Củ phải xin dâng ba châu Bồ-chính, Địa-lý, Ma-linh và được tha về nước.

Nhưng rồi Chiêm-thành lại đem quân quấy nhiễu các miền duyên hải, nên năm ất-mão (1075) vua Nhân-tông sai Lý Thường Kiệt đi đánh, nhưng không thắng được; Thường Kiệt bèn vẽ địa đồ hình thế núi sông ba châu ấy rồi trở về. Nhà Lý đổi tên châu Địa-lý làm châu Lâm-bình, châu Ma-linh làm châu Minh-linh, và vua Nhân-tông xuống chiếu chiêu mộ dân đến ở. Xem thế thì đất tuy đã cắt nhượng, trên pháp-lý đã thuộc về Đại Việt, nhưng sự thi hành không dễ. Có lẽ vua Lý nghĩ rằng dùng võ lực quân sự để ép buộc không bằng dùng người để xâm nhập, cách này tuy chậm chạp nhưng mới chắc-chắn đi đến sự chinh phục đất đai. Và bài học này, các chúa Nguyễn sẽ đem áp dụng ở đất Chân-lạp.

Chiều chiều mộ di dân của vua Lý nói trên đây là một văn kiện quan trọng trong lịch-sử nước ta, ấy là bước đầu của cuộc nam tiến mà dân-tộc theo đuổi trong 6, 7 thế-kỷ sau này nữa.

Đáp ứng chiều ấy, nhiều người đã từ bắc bắt đầu đến đất này khai khẩn đất đai. Trong số người di dân ấy, những người cùng một họ (tộc) thường tụ họp một nơi; rồi lập thành một làng (xã) Người ta thấy có những làng mà tiếng nôm gọi là nhà Phan, và tên chữ là xã Phan-xá, nôm gọi nhà Vàng và tên chữ là xã Hoàng-xá, nôm gọi nhà Ngò mà tên chữ là xã Ngô-xá, và xã Vũ-xá tức làng người họ Vũ, xã Bùi-xá tức làng người họ Bùi, xã Đặng-xá, của người họ Đặng, xã Phạm-xá của người họ Phạm, xã Trương-xá của người họ Trương, xã Nguyễn-xá của người họ Nguyễn, xã Mai-xá của người họ Mai. Các làng ấy đã thành lập ở châu Lâm-bình, châu Minh-linh tức là nam bộ tỉnh Quảng-bình, và bắc bộ tỉnh Quảng-trị ngày nay, (1) còn ở châu Bồ-chính, tức bắc-bộ tỉnh Quảng-bình thì không có những tên làng lấy tên họ mà đặt như thế. (1) Theo R. P. Cadière là học giả đã dày công tìm tòi về địa-lý lịch-sử, di tích lịch-sử trong tỉnh Quảng-bình thì đáp ứng tờ chiều chiều dân lập ấp của vua Lý Nhân-tông, nhiều người đã di cư vào nam lập nghiệp, nhưng họ không dừng ở châu Bồ-chính mà đi thẳng vào Lâm-bình là nơi đất thấp và phì nhiêu hơn, vì vậy Lâm-bình (nay là huyện Lệ-thủy, Quảng-ninh) được khai khẩn sớm hơn châu Bồ-chính, châu này đến đời Lê Thánh-tông mới chiêu dân đến ở (2) (xem sau).

Năm quý-mùi (1103) ở Diên-châu (Nghệ-an), có người tên là Lý Giác nói học được phép lạ, có thể biến cây cỏ làm người, bèn chiêu tập bọn vong mạng, chiếm cứ châu ấy, đắp thành, lam loạn, vua

(1) Các xã ấy còn thấy trong bảng kê các xã của phủ Tân-bình, phủ Triệu-phong trong sách *Ô-châu cận lục* viết năm 1555 (xem sau).

(2) *Géographie historique du Quảng-bình d'après les annales impériales* đăng trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême Orient*.

sai Lý Thường Kiệt vào đánh, bình được, Giác chạy sang Chiêm-thành, bày tỏ tình hình hư thực nước ta với vua Chiêm là Chế Ma-na. Nghe lời Giác, Chế Ma-na đem quân sang đánh lấy lại 3 châu Địa-lý, Ma-linh, Bồ-chính. Năm sau, giáp-thân (1104) vua Nhân-tông sai Lý Thường Kiệt vào đánh, Ma-na thua, phải trả lại ba châu.

Như vậy, đời Lý, tổ tiên chúng ta mới tiến vào đến nửa tỉnh Quảng-trị ngày nay ; và Chiêm-thành đã mất phần đất cực bắc, phần này địa thế thủy, lục đều rất quan trọng cho việc phòng thủ ; sau này các chúa Nguyễn chỉ thiết lập công cuộc phòng thủ ở đó mà chống được mọi cuộc nam xâm của quân Trịnh ; cửa Nhật-lệ rộng, sâu, chiến thuyền lớn vào được, thủy quân Chiêm thường tập trung ở đó để ra đánh bắc, sau này thủy quân Việt vào đánh Chiêm cũng ghé đó đã.

Châu Bồ-chính thời Minh-thuộc đổi là Trấn-bình, đời Lê chia làm 2 châu là Nội Bồ-chính và Ngoại Bồ-chính, (1) tức là đất các huyện Quảng-trạch, Bồ-trạch, Tuyên-hóa tỉnh Quảng-bình ngày nay, Châu Địa-lý, đổi làm Lâm-bình, đời Trần Duệ-tông đổi là châu Tân-bình, thời thuộc Minh vẫn để tên ấy, Lê trung hưng đổi là châu Tiên-bình, nay gồm đất phủ Quảng-ninh và huyện Lệ-thủy thuộc tỉnh Quảng-bình. Châu Minh-linh thời Minh-thuộc đổi là châu Nam-linh, đời Lê đặt làm huyện, và đổi lại là Minh-linh, nay là đất hai huyện Vĩnh-linh, Do-linh thuộc tỉnh Quảng-trị.

Đời nhà Trần, sau khi vua Thái-tông lên ngôi, Chiêm-thành có sang cống hiến, nhưng thỉnh thoảng lại sang quấy phá ven biển, và cứ đòi lại ba châu đã cắt nhượng. Năm nhâm-tí (1252) vua phải thân chinh, bắt được vương phi Chiêm là Bồ-già-la, nhiều triều thần và người Chiêm đem về. Sau đó, Chiêm-thành sang cống và hai nước hoà hảo.

(1) Từ năm 1945 đến nay, những khu vực hành chính trong nước và những địa danh đã nhiều lần thêm, bớt, thay đổi, chúng tôi chưa tra cứu và đối chiếu hết được. Vậy trong bài này, những khu vực hành chính, những địa danh đều noi theo thời kỳ trước 1945 ; vậy những chữ *ngày nay là... ngày nay là*, xin hiểu là trước năm 1945.

Đời vua Anh-tông, năm tân-sửu (1301) Nhân-tông Thượng-hoàng sang Chiêm-thành xem phong cảnh, được Chiêm nghênh tiếp tử tế, có hèn gã công-chúa Huyền-trân cho vua Chiêm là Chế Mân, bấy giờ đã có hoàng-hậu người Java. Sau đó, Chế Mân sai dâng vàng, bạc và sản vật để xin cưới. Trêu-thần nhiều người không chịu, Chế Mân lại xin dâng châu Ô và châu Lý để làm lễ cưới, vua Anh-tông mới thuận gả. Đến năm bính-ngọ (1306) đưa công-chúa sang Chiêm-thành; và năm sau, vì dân các thôn La-thủy, Tác-hồng, Đà-bồng không phục, vua Anh-tông sai Hành-khiển Đoàn Nhữ Hài vào hiệu dụ, đổi tên hai châu Ô, Lý làm Thuận-châu và Hoá-châu, chọn lấy người trong dân chúng cho làm quan cai trị, cấp ruộng đất và miễn tô thuế ba năm cho dân. Chắc đã có lệnh chiêu dân đến ở, nhưng sử không chép.

Thuận-châu là đất huyện Đặng-xương (sau đổi làm Thuận-xương, nay là phủ Triệu-phong), huyện Hải-lăng thuộc tỉnh Quảng-trị, và huyện Phúc-diên, huyện Quảng-diên, huyện Hương-trà thuộc tỉnh Thừa-thiên ngày nay; Hoá-châu là đất huyện Phú-lộc, huyện Phú-vang thuộc tỉnh Thừa-thiên, và huyện Diên-phước (nay là đất huyện Đại-lộc và phủ Điện-bàn), huyện Hòa-vang thuộc tỉnh Quảng-nam ngày nay.

Người Chiêm đã mất cánh đồng Bình-Trị-Thiên, và mất thêm một cửa biển nữa, thời ấy rất sâu và tiện lợi cho thủy quân là cửa Tư-dung (nay là Tư-hiền).

Việc gả Huyền-trân công-chúa cho vua Chiêm là một thủ đoạn chính-trị, có thể noi là nơi theo một chính sách khởi xướng từ triều, Lý, dùng hèn nhân vì mục-dích chính-trị. Như vua Lý Thái-tông gả công-chúa Bình-Dương cho Châu-mục Lạng-châu (nay là Bắc-giang và nam Lạng-sơn) là Tân Thiệu Thái, lại gả công-chúa Kim-thành cho Châu-mục Phong-châu (vùng Sơn-tây, Phú-thọ) là Lê Thuận Tông, gả công-chúa Trường-vinh cho Châu-mục Thượng-oai (Hoà-bình) là Hà Thiện Lâm; vua Thánh-tông gả công-chúa Thiên-thành cho Châu-mục Lạng-châu là Thân Thận Cảnh (con Triệu Thái và công-chúa

Bình-dương) ; vua Nhân-tông gả công-chúa Khâm-thánh cho Châu-mục châu Vị-long (châu Chiêm-hóa, tỉnh Tuyên-quang ngày nay) là Hà Di Khánh ; vua Anh-tông gả công-chúa Thiệu-dung cho Dương Tự Minh, thủ lãnh phủ Phù-hương, cai quản các khe động ở biên giới. Nhờ các cuộc hôn nhân ấy mà các miền thượng-du Bắc-Việt và biên giới là miền nhân dân rất phức tạp, khó kiểm soát và cai trị, được yên ổn, làm phen dậu vững chắc cho đất trung nguyên. Đời Lý thì công luận đối với các hôn nhân ấy không thắc-mắc gì, nhưng đến đời Trần, cuộc hôn-nhân Huyền-trần — Chế Mân đã bị nhiều người phản đối, dân gian đặt ra những câu ca để chế diễu (*Tiệc thay cây quế giữa rừng, để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo ; Tiệc thay hạt gạo trắng ngần, đã vo nước đục lại vẫn lừa rơm*). Có lẽ vì đến đời Trần, Nho học đã thịnh, cái quan niệm « hoa, di » hẹp hòi đã gây ra sự kỳ thị ấy. Huống nữa, trước đó, vua Thái-tông đã đem công-chúa Ngoạn-thiểm gả cho Nguyễn Nộn, một tên giặc cỏ, vì không đánh được nó ; vua Nhân-tông, khi quân Nguyên mới đến, thấy khí thế mạnh quá, sai đưa công-chúa Thiên-tư (em út vua Thánh-tông) cho Thoát Hoan, nói là để « thơ nặn nước » ; hai cuộc gả bán ấy thật cũng không cao đẹp gì, nên đã khiến nhân dân có những thành-kiến không tốt đối với những cuộc hôn nhân chính-trị. Nhưng gả Huyền-trần thì thực là « đem má phẫn để đổi lấy trường thành », ích lợi thiết thực là mở rộng lãnh thổ, và quả như lời một nhà thơ đời sau : ... *Hai cháu Ô, Lý vương nghìn dặm, một gái Huyền-trần đáng mấy mươi ! ..* » (1) Chính sách ấy, sau này chúa Nguyễn là Hy-tông Nguyễn-phước Nguyên cũng dùng đến, và chính nhờ gả công-nữ cho vua Chân-lạp mà tổ tiên ta đã chinh phục đất Nam Việt hiện nay một cách dễ dàng.

Huyền-trần về Chiêm-thành được hơn một năm thì Chế Mân mất, bà đã không tuân theo điển lệ của hoàng gia Chiêm là lên đàn hỏa để theo chồng, trái lại, đã được vua Trần sai người vào lên đưa về. Hành vi của Huyền-trần và của vua Trần khiến người Chiêm

(1) Hoàng Cao Khải.

rất oán giận. Con Chế Mân là Chế Chí kế vị cha, cho rằng như vậy họ có quyền lấy lại hai châu Ô, Lý. Vì đó, năm tân-bợi (1311) vua Anh-tông cùng Trần-quốc Chân, Trần Khánh Dư đem quân sang đánh Chiêm-thành, bắt Chế Chí đem về, và phong người em là Chế Đà-a-bà, sử ta gọi là Chế Năng, làm vua. Chế Chí được vua Trần phong vương, an trí ở Gia lâm, chẳng bao lâu thì mất.

Từ đó, người Chiêm càng thêm oán giận nước ta, thường vào cướp phá. Chế Năng xua quân tái chiếm Ô, Lý, nên năm mậu-ngọ (1318), vua Minh-tông sai Huệ-tô-vương Trần-quốc Chân và tướng-quân Phạm Ngũ Lão đem binh vào đánh, Chế Năng thua, bỏ chạy, sang ẩn náu ở Java Triều Trần bèn đặt một tướng lãnh Chiêm là Chế A-nan lên ngôi vua A-nan chết, rể là Trà Hoa cướp ngôi, con là Chế Mộ chống lại, thua, năm 1346, chạy sang cầu cứu nhà Trần. Mãi đến năm 1353 vua Dụ-tông mới sai quân đưa Chế Mộ về nước, quân ta đến Cổ-lũy (Quảng-ngãi) thì bị quân của Trà Hoa đánh thua, phải cùng Chế Mộ chạy về Thăng-long. Chế Mộ sau đó cũng chết, Trà Hoa thủ kéo quân sang chiếm lại hai châu Ô, Lý, nhưng thất bại. Trong các năm tân-sửu (1361), nhâm-dần (1362), bính-ngọ (1366), quân Chiêm ra đánh phá Bồ-chính, Hóa-châu, Lâm-binh. Thấy quân Chiêm cứ sang đánh phá mãi, năm đinh-tị (1367), triều Trần sai Trần Thế Hưng, Đỗ Tử Bình đem quân vào đánh Chiêm-thành, đến Chiêm động (Quảng-nam) thì bị quân Chiêm phục kích, bắt Trần Thế Hưng, Đỗ Tử Bình phải rút quân về.

Chiêm-thành bắt đầu khinh thường lực lượng của ta, hướng Chiêm lại đương có một vị vua anh hùng, có tài chiến trận, giỏi việc trị nước, nuôi ý chí quật cường là Chế Bồng-ngà, nên họ vào đánh cướp mãi, mấy lần vào tận Thăng-long và cướp phá mãi cho đến khi nhà Trần mất ngôi. Vua Trần Dụ-tông mất, Dương Nhật Lễ kế vị được hai năm thì bị các thân vương và tôn thất nhà Trần đem quân truất phế, lập Nghệ-tông lên thay. Mẹ Nhật Lễ trốn sang Chiêm, khuyên vua Chiêm đem quân sang đánh Thăng-long. Năm tân-bợi (1371) Chế Bồng-ngà đem quân đi đường biển, vào cửa Đại-an, kéo lên đánh Thăng-long, quan quân chống không nổi, vua Nghệ-

tổng phải chạy sang Đông-ngạn (Bắc-ninh), quân Chiêm vào thành, cướp hết các đồ châu báu, đốt sạch cung điện, bắt đàn bà, con gái, rồi rút quân về.

Sau đó, quân Chiêm năm nào cũng đem quân sang quấy nhiễu. Vua Duệ-tông lên ngôi rồi, quyết ý thân chinh Năm đinh-tị (1377), vua đem 12 vạn quân thủy, bộ nam chinh, vào cửa Thi-nại, rồi đến trước thành Trà-bàn. Chế Bồng-ngà cho một tiểu thần trá hàng đến tâu vua rằng vua Chiêm đã trốn, thành bỏ không, xin vua cứ vào Mặc dầu Đại tướng Đồ Lễ hết lời can ngăn, vua Duệ-tông cùng Ngự-câu vương Húc cũng tiến vào thành, bị quân Chiêm phục sẵn đồ ra vây đánh, quân ta thua to, Duệ-tông chết tại trận, Đại-tướng Đồ Lễ, Nguyễn Nạp Hòa, Hành-khiển Phạm Huyền Linh đều bị giết, Ngự-câu vương Húc bị bắt, tướng tá, quân lính mười phần chết đến bảy, tám.

Thừa dịp thắng thế, tháng sau, Chế Bồng-ngà lại xua quân tiến ra, vào Thăng-long, cướp phá lần nữa. Năm sau (1378), quân Chiêm tấn công Nghệ-an, rồi ra Thăng-long cướp phá Thăng-long lần nữa.

Trong thời gian này, Chế Bồng-ngà hầu như làm chủ được các đất Thuận-hóa, Tân-bình (1), Nghệ-an, Chế Bồng-ngà gả con gái cho Ngự-câu vương Húc và sai tiếm xưng tôn hiệu, cai trị vùng Nghệ-an. Trong các năm canh-thân (1380) nhâm-tuất (1382) quân Chiêm đều có ra đánh cướp Nghệ-an, Thanh-hóa, nhưng bị quân nhà Trần chặn lại, không ra Thăng-long được. Năm kỷ-ı (1389) Chế Bồng-ngà đem quân ra đánh Thanh-hoa, các tướng nhà Trần được sai vào đối địch đều thua, quân Chiêm vào sông Hoàng-Giang, nhà Trần sai Trần Khát Chân đi đánh. Đầu năm canh-ngọ (1390), Chế Bồng-ngà đi thuyền đến xem hình thế trại quân Trần Khát Chân, bị bắn chết.

Mất vị vua anh hùng, từ đây Chiêm-thành không còn cường

(1) Phủ Lâm-Bình được vua Duệ-tông đổi là Tân bình năm ất-mão (1475).

kiện như trước nữa, và không chỉ lịch-sử Chiêm-thành, mà cả lịch-sử bang-giao Chiêm — Việt cũng đều lật sang một trang mới.

Chế Bồng-nga chết, tướng là La Khải rút quân về nước, chiếm ngôi vua. Hai con của Bồng-nga là Chế Ma-nô-dã-nan và Chế San-nổ trốn sang hàng nhà Trần, đều được phong tước Hầu. Người Chiêm không phục La Khải, nhiều tướng, quan Chiêm sang theo nhà Trần.

Biết sự suy yếu của Chiêm, nên sau khi cướp ngôi nhà Trần, năm nhâm ngọ (1402) Hồ quý Ly sai tướng là Đỗ Mậu đem quân vào Chiêm-Thành, vua là Ba-địch-lại (con La Khải) phải xin nhường Chiêm-động (nam bộ tỉnh Quảng-nam ngày nay) để xin bãi binh. Họ Hồ đòi thêm Cổ-lũy-động (tỉnh Quảng-ngãi ngày nay). Đây là một thiệt thòi lớn lao cho người Chiêm, vì ngoài việc mất một cửa biển quan trọng là Đà-nẵng, đồng bằng phì nhiêu Nam-Nghĩa, họ còn phải bỏ kinh-đô cũ của các triều đại trước, nơi tích trữ nhiều tài sản quý báu và đã chứng kiến những giai-đoạn oai hùng của vương-quốc.

Hồ Quý Ly chia đất này làm châu Thăng, châu Hoa, châu Tư, châu Nghĩa, đặt lộ Thăng-hoa để thống hạt 4 châu, còn ở đầu nguồn thì đặt làm trấn Tân-ninh, cử Nguyễn Cảnh Chân làm An-phủ-sứ lộ Thăng-hoa, bổ Chế Ma-nô-dã-nan, con Chế Bồng-nga làm Cổ-lũy Thượng hầu để trấn trị hai châu Tư và Nghĩa.

Sau khi vua Chiêm nhường đất Chiêm-động và Cổ-lũy-động cho ta, người Chiêm ở đó đều bỏ đi hết, họ Hồ bắt dân có của mà không có ruộng tại các trấn Nghệ-an, Thuận-hóa đem vợ con vào ở để khai khẩn đất ấy, dân ấy phải thịch trên cánh tay hai chữ tên châu mình. Lại mộ người có trâu đem nạp, ban cho phẩm tước, để lấy trâu cấp phát cho dân cày. Người Chiêm-thành không có họ, từ đây, từ Thăng, Hoa trở vào, ai có họ là dân Việt.

Và từ đó; Thăng-hoa cùng Tân bình, Thuận-hóa là ba lộ đều đóng trọng binh để khống chế người Chiêm.

Nhưng chẳng bao lâu, nhà Minh sang đánh nhà Hồ, đặt cuộc

đồ-hộ, thì người Chiêm thừa dịp chiếm lại đất đai của họ từ núi Hải-vân trở vào nam.

Năm bính-tuất (1406), quân Minh sắp sang đánh, Hồ Hán Thương sai Hoàng Hối Khanh làm Tuyên-úy sứ Thăng-hoa. Hối Khanh đến Thăng-hoa, lấy Đại Tri-châu Đặng Tất, Phạm Thế Căng, Châu-phán Nguyễn Lỗ là các quan chức đương làm việc ở đó, làm tâm phúc. Quân Minh sang đánh, họ Hồ thua chạy, liền đưa sắc thư vào phong Chế Ma-nô-dã-nan làm Thăng-hoa quận-vương để chiêu dụ quân Chiêm cứu viện, Hán Thương lại sai Hoàng Hối Khanh đem dân di cư và thổ dân ở đây giao cho Châu-phán Nguyễn Lỗ đem đi cứu viện, Hối Khanh giấu lệnh ấy, không nói ra. Thừa dịp quân Minh sang đánh, người Chiêm kéo về giành lại đất cũ, Hối Khanh bỏ trốn về Hóa-châu (1). Đặng Tất và Nguyễn Lỗ cũng đi theo, Đặng Tất đi đường thủy, Nguyễn Lỗ dẫn dân di cư đi đường bộ. Chỉ còn Chế Ma-nô-dã-nan chống với quân Chiêm, bị Chiêm giết chết. Lấy được Thăng-hoa, quân Chiêm lại ra đánh Hóa-châu (1) Đặng Tất đến Hóa-châu, được người Minh cử làm Đại Tri-châu châu này để ngăn chống quân Chiêm Quân Chiêm đánh Hóa-châu không được, phải rút về.

Đặng Tất làm Đại Tri-châu Hóa-châu nghe tin Giản-định đã dấy lên, bèn giết hết quan nhà Minh, ra Nghệ-an theo vua Hậu Trần. Nghĩa quân các nơi hợp lại ở Nghệ-an để hưởng ứng. Đất từ Nghệ-an trở vào Hóa-châu (1) lại thuộc về nhà Hậu Trần. Tháng chạp năm mậu-tý (1408) vua Giản-định ở Nghệ-an đã tập hợp được một đạo quân gồm có quân Thanh-hoa, Nghệ-an, Diễn châu, Tân-bình, Thuận-hóa đem ra đánh Đông-đô do quân Minh chiếm. Vì trong mấy năm vua Trùng-quang kháng chiến với quân Minh, binh-sĩ Tân-bình, Thuận-hóa đã góp sức rất nhiều (2).

(1) Hóa-châu nay là đất huyện Phú lộc, huyện Phú-vang thuộc tỉnh Thừa-thiên và huyện Hòa-vang, huyện Đại-lộc, phủ Điện Bàn thuộc tỉnh Quảng-nam. Nhưng Hóa-châu đây có lẽ chỉ đất ở phía bắc núi Hải-vân tức là huyện Phú-vang, Phú-lộc, còn đất ở phía nam Hải-vân trong tỉnh Quảng-nam, giáp tiếp với Thăng, Hoa đã bị người Chiêm chiếm cứ.

(2) Lời của Lê-quí Đôn trong *Vũ-biên tạp lục* quyển I (bản chữ Hán chép tay của viện Khảo-cổ Saigon).

Đến năm quý-tỵ (1413), tháng 6, quân Minh mới vào đánh lấy Nghệ-an và tháng 9 đánh lấy Hóa-châu. Từ châu Thăng, châu Hoa trở vào, có lẽ từ núi Hải-vân trở vào thì đúng hơn, vẫn do người Chiêm chiếm giữ. Đầu năm giáp-ngọ (1414) Lê-Trương Phụ, Mộc-Thanh chiêu vũ dân Tân-bình, Thuận-hóa, đặt quan cai trị, cùng làm việc với thổ quan, khám xét nhân khẩu, làm sổ hộ tịch, định ngạch thuế ruộng và các thứ thuế tơ, lụa, đặt Thị-tàu để cử ty ở Tân-bình và ở Thuận-hóa, đặt Trừu-phân trường ở Thuận-hóa để đánh thuế thuyền buôn. Theo *Minh-chi*, đời Vĩnh-lạc, chia nước ta làm 17 phủ, trong có phủ Tân-bình (đặt tỉnh Quảng-bình, Quảng-trị ngày nay), phủ Thuận-hóa (đặt tỉnh Thừa-thiên và bắc-bộ tỉnh Quảng-nam ngày nay), phủ Thăng-hoa; nhưng phủ Thăng-hoa (và có lẽ bắc-bộ tỉnh Quảng-nam nữa), chỉ chép có tên mà thôi. Như vậy ta có thể biết rằng số người di cư vào Thăng-hoa sau khi họ Hồ lấy được Chiêm-động, Cổ-lũy động đã theo Nguyễn Lữ trở về Thuận-hóa, số người ở lại chắc không còn bao nhiêu.

Bình-định vương Lê Lợi khởi nghĩa năm mậu-tuất (1418) đến năm ất-tỵ (1425) vây Nghệ-an, tiến đánh Đông-đô, và sai Tư-dồ Trần Nguyên Hãn, Thượng-tướng Lê Nỗ đem quân vào đánh lấy phủ Tân-bình và phủ Thuận-hóa. Vương lại sai Lê Ngân đem 70 chiến thuyền vượt biển thẳng đến đất ấy, nhân dân đều qui thuận. Đến năm đinh-mùi, Vương sai người Minh đem 350 con ngựa đến Hóa-châu chăn nuôi, chia những người Minh khỏe mạnh trong bọn người Minh bị bắt cho đến ở Tân-bình. Vẫn giữ 2 lộ Tân-bình và Thuận-hóa y như đời Trần. Vương dụ tướng sĩ, quân, dân hai lộ rằng: «Trước kia, Chiêm-thành nghịch mạng, xâm lấn biên cương, ông cha các người đã đem lòng thành giúp, thuận, báo đáp quốc-gia, đánh bại quân giặc, lấy lại đất đai, tiếng thơm, công lớn ghi lại sử sách. Nay quân Minh bắt đạo, trên trái lòng trời, cùng binh, độc võ, cốt mở đất đai, khiến sanh dân lầm than đã hơn 20 năm rồi. Ở các kinh, lộ của ta, chưa thấy ai bày tỏ lòng trung, ra sức lập công, mà các người là bề tôi phen dậu, lại biết nhớ công sức ông cha, hết lòng trung với nhà vua, lập được chiến công, trung thành như thế, thật là

đáng khen. Vậy đặc cách thăng tước cho người là A-đại-liêu-ban, người nên cố gắng. » (1)

Sau khi quân Minh đã rút về, năm mậu-thân (1428) vua Thái-tổ thấy Hóa-châu là trọng trấn, sai trọng thần vào trấn thủ, đặt chức Tổng-quân. Tri-phủ cho các lộ ấy. Các tướng hữu danh đương thời như Lê Khôi, Lê Chuyết đều có trấn đất này.

Vua Thái-tông lên ngôi, còn nhỏ tuổi, người Chiêm tướng có thể thừa cơ đánh phá được, nên nhiều lần đưa quân sang quấy nhiễu. Năm giáp-dần (1434) người Chiêm đánh đến Hóa-châu, thủy quân Chiêm cướp vùng cửa Việt (Quảng-trị), triều Lê sai Tư-mã Lê Liệt, Thiếu-úy Lê Khôi, Tổng-quân Lê Chích đi đánh, nhưng khi quân ta vào Hóa-hầu thì quân Chiêm đã rút lui.

Tro g thời-gian này, Chiêm-thành đương bận đánh Chân-lạp, nhưng không thành công, nên sau vụ năm giáp-dần, họ sai sứ sang dâng quốc-thư và cầu hòa.

Vua Chiêm là Ba-địch-lại (con La Khả) mất năm 1441, từ đó Chiêm-thành bị nội loạn và suy yếu. Con Ba-địch-lại là Ma-ha-quý-lại không được kế vị, cháu là Ma-ha-bi-cai lên nối ngôi Ma-ba-bi-cai sai sứ Trung-quốc để được lòng thiên triều, rồi nhiều lần cho quân sang cướp phá nước ta. Năm giáp-ý (1444) quân Chiêm cướp phá Hóa-châu, triều Lê sai Thái-bảo Lê Bôi và Tổng-quân Lê Khả đi đánh. Vua Nhân-tông xuống chiếu dụ tướng sĩ, quân, dân Hóa-châu rằng: « Đắt các người giáp Chiêm-thành, nhiều lần bị cướp bóc. Ông cha các người đã hết sức đánh giữ để củng-cố bên thù. Đến khi Thái-tổ Cao-hoàng-đế ta mới dựng nước, nghĩ rằng các người đã hết lòng chống giữ, thủy chung như một, đời đời giữ lòng trung nghĩa, nên đã rộng ban ân tước. Mới đây chúa nước Chiêm đem binh và voi đến vây, bấy giờ viện binh chưa đến, sự thế nguy cấp, các người đã đồng được phấn đấu không tiếc mình, xông pha ở chỗ vạn tử, lấy một chống lại vạn, cuối cùng giết được cường địch, giữ được cô thành, khiến uy

(1) Trích dịch ở *Vũ-biên tạp lục* của Lê quý Đôn, quyển I (bản chép tay của Viện Khảo-cổ Saigon).

nhà vua suốt đến phương xa, ấy là sức của các người. Nay sai Chính-sự viện Tham-ngự Nghiêm Tử Kiệt, Hàn-lâm-viện Đãi-chế Hoàng Bút Phu mang sắc dụ đến ủy lạo nhân dân. Trong các ấp, người nào có chiến công hoặc nhà có kẻ trận vong, sai thủ-tướng khai tâu lên để nêu thưởng; ấp nào bị giặc đốt cướp thì cho tha tô thuế 3 năm. Vậy ban chiếu dụ này cho ai nấy đều nghe biết.» (1)

Năm sau, ất-sửu (1445), Chiêm lại ra cướp phá Hóa-châu, vua sai Tư-đồ Lê Thận, Lê Xí đi đánh.

Trước thái-độ ấy của người Chiêm, vua Nhân-tông sai sứ sang trình bày với vua nhà Minh rằng Chiêm-thành luôn luôn gây hấn, rồi năm bính-dần (1446) sai bọn Bình-chương Lê Thọ, Lê Khả, Thiếu-phó Lê Khắc Phục đem đại quân nam chinh. Bọn Lê Thọ đến các xứ Ly-giang, Đa-lang (2), Cổ-lũy, khai thông đường thủy, đắp thành lũy, đánh tan quân Chiêm, thừa thắng vào cửa Thi-nại, dụ được vương-tôn. Chiêm là Bi-lai, bắt được vua là Ma-kha Bi-cai cùng nhiều cung tần, bộ thuộc, đem về Thăng-long, và đặt Bi-lai lên ngôi vua. Năm 1449, Bi-lai bị em là Quý-do truất phế và bắt giam. Quý-do sai sứ sang cống, nhưng vua Lê từ khước, không nhận. Năm 1458, Quý-do cũng bị giết, ngôi vua thuộc về Trà Duyệt, cháu rể của Bi-Cai, đến năm 1460, Trà Duyệt nhường ngôi cho em là Trà Toàn.

Nguyên bởi Lê-sơ, khi vua Thái-tổ mới đuổi quân Minh, ra Đông đô, thì chia nước làm 4 đạo là Tây-đạo, Đông-đạo, Nam-đạo, Bắc-đạo, đem các phủ lộ, trấn, châu, huyện và xã, chia thành khu-vực để lệ thuộc vào đạo. Đến khi trong nước đã yên, đặc thêm đạo Hải-tây, cho các lộ Thanh-hoa, Nghệ-an, Tân-bình, Thuận-hóa lệ thuộc vào. Chưa thấy nói đến đất Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa đương do người Chiêm-thành làm chủ từ thời nước ta bị Minh-thuộc.

Đời vua Lê Thánh-tông, năm Quang-thuận thứ 7 (1466), chia

(1) Trích dịch ở *Vũ-biên tạp lục* của Lê-quí Đôn, quyển I.

(2) Có bản chép là Linh-lang. Ly-giang và Đa-lang, không biết ở đâu; Cổ-lũy là đất Quảng-ngĩa ngày nay.

nước làm 12 đạo thừa tuyên là: Thanh-hoa, Nghệ-an, Thuận-hóa, Thiên-trường (1), Nam-sách (2), Quốc oai, (3) Bắc-giang, (4) An-bang, (5), Hưng-hóa, Tuyên-quang, Thái-nguyên, Lạng-son, và phủ Trung-đồ, châu Sa-bôi. Cũng chưa thấy nói đến đất đai ở phía nam Thuận-hóa. Thuận-hóa, thừa tuyên gồm 2 phủ Tân-bình và Triệu phong Phủ Tân-bình lãh 2 huyện là Khương-lộc (6) Lệ-thủy và 2 châu là Minh-linh, Bó-chính, phủ Triệu-phong lãh 6 huyện là Kim-trà, (7) Đan-diễn (8), Hải-lăng, Tư-vinh, (9) Vũ-xương, (10) Điện-bàn Như vậy Thuận-hóa thừa tuyên gồm đất từ núi Ho nh sơn đến nửa tỉnh Quảng-nam ngày nay

Đời vua Thánh-ông năm 1467, Tham-ngự Thừa-chính Hóa-châu là Đặng Thiêm xin vua xuống chiếu chiêu tập dân xiêu giạt vào khai khẩn đất hoang châu Bó-chính. Vua chấp thuận lời xin ấy. Người Việt bắt đầu di dân đến đấy. Năm canh-thìn (1470), vua Chiêm là Trà Toàn một mặt đem 100.000 quân ra đánh Hóa-châu, một mặt sai sứ sang cầu viện nhà Minh Quan Thủ-ngự Kinh-lược-sứ Thuận-hóa là Phạm văn Hiến chống cự không nổi, phải đưa dân vào thành cố thủ và phi báo về triều-đình.

Vua Lê Thánh-tông bèn sai sứ sang nhà Minh kể tội người Chiêm quấy nhiễu, rồi xuống chiếu thân chinh. Quân chia làm 2 đạo; một đạo 100.000 thủy quân do Thái-sư Đinh Liệt được phong là Chánh lỗ tướng quân và Thái-bảo Lê Niệm được phong là Chánh lỗ

(1) Nay là Nam-định.

(2) Nay là Hải-dương.

(3) Nay là Sơn-tây.

(4) Nay là Bắc-ninh.

(5) Tức Quảng-yên sau này.

(6) Nay là phủ Quảng-ninh.

(7) Nay là Hương-trà.

(8) Nay là Quảng-diễn.

(9) Nay là Phú-vinh, thường gọi Phú-vang.

(10) Sau đổi làm Đăng-xương, rồi Thuận-xương, là một phần lớn đất phủ Triệu-phong ngày nay.

phó tướng quân, đốc suất đi trước, một đạo 150.000 quân do vua chỉ huy, theo sau. Tháng 12, quân đến Thuận-hóa, đóng lại, tập duyệt thủy quân. Vua sai thổ tù là Nguyễn Võ về địa-dờ nước Chiêm-thành, ghi rõ núi, sông, những nơi hiểm, dị, dâng lên Tháng giêng năm tân-mão (1471), toàn quân tiến vào đất Chiêm, giao chiến với địch từ ải Cu đê đến cửa biển Tân-áp (1), Cửu-tọa (2), (đều thuộc Quảng-nam) đều thắng, Trà Toàn sai em là Trà Toại đem 6 viên tướng và 5000 quân kéo lên đến sát dinh trại nhà vua. Vua Lê bí mật sai Tả du-kích tướng-quân Lê Hy Cát đem thủy quân đi 500 chiếc thuyền lên vào cửa biển Sa-kỳ (thuộc Quảng-nghĩa) lập dinh lũy, đặt đồn ải để chặn đường về của quân Chiêm. Trà Toàn thấy lực lượng vua Lê hùng dũng, rút về cố thủ Trà-bàn. Xem câu sử ấy, chúng ta biết rằng quân vua Lê, thủy và bộ song song tiến vào, bắt đầu từ ải Cu-đê, tức là phía nam núi Hải-vân, giáp Đà-nẵng, đã phải giao chiến với quân Chiêm, rồi quân thủy, bộ ấy liên lạc với nhau ở mỗi cửa biển trong tỉnh Quảng-nam và Quảng-ngãi, sự kiện ấy cũng tỏ rằng huyện Điện-bàn, tức huyện Hòa-vinh, huyện Diên-phước, tuy thuộc Héc-châu nhưng vẫn còn bị người Chiêm chiếm cứ cũng như Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa. Trà Toàn sai sứ đến xin hòa nhưng vua Thánh-tông cứ tiến binh, hãm cửa Thi-nại, lên vây kinh-dô Trà-bàn, rồi vào thành, bắt sống Trà Toàn và gia quyến cùng 30.000 người, giết chết 40 000 người. Một tướng Chiêm là Bồ-trì-trì chạy thoát, đem tàn quân vào Phan-lung (Phan-rang), tự xưng vương, sai sứ đến xin xưng thần, nạp cống. Vua Thánh-tông bèn chia đất còn lại của Chiêm-quốc làm 3 nước cho yếu thế đi: 1^o) Chiêm-thành là đất từ núi mà sau đó gọi là Thạch-bì trở về nam, phong cho Bồ-trì-trì; 2^o) Nam-bàn là đất từ núi này trở về tây phong cho dòng dõi vua cũ nước Chiêm còn sót lại; 3^o) Hoa-anh (theo sách Hậu Lê đã sử thì nước Hoa-anh về sau dòng dõi suy yếu, mòn mỏi, không thể khảo cứu được). Trà Toàn được đưa về Thăng-long trên chiến thuyền, nhưng đến Nghệ-an thì mất. Trà Toại có sai người sang kêu với nhà Minh, vua Lê sai Lê Niệm vào

(1) Nay là cửa Đại-áp, ở Tam-kỳ.

(2) Nay là cửa Tiều-áp.

bắt được Toại đem về. Vua nhà Minh, theo lời xin của sứ giả của Toại, có hai, ba lần đưa thư sang vua Lê yêu cầu trả đất cho vua Chiêm, nhưng vua Thánh-tông dùng lời khéo léo mà phúc đáp cho qua chuyện.

Tương truyền rằng vua Lê Thánh-tông đánh Chiêm-thành, mở đất đến biên giới giáp hai tỉnh Phú-yên, Khánh-hòa ngày nay, sai đục đá ở đỉnh núi cao nhất trên bờ biển ở đây để dựng bia phân địa giới đất của ta và đất của Chiêm, núi ấy về sau gọi là núi Thạch-bì. Bia ấy hiện nay vết chữ đã mòn, không thể nhận được, nhưng tương truyền văn bia rằng : *Chiêm thành quá thử, binh bại quốc vong, An-nam quá thử, tướng tru binh chiết* nghĩa là : Chiêm-thành qua đây, quân thua nước mất ; An-nam qua đây, tướng chết, quân tan.

Nhưng nếu bia ở Thạch-bì-sơn là thực do vua Lê Thánh-tông dựng lên thì có lẽ sau khi vua chiếm được Trà-bàn, có cho tướng tá đưa quân đi vào đến hết địa-phận tỉnh Phú-yên ngày nay, rồi nhân đó, đục đá, dựng bia, chứ vua đã không đến đó, vì sử chép ngày 29 tháng 2 năm tân-mão (1471) quân ta vây thành Trà-bàn, ngày mồng một tháng ba vào thành, ngày mồng 2 đã xuống chiếu sửa soạn ban sư rồi. Dù sao, sau cuộc chiến thắng này, uy quyền của vua cũng đến phủ Hoài-nhân, tức tỉnh Bình-Định ngày nay mà thôi, chứ chưa vào đến núi Thạch-bì, đất đai bên kia núi Cù-mông chưa thuộc bản đồ nước ta. Vậy đất từ núi Cù-mông đến núi Thạch-bì, vua Thánh-tông đã không giao cho Bồ-trì-trì, mà vua cũng không khai thác ; người Chiêm vẫn chiếm nó như cũ, đến đời chúa Nguyễn Hoàng mới đánh lấy.

Chiếm Chiêm-đô Trà-bàn rồi, vua Lê Thánh-tông tổ chức lại việc cai trị các châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa đã lọt vào tay Chiêm-thành từ thời nhà Minh đánh nước ta. Vua cho người Chiêm đầu

hàng là Ba-thái làm Đồng Tri-phủ Đại Chiêm (1) Đa-thủy làm Thiêm Tri-phủ, và dặn rằng : « Đại Chiêm, Cổ-lũy trước là đất của ta, gần đây bị nước Chiêm lấy, nay ta đã lấy lại được hết, đặc sai các người trấn giữ. Nếu ai dám không theo thì giết ngay đi rồi sẽ tâu lên. » Lại sai Đỗ Tư Qui làm Đồng Tri châu coi việc quân dân ở Đại Chiêm, Lê Y Đà làm Tri-châu châu Cổ lũy, và cũng dặn : « Nếu người Chiêm ai dám không theo, cho phép giết ngay rồi sẽ tâu » Xem quyền « tiền trăm hậu tâu » vua Thánh-tông đã phải trao cho người cầm quyền thì biết bấy giờ việc bình định đất này khá khó khăn, vì sự phản đối của người Chiêm còn mạnh.

Tháng 6 năm ấy (tân-mão, 1471) vua Thanh-tông lấy đất Chiêm-thành vừa chiếm đặt làm đạo Thừa-tuyên Quảng-nam, cộng trong nước là 13 đạo. Danh-từ Quảng-nam có bắt đầu từ đó Thừa-tuyên Quảng-nam thống lãnh 3 phủ, 9 huyện : phủ Thăng-boa có 3 huyện là Lê-giang (2), Hà-đông (3), và Hi-giang (4); phủ Tư-ngbĩa (5) có 3

(1) Đại-Chiêm tức Chiêm-động. Vì Quảng-nam xưa kia là trung-tâm điểm của vương quốc Chiêm, có kinh-đô ở đó, nên đời sau gọi là đất Chiêm, như thời chúa Nguyễn, dinh Quảng-nam cũng gọi là dinh Chiêm.

(2) Huyện Lê-giang, triều Nguyễn, ban đầu đổi là Lễ-dương, sau chia đất cho nhập vào huyện Duy-xuyên, huyện Quế-sơn, phủ Thăng-bình.

(3) Nay là phủ Tam kỳ, và huyện Tiên-phước.

(4) Nay là phủ Duy xuyên.

(5) Tây-sơn đổi làm Hòa-nghĩa ; Hòa-nghĩa trở về nam thuộc Trung-ương hoàng-đế Nguyễn Nhạc giữ, Thăng, Điện trở ra bắc thuộc Bắc-bình vương Chúa Nguyễn Hoàng đã đổi Tư-nghĩa làm Quảng-nghĩa, đến sau, vua Nguyễn Thế-tổ lấy lại bờ cõi cũ, đặt làm Dinh Quảng-nghĩa.

huyện là Bình-sơn, Mộ-hoa (1) và Nghĩa-giang (2), phủ Hoài-nhon có 3 huyện: Bồng-sơn, Phù-ly (3) và Tuy-viễn (4).

Ở đạo Thừa-tuyên Quảng-nam, cũng như các đạo Thừa-tuyên khác đặt 3 ty là Đô-ty, Thừa-ty, Hiến-ty. Đô-ty có chức Tổng-binh, Phó Tổng-binh (5), coi giữ việc binh-chính, tức là chức Trấn-thủ; Thừa-ty có chức thừa chánh-sứ, Thừa phó-sứ, coi những việc về hộ tịch, tiền thóc, kiện tụng; Hiến-ty hoặc Hiến-sát sứ ty, có chức Hiến-sát-sứ, Hiến-sát phó-sứ, coi gửi các việc nói bày, đàn bạc, khám đoán, xét hỏi, hội đồng kiểm soát, khảo khóa (tra xét công việc của các quan chức), tuần hành (6). Đạo thống phủ, phủ thống huyện, Phủ có Tri-phủ, chức vụ là khám xét lại việc kiện tụng ở các huyện. Huyện có Tri-huyện, chức vụ là khám tra các việc kiện về hộ, hôn, điền thổ, khảo thí học trò (6). Đối xã quan làm xã trưởng, đặt Vệ-quân Thăng-hoa

Thánh-tông lại xuống sắc lệnh bảo Thừa-ty Quảng-nam: « Con trai nào từ 15 tuổi trở lên, tư chất thông-minh, chăm học thì đến ngày thí khảo, hai ty Thừa-ty, Hiến-ty bản đạo hội đồng kén chọn, tâu bày đầy đủ, sẽ cho sung làm sinh-dồ bản phủ để dạy học tập và lễ nghĩa ».

Năm canh-tuất, vua Thánh-tông cải chia nước làm 13 xứ, nghĩa là đổi đạo Thừa-tuyên làm xứ, xứ Thuận-hóa, xứ Quảng-nam, cùng 11 xứ Thanh-hoa, Nghệ-an, Sơn-nam (7) Sơn-tây, Kinh-bắc, Hải-dương,

(1) Đời Thiệu trị đổi là Mộ-đức.

(2) Đời Thành-thái, chia đất tháp nhập vào huyện Nghĩa-hành, và phủ Tư-nghĩa.

(3) Nay là huyện Phù-cát.

(4) Nay là phủ Tuy-phước.

(5) Chức Phó Tổng-binh cũng như chức Thông-phán đời Lý, chức An-phủ-sứ đời Trần (Lịch-triều hiến-chương, quan chức chí).

(6) Lịch-triều hiến-chương, quan chức-chí.

(7) Trước là Thiên-trường.

Thái-nguyên, Tuyên-quang, Hưng-hóa, Lạng-son, An-bang, và phủ Trung-đô, tức phủ Phụng-thiên Xứ Thuận-hóa, thời Hồng-đức, chỉ cống sản vật chứ chưa có lệ nạp thuế điền, và xứ Quảng-nam cũng thế.

Liền sau khi vua Lê Thánh-ông chiếm Trà-bàn trở về, chắc có sắc dụ của vua chiếu mộ nhân dân vào ở đất mới chiếm lại và mới lấy thêm nữa, nghĩa là từ Hải-vân đến Bình-định ngày nay, nhưng sử không chép đó thôi.

Theo R. P. Cadière, khi vua Thái-tông đi đánh Chiêm-thành trở về, vua xuống chiếu rằng Bỏ-chính đất rộng, dân thưa, liền với châu Hoan, vậy quan dân ai đến đó khẩn hoang sẽ được lợi lớn, R. P. Cadière đã đọc được tài liệu ấy còn giữ tại một xã ở bắc-bộ tỉnh Quảng-bình, và theo ông, làng Mỹ-hòa và phần nhiều làng ở bắc-bộ tỉnh Quảng-bình đã được thành lập vào lúc ấy (1).

Có những tù tội bị bắt buộc phải di cư vào nam. Đời Lê, trong ngũ hình, về lưu hình (tày), có 3 bậc; lưu cận châu là lưu đi các xứ Nghệ-an, Hà-hoa (2); lưu ngoại châu là lưu đi các xứ thuộc châu Bỏ-chính; lưu viễn châu là lưu đi các xứ thuộc châu Tân-bình (3). Sau khi l'y được đất từ Thăng-hoa trở vào, năm 1474, vua Thánh-tông có sắc chỉ rằng tù xử tội lưu đi cận châu thì sung vệ quân ở Thăng-hoa, đi ngoại châu thì sung vệ quân ở Tư-nghĩa, đi viễn châu thì sung vệ quân ở Hoài-nhân, tội nhân được tha chết cũng sung vệ quân Hoài-nhân (3). Ngoài ra, có những người di cư lẻ-tẻ, từng người một, từng gia-đình, từng nhóm, thì chắc là không thời nào không có. Ấy là hạng người hoặc bất mãn với chế-độ hiện tại, hoặc can phạm tội tình nên phải tránh trốn, hoặc vì phiêu

(1) R. P. Cadière. *Géographie historique du Quảng-bình d'après les annales impériales* đăng trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, 1903.

(2) Tỉnh Hà-vĩnh ngày nay.

— (3) *Lịch-triều Hiến-chương*, *Hình luật chí*.

lưu, muốn tìm kiếm những nơi làm ăn dễ dàng, đất dụng vô rộng rãi hơn.

Tóm lại, khi nước ta thoát khỏi ách bắc-thuộc, vào cuối thế kỷ X, thì Chiêm-thành là một nước mạnh, đối trĩ với nước ta. Người Chiêm là giống người hiếu chiến, lại thiện chiến, có lẽ thiện chiến hơn người Việt nữa, thế mà rồi sẽ bị bắt buộc bỏ hết đất đai cho ta. Ấy là vì người Việt không hiếu chiến như họ, mà khôn khéo, nhẫn nại hơn, và ngoài chiến-tranh, biết dùng nhiều thủ đoạn khác nữa để xâm lấn đất địch. Đời Tiền Lê, Chiêm-thành đã bắt đầu phải triều cống vua ta. Đến đời Lý, năm ất-mão (1075) người Việt mới bắt đầu di dân vào đất Quảng-bình, Quảng trị ngày nay. Đời Trần, sau cuộc kết hôn của công chúa Huyền-trần, năm bính-ngọ (1306), người Việt mới vào đến Thừa-thiên. Đến đời Hồ, sau khi thu được Chiêm-động và Cổ-lũy động, người Việt tiến một bước nữa vào Quảng-ngãi ngày nay. Trong hơn 3 thế-kỷ, tổ tiên chúng ta mới tiến từ Hoành-sơn đến Quảng-ngãi, và đã tốn biết bao công lao của nhà cầm quyền, xương máu của binh, dân, và tài sản, sanh mạng của nhân chúng. Vì ngoài các cuộc chiến trận ra, người Chiêm thích thoảng vẫn sang cướp phá dân ta. Và họ cất nương một đất đai nào đó rồi, sau đó họ lại cứ dùng binh lực để đòi lại; đánh không thắng, đòi không được, họ đem binh thuyền sang cướp phá nơi này, nơi khác để trả thù, các cuộc cướp phá ấy thường phát xuất thỉnh lình, nên dân chúng không biết đâu mà phòng bị. Các vùng duyên hải từ Thừa-thiên trở ra đến Nghệ, Thanh là những nơi mà nhân dân thỉnh thoảng bị cái nạn giết chóc, cướp, đốt, bắt người của người Chiêm trong suốt mấy thế-kỷ. Đất Thuận-hóa thuộc bản đồ ta đã lâu, cơ sở người Việt đã vững vàng, còn đất Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa thì ta mới lấy thời Trần-mạt, nên khi quân Minh sang xâm lăng, thừa dịp họ Hồ bối rối, người Chiêm liền chiếm lấy lại (1407). Những người Việt mới di cư đến 4, 5 năm được Nguyễn Lữ đưa về Thuận hóa, số còn ở lại chắc đã không thoát khỏi sự trả thù tàn bạo của người Chiêm. Chiếm được Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa rồi, người Chiêm lại mưu chiếm lại Thuận-hóa, nhưng người Việt ở đó đã đẩy lui được mọi cuộc tấn công của quân Chiêm.

Năm ất-tỵ (1425) Bình-định vương Lê Lợi thu phục lại được Thuận-hóa trong tay người Minh, nhưng từ Hải-vân trở vào vẫn do người Chiêm chiếm giữ. Và cũng như từ khi người Chiêm lấy lại được lộ Thăng-hoa, từ đây cho đến cuộc nam chinh của vua Lê Thánh-tông, người Việt ở Thuận-hóa phải đương đầu với lực lượng của triều-đình Chiêm-thành đương quyết tâm lấy lại đất đai. Xem hai chiếu thư của vua Thái-tổ, vua Nhân-tông hiểu dụ tướng sĩ, quân dân Hóa-châu thì thấy sự chống cự của người Việt gian khổ và kiên nhẫn biết chừng nào : tổ tiên chúng ta cương quyết giữ lại những mảnh đất vốn là « Ô-châu, ác địa », mà trải qua hơn một thế-kỷ nhờ họ dày công khai thác đã biến thành phì nhiêu như bây giờ.

Vua Lê Thánh-tông chiếm Trà-bàn (1471), tổ chức lại việc hành chính và đặt quân đội phòng giữ từ Hải-vân trở vào, thì nhân dân hai xứ Thuận, Quảng mới yên ổn được một thời gian. Nhưng từ đời vua Uy-mục trở đi, nhà Lê mỗi ngày mỗi suy, ở trong kỷ cương rồi loạn, ở ngoài giặc cướp rồi lên nhiều nơi, triều đình không đánh dẹp được, Năm canh-thìn (1520), Tổng-binh Thuận-hóa là Phạm Văn Huấn giết thổ tù là Hồ Ba Quang, con em Bá Quang tức giận, đem hơn 4000 người bản xứ vào thành đuổi Văn Huấn đi, Văn Huấn bỏ vợ con, chạy về Tân-bình. Thừa-tuyên-sứ là Phạm Khiêm Bính, Hấn-sát-sứ là Ngô Quang Tổ đều cưỡi thuyền trốn đi, dân Thuận-hóa cướp vợ con và của cải của Văn-Huấn, triều đình cũng bỏ qua, không hỏi đến.

Nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, các địa phương cũng vẫn rối loạn, các thổ hào đánh nhau hoặc chống lại nhà Mạc, nhà Mạc phải rộng ban quan tước, phủ dụ lần lần. Đến vua Lê Trang-tôn lên ngôi ở Ai-lao, rồi năm quý-mão (1543), thu phục Tây-đô, năm mậu-thân (1548) sai quan đi kinh lược Thuận, Quảng, thổ hào các huyện và quan lại nhà Mạc đều qui thuận. Tuy vậy hai xứ này vẫn chưa yên hẳn, năm nhâm-tý (1552) vua Trang-tôn sai quân đi đánh dẹp Thuận-hóa, thừa thắng bình-định Quảng-nam, đặt quan, chia quân trấn định, phủ an hai xứ. Nhà Mạc sai quan vào tranh giành, chống đánh, nhưng rồi bị nhà Lê dẹp yên hết.

Mặc dầu phải trải qua nhiều biến cố, loạn ly như vừa thấy,

xứ Thuận-hóa vẫn được phồn thịnh. Sách *Ô-châu cận lục*, viết thời nhà Mạc, do Dương văn An đề tựa năm ất-mão (1555), tả hai phủ Tân-bình và Triệu-phong, xin trích đôi đoạn để biết sơ qua tình trạng xứ ấy trong thời gian này. Trong mục Phong tục tổng luận, sách viết: .. đồng bằng thì nông tang vốn sản nghiệp nhà, bờ biển thì cá muối là kho vô tận. Cửa thỏ nghi đã sẵn thứ rượu tắm rất ngon; hải vị sơn hào, của nhiều chan chứa. Cá tôm sẵn ở sông bề, gỗ cây lấy ở núi rừng. Xóm làng trù mật nên gà chó từng đàn; cỏ nước ngon lành nên trâu bò béo tốt. Trong công-điền có cả tư điền; ngoài thuế ruộng còn nhiều thuế khác, sông hồ lấy lợi, đi thuyền tiện hơn đi chân, đất cát phì nhiêu, được thóc không cần khó nhọc... Xuân sang thì mở hội bơi giải (?), gái lịch trai thanh; hạ tới thì bày cuộc đấu thắm (?), đập diu rộn-rã, nơi ca chốn múa.. Sự mua bán thì tùy nơi đông lấy, 3 đấu thóc không quá 2 đồng tiền; cách ăn uống thì hoang phí vô cùng, đến vài lăm gạo cũng không đủ dùng 12 tháng. Nói tiếng Chiêm thì có thổ dân làng La-giang; mặc áo Chiêm thì con gái làng Thủy-ban... » (1).

Nói về phủ Triệu-phong sách viết: *Lộ Thuận-hóa*, ở phía cực nam, Triệu-phong non sông kỳ tú, ruộng đất mở mang, nhân dân đông đúc, thực là nơi đô hội lớn của một phương. Cảnh tượng vui tươi, phong vật quý giá, còn đâu hơn nữa! ... (1)

Huyện Điện-bàn (bắc bộ tỉnh Quảng-nam ngày nay) là đất Châu Hóa, ở giáp Chiêm-thành, nơi được giải phóng từ cuộc nam chinh của vua Lê Thánh-tông, cách thời *Ô châu cận lục* ra đời ước 80 năm, cũng đã khá giàu có, xem đó ta thấy sức sống của người dân Việt thật là mãnh liệt! sách viết: ... Nhân dân làm giàu bằng thóc; nhà nông đập lúa bằng trâu... Xã Mạc châu trồng nhiều hoa hồng; xã Lang-châu sản nhiều lụa trắng... Đàn bà mặc áo Chiêm, con trai cầm quạt tàu. Người sang kẻ hèn, đĩa bát đều vẽ rồng vẽ phượng; kẻ hơn người kém, sống áo toàn màu đỏ, màu hồng. (1)

Chẳng bao lâu nữa, ông Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận-hóa, lịch sử hai xứ Thuận, Quảng và cuộc nam tiến của dân tộc ta sẽ lật sang những trang mới.

PHAN KHOANG

(Lược trích ở sách *«Các chúa Nguyễn và hai xứ Thuận, Quảng. Cuộc nam tiến của dân tộc Việt-Nam»* sắp xuất bản.)

(1) bản dịch của ông Bùi Lương, xuất bản năm 1961 ở saigon

CUỘC DUY-TÂN KHỞI-NGHĨA 1916

VÀ PHAN THÀNH-TÀI (1882—1916)

■ Đại-Thạch LÊ-ƯỚC
(Quảng-Nam)

Nhà Cách-Mạng PHAN-THÀNH-TÀI đã mất hơn 50 năm nay, chưa ai viết tiểu sử của Người khá đầy đủ, vì:

— Hồi còn Pháp trị và lúc chiến tranh Pháp - Việt, không ai muốn viết dài dòng tỉ mỉ đến Người (Đồng - bào Quảng Nam chỉ truyền khẩu cho nhau trong phạm vi gia đình thôi),

— Từ năm 1954 trở lại đây vẫn chưa có bài nào, có lẽ do sự thiếu sót chăng?

Vốn là dân đất Quảng, tôi tự thấy có bổn phận nêu danh Người, một liệt-sĩ đã hy sinh mình vì đại-cuộc, vì chính-ngĩa.

Mạo muội viết tiểu-sử Người, tiếc rằng tôi chưa xin được di-ảnh của Người để kèm gửi theo bài.

Saigon, ngày 1-7-1967

Một liệt-sĩ cách-mạng không một ai ở Tỉnh Quảng-Nam không biết: đó là Ông PHAN-THÀNH-TÀI, hiệu Đạt-Đức. Quê làng Bảo-An, phủ Điện-Bàn, sinh năm Nhâm-Ngọ 1882, làm giáo-viên Trường Diên-Phong, một tiểu-học công-lập Quảng-Nam.

Ông là một nhà ái-quốc đã phải hy-sinh vì mưu-cầu độc-lập quốc-gia giải-phóng dân-tộc.

Ông là lớp tiền-phong gia-nhập Đảng Việt-Nam Quang-Phục, ám-trợ đắc-lực phong-trào Đông-du, tham-gia tích-cực việc mở mang dân-trí canh-tân xứ sở tại Tỉnh nhà.

Ông là một trong những người cầm đầu cuộc khởi nghĩa năm 1916. Vì vậy danh Ông đã dính liền với cuộc khởi- nghĩa này, và tên Ông đã đi liền với các tên Trần-cao-Vân, Thái-Phiên Lê-dinh-Dương, Lê-Ngung...

Linh-hồn của cuộc khởi- nghĩa là các Nhà lãnh-tụ cách-mạng, việc tạo-thành một cuộc khởi- nghĩa phải do công sức của nhiều chí-sĩ chung góp nên. Vì vậy ở bài này muốn nói đến Ông PHAN-THÀNH-TÀI, chúng tôi phải tường-thuật lại cả công-cuộc khởi- nghĩa và phải nêu công của nhiều nhà cách-mạng đương-thời.

CUỘC KHỞI-NGHĨA NĂM 1916 hay là CUỘC DUY TÂN KHỞI-NGHĨA

Tường-thuật cuộc khởi- nghĩa này, chúng tôi xin chia thành 4 giai-đoạn :

- Trước ngày khởi- nghĩa với Đại-Hội Đảng lần thứ I
- Chuẩn-bị khởi- nghĩa với Đại-Hội Đảng lần thứ II
- Ngày khởi- nghĩa
- Cuộc khởi- nghĩa thất-bại

A. — TRƯỚC NGÀY KHỞI-NGHĨA.

Hoàn-cảnh thuận-lợi đã đến.

Thế-chiến thứ I đang nổ tại trời Âu, ngay trên đất Pháp. Cuối năm 1915, Pháp thua nhiều trận, quân Đức đã vượt qua sông Aisne và đang tấn-công ở-ạt hướng về Thủ-đô Ba-Lê. Tại Đông-Dương, Pháp mộ binh ráo-riết đưa thanh-niên Việt sang bổ-sung quân số.

Chính-quyền Bảo-Hộ đang bận-rộn tại chính quốc, Đảng Việt-Nam Quang Phục nắm thời-cơ ấy, muốn nổi dậy khởi-nghĩa lật Phap cươp ngay chính quyền, dành độc-lập cho Tổ-quốc.

Đại-Hội Đảng lần thứ I mở vào tháng 9 năm Ất-Mão 1915 tại nhà ông Đoàn-Bổng (một viên thư-lại Bộ Hộ) ở đường Đông-Ba Huế. Thành-phần gồm các đại-biểu của 5 tỉnh, do ông Thái-Phiên được cử làm Chủ-tọa.

— Quảng-Bình : Nguyễn-Chánh.

— Quảng-Trị : Phan-phú-Tiên.

— Thừa-Thiên : Đoàn-Bổng.

— Quảng-Nam : Thái-Phiên, Trần-cao-Vân, Phan-thành-Tài, Đỗ-Tự.

— Quảng-Ngãi : Lê-Ngung, Lê-Triết, Nguyễn-Thụy, Nguyễn-Nậm (1).

Suốt mấy ngày thảo-luận, Đại-Hội quyết-định 2 việc quan-trọng :

1.— Rước Hoàng-đế Duy-Tân tham-gia vào cuộc khởi-nghĩa, để an lòng dân chúng.

2.— Phân-công-tác mỗi người, để gấp rút xúc-tiến mưu-sự khởi-nghĩa như sau :

— Ông Thái-Phiên và Trần-cao-Vân đảm-nhận việc tiếp-xúc Vua Duy-Tân và mời Vua tham-dự cuộc khởi-nghĩa.

— Ông Nguyễn-Thụy và Lê-dinh-Dương giao-thiệp với Cố-đạo Bàn-Gốc (Quảng-Ngãi) để mật-giao với Thiếu-tá người Đức đang chỉ-huy lính lê-dương tại đồn Mang-Cá Huế.

— Ông Lê-Ngung lo việc thảo-tờ hịch và chương-trình hành-động.

(1) Có sách ghi là Nguyễn-Mậu.

— Ông Nguyễn-Chánh làm ủy-viên kiểm-soát.

— Tại các Tỉnh phải cấp-tốc vận-động thêm binh lính hường-
ứng và tổ-chức thêm đoàn-ngũ dân-chúng chờ đợi yểm-trợ
cuộc khởi-nghĩa.

Công-tác khó khăn và quan-trọng nhất là việc bí-mật tiếp-xúc
với Hoàng-đế Duy-Tân. Từ lâu Đảng đã hiểu được tâm ý và tính
khăng-khái cương-ngự của Vua. Mới 13 tuổi, Vua đã dám viết thư
gởi cho Pháp trách việc Pháp không thi-hành đúng-đắn Hòa-uớc 1884
và yêu-cầu duyệt lại các khoản bất-bình-đẳng trong Hòa-uớc ấy. Vua
đang mang uất-bận về Vua Cha (Thành-Thái) đang bị Pháp lưu-đày
tại đảo Réunion. Vua muốn đi đây đi đó, để giải-khuây nỗi lòng và
để có dịp tiếp-xúc các nghĩa-sĩ cần-vương.

Chiều ý Vua, Triều-đình Huế và Bảo-hộ Pháp lập một lương-
đinh ở Cửa-Tùng (Quảng-Trị) để Vua nghỉ mát. Tại đây, Vua nhiều
lần gặp Ông Khóa Bảo ở chợ phiên Cam-Lộ. Ông này là một nhân-
sĩ cách-mạng địa-phương, nhờ vậy Vua được hiểu thêm nỗi lầm-tham
của dân-tộc tổ-quốc. Đã có lần ngồi câu cá tại đây, Vua tự than-
thở: « Ngồi trên nước mà không ngăn được nước, buông câu ra đã
lỡ phải lần ».

Đây là kế-hoạch Đảng tiếp-xúc với Hoàng-đế Duy-Tân: Thái-
Phiên và Trần-cao-Vân phải bỏ một số tiền lớn thương-lượng người
tài-xế Vua xin thôi việc và chịu đứng giới-thiệu người khác thay-thế,
để đưa đồng-chí Phan-hữu-Khánh vào nội lái xe cho Vua Duy-Tân
(1) Khánh là một đảng-viên ưu-tú dũng-cảm, một thanh-niên tài-năng
lỗi-lạc, tốt-nghiep Trường Bá công Huế. Sau 2 tháng làm việc, Khánh
được Vua tin yêu.

Một hôm Vua ngự-du tại Cửa-Tùng, Khánh dâng một phong
thư của Trần-cao-Vân gửi. Đại-ý trong thư nói về tình-trạng lầm-
than của dân-tộc, thảm-họa của quốc-gia, và nêu lên ý-định phục-quốc

(1) Theo Ô. THIỆN-SINH ở tạp-chí *Bách-Khoa* số 122 ghi:
Ông Phan-hữu-Khánh được vận-động lái xe từ năm 1913.

của quốc-dân. Lời lẽ trong thư có nhiều đoạn rất làm-ly cảm-kích, như các câu: *Tha Mỹ-quốc hắc-nô chủng-tộc, ngũ thập niên du khả tự cường, huống ngô dân Hoàng-đế tư-tôn, năm ngũ triệu khởi cam chung nhược!* (Kìa nước Mỹ dòng giống rợ đen, 50 năm còn có thể tự-cường; huống dân ta con cháu Nhà Vua, 25 triệu nữ đánh hèn-yếu!) và câu này: *Thiên khai thánh-minh hữu bài Phap hưng binh chi chí. Đại sinh tuấn-khiết hữu truất dân thảo tặc chi quyền* (Trời sinh vua thông-minh chánh-trực có chí cử binh chống Pháp. Đất sinh người tài-giỏi có quyền đuổi giặc thương dân) Lại thêm đoạn vạch tội ác của Chính-quyền Bảo-hộ: *Phụ-hoàng Hoàng-đế hà tội kiến thiên? Dực-Tôn tôn-lăng hà có kiến-quật?* (Đức Vua Cha là Vua Thành-Thái — vì tội gì mà bị đày? Lăng-ẩm Vua Dực-Tôn — là Vua Tự-Đức vì có gì mà bị bói?)

Xem xong thư, Vua bị cảm-xúc mạnh, tim não nóng như lửa đốt, ruột gan đau như dao cắt. Vua yêu-cầu được gặp người viết thư và chỉ-định nơi sẽ gặp.

Lời yêu-cầu này được họp bàn kỹ giữa Trần-cao-Vân, Thái-Phiên và Phan-thành-Tài, 3 ông cần-trọng từng ly từng tí kế-hoạch, vì đây là then chốt của cuộc khởi-nghĩa.

Theo đúng ước hẹn, ngày 14-4-1916 (nhằm 12 tháng 3 Bình-Thìn) Vua Duy-Tân ngự xem tập lính tại bãi Trường-Thi Du ệt-binh xong, Vua thả bách-bộ dọc theo con sông đào gần đó. Tại Bến Ngự Hà, lính đội thị-vệ Nguyễn-quang-Siêu và tài-xế Phan-hữu-Khanh đã liên-lạc hướng-dẫn Trần-cao-Vân Thái-Phiên xách giỏ ôm cần lên vào nội ngỗi cầu cá dưới gốc cây chờ Vua.

Lần hội-kiến sơ-khởi này, giữa 3 người đã tỏ bày về tình-thế trong nước và hải-ngoại, thời-cơ đã đến tay. Tấu-tì h trước sau việc tổ-chức chuẩn bị khởi-nghĩa. Cùng hoạch-định chương-trình hoạt-động với 2 điểm chính-yếu:

— Chiếm ngay 3 tỉnh Thừa-Thiên Quảng-Nam và Quảng-Ngãi để làm căn-cứ.

— Và Tổng phát-động khởi-nghĩa khắp các Tỉnh Trung-Kỳ, từ Quảng-Bình vào đến Khánh-Thuận.

Ngoài ra, Nhà Vua còn hứa sẽ mật-dụ với Đảng để tiện thực-hiện khởi-nghĩa, và khuyên nên phát-khởi gấp kẻo mất cơ-hội tốt. Nhà Vua nài mãi nên Trần-cao-Vân thuận ưng cho Vua đúc 4 cái ấn kinh-lược:

Ấn Bình-Trị (là Quảng-Bình Quảng-Trị)

Ấn Nam-Ngãi (là Quảng-Nam Quảng-Ngãi)

Ấn Bình-Phú (là Bình-Định Phú-Yên)

Ấn Khánh-Thuận (là Khánh-Hòa Khánh-Thuận)

Trước khi từ-giã, vua còn dặn lại ngày khởi nghĩa nên chọn lúc 1 giờ sáng ngày mùng 2 tháng tư Bính-Thìn (là 3-5-1916) và dặn đêm ấy Đảng sẽ cho người đến hộ-giá Vua lánh vào Quảng-Ngãi ít lâu.

Từ đấy về sau, giữa Nhà Vua và Đảng được nhiều lần mật-kế bàn-thảo để gây nên một cuộc kinh-thiên động-địa sau này. Đã có lần, ngày 17-2-1916, Vua phái Bà Trương-thị-Dương (tục danh Bà Bát-Mang, quê làng Tân-Điền, huyện Hải-Lăng, tỉnh Quảng-Trị) vào tận làng Tư-Phú (1) ở Quảng-Nam vời Trần-Cao-Vân ra Huế hội-kiến.

B.— CHUẨN-BỊ KHỞI-NGHĨA.

Mọi việc hoạt-động đều được thường-xuyên bàn-bạc giữa Thái-Phiên Trần-cao-Vân và Phan-thành-Tài.

Đã có lần tại nhà Ông Lâm-Nhĩ ở làng La-Châu (Hòa-Vang, Quảng-Nam). Ba người vẫn chưa có ý khởi-nghĩa với, cùng chọn khởi-nghĩa vào giờ Ngọ ngày Ngọ, tức là trưa ngày 2 tháng 5 Bính-Thìn (nhằm 8-6-1916).

(1) Trần-Cao-Vân quê làng Tư Phú (Điện Bàn, Quảng-Nam), Thái-Phiên quê làng Nghi An (Hòa Vang, Quảng Nam).

Để tiện mật truyền cho nhau giờ khởi-nghĩa, Trần-cao-Vân làm một bài thơ nhao-đề *Hỏa-xa Huế-Hàn* :

*Một nỗi xa thư đã biết chưa ?
Bác Nam hai ngã gặp nhau vèa.
Đường rầy đã sẵn thang mây bước,
Ông khói càng cao ngọn gió đưa.
Sấm dậy tứ bề trăm máy chuyển
Phút thâu muôn dặm NỮA GIỜ TRƯA.
Trời sai ra dọn xong từ đấy.
Một mối xa thư đã biết chưa ?*

Hoàn-cảnh bên ngoài càng thúc-dục thêm, một số lính mộ gần 1.000 người tình-nguyên hưởng-ứng khởi nghĩa nay sắp xuống tàu đưa sang Pháp, mặt khác, vua Duy-Tân một mực hối-thúc phát-khởi sớm.

Đảng vội mở Đại-Hội toàn kỳ thứ 2 vào trung tuần tháng 3 Bính-Thìn (1916) tại «Chợ Cầu-Cháy» làng Xuân-Yên tỉnh Quảng-Ngãi, thành-phần hội là các nhân-vật trọng-yếu trong « Việt-Nam Quân-Chánh-Phủ »,

Mục-dịch Đại-Hội là xúc-tiến và chuẩn-bị khởi-nghĩa :

— Nghe báo-cáo về hiện-tình tại các Tỉnh.

— Kiểm-điểm lại tiềm-lực Đảng ở các địa-phương.

— Thảo-luận ý-kiến của vua Duy-Tân và quyết-định ngày giờ khởi-nghĩa.

— Trù-liệu kế-hoạch phát-triển lực-lượng Đảng và tích-cực chuẩn-bị khởi-nghĩa,

— Duyệt lại bản chương-trình hoạt-động, định lại kế-hoạch khởi-nghĩa.

— Phân-phối công-tác các người phụ-trách.

Vì Đại-Hội này khá quan-trọng, nên chúng tôi muốn tường-thuật rõ-ràng hơn, đi sâu vào nhiều chi-tiết hơn :

a) — *Kiểm-điểm tình-hình chung của lực-lượng khởi-nghĩa tại các địa-phương như sau :*

— Xét tổng-quát, thực-lực của Cách-mạng cũng tạm đủ.

— Xét tại Huế: Đồn Mang-Cá hiện có Viên Thiệu-tá người Đức sẵn-sàng hỗ-trợ khởi-nghĩa, với 1.000 lính mộ sẽ là lực-lượng xung-phong của cách-mạng, nói mau, đây là lực-lượng chính của khởi-nghĩa. Còn 2.000 lính khổ xanh khổ vàng sẽ là lực-lượng hưởng-ứng. Ngoài ra tại các vùng thôn-quê và ngoại-ô Huế có thêm một số lớn quan-lại viên-chức và dân-chúng tham-gia giúp-đỡ khởi-nghĩa nữa.

— Xét tại Quảng-Nam Quảng-Ngãi: lực-lượng Đảng mạnh-mẽ hơn, cơ-sở dân-chúng kiên-cố hơn hết. Vì vậy Đại-Hội lấy 2 tỉnh này làm chủ-lực trung-kiên của khởi-nghĩa.

— Tại Quảng-Bình: chỉ có 3 đồng-chí.

— Tại Quảng-Trị: có Quân Thiệu và Quân Nguyên suất-lãnh lính khổ xanh trợ-lực, còn các tổ-chức dân chúng thì đã có Ông Khóa Bảo điều-động.

— Tỉnh Bình Định: hàng-ngũ binh-sĩ và dân-chúng chưa được mạnh lắm, nên ít trông-cậy. Chỉ mong chờ hưởng-ứng khởi-nghĩa với Quảng-Ngãi.

— Còn các Tỉnh ở miền-nam như Phú-Yên Khánh-Hòa Khánh-Thuận: lực-lượng chẳng có bao nhiêu.

b) — *Kế-hoạch khởi-nghĩa :*

— Đại-Hội quyết-định chấp-thuận lời đề-nghị của Vua Duy-Tân. Tổng phát-động khởi-nghĩa toàn diện vào giờ Tí ngày 2 tháng 4 Bính-Thìn (là lúc 1 giờ sáng ngày 3-5-1916).

— Chọn Huế làm khởi-điểm phát-động, bắt đầu bằng tiếng súng thần-công để báo-hiệu cho kinh-thành Huế và cho Quảng-Trị Quảng-

Bình. Lúc này ở Đèo Hải-Vân sẽ nổi lửa báo-hiệu cho Quảng-Nam
Quảng-Ngãi Đà-Nẵng Hội-An.

— Tất cả các Tỉnh và Huế : lấy lính Việt hưởng-ứng cách-
mạng làm lực-lượng chính của cuộc khởi-nghĩa, lính này cấp-tốc quay
súng cướp ngay chính-quyền để làm chủ tình-thế. Bên ngoài, kéo các
đạo dân-quân và dân-chúng vùng ngoại-ô vùng thôn-quê (õ-trang mã-
tấu dao phạn trái phá..) về hưởng-ứng trợ-lực khởi-nghĩa.

— Đặc-biệt ở Quảng-Nam và Quảng-Ngãi: đốc toàn lực của
lính-tập và dân-chúng chiếm giữ cửa biển Đà-Nẵng để quân-lực viện-
trợ ở Xiêm về nước đổ-bộ lên bờ và để mở đường giao-thông suốt
từ Đà-Nẵng vào tận Đức-Phổ.

— Nếu gặp khởi-nghĩa bất-thành, thì các đạo-quân sẽ rút về
hướng tây, như Quảng-Nam lui về chiếm vùng núi Bà-Nà, Quảng-
Ngãi rút lên miền Gió-Rút, Bình-Định kéo lên miền rừng Gia-rai
(Pleiku).. Toàn là những vùng địa-thế hiểm-trở để làm hậu-thuần các
cuộc phản-công về sau, nếu có.

— Vì lực-lượng yếu kém, nên các Tỉnh miền-nam chỉ nổi dậy
hưởng-ứng khởi-nghĩa lúc nào quân Cách-mạng kéo tới.

c) — *Phân-công phân-nhiệm :*

Đại-hội bầu một Ủy-ban Khởi-nghĩa :

— Huế : Thái - Phiên (Chủ-Tịch), Trần - cao - Vân
(quân-sư).

— Quảng-Nam : Phan-thành Tài, Đỗ-Tự.

— Quảng-Ngãi : Lê-Ngung.

và phân-công phân-nhiệm từng người như sau :

1. — Tại kinh-thành Huế :

— Tôn-thất-Đề và Nguyễn-quang-Siêu : đốc-xuất lính thân-binh
thị-vệ trấn-giữ hoàng-thành.

— Nguyễn-dinh-Trứ, Lại-Hà, Phạm-thanh-Chương... công-phá Trấn Bình-Đài (Mang-Cá) Tại đồn Mang-Cá sẽ có viên Thiếu-tá lễ-dương người Đức làm nội-ứng với 3.000 lính.

— Lê-cảnh-Hàn, Đặng-khánh-Khải, Trần-đạ'-Trinh... điều-động lính tập quay súng chiếm ngay Tòa Khâm-Sứ Trung-Kỳ. Ngoài ra sẽ có một đội cảm-tử Nam-Ngãi hiệp cùng các đội dân-quân miền phụ-cận Huế để trợ-lực công-hãm chiếm cho bằng được Tòa Khâm-Sứ này, áp-đảo ngay đối-phương.

— Thái-Phiên : tổng chỉ-huy phát-khởi tại Huế, có sự trợ-lực của Lê Cơ (lý-trưởng, quê Quảng-Nam) và Lê-cảnh-Vận (nổ-súng phát-lệnh).

— Còn Trần-cao-Vân phụ-trách hộ-giá Vua vào Quảng-Ngãi ăn-náu ít lâu, chờ khởi-nghĩa thành-công sẽ rước mời về.

2. — Tại Quảng-Trị :

— Giao Tú Cơ, Khóa Bảo, Khóa Ngò, Quản Thiệu, Đào-duy-Chánh... Các tổ-chức dân-chúng do Khóa Bảo điều-động, còn các đội lính khố xanh do Quản Thiệu suất-lãnh.

3. — Tại Quảng-Nam :

— Giao Phan-thành-Tài, Tú-tài Đổ-Tự, Tú-tài Trương-bá-Huy, Huỳnh Khâm, Huỳnh-Phùng, Lê-văn-Bính, Cử-nhân Mai-Dị, Ông-văn-Long...

Tại Đà-Nẵng :

— Giao Lâm Nhĩ, Hồ-cầm-Vinh, Lê-Tường, Trần-ngọc-Đạm...

Tại Hội-An :

— Giao Y-sĩ Lê-dinh-Dương, Quản Thái...

Tại Tam-kỳ :

— Giao Huê-kiều Thắm-tường-Vân, Út-Pem...

4.— Tại Quảng-Ngãi:

— Giao Lê-Ngung, Cử Sự, Phạm-cao-Châm...

Đây là quân-lực trong nước, ngoài ra cuộc khởi-nghĩa sẽ được quân-lực ở Xiêm về tiếp-sức.

Chi-bộ Đảng tại Xiêm đưa lực-lượng Việt-kiều Quang-Phục-Quân và quân lính Đức về nước bằng đường thủy và sẽ đổ-bộ lên cửa biển Đà-Nẵng.

Hỏa lực Tỉnh Quảng-Nam do Phan-thành-Tài Đỗ-Tự và Ông-văn-Long điều-động hiệp cùng lực-lượng Đà Nẵng quyết chiếm giữ lập-tức Đà-Nẵng để viện-binh ở Xiêm về tràn vào đất liền. Các đội dân-quân của 2 làng Nghi-An Phong-Lệ ở ngoại-ô Đà-Nẵng phụ-trách đồn ngă cây lãn súc ra đường tạo-thành chướng-ngại-vật ngăn chặn quân Pháp tiếp-cứu Đà-Nẵng từ Quảng-Nam ra hay ở Huế vào.

Ngoài ra Đại-Hội Đảng còn giải-quyết nhiều vấn-đề khác như :

— Vũ-khí: ngoài một số lớn vũ-khí do Trần-hữu-Lực ở Xiêm gửi về, Đảng còn phải tạo thêm vũ-khí khác nữa bằng cách tạm đóng cửa vài thương-hội rút người vào núi rèn đúc thêm mã-tấu dao phan tạc-đạn. Đồng thời phái người sang Xiêm vận-động viên Sứ-thần Đức cầu-viện thêm vũ-khí cho cách-mạng.

— Huy-động tiền của và nhân-công để sắm quân-nhu quân-phục.

— Tổ-chức hờ sẵn một bộ máy hành-chánh để chờ thay-thế chính-quyền Bảo-hộ và Nam-Triều, một khi khởi-nghĩa thành-công.

— Sẽ loan-truyền hịch khởi-nghĩa đi khắp nơi (hịch này do Tú-tài Lê-Ngung thảo).

— Định cờ khởi-nghĩa: 5 sao màu trắng trên nền đỏ, với ý-nghĩa « ngũ tinh tụ tinh » ở sách Kinh-dịch.

— Đúc 4 ấn kinh-lược dùng vào các giấy tờ chỉ-thị của khởi-nghĩa. Ấn Nam-Ngãi giao Phan-thành-Tài giữ.

— Giao Lê-Đình-Dương đảm nhận chức Tổng-trấn Tỉnh Quảng-Nam. Ngoài ra còn ban nhiều chức khác như : nguyên-soái, đề-đốc, lan thuộc... để tiện điều binh chỉ-huy cuộc khởi-nghĩa.

Mọi quyết-định của Đại-Hội, mọi chuẩn-bị khởi-nghĩa sau này đều được Đảng mật trình lên Vua Duy-Tân, tất cả được Vua đồng-ý bài lòng.

Trước khởi-nghĩa vài ngày, Thái-Phiên Trần-cao-Vân và vài đồng-chí bí-mật đáp xe ra Huế, nằm chờ sẵn ngày khởi-sự.

Vì nhu-cầu cách-mạng, các chiến-hữu đành phải tạm xa cách nhau: Thái-Phiên Trần-cao-Vân.. ra tận Huế, Phan-thành-Tài Lâm-Nhĩ Đỗ-Tự... ở lại tỉnh nhà. Giờ phút chia tay các chiến-hữu cầu-chúc lẫn nhau niềm hy-vọng tái-ngộ sau khi hoàn-thành sứ-mạng khởi-nghĩa. Nao có ngờ. lần chia tay này sẽ là lần vĩnh-biệt giữa các người. Thảm thương thay.

C.— NGÀY KHỞI-NGHĨA ;

Phát-động tổng khởi-nghĩa vào lúc 1 giờ sáng ngày mồng 2 tháng 4 (nhằm 3-5-1916).

Từ lúc 11 giờ đêm, trước khởi-nghĩa 2 tiếng, Vua Duy-Tân cải-trang thường-dân, mặc chiếc áo ngắn màu nâu sẫm quần dài trắng, đội khăn đen, mang giày bẹ, ngồi trên chiếc xe kéo ra khỏi hoàng-thành, hướng về Bến Thương-Bạc. Bên cạnh có Tôn-thất-Đề và Nguyễn-quang-Siêu là 2 thị-vệ phò-giá. Tại đây đậu sẵn chiếc thuyền và Trần-cao-Vân Thái-Phiên chờ rước Vua bốn-tầu.

Chuyện không may, khi vừa đến Thương-Bạc chưa kịp xuống thuyền, Vua gặp Nguyễn-đình-Trứ (một thông-phán Tòa Khâm, được Đảng giao trọng-trách tuyên-truyền lính đồn Mang-Cá). Trứ xuống đò sang sông Hương, vào thẳng Tòa Khâm-sứ phi-báo.

Để đánh lạc-hướng việc tầm đuổi, Vua gói ấn bỏ lại trên

cầu Trảng-Tiền, rồi cùng Thái-Phiên Trần-cao-Vân theo thuyền xuôi về Bến-Ngự, tạm trú tại làng Hà-Trung quận Phú-Lộc.

Nào phe khởi-nghĩa có hay biết gì đâu.

Cơ-mưu cách-mạng đã bị bại-lộ tại Quảng-Ngãi, Pháp biết mưu-sự khởi-nghĩa từ chiều 1-5-1916), tức là vào chiều ngày 29-3 âm-lịch (tháng 3 này thiếu, chỉ có 29 ngày).

Tại kinh-thành Huế, vì nhận tin chậm nên viên Khâm-sứ Charles ra mật lệnh giới nghiêm đề-phòng vào đêm 2-5.

Đêm này từ lúc 9 giờ tối các yếu-nhân như Thái-Phiên Lê-Co Lê-cảnh-Vận đã tụ-tập tại nhà Ông Đê, chờ hiệu-lệnh thần-công nổ để khởi-sự.

Tình-hình lính Pháp rầm-rộ kéo đến, trong cung-nội vang tiếng la tiếng khóc inh-ôi.. Biết ngay mưu-sự không thành, Lê-cảnh-Vận vội chạy báo hung-tín đến Vua. Được tin, Vua liền nói: « Thôi việc như rứa thì hay rứa. Chừ Thầy đi tìm mời Thầy Phó (tức Thái-Phiên) đến đây ». Mới đi một lúc, Cảnh-Vận bị bắt.

Chờ mãi đến 3 giờ sáng vẫn không có hiệu-lệnh gì cả. Liên-lạc tới-tấp báo tin về : tình-hình Huế đang bị giới-nghiem, lính Pháp tuần-tiểu khắp nơi đề-phòng ráo-riết... Trần-cao-Vân và Thái-Phiên biết cuộc khởi-nghĩa đã thất-bại.

Đến 4 giờ sáng, các đồn lính Pháp thổi vang kèn tập binh, lính kỵ-mã mật-thám và cảnh-sát Pháp chạy nhốn-náo khắp ngã đường. Bọn mật-thám bắt trọn các yếu-nhân chỉ-huy việc tiến đánh Tòa Khâm-sứ và Trấn Bình-Đài.

Trần-cao-Vân vội đưa Vua lần theo đường núi đến địa-điểm dự-định ở Quảng-Nam Quảng-Ngãi, rồi sau này sẽ tùy cơ phân giải, nếu cần đưa Vua ra khỏi nước. Rồi khỏi làng Hà-Trung, cứ nhắm hướng Nam mà đi, các nhà cách-mạng phò Vua theo đường mòn ở núi rừng. Vì hành-trình nhọc mệt quá, nên đành tạm lưu Vua nghỉ

chân tại một ngôi chùa bên núi Ngũ-Phong (gần vùng Nam-Giao) ở phía nam Huế. Qua ngày sau sẽ tiếp-tục hành-trình.

Nhưng sáng hôm sau (6-5-1916) lúc đang sửa soạn lên đường, Chùa bị lính-tráng vây đông-nghet từ trong ra ngoài dưới sự điều-khiển của Ph-n-dinh-Khôi, và có mặt cả Le Fol (chánh văn-phòng Tòa Khâm-sứ) Léon Sogny (chánh mật-thám) nữa.

Gặp tình-thế vậy, mà Vua Duy-Tân vẫn thản-nhiên không chút gì sợ-hãi, vẫn nói chuyện như lúc còn ở Triều.

Các triều-thần năn-nỉ mời hồi cung, Vua từ-chối. Cuối cùng Vua bị điệu lên xe hơi, có hai viên-chức cao-cấp Pháp ngồi kèm hai bên. Lái xe chạy rảo khắp kinh-thành cho dân-chúng biết Vua đã bị bắt, rồi giam Vua vào Đồn Mang-Cá suốt 10 ngày liền.

Triều-dinh Huế kết tội Vua đã « Vọng thính sàm ngôn, khuyh nguy xã-tắc » (nghĩa là nghe theo lời dùa-nịnh, làm cho xã-tắc khuyh nguy). Pháp đưa xuống tàu thủy và đày sang đảo Réunion tận Phi-châu, lúc này Vua Duy-Tân mới 17 tuổi.

Trần-cao-Vân, Nguyễn-quang-Siêu bị bắt. Rồi Thái-Phiên Tôn-thất-Đề Phan-hữu-Khánh... lần lượt bị sa lưới. Tất cả đều bị tống giam vào ngục Thừa-Thiên, chờ ngày lãnh án.

Bây giờ xin nói đến các đồn lính.

Đêm ấy, lính Việt chờ-đợi khởi-nghĩa đều đứng ngồi không yên, nhất là lính ở đồn Mang-Cá nhốn-náo cả lên. Nhưng tất cả đành chịu bó tay, vì các lính Việt bị trước giữ tất cả súng-ống, thu cất vào kho tất cả đạn-dược, đóng chặt tất cả cửa đồn cửa trại.

Riêng lính Pháp thì tuần-tiểu khắp phố, kiểm-soát các ngã đường, sẵn-sàng ứng-phó đàn-áp cuộc biến-động.

Cuộc khởi-nghĩa tại Huế bị thất-bại ngay từ lúc chưa báo-động.

Chờ mãi đến 1 giờ khuya vẫn không có phát-lệnh, Huế im-

lặng, Quảng-Trị, Quảng-Bình cũng yên-tĩnh theo, đèo Hải-Vân cũng không đốt lửa báo hiệu.

Tại các Tỉnh, các đội dân-quân các đoàn dân-chúng kéo tụ-tập về các phủ huyện, tất cả sẵn-sàng khởi-nghĩa, Chờ mãi Huế chẳng có lệnh báo-hiệu, đành phải nằm im-lìm, gầy đến sáng mới lần lần tự giải-tán.

Riêng tại phủ Tam-Kỳ (Quảng-Nam), vốn oán-hận sẵn bọn Pháp và quan-lại hà-khắc, bọn tổng-lý tham-những, nên dân-chúng kéo đến vây chặt đồn Đại-lý và Phủ, bắt trói viên Tri-phủ Tạ-thúc-Xuyên và giết chết viên Đại-lý người Pháp.

Nói chung vào đêm khởi-nghĩa, tại Quảng-Bình và các tỉnh Bình-Định, Phú-Yên, Khánh-Hòa, Khánh-Thuận được yên-tĩnh, như không có việc gì xảy ra.

D.— CUỘC KHỞI-NGHĨA THẤT-BẠI và ĐẢNG VIỆT-NAM QUANG-PHỤC BỊ TAN-RÃ :

Khởi-nghĩa định vào ngày 3-5-1916, mà cơ-mưu bại-lộ từ hôm 1-5, trước hết tại *Quảng-Ngãi*.

Nguyên-do như sau : Viên cai khổ-xanh tên Võ-An — ngụ làng Năng-An, nhưng quê làng Long-Phụng phủ Tư-Nghĩa có người anh tên Võ-Huệ làm lính-giãn tại dinh Án-sát Quảng-Ngãi. Vì tình ruột thịt, nên An tỏ bày cho anh biết và khuyên anh tìm cách tránh khỏi dinh vào đêm biến-động.

2 giờ chiều ngày 1-5, Võ-Huệ vào dinh xin phép về thăm nhà ít hôm. Mấy ngày gần đây thấy phe cách-mạng gia-tăng hoạt động làm viên Án-sát rất e-ngại, nay nghe Huệ xin phép, Phạm-Liệu phát sinh nghi, vặn hỏi này nọ làm Huệ phát cuống, thấy vậy viên Án-sát càng làm nỡ và xoay qua hăm-dọa làm Huệ sợ-sệt nói ắp-úng, rồi cuối cùng đành phải khai thật lời dặn của em. Võ-Huệ bị giữ, Võ-An bị bắt. Võ-An khai Trần-Thêm đã tổ chức y theo cách-mạng.

Trần-Thêm quê làng An-Điền phủ Bình-Sơn, là viên thư-lại

khố-xanh được biệt-phái làm việc tại Tòa Khâm-sứ, gia-nhập Đảng, đảm-nhận công-tác chiêu-dụ lính khố xanh. Trần-Thêm bị bắt, một đảng-viên quan-trọng sa lưới, cơ-mưu bí-mật bị bại-lộ.

Cuộc khởi-nghĩa bất-thành ngay từ đây.

Sau khi đi kinh-lý Phủ Bình-Sơn về, viên Công-sứ De Tastes và Tuần-vũ Trần-tiến-Hối được viên Án-sát đến tấu-trình sự việc. Hai người vội mật điện báo cho viên Khâm-sứ Trung-Kỳ Charles ở Huế biết, và lập-tức ban lệnh ứng-phó cuộc biến-động tại tỉnh-lỵ Quảng-Ngãi.

Tuy vậy tới 2-5 trước giờ khởi-nghĩa, dân-chúng ở phủ huyện vẫn kéo về các địa-điểm tập-trung chờ hiệu-lệnh. Đội Luân và Cai Xứ điều-động lính khố-xanh từ Phủ Nghĩa-Hành về cách tỉnh-lỵ Quảng-Ngãi 2 cây-số, nằm chờ sẵn, đợi mãi gần đến sáng đành phải rút lính về.

Trong mấy ngày liền, Pháp tầm-nã khủng-bố khắp nơi, phá vỡ các tổ-chức cách-mạng rất hiệu-quả. Nhiều nhà bị xét và tịch-biên, nhiều người bị bắt và tra-tấn. 200 người bị án khổ-sai đầy đi Côn-đảo và Lao-Bảo. 14 người bị chém (1) tội nhất là 2 liệt-sĩ Lê-Ngung và Cử Sự đã tự-vận bằng thuốc độc trong khám, mà thi-hài vẫn bị đem đến pháp-trường chém bêu đầu ở làng Cam-Lộ (Quảng-Ngãi) vì cái án dã-man « lục thi trăm niệu ».

Tại Huế: Ngày 2-5 mới nhận được điện-tín Quảng-Ngãi, Charles — viên Khâm-sứ Trung-Kỳ — vẫn không báo cho Nam-Triều hay biết, mặt khác ban các biện-pháp đề-phòng hết sức gắt-gao:

— Lệnh đến các đồn lính Việt từ lúc 6 giờ chiều: cấm trại

(1) Các người bị bắt được 10 ngày, Pháp dựng pháp-trường tại bãi cát bờ sông Trà-Khúc, gần quốc-lộ số 1 (phía Bắc tỉnh-lỵ Quảng-Ngãi ngoài hai cây-số) đề hành-quyết, vào tháng 5-1916. Trong số này có: Lê-Ngung, Lê-Triết, Nguyễn-Thụy, Cử Sự, Trần-Thêm...

các cơ-lính, trước giữ tất cả vũ-khí, cắt vào kho tất cả đạn-dược, đóng chặt tất cả cửa đồn.

— Gió-i-nghiêm cả kinh-thành Huế từ đêm 2-5

— Lính Pháp tuần-tiểu khắp nơi, kiểm-soát các ngã đường.

— Mật báo đi các Tỉnh cho các Công-sứ nỗ-lực canh-phòng cẩn-mật dập tắt cuộc biến-động. Vì vậy không những ở Huế, mà ở các nơi khác như Đà-Nẵng Hội-An Quảng-Ngai Quảng-Trị Quảng-Bình.. đều phủ trùm một quang-cảnh khác thường-nhật.

Chỉ thấy Pháp có đề-phòng hơn mọi ngày, các thủ-lãnh khởi-nghĩa chẳng hay biết về cơ-mưu cách-mạng đã bị bại-lộ. Có nhiều Tỉnh vào đêm khởi-nghĩa, vẫn điều-động dân-chúng các phủ huyện về tập-trung tại địa-điểm chỉ-định chờ lệnh.

Phán Trứ chạy vào Tòa Khâm tấu trình một tin bất ngờ như sét đánh vào đầu : « Hoàng-đế Duy-Tân đã trốn khỏi hoàng-thành và đang theo phe khởi-động ». Viên Khâm-sứ Charles, Chánh văn-phòng Le Fol và Chánh mật-thám Sogoy... đều hoảng-hốt, vội báo tin qua Nam-Triều để hiệp lực giăng bủa lưới khắp nơi, xua quân rượt đuổi « tìm mời Vua về » và tóm bắt nhém chủ-chốt cuộc bạo-động.

Đã mấy ngày rồi vẫn bất tin, Pháp và Nam-Triều chỉ nhặt được ấn Vua bỏ lại.

Mãi đến sáng ngày 6-5, mới được tin Vua còn đang ở vùng Nam-Giao Tất cả cấp-tốc điều-động đến « mời Vua về » và tóm cả Trần-cao-Vân Nguyễn-quang-Siêu.. điệu về nhốt vào ngục Thừa-Thiên.

Về sau các nhà cách mạng đều bị Triều-Đình Huế lên án tử-bình vì tội xúi-dục Vua như sau : « Thủy nhi Hậu-hồ thù triều, thiện tả chiểu văn, nhi Thương-Bạc đình thuyền, yêu nghinh Thánh-giá. Hà-Trung mạch phạn, Ngũ-Phong kê thang, thánh-thể phong-trần, dai bỉ bối vi chi tội nghiệt ! » (nghĩa là ban đầu buông câu ở Hậu-hồ, tự chuyên quyền thảo tở chiểu, kẻ đến neo thuyền bến Thương-Bạc

chờ rước Nhà Vua. Mời Vua dùng cơm lặt làng Hà-Trung, ăn cháo gà núi Ngũ-Phong, mình rồng phải chịu giải dầu sương gió, tội nghiệt này đều do bọn kia tạo nên). Bản áo đã có, Tòa Khâm-sứ phải người đến tận Lao Hộ-Thành chụp hình các tử-tội để lưu-trữ hồ-sơ.

Ngày 17-5-1916 (nhằm 16-4 Bính-Thìn). Năm chí-sĩ Trần-cao-Vân Thái-Phiên Phan-hữu-Khánh Tôn-thất-Đề và Nguyễn-quang-Siêu bị áp-giải đến pháp-trường tại Cửa An-Hòa, phía tây-bắc thành-nội, chỉ cách Huế vài cây số. Các thi-hải bị vùi chôn chung một lỗ ngay tại nơi thọ-hình (1).

Ở tỉnh Quảng-Trị: cuộc khởi-nghĩa bị vỡ, các nhà cách-mạng bị bắt. Cụ Khóa Bảo bị Pháp tra-tấn nhục-bình.

Ở tỉnh Quảng Nam: Không những cơ-mưu bị bại-lộ sẵn, lại còn thêm lời tố-giác của tên phản đảng Tuần-vũ Nguyễn-Đĩnh.

Vì đầy-đủ hồ-sơ của Đinh cung-cấp, nên Pháp bắt không sót một người:

— Bắt được Xã Mãi, người đúc 4 ấn kinh-lược, quê làng Phước-Kiều phủ Điện-Bàn.

— Bắt một huê-kiều tên Kim ở phủ Tam-kỳ vì đã cho dân chúng mượn súng.

— Khám phá được nhiều tài-liệu quan-trọng khác, và các giấy tờ tổ-chức Chính-phủ Cách-mạng.

— Tịch thu các đồ quân-nhũ quân-trang quân-phục..., thu cả vài rần chôn dấu tại các bãi cát.

— Lưu-đày nhiều nhà Cách-mạng, trong số có Y-sĩ Lê-đình-Dương (Quản-đốc bệnh-viện Hội-An, quê làng La-Kham Điện-Bàn, có

(1) Đến năm 1925, được một nữ đồng-chí, tên Trương-thị-Dương tục danh Bát-Mang, lên đào trộm hài-cốt Trần-cao-Vân và Thái-Phiên về cải táng tại Chùa Châu-Lâm ở ngoại-ô Huế. Hai ông cùng táng chung một nấm.

công vận-động Thiếu-tá người Đức) đày vào Khánh-Hòa và bị chết tại Lao Banmêthuộc ; có Lý-trưởng Lê-Cơ một tay tranh-đấu nổi tiếng ; có Tú-tài Trương-bá-Huy Đỗ-Tự ; có cả Trần-Chương (sau chết tại ngục Lao-Bảo)...

— Ông Thừa-Phong (tên thật là Nguyễn-đức Đạt, quê làng Miếu-Bông Hòa-Vang) uống thuốc độc tự-vận trong Lao Quảng-Nam.

— Ông Lương-thái-Hòa (quê làng Kim Bông Điện-Bàn) trốn thoát được, vào tỉnh Gia-Định làm trụ-trì chùa Cổ-Linh tại làng Bình-Thắng.

— Ông Phan-thành-Tài bị soát xét nhà, từ Đà-Nẵng lên trốn lên miền núi Hiên Giăng ở phía tây Quảng-Nam, được người mọi tên U-They che dấu. Chỉ được 7 ngày, hai người bị bắt áp-giải về Vinh-Điện. Ngày 9-6-1916, ông bị hành-quyết tại Chợ-Củi (Điện-Bàn, Quảng-Nam).

Các cuộc bạo-động ở Đà-Nẵng và Hội-An bị thất-bại theo.

Riêng tại Tam-Kỳ, dân-chúng trối viên Tri-phủ và giết chết viên Đại-lý Pháp, như trên đã nói đến.

Nói tóm lại, cuộc Duy-Tân khởi-nghĩa năm 1916 bị thất-bại hoàn toàn, đau-đớn nhất là từ ngày ấy Đảng Việt-Nam Quang-Phục cũng bị tan-rã theo.

Đoạn trên đã trình-bày, ta thấy được các nguyên-do của sự thất-bại ở :

— Cơ-mưu cách-mạng bị bại-lộ trước khi phát-khởi (do tình-cảm vận-vật của Võ-An).

— Sự phản-bội của một vài đảng-viên trọng-yếu (như Nguyễn-đình-Trứ (1), Nguyễn Đĩnh .)

(2) Theo Ô. THIÊN-SINH ở tạp-chí *Bách-Khoa* số 122 ghi và chú-thích : tên là Trần-quang-Trứ, được Pháp ưu đãi cho sang Pháp, Năm 1923 Trứ có về Saigon làm Kỹ-sư công-tác.

— Chỉ chọn một khởi-điểm phát-động chung cho toàn cuộc. Cho nên khi Huế bị dập tắt là các Tỉnh đều bị ảnh hưởng theo.

— Ngay từ lúc đầu, tất cả nhân-vật trọng-yếu đều bị bắt rảo sạch, nên cuộc khởi-nghĩa không những bị bất-thành, mà ảnh-hưởng sâu xa đến tổ-chức Đảng Việt-Nam Quang-Phục cũng tự-nhiên bị tan-rã theo,

— Cơ-sở Đảng chỉ còn ở Tàu và ở Xiêm với một nhóm đồng-chí rải-rác sống nương nhờ lẫn nhau để đợi thời-cơ khác đến.



Ở đoạn trên, tường-trình lại cả cuộc khởi-nghĩa từ lúc sơ-khởi đến lúc thất-bại, ta đã thấy được vai-trò hoạt-động của nhà cách-mạng PHAN-THÀNH-TÀI quan-trọng như thế nào rồi ? Sự liên-hệ phối-hợp giữa Trần-cao-Vân Thái-Phiên và Phan-thành-Tài tựa như hình với bóng. Đây là các linh-hồn của cuộc Duy-Tân khởi-nghĩa.

Ngày 9-6-1916, Ông lâm-liệt trên đoạn đầu-dài tại Chợ-Củi, lúc mới có 34 tuổi. Ngày hôm ấy, một điện-tín chạy thẳng đến pháp-trường ra lệnh đình-chỉ việc xử-trảm, là lúc chiếc đầu liệt-sĩ mới hạ khỏi cổ ! Rất đáng tiếc ! Rất đáng tiếc ! Từ đây, dân-tộc mất một nhà Cách-mạng ưu-tú, tổ-quốc mất một người con yêu nước.

Tên PHAN-THÀNH-TÀI đi vào lịch-sử.

Tuy Ông chết, nhưng danh Ông vẫn sống mãi với dân Việt.

Vì mến tiếc 2 nhà cách-mạng Phan-thành-Tài và Thái-Phiên, một nhà vô-danh đã tặng một bài thơ sau đây :

*Khẳng bả tây-văn khừ tác nô,
Bất thành cam tự đoạn đầu lô.
Quốc trung tây học nhân như tíc,
Thanh dạ môn tâm quý tử vô ?*

Cụ Huỳnh-thúc-Kháng đã dịch :

*« Âu học không đem rút của người,
Chã thành đời sống vớt như chơi.
Kìa phương học mới đến như kiến,
Đêm hỏi lòng chẳng có hổ người ? »*

Ngày nay mỗi khi đến Điện-Bàn (Quảng-Nam) qua khỏi đầu cầu Vĩnh-Điện, một ngôi mộ nằm oai-nghi gần đường quốc-lộ: đây là nơi an-ngỉ của Chí-sĩ họ PHAN.

Tại Gia-Định, ở Đại-lộ Chi-Lăng có một Trường Trung-học tên Đạt-Đức, mang biệt-hiệu của Chí-sĩ.



Đến đây, tiểu-sử của ông PHAN-THÀNH-TÀI chưa thể chấm dứt được, vì chúng tôi xét thấy cần nêu thêm một tấm gương cho nữ-giới Việt soi chung nữa: đó là PHAN-THÀNH-TÀI PHU-NHÂN.

Bà, nhũ-danh là Bùi-thị-Hậu, con gái cụ Quảng-Nghi ở làng Vĩnh-Trình phủ Duy-Xuyên (Quảng-Nam), sinh vào năm Tân-Tỵ 1881.

Từ ngày gặp ông Phan-thành-Tài, Bà đã tiếp tay rất nhiều việc giúp-dỡ chồng trong sự-nghiệp hoạt-động cách-mạng.

Những năm 1915-1916, khi quốc-dân chuẩn-bị khởi-nghĩa, Bà đảm lo việc quân-nhu cho nghĩa-quân, dệt vải rằn may thành y-phục, được bao nhiêu Bà phải đem chôn vùi xuống bãi cát cất dấu

Khi Ông mất, Bà mới 35 tuổi với đàn con 7 người, trẻ lớn nhất là gái 12 tuổi và trẻ bé nhất là một bào-thai 5 tháng.

Bà vẫn ở vậy, chịu cảnh góa-bụa con thơ, tần-tảo nuôi con qua tuổi niên-thiếu. Đến khi con trưởng-thành, Bà gầy-dựng mọi người thành danh nên phận tất cả: 3 người con trai (Phan-bá-Lân, Phan-Thuyết và Phan Út) hiện là các vị hiệu-trưởng ba trường Trung-học Chấn-Thanh Tân-Thành (Saigon) Đạt-Đức (Gia-Định) và 2 người con gái (Phan-thị-Dao, Phan-thị-Bí) là vợ một bác-sĩ và một điền-chủ.

Mới đây, Bà PHAN-THÀNH-TÀI qua đời ngày 5-6-1967 lúc 12 giờ trưa, hưởng thọ 87 tuổi. An nghỉ tại nghĩa-địa Đất Thánh Đakao

Bà mất đi, để lại dương-thế một tấm gương sáng cho nữ-giới Việt soi chung vậy.



những bức thư **CHỮ NÔM**
NGUYỄN - ÁNH
của
do Giáo-sĩ **CADIÈRE** sưu-tập

■ ■ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Đây là phần phụ lục của một bài làm dài cho trường Đại học Văn khoa Sài gòn, khoảng giữa năm 1964. Từ bấy đến nay, chúng tôi vẫn phải hầu như giữ nguyên bài. Bấy giờ được dịp trình bày rộng rãi mà chúng tôi không kèm theo bản chữ nôm vì nghĩ rằng, đối với người không đọc được thủ chữ kia thì bấy nhiêu đây cũng đủ lấy làm vui, còn đối với người cần để làm tài liệu phân xét thì có thể tìm nơi tờ Đồ thành Hiếu cổ Tập san, khỏi phải qua một bản thuộc loại «tam sao...».

Lịch sử cho ta biết nửa phần sau của hậu bán thế kỷ 18 kéo dài lan tới 1802 là một trong những thời kỳ rối ren nhất lịch sử Việt-nam. Loạn lạc làm xuất hiện một triều đại phát sinh từ dân chúng, lại sống ngắn ngủi nên còn đầy tính chất «quê mùa»: người ta thấy triều Tây sơn định khoa thi bằng chữ nôm, dịch kinh sử ra lời nôm, dùng chiếu, chế, lệnh bằng quốc âm. Hai ông Hoàng xuân Hãn (*La sơn Phu tử*. Minh tân xuất bản, Paris, 1952) và Hoàng thúc Trâm (*Quốc văn thời Tây Sơn*. Vĩnh bảo xuất bản, Sài gòn, 1950) đã gom góp được phần lớn những tài liệu đó.

Nhưng chiến tranh cũng xua đuổi ảnh hưởng Hán học ở ngay cả khu vực của các dòng họ có truyền thống cai trị. Ông An Khê (*Nam Phong Tạp chí*, t. XIV, số 80, Fév. 1924) đã sao lục một

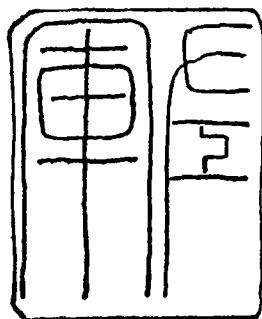
đạo dụ viết bằng quốc văn, nhân cuộc duyệt binh ngày 26 tháng 3 năm Canh thân (1800) chuẩn bị ra cứu Võ Tánh ở thành Bình định. Mối liên lạc mật thiết giữa Nguyễn Ánh và Giám mục Pigneau de Béhaine cũng gây hứng thú cho người Pháp học giả, tài tử hoặc chuyên nghiệp đạo hoặc đời, ra công tìm kiếm tài liệu. Trong khi lục lọi, L.M. Cadière đã thấy được các bản sao 14 bức thư mà Nguyễn Ánh gửi cho giáo sĩ, tướng Pháp.. Linh mục đem dịch ra tiếng Pháp, kèm theo bản chụp ảnh 14 tờ thư đó đăng trong *Đô thành Hiếu cổ Tập san (Bulletin des Amis du Vieux Hué, Janvier-Mars 1926. Les Français au service de Gia Long. XI — Nguyễn Ánh et La Mission — Documents inédits)*. Ông Cadière chú trọng đến giá trị sử liệu của nó, nên đã trình bày kèm thêm vào các bản dịch một đoạn dẫn khởi về nguồn gốc, giá trị xác tín của các bức thư đó. Chúng tôi cũng lần lượt ghi lại những lời của vị cổ học giả giáo sĩ này.

Nguyên, dưới đời Tự Đức, Phái đoàn Truyền giáo ở Huế có dùng một người công giáo ở Kim long để làm trung gian liên lạc với triều đình và quan lại địa phương. Người này chắc cũng là tay có kiến thức, có ý tứ cẩn thận, đã thu nhặt tất cả những giấy tờ trao đổi để dồn vào một chỗ giữ gìn kỹ lưỡng. Con của ông ta còn giữ lại tập giấy trên dưới trăm trang đó. Mười bốn tờ đầu là 14 bức thư mà Cadière đem giới thiệu với mọi người. Đó là những tờ giấy bồi xếp đôi, như thường lệ giấy xưa, lớn bản, mỗi bề 0,350/0,220m. Tất cả do 6 lối chữ chép khác nhau: tài liệu I, II, XI; — tài liệu IV, — tài liệu V, VI, rõ là tay một ông già chép; tài liệu VII; — tài liệu VIII; — tài liệu III, IX, X, XII, XIII, XIV. Tài liệu XIV có thêm chữ ghi chú của các viên chức thừa hành. Trừ ba bức V, VI, VII chỉ có một niên đại 14-9 Cảnh hưng 47 (4-11-1786) chỉ ngày viết, 11 tờ còn lại có thêm niên đại chỉ ngày sao 25-5 Minh mạng thứ 8 (19-6-1827) và có dấu ấn bằng triện son của Tả quân Lê văn Duyệt, mỗi bề 0,029/0,025 m.

Tài liệu có tới 2 thứ loại về giá trị chính xác như vậy nên Cadière mới phải dè dặt phân tích. Ông chú trọng đến tập hợp 11

bức thư có ấn Tả quân. Ông lục lại trong mớ thư từ liên lạc của các giáo sĩ thì thấy Taberd có nói về việc đó.

Giám mục Taberd làm thông dịch viên cho Minh mạng từ tháng 11-1826, viết thư ngày 8-2-1828 nói đại ý như sau: Minh mạng lo bài đạo, Taberd bèn kể khổ với Lê văn Duyệt là người trong quá khứ có liên lạc với Pigneau và trong hiện tại là kẻ đối đầu với vị vua chuyên chế này; ông Tả quân mới thu thập các bức thư đem sao chép lại, định dâng lên Minh mạng làm bằng có vẻ công ơn khôi phục đất nước mà Nguyễn Ánh xưa kia phải chịu ở các vị giáo sĩ Mười một bức thư, theo Cadière, có lẽ lấy từ Saigon ở Collège Lái thiêu lúc bấy giờ do Linh mục Régéreau coi sóc nên có ấn son của Tả quân. Ba tài liệu V, VI, VII gồm các bức thư Nguyễn Ánh gửi cho Pigneau, cho người cầm quyền ở Pondichéry, sĩ quan trên tàu Marquis de Castries, vì lẽ không có liên quan tới Collège nên có thể do Pigneau giữ. Sau khi Pigneau chết, các thư đó chuyển về tay giáo sĩ Labartette ở Cổ vuu (Quảng trị) Labartette trao cho Taberd được Lê văn Duyệt triệu vào bàn tính khi Duyệt từ Gia định tới Huế tháng 12-1827, nên mới vội vã đưa cho « Thượng công » 2 bức thư đó. Vì thế chúng mới không có ấn Tả quân.



Đó là một giấy những giả thuyết ông Cadière đưa ra, dựa trên các tài liệu về ngày giờ lui tới, nơi sinh sống của các nhân vật liên quan tới các bức thư. Nhưng cũng chính ông Cadière đã thấy nó hợp lý tới nỗi cho rằng, đối với ông, « đó không phải là những giả thuyết nữa mà là biểu hiện của chính thực tế ».

Theo ông Nguyễn Khắc Kham đã chỉ dẫn cho chúng tôi thì 3 bức thư V, VI, VII có thể được lưu trữ nguyên bản, phần ở Pháp, phần ở Tòa Thánh La mã và tới khoảng 1833 sau khi Tả quân mất đi mới chuyển sao cho Taberd để tiện dụng. Chứng cứ là bức số V

của Nguyễn Ánh gởi cho Bá-đa-Lộc đã được P. Nghị dịch ra tiếng La tinh ghi rõ ở cuối bản dịch « ở đây có dấu nhà vua » (Archives de la Propagande de la Foi, Acta Congregationis Particularis Super Rebus Sinarum et Indiarum Orientalium 1788 — 1790, vol.16, p 153) (1) Trả lời cho câu hỏi Cadière đặt ra là Lê văn Duyệt có đưa cả 14 bức thư lên Minh mạng không, ông Nguyễn khắc Kham nghĩ rằng chắc Tả quân không dám đưa lẫn lộn 11 bức thư có ấn của mình và 3 bức không có ấn thị thực, vì sợ mắc tội khi quân Cả 14 chắc là đã được Taberd xuất trình cho một ông quan dưới triều Minh mạng để ông này thân nhiên nói « bây giờ thì thời thế đã đổi khác rồi ».

Như vậy, lại một lần nữa, 3 bức thư không có ấn Tả quân thị thực được xác định giá trị như 11 bức kia.

Chú trọng đến giá trị sử liệu, ông Cadière khai thác về phương diện này. Lời chú của ông dựa trên những tài liệu đối chiếu khác có một tính chất xác thực đáng lưu ý. Chúng ta cũng có thể nói là phần lớn giá trị nằm trong tính chất sử liệu của nó. Nó sẽ sửa lại cho chúng ta khỏi sai lầm về một số niên đại mà các nhà chép sử của triều Nguyễn hoặc đã chép không đúng, hoặc đã dẫn trong thời hạn mơ hồ 30 ngày trong tháng : « Năm X, Xuân chính nguyệt... nhị nguyệt.. tam nguyệt.. »

Đáng chú ý hơn, chính là thư Nguyễn Ánh viết ra trong lúc còn lưu vong hoặc mới tái tạo cơ đồ, chưa vững vàng bề thế, khiến chúng ta thấy rõ con người ông hơn, con người mà các sử

(1).— Chúng tôi rất tiếc là đã không biết tiếng La tinh để đọc bản dịch mà ông Nguyễn khắc Kham đã có bảo đánh máy cho chúng tôi. Nhưng theo lời ông thì trong thư có những đoạn *hơi khác* với bức thư số V đưa ra đây, và ngày tháng ghi cũng khác : ngày 4-9 Cảnh hưng thứ 46 (1785) chứ không phải 14-9 Cảnh hưng thứ 47 (1786). Chúng tôi đi trong mù mờ mà nghĩ rằng thư viết năm 1785 sao có thể nói chuyện tàu Goa mà *Thực lục* q. 3, 1a, ghi vào đầu 1787 ? và trong bản chữ nôm hiện có ghi ngày tương đương với 23-10-1786 ? Paul Nghị khi dịch đã bỏ mất 10 ngày (14 thành 4) và lui một năm chẳng ?

quan tả bằng những sáo ngữ với những hình ảnh, ý niệm dành cho các bực vua chúa Đông phương : « thông duệ », « túc thành », phước mạng để vương — đến qua sông có cá sấu đưa đi, giặc đuổi có cây ngã chặn đường phía sau Độc thư, chúng ta thông cảm với một thường nhân lệnh đề lao khổ, thốt lời chua chát với số mệnh đắng cay, một người bạn thành thực chí tình. một người cha thương nhớ con xa cách trong khi ray rứt vì chưa làm tròn bổn phận với dòng họ, tổ tiên. Chính tính chất có liên lạc mật thiết với cá nhân một nhân vật lịch sử quan trọng này mà sử liệu đưa ra có thể liệt vào hàng quan trọng. Chúng ta biết lịch sử ta thiếu những tài liệu tương tự : tài liệu của nhà nho cung cấp thì thuộc loại đã tổng hợp rồi, tài liệu của người ngoại quốc thì quá xa cách về tâm tính ý thức, thói quen, nên gây cho người xét lại những sai lầm.

Tài liệu còn lại cho ta suy diễn về trường hợp những chuyển biến xã hội, lời cuốn những quyết định cá nhân. Sử gia nhà Nguyễn coi Nguyễn Ánh như con người, *ngay từ lúc đầu*, đã sẵn có những đức tính lãnh đạo cao độ, mưu lược quyền biến Sự thực trái lại, hoàn cảnh nguy khốn cùng với những đưa đẩy lịch sử đã nuôi dưỡng ông Hoàng này lớn lên. Việc phục quốc bắt đầu từ ngày Ánh rời Long khâu (làng Gia long) ở Vọng các về đồn bộ Rạch giá ; có ai ngờ rằng lòng quyết thắng chỉ có ở bọn bề tôi Nguyễn Thiện, Nguyễn Đò, Nguyễn văn Thành, Lê văn Quân... chứ không ở Nguyễn Ánh không ?

Chúng ta hãy đọc một đoạn thư thứ 9 : « ... (Chẳng ?) ngày ấy ra đến Cà mâu, Rạch giá, thấy quân tướng Tây sơn cùng thần thú quy thuận nghe nhiều, bèn thẳng v'ô... ». Đối với Ánh, việc về nước chỉ có ý nghĩa trốn chạy khỏi sự rình mò của Rama I thôi (thư 5,6,7) : « Từ Xiêm quốc vọng chỉ cổ đô là *sự phi đặc di*, xúc tướng lưu lại thống chỉ dặng thấu nguyên do ; lại e tiết lậu cơ mưu... ». Thế rồi lấy được Gia định, ông vẫn không tin ở thực lực mình mặc dầu

Nguyễn văn Thành đã can từ Xiêm là đừng chờ ở viện trợ nước ngoài, ông vẫn rên rỉ với J. Liot, nhờ ông này ngóng xem tàu phương tây của Bá-đa-lộc đến chưa.

Phác giắc này có thể làm cho Nguyễn tộc và sử thần nhà Nguyễn buồn lòng, còn trái lại những sử gia « chống phong kiến » hủ hủ, nhưng vượt ra ngoài những xúc động chủ quan của người sau, nó khiến cho bộ mặt đất nước xưa cũ rõ rệt hơn, và đó mới là điều chúng ta thành thực muốn thấy.

Nhưng 14 bức thơ này dịch ra tiếng Pháp làm mất một phần lớn chứng minh nội tại, Thực ra không thể đòi hỏi ông Cadière làm khác được một khi ông là người Pháp. Bản dịch chữ Pháp chỉ còn giữ được những sự kiện lịch sử chính trị quân sự mà thôi. Tình tiết tâm lý vẫn có bày ra đấy, nhưng đọc lên chúng ta vẫn thấy có một chút gì xa cách.. Vậy mà thứ chữ phiên âm tiếng Việt ấy, chúng ta không đọc được. Chúng ta phải phiên âm ra lần nữa thành 'thứ chữ « quốc ngữ » quen thuộc của thời này. Tất nhiên giá trị tài liệu của chúng sụt xuống so với nguyên bản chụp ảnh. Những người thông thạo chữ nôm đã công nhận rằng không có một quy luật chính thức nào định cho lối phiên âm chữ xưa này, cho nên chúng ta thật phải dè dặt ở đây. Chúng tôi cố giữ cho lời thư có giọng Đường trong chắc là gần sự thực hơn. Chúng tôi gánh mọi trách nhiệm sai lầm, sơ sót về mình trong khi không quên xác nhận rằng chính khả năng riêng không đủ để làm hết công việc phiên âm này. Chúng tôi đặc biệt cảm tạ giáo sư Bửu Cầm đã chỉ dẫn, đọc thêm những chữ khó khăn vì lối viết, vì phai mờ.

Và vì đây là những tài liệu được sử dụng trong tiểu luận nên có nhiều điều chúng ta sẽ hiểu rõ hơn khi ghép với các tiết 10, 11 chương IV.

Chúng ta lần lượt đi vào tài liệu :

THƯ THỨ NHẤT : (1)

Tờ vu thầy Cai trưởng ngõ hay (2): nay vừa tiếp thấy người trong bốn đạo Thầy, cho đem mật tín cùng lai lịch các lý mới (3) tường để sự. Lại như trên này quan quân theo thặng nhiều nhưng mà lương hướng còn 12 ngày nữa, vậy nên sai Thuộc nội Cai đội Sung - đức - hầu lãnh tờ nhị phong cùng thập liêm bảy lượng theo người bốn đạo đem xuống. Kíp sai người tâm phúc đem Sung-đức-hầu cùng tờ xuống trình qua Thượng sư ngõ tường cơ sự. Còn thập liêm thời sở cậy Thầy cùng bốn đạo lấy vật ấy mà bện mài lương mễ trợ khi nguy cấp, bằng mua được bao nhiêu đa-đa ích-thiện càng tốt. Như mua rồi phiền cậy bốn đạo trang tải lương ấy điều hồi giao nạp, tiện ư cấp phát. Nay tờ.

Cảnh hưng năm thứ 44 tháng 11 ngày 22 (15-12-1783)

Minh mạng năm thứ 8 tháng 5 ngày 25 thủ cựu lưu sao

(Khuôn dấu Tả quân)

(1) L. M. Cadière đánh số ở bản chụp ảnh theo 2 loại. Ở đây chúng tôi chỉ lưu giữ con số thứ tự các bức thư mà thôi (theo ngày viết).

(2) Các tên Gia-cô-bê (thư thứ IV, IX), Gia-bê-sa (VIII), Nha-cô-bê (X), Nhã-ca-bá (XI), Gia-cô-vi (XIII), Li-ốt (XIV) đều là tên của Jacques Liot (1751-1811). Giáo sĩ này rời Paris tháng 11-1776, đến Tourane, đến Sài gòn 1779, coi trường Giòng 1780, qua Chantaboun 1784, đi Bangkok 1786, rồi về Chantaboun, về Tân triệu (gần Biên hòa).

Lúc có thư này, J. Liot đang ở Chantaboun (ngày đến là 21-8-1784); Bá-đa-lộc vừa được lệnh Xiêm vương vờ lên Bangkok rồi trở về Chantaboun gặp toán thủy quân Xiêm chuẩn bị đi rước Nguyễn Ánh sắp khởi hành ở đây. Lúc bấy giờ Nguyễn Ánh đang lệnh đánh cơ khổ trên các Hòn Chông, Hòn Thổ châu « vài ngày không ăn » (*Thực lục Chính biến Đế nhất kỷ*), q. 2, 4a-8b), cho nên không lấy làm lạ rằng Nguyễn Ánh đã nhờ các giáo sĩ tiếp tế cho.

(3) Chữ 𠄎 đọc « mới » ở đây, đọc « mãi » ở « biện mãi lương mễ », cho hợp giọng văn Hán, lại vì lẽ cho hợp giọng văn Việt, đọc « mua » ở « bằng mua được bao nhiêu », « như mua rồi », nhưng lại đọc « mấy » (« tri ngộ mấy lâu ») ở thư IX.

THƯ THỨ HAI :

Cử sai thầy Cai trưởng môn đệ dâng danh : nghi thừa ghe nhất chích phản hồi Long xuyên sở hoạn dưỡng, đãi nhựt triệu lai khả tua tề tựu đồn sở ứng hậu. Khâm tai. Đặc sai (4).

Cảnh hưng thứ 45 tháng 8 ngày 26 (10-10-1784)

Minh mạng thứ 8 tháng 5 ngày 25 thủ cựu lưu sao

Dấu Tả quân.

THƯ THỨ BA :

Tờ vu thầy Cai trưởng tâm chúc :

Từ Thầy theo Ta mà trở về thì Ta cùng Xiêm binh tựu tại Mân Thiết (5) bành công Tây tặc, thủ thắng tàu một chiếc, hải đạo 5 chiếc. Nhấn ngày sau trực tấn xứ Lạch (6), nay thời Xiêm binh đại tứ lỗ lược, dân nhơn phụ nữ, lược nhơn tài vật, tủng sát bất dung lão thiếu (7). Vậy nên Tây tặc binh thế nhựt thanh, Xiêm binh thế nhựt suy, có ấy qua tháng chạp ngày mùng 8 (8) vừa thất lợi, các giai hội tẩn. Lại ngày bị đại phong thì các ghe ngoài cồn an ổn như cũ. Đến tháng

(4) Nguyễn Ánh đang theo 20.000 quân Xiêm dưới quyền Chiêu Tăng, Chiêu Sương, cháu vua Xiêm. Vì xây mới có thư gọi J.Liot về Long xuyên.

Toàn bức thư ý nói : «(tờ) chỉ sai Thầy cai trưởng cùng các người môn đệ nên theo ghe trở về Long xuyên đề (nơi này) nuôi dưỡng, đợi ngày triệu đến : khả nên tề tựu đồn sở chờ đáp (lệnh). Kinh vậy thay. Tờ sai riêng ».

(5) Phiên âm nôm của tên một ấp, một con rạch quen gọi Mang thít trong quận Minh đức, tỉnh Vĩnh long bây giờ.

(6) Địa điểm còn lại ở tên quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh long.

(7) « Xiêm binh tha hồ cướp bóc, hiếp phụ nữ, lấy của người, giết bừa không chừa già trẻ ».

(8) 18-4-1785.

mười một bữa rằm (9) thời ông Cả đã giá hải nhi hành; Như nay Ta phản bộ hành tại Cồn Khơi, vậy sai quan Tham tướng đệ tờ trình tấu Nhị vương sự có (10), lại có sai Thầy cả Minh tòng sự vào đó, phải đạt phiên tờ ngõ tường âm tín. Như cơ thường, biển đường nào thì thầy Minh tự đó sự cơ hiệp liệu cùng theo. Bằng có ghe, phiên phục đưa thầy Minh trở về khai tấu ngõ tường hư thiệt cơ yếu Xiêm tình. Trí ý. Nay tờ.

Cảnh hưng thứ 45 tháng 12 ngày 15 (25-1-1785)

Minh mạng thứ 8 tháng 5 ngày 25 thủ cựu lưu sao.

Dấu Tả quân.

THƯ THỨ TƯ : (11).

Đạt tờ vu Linh mục Gia-cô-bê, Cai trưởng chiếu lượng :

(9) 6-12-1784. L.M Cadière đọc thiếu chữ «một» thành «tháng mười bữa rằm» chuyển qua dương lịch là 27-11-1784 (không hiểu sao L.M. lại ghi là ngày 25-11-1784) Từ thời điểm này, ông so với ngày Pigneau đến Malacca 19-12-1784 (thư ở Pondichéry ngày 20-3-185. A. LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine, t. III, Paris, 1925, 91. 92*) để tính chuyển hành trình là 21 ngày. Thực ra có phải ngày rằm tháng 11 Giáp thìn là ngày Cảnh từ giả Ánh đi cầu viện không? Tất là không vì khởi hành 26-12 mà sao 19-12 tới Malacca? Thư Bá-đa-lộc kể trên có nhắc chuyện gặp Ánh vào tháng 12 ở cù lao Thổ châu khi Ánh bỏ quân Xiêm, rồi trao Cảnh cho Bá-đa-lộc, để mình lại theo quân Xiêm đến đón ở Coal. Như vậy ngày Cảnh đi, Ánh có mặt. Ngày «ông Cả giá hải nhi hành» này chắc là ngày rời Malacca vì Bá-đa-lộc cho biết, toàn đi cầu viện đến Pondichéry khoảng cuối tháng 2-1785 và mặt khác, ta thấy sử quan vẫn gọi vùng Ấn thuộc Pháp là Tiểu Tây dương quốc.

«An đồ như cổ»: bình an như cũ.

(10) Sứ đi Xiêm gồm có Mạc tử Sanh (con Mạc thiên Tứ) và Cai đội Trung (*Thực-lục*, q. 2,15b).

(11) «Đưa thư nơi Linh mục Gia-cô-bê Cai trưởng chiếu xét: Thăm ông ngày trước có được bình an không? Nay nhân việc binh, riêng sai Khâm sai Thống binh Cai cơ Thành tín hầu thẳng đến đề dò xét bình tình bao quát; cho nên đưa thư (này) đề (ông) tiên biết tận tường. Phạm các lý lịch như thế nào thì chỉ giáo Thành tín hầu cho đầy đủ. Chẳng phải nói nhiều. Xét cho.»

Thả tiên nhứt vẫn hậu an phủ? Tư nhân binh sự đặc sai
Khâm: sai Thống binh Cai cơ Thành tín hầu (12) trực xứ thể tham
binh tình cơ quát. Cỗ thữ đặt tờ tiện tri để sự. Phạm chư lý lịch
nhược hà, di hữu chỉ giáo Thành tín hầu nhứt nhứt bị thuật, tiện
giác. Bất tất đa đàm. Thi lượng.

Cảnh hưng thứ 46 tháng 6 ngày 1 (6-7-1785).

Minh mạng thứ 8 tháng 5 ngày 25 thủ cựu lưu sào.

Dấu Tả quân.

THƯ THỨ NĂM :

Chỉ dụ Bá-đa-lộc Giám mục Thượng sư Khâm tri :

Tự tôn sư thừa thọ ủy ký quốc gia trọng nhiệm, đánh lực
viễn hành, các phân nam, bắc chí tư, Quả nhân thường vọng phong
hoài tường, hữu nhược cơ khát. Tiền niên lục nguyệt đáo kỳ, tuyết
vô âm tín, sử bỉ hoài ưu muộn nan kham (13). Chẳng ngờ đến
năm nay ngày 30 tháng 8 mới thấy Báo-lộc sư cùng Khiêm quang

(12) Tiền quân Nguyễn văn Thành sau này chúng ta lưu ý
rằng trước phong của một người hợp bằng tên chính của họ đăng
trước rồi tiếp theo một tỉnh từ, trạng từ toàn bộ thành một ý
nghĩa tốt đẹp như « Đức nhuận hầu » Nguyễn Huỳnh Đức, (trong
tờ chiếu sai đi sứ Xiêm năm 1797 còn cất ở nhà thờ họ Nguyễn
Huỳnh thuộc xã Khánh hậu, tỉnh Long an), « Thắng toàn hầu »
Nguyễn văn Thắng (J.B. Chaigneau). .

(13) « Tự tôn sư nhận lời gởi gắm việc nước nặng nề, ra
sức đi xa, phân cách Nam, Bắc đến nay, Quả nhân thường hưởng
gió mà nhớ mong như là đói khát vậy. Kỳ hẹn tháng 6 năm
trước đến mà không tin tức gì hết khiến kẻ quê này tưởng nhớ
buồn phiền không chịu được ».

Đề hiệu thư này cùng 3 thư sau, ta phải nhắc tới việc Bá-
đa-lộc đi cầu viện. Lên đường khoảng đầu 12-1784, Giám mục với
Hoàng tử Cảnh và đoàn tùy tùng đến Malacca rồi Pondichéry. Ở

(Xem tiếp trang 112)

hầu, Long chính hầu giao biểu cho Quý ngọc hầu (14) tương hồi trình tâu tâu sự; nga văn nhược thất, thủy tri quốc tộ do tồ. Nguyễn gia hồng phúc lại tôn sư cứu đánh văn hồi, chí tình ủy khúc,

đấy, Coutenceau des Algrains, người xử lý toàn quyền thuộc địa Ấn độ của Pháp, không nghe lời Giám mục Charpentier de Cossigny, toàn quyền thực đến, quyết định gọi Pigneau qua Pháp trên tàu Malabar. Đi theo Hoàng tử Cảnh có 43 người tùy tùng, trong đó có Phạm văn Nhân, Phó vệ úy, Nguyễn văn Liêm, Cai cơ. Một số người khác ở lại Pondichéry trong đó có Paul Nghị (Hồ văn Nghị, Bảo-lộc Nghị), Trần văn Học.

De Cossigny đồng ý với Chevalier d'Entrecasteaux coi thủy quân Đông Ấn-độ, gửi chiếc tàu Marquis de Castries dưới quyền De Richery đi dò tình hình. Lệnh trao ra có điều khoản rước Nguyễn Ánh nếu ông ta muốn bọn Hồ văn Nghị theo tàu trở về ghé lại Thổ châu dâng sớ xin đón Nguyễn Ánh. De Richery tiếp tục nhiệm vụ dò xét. Có lẽ vì thấy Tây sơn đang khuynh đảo Bắc hà thế lên như cồn, nên lúc trở về ông không chờ đón Nguyễn Ánh cùng đi mà chờ Hồ văn Nghị đi luôn Pondichéry

(14) Như lời chú số (12), Khiêm quang hầu, Long chính hầu; Quý ngọc Hầu là tước của các tướng tên Khiêm, tên Long, tên Quý. L.M. Cadière thấy *Thực-lục* (q2, 5a) có tên Nguyễn văn Liêm đi theo Hoàng tử Cảnh vội cho đó là chữ Khiêm viết lộn qua chữ Liêm. Thực ra Khiêm quang hầu thuộc lớp người ở lại với Hồ văn Nghị (Bảo-lộc sư: Thầy Paul). Thư De Richery gửi cho Bộ trưởng Hải quân Pháp ngày 5-6-1786 (A. Launay, sđd, 167) báo Cảnh có 43 người theo. Vậy theo Cảnh là một vị hoàng thân (Cai cơ Nguyễn văn Liêm), 42 người hầu và bộ tốt, Sử quan nhà Nguyễn tuy chép việc theo lối biên niên nhưng vì sau này mới lập sách nên kể đến Phạm văn Nhân, Nguyễn văn Liêm như là *những người đã qua Pháp thực sự*. Khiêm quang hầu... là những kẻ ở lại dưới quyền Paul Nghị, nên sớ dâng về, sử quan chỉ ghi tên Hồ văn Nghị là đủ (*Thực-lục* q. 2, 21b). Kể đi, người ở thực tách bạch rõ ràng.

Có một tên Nguyễn văn Khiêm cùng Lê văn Duyệt theo thuyền vua long đong ở Hòn Chông, Thổ châu rồi cũng Nguyễn văn Khiêm và Lê văn Duyệt bị lưu lại sau trận Đồng Tuyên (tháng 4 âm lịch 1783) đến bãi yết ở hành tại lúc Ánh theo Xiêm binh về

(Xem tiếp trang 113)

cực lực điều tể ngọc thành kỳ mỹ; thử cao hậu chi ân, ngũ nội minh khắc, một xỉ nan vong (15), nên đã lăm quyết như lời bảm cáo, dự bị giá hành. Thủy tri nhơn nguyện như thử, thiên ý vị nhiên (16). Vì tháng 9 ngày mùng 2 tàu An-tôn-nổi bỗng đâu vừa tới có phụng tờ Hoàng hậu Bút-tu-kê một phong, lại từ quan Cai thành Cô-á một phong dâng Quả nhân rằng đã sẵn binh đóng tại Cô-á, chiến tàu 56 chiếc, nên cho sang rước rước Quả nhân. Cũng có tờ cho Xiêm vương hai phong cùng lễ vật trung tiểu

(Thực-lục, q. 2, 14a mục tháng 11 âm lịch 1784). Sự việc lẫn lộn nhưng cũng chỉ một người. Vậy Khiêm quang hầu chắc là Nguyễn văn Khiêm này vậy.

Cũng vì cho Nguyễn văn Khiêm là Nguyễn văn Liêm, nên Cadière mới đoán Phạm văn Nhân là Quý ngọc hầu hoặc Long chính hầu, trái với nhận xét lấy tên người đặt tên tước như ông đã thấy. Quý ngọc hầu là Nguyễn tấn Quý. Còn Long chính hầu có lẽ là Thường đạo Tướng quân Nguyễn Long sau này. Nguyễn Long là bộ tướng của Chu văn Tiếp theo ông này từ Phú yên vào trong chuyển đánh Gia định chống Hộ bộ Bá, Đỗ nhân Trập (Thực-lục q. 1, 19ab). Tiếp chết ở Mang thít, Lê văn Quân lên thay làm Tổng nhung, đến tháng 5 âm lịch 1785 thì mang 600 người vào Vọng các lập đồn điền để lấy lương chi dụng (Thực-lục q. 2, 17ab). Vậy Nguyễn Long có thể ở vào đám người này để chịu quyền sai phái của Nguyễn Ánh.

(15) « Xảy nghe tướng mất, mới hay quốc tộ vẫn còn ; Nguyễn gia phúc lớn nhờ Tôn sư đem về chín đỉnh, tận tình khức nôi, ráng sức cứu vớt cho nên vẻ đẹp ; cái ơn cao dày ấy khắc in trong lòng, đến già (mắt rắng) không quên... »

Đoạn này Cadière dịch hơi khác : (Nous sommes rendus compte) que le respectable Maître nous ramènera les 9 urnes, en traitant avec tout son cœur cette affaire difficile en nous aidant de toutes ses forces. Vous êtes parfait comme un jade qu'on a façonné...

(16) « Ai hay ý người muốn vậy mà ý trời không chịu ».

bính (17) nhĩ thập khẩu với Tây dương tể bố nhất bách thất (18) khác chi lễ tạ Xiêm Vương, xin rước Quả nhân về thành Cô-á đặng phần lữ tiểu trừ Tây tặc, Nhưng mà việc đã ủy nãi Thượng Sư, đầu khứng tư tình viện cầu tha quốc, phải uyển ngôn từ tạ đoàn ấy mà thôi. Nhưn vì có ấy Xiêm vương hóa sự sinh nghi e ta theo tàu ấy, hằng ngày cho người do-thám nên nỗi khổ lòng liệu lý. Như trong thập nguyệt khởi trình, cứ lời chủ tàu Li-xi-ri (19) khác ước lễ còn chưa tiện. Phải chờ tàu An-tôn-nổi lui khỏi cho Xiêm vương giảm bớt lòng nghi, khi ấy liệu toan mới tiện. Nên phải sai Quý ngọc hầu tỵ tại Thổ châu phân cùng các chủ tàu mà cầm Bảo-lộc sư lại cùng xin một tên hoa tiêu và súng các vật để lại, Sau vài tháng Quả nhân sẽ theo mà tàu được về trước đệ tồ cho Thượng sư cùng quan Cai thành được hay. Còn Thiếu quân ấu tử thời phó mặc lượng Thượng sư định liệu nổi ở nổi về, làm sao cho đẹp ý Thầy thì Quả nhân cũng đẹp. Bằng vua Đại tây có tình đoái đến tiểu bang cho bính giúp Quả nhân thời Thượng sư gắng mà về thời phần ưu mới được. Sự tu cần thận, vật khả từ lao Tư dụ.

Cảnh hưng thứ 47, tháng 9, ngày 14 (4-11-1786).

THƯ THỨ SÁU :

Chỉ dụ Tổng suất quân thủy binh nơi Ấn-đi-a, quan Cai thành Phong-ti-sê-ri nhĩ vị khâm (20) :

Năm trước Quả nhân có sở cậy Bá-đa-lộc Giám mục thượng sư đem Hoàng tử sang Quý quốc cầu bính đã lâu tuyệt vô âm tín; Quả nhân áy náy hằng lo. Chẳng ngờ đến năm nay tháng 8 mới thấy

(17) Theo Cadière, Từ hải ghi bính là cứng, chắc; Génibrel viết chữ bính không có bộ kim bên cạnh, coi là một chữ nôm và giải là « súng bính ». An-tôn-lôi (hay nổi) là Antonio Vincente de Rosa. Cô-á la Goa. Bút-tu-kê là Portugal.

(18) « Vải tây nhỏ mịn 100 tấm ».

(19) De Richery.

(20) Tên hai người ở chú số (13). Ấn-đi-a : India.

biểu hồi trình mới tường tự sự, thời Quả nhân rất bội lòng mừng rằng năm trước Giám mục thượng sư có tính việc ấy cùng quan Tạm quản, nhưng phải người không tình nhân ái, chẳng hay trợ giúp phò nguy, nên không tính đặt việc chi. Nay mới gặp tân quan nhĩ vị là đấng kinh văn vĩ võ, hơn trí kiêm toàn, khẳng khái lạc thì, đại hữu cứu hiểm phò diên chí chí (21) nên sai thủy bộ nhĩ quan thừa chiến tầu sang đây hộ nghinh bảo quốc. Điều ấy Quả nhân xiết chi không khen (22) cảm tạ Vì cấp thông chỉ trừ, nhất trích cam lộ, hưởng lâm vũ đại bá sinh ngã lạc miếu hồ. Hạ nhĩ vị cao nghị bất sí, đại đức Hoa, Tung, thừa ân Giang, Hán (23), tuy chưa thấy mặt, thiết đã biết lòng. Cũng đã hồng ngự giá theo tầu ngõ kíp được hoan đàm hiệp mặt. Chẳng ngờ nhân nguyện như thử, thiên ý vị nhiên. Vì tầu Cô-á vừa tới có phụng tờ Hoàng hậu Bút-tu-kê cùng từ quan Cai thành Cô-á sang nước Quả nhân, lại có tờ cùng lễ vật cho Xiêm vương làm đẹp lòng vua ấy mà nước ta cho dễ. Nhưng vậy Quả nhân cũng chẳng khứng theo vì chí quyết xưa nay giao lân cùng Ba-lang-thê mà thôi, chẳng khứng cùng nước khác. Hơn vì tầu ấy nên Xiêm vương hóa sự hồ nghi, liệu tính theo tầu ta chưa tiện nên phải cho chủ tầu đệ tờ về trước, còn Quả nhân thời ở lại.

Vài tháng sau Ta sẽ ngự sang.

Cảnh hưng năm thứ 47, tháng 9, ngày 14 (4-11-1786).

(21) « Nhĩ vị là đấng kinh văn trị võ tài, gồm đủ nhân trí, khẳng khái vui làm, có chí lớn cứu hiểm phò nguy... ».

(22) « Cao rao khen ngợi ».

(23) « Vì lúc gặp gặp, một giọt nước là một giọt cam lộ quý báu. Hưởng chỉ mưa lớn làm sinh sôi nảy nở lúa má khô khan của ta. Ta ơn quyết định cao cả; mang đức như núi Hoa, Tung, gán ơn như sông Giang, Hán của nhĩ vị... ».

THƯ THỨ BẢY:

Chỉ dụ Li-xi-ri thủy binh quan, tính Ba-đô-đông bộ binh quan (24) cấp chiến tướng đẳng khâm tri:

Phò nguy tri diên nhơn nhơn chi mỹ thái, bài nạn giải phân kinh tể chi diệu dụng. Nhơn nay ta gặp thời tao loạn mông trần tha quốc, nhị vị hữu tâm bất nhĩn, vô từ bất thiệp chi lao, phụng sai hàng hải thiên lý nhi hân duyệt phi thường, bất quan ba đảo phong cụ, bất nại mộc vũ trất phong chẳng nhữnng đồ hành lý tiêu nhiên lại thêm thông ngôn cùng ghe phải mất (công?) lặn lội sang để nghinh giá. Ước khỗn khổ công lao ấy Quả nhân lấy chi báo cho cùng? Tuy nhị vị khảng khái lạc thi chưa thường vọng báo, nhiên bất lược chi lễ, Quả nhân thường quý ư tâm, nhữnng trung bất đắc thù tạ, tất mông nhị vị lượng chi. Tự thử, lập cơ hưng chỉ giai xuất vu nhị vị chi công, khởi vong đao tự tại? (25) Như Bảo-lộc sư, Khiêm quang hầu biểu bảm tấu rằng nhị vị ước kỳ thập nguyệt khởi trình. Quả nhân đà dự bị giá hành, thủy tri thiên lý vị nhiên, bất như kỳ nguyện. Vì mùng 2 tháng 9, tàu Hoa lang bỗng đâu vừa tới có phụng thờ Hoàng hậu Bút-tu kê một phong, lại từ quan Cai thành Cô-á một phong dâng. Quả nhân, rằng đã sẵn binh đóng tại Cô-á, tàu chiến 56 chiếc nên cho sang rước Quả nhân. Lại đem tờ cho

(24) Ba-đô-đông có thể là dịch âm của « Berneron », tên người phụ tá De Richery.

(25) « Phò nguy giữ ngã là sự tốt đẹp của người có lòng nhân, là cái diệu dụng của sự bài nạn, gỡ rối, cứu trị. Nhân nay ta gặp thời loạn lạc tối tăm ở nước ngoài (mà) nhị vị có lòng bất nhĩn, chẳng nề cái nhọc nhằn lặn lội, phụng mệnh sai vượt biển ngàn dặm mà vui đẹp lòng phi thường, chẳng ngại sóng to, gió cả, đội mưa chải gió, chẳng nhữnng đồ hành lý mất đi, lại thêm thông ngôn cùng ghe phải mất (công?) lặn lội sang để nghinh giá. Ước khỗn khổ công lao ấy, Quả nhân lấy chi báo cho cùng. Tuy nhị vị khảng khái vui làm chưa từng mong báo, nhưng lễ tiếp sơ sai, Quả nhân từng thẹn lòng lúc rồi ren không thể thù tiếp, cảm tạ, tất mông nhị vị (Ta) há quên đâu.

Xiêm vương 2 phong cùng lễ vật trung tiểu bính nhị thập khẩu, với Tây dương tế bố nhất bách thất, lễ tạ Xiêm vương mà xin rước Quả nhân về thành Cô-á dâng phan lưu tiểu trừ Tây tặc. Tuy vậy, Quả nhân cũng chẳng khứng theo vì đã biết nhị vị qua đây có lòng cùng Ta đường ấy, nỡ lòng nào theo đo bỏ đây, nên phải uốn ngôn từ tạ nhị vị. Nên vì có ấy Xiêm vương hứa sự sinh nghi c Ta nường thể theo tàu ấy, hằng ngày cho người đo thám khó nổi liệu toan. Như ước kỳ thập nguyệt khởi trình, ất (26) nay còn chưa tiện nên phải sai Quý ngọc hầu tặn phân cùng nhị vị, cạy giúp Ta một tên hoa tiêu, súng cùng các vật. Đã có Quý ngọc hầu trình báo để lại cho Ta còn tàu thì đệ tờ về trước cho thượng quan được rõ, sau Ta sẽ giá hành sang đó. Vạn sự khởi đầu nan, mặc từ lao khổ. Tư dụ.

Cảnh hưng thứ 47, tháng 9, ngày 14 (4-11-1786).

THƯ THỨ TÁM:

Chỉ dụ Gia-be-sa Cai trưởng Khâm tri :

Vả việc Cô-á quốc sai tàu sang, cùng việc Ta sai phục sứ, thời đã sai Khiêm hòa hầu, Thiêm mẫn hầu (27) dụ tường để sự nguyên do. Ta từ dâng tin tàu Hoa-lang-sa những nay hằng cảm công ơn Thầy Cả chẳng cùng, cạy cạy luống trông tàu trở (28) lại, ngày ba thu.

(26) Ở đây chữ « ất » phiên từ 搯; thư thứ X chữ « ất » (« như thủy binh ta thời ất còn trụ .. ») viết 𢇛. Chữ 搯 (ốt) dùng ở thư XIV phiên âm tên J. Liot (Li-ốt), rất đúng, không hiểu sao Cadière viết « Li-ồn ».

(27) Có lẽ là Cai bạ Nguyễn Thiêm, người cùng với Giám quân Tổng phúc Đạm, Thị giảng Nguyễn Đò... để hành tại trình bày tình hình « đơn nhược » của Gia định từ khi anh em Tây Sơn bắt hòa, và xúi bả Nguyễn Ánh về khôi phục (Thực-lục q. 3, 1b). Khiêm hòa hầu chắc là Nguyễn văn Khiêm nay đổi tước.

(28) « Luống trông tàu trở lại... ». Chúng tôi phiên chữ « trở » từ 𢇛 (lữ), cũng như « luống trông » từ 𢇛 𢇛 (lũng lung). Địa điểm Thán lung được hiểu là Thang trông (không cần đến chữ Vọng thê) từ nhận xét này.

Vừa Quý ngọc hầu diện báo tàu đã tựu tín sở, trước trong cử sự động hiệp cơ nghi. Lại tiếp thấy hai quan tàu cùng Cai trưởng khai văn gấm biết nhưn sự đa quai, thiên tâm nan tín. Song hai quan tàu cùng Bảo-lộc Nghị hồi bản thành, trình quan Cai thành cùng Thầy Cả lo giúp Ta. Thế âu thiên lý, nhưn sự tương vi thủy chung, thủy tuy thủy súy, chung năng phần dực (29). Vốn Ta đã thỏa lòng, mưa hễ quả niệm. Khâm tai Đặc dụ.

Cảnh hưng thứ 48, tháng 2, mùng 1 (19 3-1787).

Minh mạng thứ 8, tháng 5, ngày 25, sao theo bản xưa.

Dấu Tả quân.

THƯ THƯ CHÍN :

Chỉ dụ Gia-cô-bê thầy Cai trưởng Khâm tri:

Vả Ta cùng thầy Cai trưởng nhân tuy biệt quốc nghĩa tợ đồng hương, tri ngộ mấy lâu tâm tình đã tỏ biết. Từ Xiêm quốc vọng chỉ có đồ là sự phi đặc dĩ, xúc tưởng lưu lai thốn chỉ (30)ặng thấu nguyên do; lại e tiết lậu cơ mưu. (Chẳng?) ngờ ngày ấy ra đến Cà mâu, Rạch giá thấy quân tướng Tây sơn cùng thần thứ quy thuận nghe nhiều, bèn thẳng vào phủ Gia định. Đã thân phục Vĩnh trấn, Trấn định nhĩ dinh, lại Lưu thủ Khoa đã thân phục Trấn biên dinh. Còn một Ngụy Tham nọ cạy tàu thuyền song còn ý thể trường giang cự địch nên thẳng phụ vị phân. Vừa năm trước, tháng chạp ngày 28, mùng thấy thiên lý tiền lai nhất phong tôn tặng, kỳ nguyện phục quốc, tương ngộ hữu kỳ, lòng Ta bất thẳng tước được (31), ngổ phải bực bạch quốc gia cơ chỉ cùng Thượng quan. Tứ tặng đẳng vật sai Khâm

(29) « Lẽ trời, việc người nhất loạt cùng làm cho có đầu có đuôi, ban đầu thì rũ cánh (bại) nhưng cuối thì sẽ vươn lên... »

(30) « Nhớ đốt tay còn để lại » (J. Liot).

(31) « Chẳng ghim nháy nhót » (nóng nảy).

sai Tổng nhưng Cai cơ Bảo hộ Nhân văn hầu (32) đệ tỵ ngữ tường để sự, Như Thầy Cả với Thân tử Ta qua tại Đại tây dương quốc từ ấy nhần nay, âm mang vị thẩu. Bằng Thầy cư cận cảnh, dầu có tin tức lai thông khá kíp tả ký tâm thơ vãng chiều kéo khát vọng bắt thăng, quan sơn vạn lý, hoài niệm nhứt thành. Khâm tai. Đặc dụ.

Cảnh hưng thứ 49, tháng 1, ngày 6 (12-2-1788).

Minh mạng thứ 8 tháng 5, ngày 25, sao theo bản xưa.

Dấu Tả quân.

THƯ THỨ MƯỜI:

An nam Quốc vương (33).

Tờ vu Cai trường thượng sư Nha-cô-bê ngọc hiển nhiệm chiếu: Từ Ta đề binh phá Tây đồ, thời bộ binh đã thâu phục Gia định phủ các xứ, còn thủy binh nó thời trụ Mỹ tho, Bến ghé, thăng phụ vị phân. Như thủy binh Ta thời ất còn trụ Trà luật (34) bằng ngày trông tin Đức Bá-đa-lộc thượng sư cùng con Ta tiêu tức đường nào. Qua tháng 11 thấy Đệi Dung tỵ bảm rằng Thượng sư cổ tờ quốc sự sai Đệi Dung đệ thữ tờ ký bảm, chẳng ngờ Đệi Dung tới vòm (35) Rạch giá xảy gặp Tây sơn là Thượng Lý sai ghe thiện hành

(32) Nguyễn văn Nhân. Tên được xác định vì ở đây có nêu tước vị « Bảo hộ » thấy hầu hết suốt những đoạn *Thực-lục* có nhắc đến tên viên tướng này.

(33) Lời tự xưng đã thay đổi vì Nguyễn Ánh đang chiến thắng.

(34) Hầu hết *Thực lục*, *Liệt truyện* đều viết là Trà tân. Chữ ở đây rõ ràng là Trà luật, tên một con rạch, một cái giồng thuộc tỉnh Định tường với giọng đọc thông thường là Trà lọt. Rạch Trà lọt chảy qua đường số 4, cách Sài gòn 110 cây số.

(35) Vòm (沅 tràm), Cadière dịch embouchure rất đúng vì đó là danh xưng địa phương chỉ nơi sông con đổ ra sông lớn hay sông đổ ra biển.

xứ ấy nên Đới Dung vội bỏ tờ ấy xuống nước mà Đới Dung ngoại bầm các lý, hư thiệt vị tường. Và Ta hằng lo binh gia không bỏ lại chưa đăng người quán tín Thượng sư nên chưa sai đệ tín thư, lòng hằng tởn thức. Nay có Nội viện Thuyền chủ Huấn đức hầu là tội tâm trường, vả lại gia tư xứ ấy lại khừ tiện thông mới sai đệ tờ trình chiếu. Như Đức Ba-đa-lộc cùng con Ta viện binh quý quốc đã trụ xứ nào, khá đệ tờ cho Ta tường hiểu Lại như tờ ấy thì sai Cai đội Thọ đệ trực bầm văn cho tường để sự, vật sai tha nhân liệu sự bất thành. Trí ý. Nay tờ.

Cảnh hưng thứ 49 tháng 1 ngày 15 (21-2-1788).

Minh mạng thứ 8 tháng 5 ngày 25 sao theo bản xưa.

Dấu Tả quân.

THƯ THỨ MƯỜI MỘT:

Chỉ dụ Nhả-ca-bá Cai trưởng sư Khâm tri:

Vả Cai trưởng tuy người dị quốc, song có dạ ân cần, hết lòng ưu ái, tấm lòng thương cảm chẳng cùng. Như ngoài này năm nay tháng 3 thời Tây sơn là Thượng Hưng cất đại binh giúp Thượng Tham mà chống đánh cùng Ta, thời chúng nó đã ghe phen đại bại, tử thương rất nhiều. Sao vậy nội tháng 6 thì Ta cũng đánhặng Sài gòn mà chớ. Như con Ta từ thuở tha bang cùng Thầy Cả nhần nay, Ta tấm lòng khát vọng, độ nhứt như niên. Ơn có Cai trưởng (36)

(36) Cadière âm là «cố», ghi lời giải là «từ ngữ dùng gọi các linh mục»: «ông cố». Chữ «cố» đó là khuất, xưa, viết khác 故, trong khi chữ «cố» 固 trong bản văn luôn luôn phải đọc là «có» mới có nghĩa (thư V, IX, XIII...). Trong suốt các bức thư chỉ thấy Nguyễn Ánh gọi các linh mục là Thầy cả, gọi J. Liot là Cai trưởng, Thầy cai trưởng, chớ không gọi là «ông cố» như danh xưng người bình dân ta gọi các linh mục tây, phân biệt cách xưng tới hai đời với các «cha» linh mục ta.

Câu văn, nếu nhận chữ có, tránh được các thắc mắc trên mà vẫn giữ được ý nghĩa: «... ƠN CÓ Cai trưởng (đưa, thảo) bầm văn về...».

bấm vào về rằng đã thật tin đến nước Ba-lang-sa mà đều bình yên vô sự, nên Ta giản tẩm long lo, vui mừng chẳng xiết. Như binh giúp có ra đến đó thời Cai trưởng dục ra cho kíp, bằng chưa ra thời tin tức làm sao, hoặc lái Điểm (37) về hỏi làm sao, khá tốc cụ bấm vào ngỏ tường áo để. Lại như thương tàu phương tây có qua thời Cai trưởng dục ra ngoài này đặng Ta y giá biện mãi binh khí tiện dụng binh vụ mà Ta đều tha thuế bạng, Như Cai trưởng đã có lòng ưu ái cậy cùng giúp lo mọi việc, sau đầu bờ cõi đạt yên thời bầy một trường cá nước, ơn phỉ đến ơn. Quan sơn thiên lý, tâm tự bán tiên (38). Khâm tai. Đặc dụ.

Cảnh hưng thứ 49 tháng 5 ngày 29 (2-7-1788).

Minh mạng thứ 8 tháng 5 ngày 25 sao theo bản xưa.

Dấu Tả quân.

THƯ THỨ MUỖI HAI;

Chỉ dụ Thầy cai trưởng khâm tri:

Do tháng 6 ngày 25 Ta đề đại binh công phá Tây tặc đã thâm phục Ba giồng, Sài gòn, Bến nghé, Đồng nai, Bà rịa toàn bức rồi vậy. Thủy bộ binh chúng nó kinh tâm thối hạ, xuất nhập hải môn, phòng toan phá dân cướp lương, nên Ta còn kiểm điểm thủy binh với thành nhứt chiến cho tuyệt hậu ưu, ấy là cơ binh. Được vậy nên phải lời cùng Thầy cai trưởng: như Đại tây dương các chiến tàu thủy bộ binh đã hội tựu, tua khá trình lai ngỏ tường cơ chỉ đặng quân

(37) Cadière dịch: «... ou si le pilote Điểm est en retour...». Không thể biết rõ ràng hơn.

(38) «Quan sơn ngàn dặm, tẩm lòng bày tỏ (trong) nửa tờ thư».

binh ấy lại ngã Vĩnh tàu (39) cho mau, trước là vây đón chững nó, sau là tiện đường nghinh tiếp, dâng thừa thắng trường khu. Hễ binh quý thần tốc, chớ khá khiến diên, kéo tới tiết nghịch phong, quân lương nhứt phí; thiên lý yên ba, thốn thành klẩn khoản (40). Khâm tai, Đặc dụ.

Cảnh hưng thứ 49 tháng 8 ngày 28 (27-9-1788)

Minh mạng thứ 8 tháng 5 ngày 25 sao theo bản xưa.

Dấu Tả quân.

THƯ THỨ MUỖI BA :

An nam Quốc vương thơ vu Gia-cô-vi Thầy cai trường binh an hiệp hay: từ Ta phục hồi cổ quốc, đường tuy xa cách, lòng tưởng xưa nay, ơn có, nghĩa có, ghi dạ không quên. Như tàu Hòa-lan-sa (41) trông chưa thấy đến. Vả tháng 8 Ta đánh Tây tặc vừa yên, về ở Sài gòn, có dạy sứ (42) đem lễ vật vào tạ ơn đức Phật vương cùng Nhi vương, tuy là bạc lễ, dùng thảo tẩm lòng. Như sứ đã vào đến nơi mà dương lễ ấy, hay là chưa vào đến nơi, có sao chẳng thấy tiêu tức tín hồi. Lại như lượng đức Phật vương cùng Nhi vương có lòng thương Ta giúp binh khí hay dạy lượng nào thời Thầy cai trường bảo tín thơ cho biết, kéo đường nghìn dặm, trông đợi một phương. Khuyên khá ân cần, mưa đừng thất tín. Nay thơ.

(39) Chữ viết như vậy nhưng có lẽ phải đọc Vững Tàu mới đúng hơn.

(40) « Kéo tới tiết gió ngược, tổn phí lương lính hàng ngày; ngàn dặm khói sóng, một tấc lòng thành... ».

(41) Hòa-lan-sa ở đây, Hoa lang-sa ở thư VIII, Ba-lang-thê thư VI, Đại tây dương quốc thư IX đều chỉ nước Pháp.

(42) Thực-lục q. 3. 19b gọi là sứ « báo tin chiến thắng » (báo tiếp) song ở đây rõ ra là chủ tâm đi cầu viện.

Cảnh hưng thứ 49 tháng 12 ngày 24 (19-1 1789)

Minh mạng thứ 8 tháng 5 ngày 25 sao theo bản xưa

Dấu Tả quân.

THƯ THỨ MƯỜI BỐN:

Hành Lại bộ sự Trí lược hầu (43) thừa Lệnh sai thầy Tấn nghị tự Long xuyên đạo lãnh tiền nguyệt dĩ cụ chiến ghe nhứt chích, tính biệp súng nhị khẩu, cập trạo giả tứ dinh, tốc tự Chân bồn xứ nghinh Li-ốt Cai trưởng sư cập bản trưởng đẳng đệ hồi Sài gòn yết kiến hành tại. Vụ tu vận tốc, vật khả kê tri. Tư sai.

Cảnh hưng thứ 52 tháng 1 ngày 18 (20-2-1791) (44)

Minh mạng thứ 8 tháng 5 ngày 25 sao theo bản xưa.

Dấu Tả quân.



(43) Nguyễn bảo Tri, Huyện giao từ Phú xuân đến tháng 6 âm lịch 1782, được phong làm Tham quân (*Thực-lục* q. 1, 21a), làm Hộ bộ khi ở Xiêm về (*Thực-lục* q. 3, 18a).

«Hành Lại bộ sự, Trí lược hầu thừa lệnh sai Thầy Tấn nên đến Long xuyên; tháng trước đã có sẵn một chiếc ghe chiến kèm thêm hai khẩu súng tốt và 4 người chèo; đi mau tới xứ Chân bồn (Chantaboun) đón thầy Cai trưởng Li-ốt cùng Cả trưởng đem về Sài gòn yết kiến ở hành tại, việc nên làm mau chớ chậm trễ. Nay sai».

(44) Bản chụp ảnh viết rõ ngày tháng «...chính nguyệt, thập bát nhật», không hiểu sao Cadière đã dịch: «1ère lune, 18è jour» mà lại chuyển qua tây lịch là 19-6-1791. Chuyển đúng thì đó là ngày 20-2-1791. Ngày 19-6-1791 là ngày 18-5 âm lịch. Cadière phân vân giữa chữ «chính» và chữ «ngũ» 正, 五 chẳng?

PHÉP THI HƯƠNG

đời **LÊ TRUNG HƯNG**

(từ 1678 về sau)

▼ Doãn Thành NGUYỄN KIẾN

■ NƠI THI VÀ NGÀY THÁNG.

Các khoa thi hương được mở ở nơi lý sở của mỗi xứ và ở kinh đô nghĩa là ở Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Yên Quảng, Thanh Hóa, Nghệ An và Phụng Thiên Phủ. Theo lệ định từ triều Thánh Tôn năm Quang Thuận thứ bảy (1466), cứ ba năm mở một khoa, vào những năm tí, ngọ, mao, dậu. Kỳ thi bắt đầu vào ngày mồng tám tháng tám, ngày ấy vào kỳ đệ nhất, ngày 18 vào kỳ đệ nhị, ngày 24 vào kỳ đệ tam, ngày 28 vào kỳ đệ tứ. Các xứ Thanh, Nghệ, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương phải theo đúng ngày tháng đã định, Phủ Phụng Thiên và các xứ khác chỉ phải theo đúng ngày vào kỳ đệ nhất, còn các kỳ sau thì thôi, vì sĩ tử ít, không cần nhiều ngày để chấm bài.

■ TRƯỞNG QUAN.

Trên hết, có quan Đề điệu rồi đến quan Giám Thí. Ở các xứ to, Thanh Nghệ và bốn xứ chung quanh kinh đô, dùng quan văn, phẩm hàm cao (nhị, tam phẩm) làm chức Đề điệu và Giám thí. Riêng ở phủ Phụng Thiên, dùng một quan Đô Cấp sự trung (1) làm chức Giám thí.

(1) Quan của một khoa, kiểm soát việc một Bộ, hàm chính thất phẩm.

Thứ đến các quan Giám khảo, Phúc khảo và Đồng khảo.

Giám khảo, có ba viên, dùng các quan ở viện Hàn Lâm (2) và các quan các khoa (3), các quan Ngự sử các đạo (4), sung vào.

Phúc khảo, có bốn viên, Đồng khảo, có mười tám viên, dùng các chức Đoán sự (5), Lang Trung (6). Viên ngoại lang (7), Tri phủ (8), Giáo thụ (9), Học Chính (10), Tri huyện (11), Tri châu (12), Huấn đạo (13), Điển bạ (14), đã từng đỗ ba trường kỳ thi Hội, có tiếng văn học và danh dự. Ngoài các quan do triều đình cử ra, các quan sở tại ở xứ cũng dự vào hàng trường quan: Thừa chính sứ (15), Tham chính (16), Tham nghị (17), Hiến sát sứ (18), Hiến sát phó sứ (19).

(2) Hàm từ chính thất phẩm trở lên.

(3) Chức đô cấp sự, cấp sự.

(4) Hàm chính thất phẩm.

(5) Chức quan văn ở các vệ lính, chính lục phẩm.

(6) Chức thuộc quan ở các bộ, chính lục phẩm.

(7) Chức thuộc quan ở các bộ, tòng lục phẩm.

(8) Chức cai trị một phủ, tòng lục phẩm.

(9) Dạy học tại Quốc tử Giám, chính bát phẩm.

(10) Dạy học tại Quốc tử Giám, tòng bát phẩm.

(11) Chức cai trị một huyện, tòng thất phẩm.

(12) Chức cai trị một châu, cũng như một huyện, nhưng ở thượng du, tòng thất phẩm.

(13) Chức coi việc học ở một phủ, chính cửu phẩm.

(14) Thuộc quan ở các nha môn tại kinh đô, tòng bát phẩm.

(15) Chức quan cai trị một xứ, như một tỉnh ngày nay, tòng tam phẩm.

(16) Chức quan phụ tá Thừa chính sứ, tòng tứ phẩm.

(17) Chức quan phụ tá Thừa chính sứ, tòng ngũ phẩm.

(18) Chức quan kiểm sát một xứ, chính lục phẩm.

(19) Chức quan phụ tá Hiến sát sứ, chính thất phẩm.

Riêng ở các xứ Thái Nguyên, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Yên Quảng, những nơi xa và ít thí sinh, chức Đề điều và Giám thí không cử từ kinh đô đến mà dùng ngay Thừa Chính sứ và Hiến sát sứ; còn các trường quan khác, dùng các quan Tri Phủ Tri Huyện, Tri Châu, Huấn đạo, của các xứ khác cử sang, với điều kiện là các vị này đã có đỗ ba trường kỳ thi Hội.

Về các việc thu quyển, đọc phách, dán phách, soạn sổ, viết bảng, sẽ dùng các quan phó nhị ở các phủ, huyện, châu, (nghĩa là các chức đồng tri phủ (20), huyện thừa (21), đồng tri châu (22), và các lại viên đang làm việc ở hai ty Thừa Chính, Hiến sát, nhưng không được dùng người nguyên quán ở xứ đó.

Các quan Đề điều, Giám thí, Thừa chính sứ, Tham chính, Tham nghị, Hiến sát sứ, hợp thành Thí Viện, các quan Giám khảo, Hiến sát phó sứ, Phúc khảo, Đồng khảo, hợp thành Khảo Viện. Công việc của Khảo Viện là chấm bài còn công việc của Thí Viện là chấm bài lần cuối và hợp nhau lấy người đỗ.

■ CANH PHÒNG.

Ở các xứ Thanh, Nghệ, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, mỗi khi mở khoa thi, có cử một quan võ, gọi là Tuần xước, giữ việc canh phòng. Còn ở các xứ khác, dùng ngay quan Đô Tổng Binh (23) ở xứ ấy. Các võ quan này sai phái lính để canh phòng trong và ngoài trường. Ngoài ra, còn phải cử các viên Xá nhân (24) để giữ cửa và coi sóc trật tự trong lúc học trò đang thi mỗi trường có một viên Chánh sai và bốn viên Tù sai, do Thừa ty cử nhân viên của ty sung vào.

(20) Chức quan phụ tá Tri phủ, từng thất phẩm.

(21) Chức quan phụ tá Tri huyện, từng bát phẩm.

(22) Chức quan phụ tá Tri châu, từng bát phẩm.

(23) Quan võ ở một xứ, coi binh lính, chính tam phẩm.

(24) Chức sai phái của các ty, không có phẩm hàm.

■ TRƯỜNG THI.

Trường thi không có nhà cửa gì sẵn, lúc thường chỉ là cánh đồng. Mỗi khi có khoa thi mới dựng trường, làm nhà. Trường chung quanh rào tre, nhà cửa đều làm bằng tre nứa cã.

Thí Viện là một công đường bảy gian, khảo viện có năm gian hai chái, nhà thu quyển, nhà canh cửa đều có ba gian. Làm một cái nhà bảy gian hết 42 quan tiền, nhà năm gian hết 9 quan 3 tiền, nhà ba gian hết 5 quan 4 tiền.

Ngoài các nơi làm việc lại còn phải làm nhà cho các trường quan ở. Các quan Đề điệu, Giám thí, Tuần xức, Thừa Chính sứ, Tham Chính, Tham nghị, Hiến sát, Tả mặc, Hữu mặc (25), mỗi vị được ở một cái nhà ba gian, các quan khác, nhỏ hơn, ở chung những nhà bảy gian, các lại viên ở chung những nhà bảy hay chín gian.

Trong nhà phải có đồ đạc. Như nhà quan Đề điệu, phải có đủ giường, dất giường, giá kê đèn, dao, thúng, mâm, chậu, chiếu, nôi dất, chai lọ, bát sứ, bát sành, dầu thắp, bắc, son, bút, mua hết tất cả hai quan

■ CUNG CẤP CÁC TRƯỜNG QUAN.

Các trường quan cũng như các loại viên, từ lúc tiến trường, trước hôm mở kỳ đệ nhất vài ngày, cho đến khi thi xong, phải ở luôn trong trường, tất cả hơn một tháng không được ra ngoài. Nhà nước phải cấp cho tiền để chi tiêu ăn uống.

Quan Đề điệu, chức to nhất, được mỗi ngày bảy bát (26) gạo và 42 đồng cổ tiền (27) để mua nước mắm, rượu, trứng, muối, rau,

(25) Hai chức thuộc quan ở ty Thừa chính sứ, đều từng bát phẩm.

(26) bát quan đồng đề đồng, không phải bát đề ăn cơm, mỗi bát gạo đánh giá 36 đồng tiền.

(27) Tiền xưa, sáu tiền cổ tiền bằng tiền thường dùng một quan. Mỗi tiền có 60 đồng, mỗi quan có 600 đồng. Để biết giá trị một quan tiền, vào năm 1683, Nhà Nước ước giá mỗi con lợn hai quan.

gùng, củi. Số tiền gạo này tùy theo phẩm cấp nhỏ thấp mà giảm dần đi. Cứ tính mỗi phần là một bát gạo và 6 đồng tiền thì quan Đề điệu được bảy phần, quan Đồng khảo được có ba phần, thư lại cũng ba phần, còn các viên tùy sai được ít nhất, chỉ có hai phần. Tính ra một khoa thi, ở một xứ, phải tiêu về việc cất nhà, sắm đồ dùng và ăn uống cho trường quan hết 1700 quan 3 tiền, 45 đồng và 15137 bát rưỡi gạo.

Số tiền, gạo này là lấy ở đâu? Không phải lấy ở kho Nhà Nước mà từ năm 1723 trở về trước, do dân phải nộp, ngay trước khi có khoa thi, Theo lệ năm Vĩnh Trị thứ ba (1678) mỗi phường, xã ở các xứ Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Thanh Hóa, Nghệ An phải nộp, phường xã lớn 2 quan tiền và 65 bát gạo, phường xã vừa, 1 quan 5 tiền và 50 bát gạo, phường xã nhỏ, 1 quan tiền và 35 bát gạo. Ở các xứ khác, mỗi phường xã lớn phải nộp một quan và 20 bát gạo, phường xã vừa 8 tiền và 15 bát gạo, phường xã nhỏ 6 tiền và 10 bát gạo. Phường xã sẽ nộp lên huyện châu, để huyện châu nộp lên xứ. Huyện châu nào ở xa, gánh gồng khó, hay thu không kịp, có thể tính phần phải nộp rồi cho người nộp khoán, nhưng không được cho nha lại ở hai ty Thừa, Hiến cùng các người quyền quý hay các người văn phụ trách thu thuế khóa, lĩnh khoán để phòng sự nhũng lạm. Tất cả các xã của huyện ấy sau đó phải chia nhau nộp tiền để trả cho người lĩnh khoán. Dĩ nhiên là tiền này, các xã, phường sẽ bỏ cho dân trong xã phải chịu, trừ những người học trò đi thi được miễn khỏi đóng tiền ấy.

Việc cho lĩnh khoán này hay gây ra kiện cáo nên lệ định rằng người lĩnh k' oán nào đòi thu quá lạm, sẽ do dân tố cáo lên Hiến ty ở các xứ và quan Ngự sử ở kinh đô để trừng trị người đòi thu trái phép. Các phường cũng có khi ngoan cố không chịu trả tiền cho người lĩnh khoán, nại rằng đã phải chịu các công dịch khác nhiều rồi, thì huyện, châu sẽ phải trình Phủ Doãn (28) hay hai ty Thừa, Hiến, để xét bắt phạt phường xã ấy nộp gấp đôi số tiền đáng phải nộp.

(28) Quan cai trị kinh đô, Phủ Phụng Thiên, chính ngũ phẩm.

■ KHẢO HẠCH TRƯỚC KHI ĐI THI.

Chỉ được đi thi hương, những người đã được chọn. Phép chọn phải theo thể thức như sau :

Đối với các người chưa từng đi thi hay đã đi thi mà chỉ đỗ được hai trường trở xuống, các phường (29) trường, xã trường sẽ khai tên những người nào học khá, có thể đi thi được, nhưng các người này không phải là con nhà làm nghề hạ tiện như ca, xướng chẳng hạn. Không hạn tuổi tối đa, còn tuổi tối thiểu thì nguyên tắc là 18 tuổi, nhưng cho phép cả người dưới 18 tuổi cũng được khai tên nếu có học lực khá. Phường trường, xã trường phải làm sổ khai nộp lên quan Huyện hay quan Châu. Nhưng không phải khai tất cả số học trò trong phường, xã muốn đi thi. Phường xã lớn được khai 20 người, phường xã vừa được khai 15 người, phường xã nhỏ được khai 10 người, không được khai quá số. Phường xã nào ít người đi học, thì không phải khai đủ số. Các học trò này, quan huyện, châu phải khảo vấn lại. Khảo vấn theo cách nào, nay không còn thấy tài liệu nói rõ. Có lẽ cũng phải cho thi đủ các loại bài như khi thi thực. Khảo vấn rồi, quan huyện châu xem người nào làm bài khá, xếp vào hạng « tứ trường » ; làm bài vừa, xếp vào hạng « tam trường » ; không có bài nào đáng được xếp hạng thì thôi. Hạng tứ trường, mỗi huyện châu to được lấy 20 người, huyện châu vừa, lấy 15 người, huyện châu nhỏ lấy 10 người. Vậy là ngay ở huyện châu đã có sự chọn lọc lần đầu rồi.

Trở lên là cách chọn các học trò chưa từng đỗ bao giờ. Còn hai loại học trò, đã từng thi hương rồi mà chưa đỗ được Cống sĩ, nhưng cũng đã đỗ được ba trường, đó là các quan viên và các nho sinh. Quan viên là những người đã có quan chức, hẳn là quan chức nhỏ, có khi chưa có phẩm hàm. Nho sinh là con các quan to, tam phẩm trở lên. Quan huyện, châu sẽ khảo hạch hai loại này nếu thấy văn bài khá, thì quan viên vẫn xếp vào hạng « quan viên » còn nho sinh thì tùy văn bài mà xếp vào hạng « nho sinh » và « thường nho sinh ». Người nào xem ra đã bỏ học rồi thì không được xếp hạng

(29) Đất Kinh đô chia thành phường, không chia thành xã.

nữa, Ý giả hai loại học trò này, vì đã có đi thi, có quan chức, hay là con các quan to nên không do các phường xã xét về học vấn được mà phải do các quan huyện, châu.

Còn một loại thứ ba, các người đã đỗ ba trường khi thi hương, nghĩa là các sinh đồ, thường đối với các người này, ở kinh đô cũng như là ở các xứ, việc khảo hạch không do quan huyện, châu, mà lại do các hiệu quan, nghĩa là quan coi về việc học (ở mỗi phủ, có một quan huấn đạo coi về việc học) Hiệu quan ở mỗi phủ phải khảo hạch các sinh đồ; nếu thấy làm bài khá, xếp vào hạng « năng văn »; nếu thấy bài vừa, xếp vào hạng « thường năng văn »; nếu sinh đồ nào làm bài kém, xem như đã bỏ học, thì không được xếp hạng nữa

Vậy các sĩ tử được đi thi gồm có bảy hạng: 1. tứ trường, 2. tam trường, 3. quan viên, 4. nho sinh, 5. thường nho sinh, 6. năng văn, 7. thường năng văn.

Các quan huyện, châu, hiệu lập danh sách các sĩ tử đã được xếp hạng, nếu ở kinh đô, trình lên Phủ doãn, nếu ở các xứ, trình lên quan Phủ, quan này xem lại rồi nộp lên hai ty Thừa Chính và Hiến sát.

Phủ doãn ở kinh đô, Thừa, Hiến ở các xứ chiếu sổ của các quan huyện, châu, hiệu, lập một danh sách chung, viết làm hai sổ, gọi là sổ « khảo Văn » và sổ « Cẩn khảo » để nộp lên Phủ đường (Phủ Chúa Trịnh). Các sổ này sẽ giao cho trường quan khi mở kỳ thi.

Theo lệ định thì thí sinh phải thi ở nơi nguyên quán. Lý do là sổ lấy đỗ, gọi là giải ngạch, của mỗi trường thi, đã ấn định trước, nếu một thí sinh nguyên quán ở nơi khác, cũng được thi ở nơi không phải nguyên quán thì khi thi đỗ, sẽ làm thiệt mất một tên trúng tuyển cho nơi có trường thi ấy. Chỉ có riêng các thí sinh nguyên quán ở Thuận Hóa và Quảng Nam (do chúa Nguyễn cai trị) được phép phụ thí tại phủ Phụng Thiên hay xứ Nghệ An. Các thí sinh đặc cách này, nếu là quan viên, nho sinh, năng văn, tứ trường, được

vào ngay trường đệ tứ, như những người đã đỗ trường đệ tam. Đó là cách ưu đãi để thu phục nhân tâm.

■ THỜI HẠN NỘ SỔ.

Phường xã phải nộp sổ cho quan huyện, châu hiệu trước hạ tuần tháng sáu; huyện, châu hiệu nộp lên Phủ doãn hay hai ty Thừa Hiên trong thời hạn để Phủ doãn hay hai ty đủ thì giờ làm sổ Khải Văn, sổ Cẩn Khải để nộp lên Phủ đường. Các xứ Thanh, Nghệ phải nộp vào trung tuần tháng bảy, các xứ khác và phủ Phụng Thiên phải nộp vào hạ tuần tháng bảy.

■ LỆ PHÍ.

Mỗi học trò đi thi, không phân biệt hạng nào, phải nộp lệ phí, gọi là lễ nạp bạ ở quan huyện, châu hay hiệu, mỗi người nộp 1 tiền và 1 bát gạo khi các quan huyện, châu và hiệu nộp sổ lên Phủ doãn và hai ty Thừa Hiên, cũng phải nộp lễ nạp bạ; cứ mỗi trăm tên thí sinh, phải nộp ở Phủ doãn và Thừa ty năm tiền, nộp ở Hiên ty ba tiền (các tiền lễ này, quan và lại ở các nơi được chia nhau). Phủ doãn và hai ty, khi nộp sổ ở Phủ đường, cũng phải kèm tiền lễ, tùy địa phương lớn nhỏ: Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương mỗi nơi nộp một quan, Phủ Phụng Thiên và các xứ khác mỗi nơi nộp năm tiền.

■ NỘP QUYỀN THI.

Tuy không thấy có tài liệu viết cho biết rõ, nhưng chắc thí sinh cũng phải nộp bốn quyển vở để làm bài thi. Trang đầu phải ghi tên tuổi, niên canh, quán chỉ (xứ, phủ, huyện, xã, thôn) và cung khai tam đại (ông tổ, tổ, phụ) cùng nghề nghiệp (nghề nho, nghề nông...). Các quyển vở thi này, phải nộp ở quan châu, huyện, hiệu, hay ở Phủ doãn, Thừa Hiên thì không rõ.

■ THÍ SINH NHẬP TRƯỜNG.

Đến ngày thí sinh nhập trường, các quan Thí Viện họp nhau

ra cửa trường, gọi tên thí sinh cho vào trường. Lúc ấy là sáng ngày mồng tám tháng tám, trước khi mặt trời mọc, và thí sinh phải vào trường xong trước khi trời sáng rõ, vì lúc ấy đã phải ra đầu bãi rồi. Thí sinh sẽ chiếu từng khu, từng số hiệu, đã được niêm yết, mà vào lấy chỗ ngồi.

Trường thi chia làm hai phần, một phần để làm công đường và nhà ở cho trường quan, một phần để làm chỗ học trò đến thi. Trong cùng là phần dành cho chỗ ở của các quan Đồng khảo, Phúc khảo, Giám khảo và Công đường khảo viện. Rồi đến chỗ ở của các quan Giám thí, Đề điệu và công đường khảo viện. Phần dành riêng cho sĩ tử chia làm bốn khu, ngăn cách do hai con đường gặp nhau ở giữa, gọi là thập đạo, ở chỗ ngã tư ấy, làm cái nhà thu quyển.

Các thí sinh phải có người dẫn đến trường thi. Các xã trưởng, phường trưởng dẫn các hạng quan viên, nho sinh, tứ trường, tam trường, các hiệu quan dẫn các hạng năng văn, đều phải nhận diện các thí sinh rồi mới được nhập trường. Nhận diện như thế để tránh nạn đi thi hộ người khác.

Cũng để tránh nạn này, còn có lệ ứng điểm. Trước kỳ thi, các quan Thừa, Hiến, Phủ doãn bảo các quan huyện, châu ra lệnh cho các xã trưởng, phường trưởng kê khai các quan viên, nho sinh trúng thử, giám sinh, đang ở nhà chịu tang, nộp danh sách lên Xứ. Thừa ty làm sổ đầy đủ cho Xứ, nộp lên Quốc tử Giám. (30) Quan ở Giám sẽ ghi chú làm bằng cứ, để hoàn lại Thừa ty. Đến ngày các thí sinh nhập trường, các người kê trên sẽ phải đến Thừa ty để điểm mục. Có tài liệu cho thấy các quan đã cáo thoái hay bãi chức cùng các người đã đỗ, mà ở nhà không đi làm quan. Cũng phải đến Thừa ty để ứng điểm. Coi các quan viên nho sinh, giám sinh khác, theo lệ, phải đến ứng điểm tại Quốc tử Giám, nhưng nếu người nào đã được bổ chức vụ gì, phải làm đơn trình các quan Quốc tử Giám, các quan này sẽ xem đã có tên trình ở sổ của phường xã nộp ở Giám rồi thì chuẩn đơn để người ấy đem về trình các quan

(30) Nhà trường ở Kinh đô, dạy học trò đi thi Hội.

nơi làm việc để được ứng điểm tại đấy. Các người thiếu mặt khi ứng điểm sẽ bị truy tố và trị bằng tội sung quân.

■ ĐỀ BÀI.

Học trò vào trường, đóng lều xong, đợi đến sáng sẽ có đầu bài. Bài phải làm từ sáng đến chiều tối thì xong. Thí sinh ngồi ở trong trường cả ngày nên ngoài lều, chõng, tráp, bút, mực, giấy lại phải mang cả cơm ăn nước uống đi nữa. Trong lúc làm bài, thí sinh phải giữ trật tự, không được nói với nhau, không được sang lều người khác. Đã có các Xá nhân coi sóc cho khỏi có sự hỗn loạn. Ai mang sách sổ vào trường thì sẽ bị đuổi ra khỏi trường.

Đầu bài do các quan Đề điệu và Giám thí ra. Từ năm Vĩnh Thịnh thứ ba (1720) Chúa Trịnh cho là hai kỳ ba và tư là kỳ quan trọng, quyết khoa, nên Chúa gọi các quan vào Phủ để nghị soạn đầu bài tiến trình, nhất là đầu bài kỳ thứ tư, bài văn sách. Các quan nêu ra mấy câu hỏi đầu, dùng làm đề mục chính, nếu Chúa ưng chuẩn, chấm dấu son vào rồi chuyển ra thì các quan lại họp nhau nghĩ cho đủ các câu hỏi của bài văn sách. Rồi có lính trạm đem đầu bài ra cho bốn xứ chung quanh kinh đô. Còn các xứ Thanh Nghệ và các xứ khác, vì đường xa, nên không phải theo lệ này.

Kỳ thứ nhất, thi kinh nghĩa, kỳ thứ hai thi Chiếu, Chế, Biểu, kỳ thứ ba thi Thơ Phú, kỳ thứ tư thi Văn sách. Qua được kỳ trước mới được vào kỳ sau. Mỗi bài thi phải qua Đồng khảo, Phúc khảo, Giám khảo chấm rồi chuyển qua Thi Viện chấm lần cuối và lấy đỗ. Bài nào làm không đủ bài, viết không thành chữ, xóa, chữa, mót nhiều quá, sẽ không được chấm. Theo lệ, trường quan sẽ tùy bài hay dở mà phê ưu, bình, thứ, liệt. Bị một lần phê liệt là bị đánh hỏng. Bài thi được đến bốn ưu là hay nhất, còn bài được bốn thứ thì cũng thoát được một kỳ.

■ TRỪNG PHẠT.

Mọi sự trái phép xảy ra đều bị trừng phạt. Trước khi thi,

trong các sự khảo hạch ở Phường Xã, ở các quan huyện, châu, hiệu, nếu có sự thiên vị, tư tình nào làm cho sự chọn lọc không công bằng, học trò có quyền tố cáo, để quan trên xét. Các huyện châu sẽ xử phạt Phường trưởng, Xã trưởng bằng tội sung quân, Phủ doãn hay Thừa, Hiến sẽ xử phạt quan huyện, châu, hiệu bằng tội biếm chức hay bãi chức. Người học trò nào bị tố cáo là không đáng được xếp hạng đi thi, sẽ do Phủ doãn hay Thừa, Hiến sát hạch lại.

Phường trưởng, Xã trưởng còn có thể bị phạt vì chậm trễ, để quá hạn nộp sổ lên huyện, châu, phải phạt ba quan tiền, nếu phạt tiền rồi mà trễ nải thì sẽ phải tội. Các quan khác để quá hạn, cũng bị phạt.

Trong khi thi, nếu người nào đi thi hộ người khác, sẽ bị trị tội. Các trường quan, người nào có thỉnh thác mà làm chuyện gian lận, biết trước bài làm, tự dạng, số hiệu của các bài thi, nếu bị tố cáo ra thì các trường quan thuộc khảo viện sẽ bị các quan Thi Viện xét và nếu quả có lỗi thật, sẽ bị xử tội sung quân.

■ GIẢI NGẠCH.

Trường Sơn Nam được lấy đỗ 80 cống sĩ, trường Thanh Hóa lấy 60, các trường Nghệ An, Sơn Tây, Kinh Bắc lấy 50, các trường khác lấy 30. Nhưng giải ngạch không nhất định, có khi tăng khi giảm như năm Cảnh Hưng thứ tư (1743) trường Sơn Nam được lấy 100 cống sĩ. Còn sinh đồ được lấy gấp mười lần, như trường Sơn Nam được lấy 100 cống sĩ thì lấy 1000 sinh đồ.

Việc lấy đỗ đến đây là xong. Nhưng thỉnh thoảng có lần cống sĩ và sinh đồ phải đi thi lại. Như năm Bảo Thái thứ 7 (1726) có Mỹ quận công Nguyễn Công Đài tâu rằng khoa ấy, các trường lấy cống sĩ quá hạn, Chúa Trịnh bắt các cống sĩ qua một kỳ phúc thí, thi ở bến sông Nhị, bài thi có một đạo văn sách. Chấm xong, có 17 cống sĩ bị truất. Năm Cảnh Hưng thứ 8 (1747) sĩ tử đi nghị là có người học kém quá mà cũng đỗ, Chúa bắt phúc thí,

kết quả là truất mất 10 người. Rồi những năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756) thứ 26 (1765), thứ 31 (1771), cũng có Phúc thí. Các quan Đề điệu, Giám thí các trường, lấy đỗ các cống sĩ bị truất, đều phải phạt, phải giáng. Ngoài ra, các sinh đồ cũng có lần phải phúc khảo. Đó là vào những năm Cảnh Hưng thứ 32 (1772), thứ 38 (1777), thứ 41 (1780) và thứ 44 (1783), có phúc khảo các sinh đồ ở bãi sông Nhị, ra một bài thơ đường luật và viết ám tả một chương trong sách Đại học, cả chính văn và lời đại chú. Ai đỗ thì vẫn được là sinh đồ, ai hỏng, được về học ba năm, miễn cho sưu dịch, lần phúc khảo sau phải đi thi, nếu vẫn không đỗ, bị đuổi về làm dân, phải chịu sưu dịch. Có sách chép rằng mỗi kỳ phúc khảo này, số sinh đồ bị rớt đến quá nửa.

■ ÂN ĐIỂN VÀ DANH DỰ.

Khi lấy đỗ xong, các quan Đề điệu, Giám thí và Thừa, Hiến họp nhau làm danh sách tâu lên nhưng chỉ tâu tên các người đỗ cống sĩ thôi; các quan viên, nho sinh, sinh đồ, chỉ đỗ có ba trường, không được liệt kê vào bản tâu. Con các quan, các nho sinh, đi thi, đỗ cả bốn trường, sẽ không gọi là cống sĩ mà gọi là « nho sinh trúng thức ».

Các cống sĩ được ban yến, tính chung bữa cỗ hết 10 quan tiền.

Các cống sĩ, khi thi đỗ xong, phải có lễ yết Tiên Thánh (Đức Khổng Tử), gọi là lễ « Thích thái », mỗi người nộp một quan tiền cho Quốc tử Giám để làm lễ. Những người đỗ tam trường, các sinh đồ, cũng phải nộp số tiền như thế ở Hiệu quan để làm lễ, gọi là lễ « Thượng Tòng ». Người nào đỗ sinh đồ rồi mà lại đỗ lại, cũng phải nộp lễ này, gọi là lễ « Tổng khảo » nên có khi gọi các người ấy bằng danh hiệu Tổng khảo.

DOÃN THÀNH NGUYỄN KIẾN



tìm hiểu về các đảng phái Việt-Nam
trong thời Pháp-thuộc :

VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG

tại HẢI - NGOẠI (1930 - 1933)

* Tài liệu của Sở MẬT-THẨM ĐÔNG DƯƠNG

* Dịch giả NGUYỄN HUY

*L.T.S. : Sử Địa số 6 đã đăng bản dịch tài-liệu
Việt Nam Quốc Dân Đảng (1927 - 1932), vol II của Sở
Mật Thẩm Đông Dương ; từ phần phụ lục gồm 4
tài liệu : « Điều lệ đầu tiên của đảng 1928, đảng qui được
sửa đổi 1929. Chương trình hoạt động của đảng 1929
và bản án tử hình viên Toàn quyền Pasquier ».*

*Tập tài liệu đăng ở số báo này cũng bỏ phần
phụ lục gồm 8 tài liệu về các đảng qui chương trình
hoạt động, các biên bản phiên họp của đảng.*

*Vì tôn trọng nguyên bản, chúng tôi xin dịch sát
ý và từ ngữ, dù tài liệu trái hẳn với quan điểm
lập trường của « Nhóm Chủ Trương ».*

Hai nhóm có khuynh hướng Quốc-Gia đã được thành-lập bên
ngoài biên giới Đông-Dương. Cả hai đều hoạt-động ở Trung-Hoa
dưới cũng một danh hiệu Việt-Nam Quốc-Dân Đảng tức « QUỐC

* Gouvernement Général, Direction des Affaires Politiques et
de la Sûreté Générale, *Contribution à l'histoire des mouvements poli-
tiques de l'Indochine française, Documents vol. N° III. Le Việt Nam
Quốc Dân Đảng du Parti National Annamite des Emigrés en Chine
(1930 - 1933).*

DÂN ĐẢNG ANNAM» hay «ĐẢNG QUỐC-GIA ANNAM». Ngay ban đầu, mặc dầu cả hai đều cùng một phương thức hoạt động và cùng mong muốn kết hợp với nhau, nhưng từ lâu, họ vẫn hoạt động riêng rẽ và cho đến gần đây, còn độc-lập trong các hành động. Chúng ta sẽ lần lượt xét hai khuynh hướng trên và sẽ thấy dưới hình thức nào họ đã hợp nhất với nhau. Chúng ta sẽ gác sang một bên những phần tử khác cùng một khuynh hướng đang hoạt động tại Xiêm, nhưng sự tiến triển và nguyện vọng lại khác hẳn với những Việt-Kiều tại Trung-Hoa đến nỗi không thể nào kể gồm họ vào trong cùng bài trình thuyết này được.

Đại khái, mục đích chính yếu của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng là thâu hồi nền độc-lập toàn vẹn tức khắc cho Đông-Dương cùng với sự thu đoạt lại bằng võ-lực, quyền hành của người Pháp ở Việt-Nam để tiến đến mục tiêu đó và để tự cung-cấp nhân lực và tài lực, đảng nhằm kết nạp đảng viên ở quốc-nội. Đảng cũng tìm cách đào tạo ở hải ngoại những đội võ-trang cần thiết cho cuộc nổi dậy tối hậu và cuộc tấn công từ ngoài vào nội địa. Đảng trông cậy Trung-Hoa sẽ giúp đỡ công cuộc trên khi độc-lập được thâu hồi, chế độ cộng-hòa dân-chủ sẽ được thiết lập và chính đảng sẽ cầm quyền như ở Trung-Hoa ngày nay. Để chứng tỏ với người ngoại quốc cũng như bản xứ sức mạnh của phong trào, để làm phấn khởi lòng tin của đảng viên và qui nạp những kẻ còn do dự, phương thức hoạt động của đảng là chủ trương khủng bố, mưu hại cá nhân, địa phương nổi loạn, khởi loạn và tấn công vào các biên trấn; như vậy là trái ngược với đảng cộng-sản mà họ không thể tìm thấy được sự thỏa thuận trên một bình-diện lâu dài nào cả.

Một trong hai nhóm quốc-gia đã hình thành ở Quảng-Châu, nhóm kia ở Vân-Nam, nhưng cả hai đều bắt nguồn từ những hoạt động chính trị của nhà lãnh tụ quốc-gia nổi danh Phan-Bội-Châu trong thời gian 1905-1925. Nhóm Quảng-Châu là hậu thân trực tiếp của đảng do chính Phan-Bội-Châu thành lập tại hải ngoại. Thành phần gồm những sĩ phu già cả và những người trẻ tuổi học hành dở dang, phần đông bán trí thức và phủ nhận tất cả mọi hình thức lao động

và cố gắng, vì vậy nhóm này luôn luôn tỏ ra kém hăng hái. Còn nhóm Vân-Nam thì mới được thành lập đây. Nó phát sinh từ thất bại của sự phản động cách mạng tại Bắc-Kỳ trong những năm 1928-29-30 và được điều khiển bởi những nhóm viên « tích-cực » (primaires) thuộc thể hệ mới như giáo-viên tiểu công-chức bị « sa thải » hoặc tư-chức mà phần lớn là những thường phạm và những kẻ phạm tội giết người, « trộm cướp », « tổng tiền bằng vũ khí (?) » Đàng đão và hoạt-động hơn, nhóm Vân Nam lại tìm thấy tại chỗ những người An-nam thiên về tư-tưởng cách mạng ; nhóm này có thể trong tương lai, được dùng làm căn-bản cho một mưu toan phản loạn mới tại Bắc-Kỳ. Với xứ này, nhờ những đường giao thông nối liền với Vân-Nam mọi sự giao thông lên lút rất dễ dàng.

■ VIỆT NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG QUẢNG-CHÂU.

Nhờ sự bắt giữ Phan-Bội Châu ở Thượng-Hải ngày 26 1925 mà Nguyễn-Ái-Quốc vừa mới đến Quảng Châu, đã thiết lập được dễ dàng một tổ-chức nòng cốt trong số mấy chục người An-Nam được Phan-Bội-Châu tụ tập tại đây. Nguyễn-Ái-Quốc kết nạp vào đảng cộng-sản những phần tử trẻ nhất, hăng hái nhất và gạt ra ngoài những thành phần kém cỏi, lười biếng, tập hợp chung quanh nhà lưu vong lão thành Vũ-Hải-Thu. Những người này được chính quyền Quảng-Châu sẵn sàng tích cực giúp đỡ vật chất cũng như tinh thần. Trước tiên, chính quyền Quảng-Châu và những người này tìm cách thành lập « Liên Minh Dân-Tộc Đông-Phương Bị Áp Bức » (Ligue des Peuples opprimés de l'Orient). Liên Minh này không liên quan gì đến khối Liên-Minh cùng một danh xưng hoạt-động tại Nam-Kinh. Trụ sở Liên Minh được đặt tại Quảng Châu và thành phần, ngoài người Trung-Hoa và An-Nam còn gồm có một đoàn thể Cao-Ly và một đoàn thể Ấn-Độ.

Vì số Sinh-viên Cao-Ly và Ấn-Độ không đủ để hình thành Liên-Minh trên nên những người quốc gia An Nam đã tập trung thành một đảng gọi là « Việt-Nam Cách Mệnh Đảng ». Nhưng vì thiếu một đường lối chính trị và nhất là một tổ-chức chặt chẽ. Đảng này

không có một hoạt-động thiết thực nào trong suốt thời gian sinh hoạt ngắn ngủi (1928-1930) được đánh dấu bằng những tranh chấp ảnh hưởng và những sự trả thù cá nhân giữa những đảng-viên.

THÀNH LẬP VIỆT-NAM QUỐC-DÂN CÁCH-MẠNG ĐẢNG QUẢNG-CHÂU.

Vào tháng 10-1929 một người Thổ vùng Hà-Giang tên là Lệnh-Trạch-Dân đến Quảng-Châu và đã chiếm được cảm tình của nhiều nhân vật có ảnh-hưởng trong Trung-Quốc Quốc-Dân-Đảng như Bồ-Lương-Chụ, Hoàng, Quí Lục, *Hou Tiên Min*; người này sau là cố vấn của Ông ta Nhờ họ nâng đỡ mà Lệnh-Trạch-Dân được chính quyền Quảng-Châu cho phép lập một đảng chính trị mà Ông tính đặt tên là « Việt-Nam Cách Mệnh Đảng », tức « Đảng Cách-Mệnh An-Nam ». Nhưng Vũ-Hải-Thu đòi cho đảng mà Ông đã thành lập được độc quyền mang tên trên; do đó Lệnh-Trạch-Dân đổi tên đảng thành « Việt-Nam Quốc-Dân Cách-Mệnh Đảng » tức « Đảng Quốc-Gia Cách-Mệnh An-Nam ».

Hàng tháng TQQĐĐ trợ cấp cho đảng mới này 200 mỹ-kim Mỹ-Tây-Cơ rồi ít lâu sau đó 400 Mỹ kim. Chính lý do này đã làm một số lớn cựu đảng viên của Vũ-Hải-Thu quyết định theo về hàng ngũ của tân lãnh tụ.

NGHỊ-HỘI 28-10-1930.

Ngày 28-10-1930 cả bảy chừng 30 người thuộc tân đảng hội họp tại trụ sở TQQĐĐ tại phố Huệ-Ái-Đông để bầu ban chấp hành. Đảng chấp nhận cương lĩnh tam điểm (triple démisme) tức căn bản chính trị của Tôn-Văn dựa trên 3 nguyên tắc sau: Quốc-gia, Dân-chủ, Xã-hội.

Ngày hôm sau 29-10-1930 một Đại-hội được tổ-chức ở cùng địa điểm trên để được chính quyền Quảng-Châu công nhận sự hợp pháp việc thành lập « Đảng Quốc-Gia Cách-Mạng An-Nam », Ủy-ban

đã mời rất nhiều người và nhiều nhân vật Trung-Hoa đến tham dự để buổi lễ thêm phần long trọng nhờ sự hiện diện của họ.

SỰ BẮT TÀI CỦA LỆNH-TRẠCH-DÂN.

Sau đó các đảng viên bắt tay vào việc ngay. Người lo viết báo, kẻ lo phiên dịch sách cách mạng Trung-Hoa. Trụ sở đảng đặt tại Quảng-Châu, phố Huệ-Phúc-Tây, số 8 hẻm Hồng Đức-Tân

Ngay ban đầu Lệnh-Trạch-Dân đã tỏ ra bắt tài trong việc điều khiển đảng. Kém thông minh, kém học thức lại nghiện thuốc phiện Ông đã không xứng với vai trò của Ông Các đảng viên cũng đã nhận thấy điều này nên họ thường ít tham dự những buổi họp hàng tuần.

Vài đảng viên bất mãn thành lập riêng một phe có nhiệm vụ đánh đổ quyền hành của Lệnh-Trạch-Dân và bắt buộc Ông từ bỏ chức Chủ-tịch đảng. Trong những đối thủ của Ông có nhà cách mạng lão thành Vũ-Hải-Thu, một người An-Nam từ Vân-Nam đến là Hoàng-Nam-Hùng, tướng cướp Trung-Hoa TAM-CAM-SAY và một người trẻ tuổi hăng hái mới lưu vong là Đào-Ngọc-Tấn.

Vũ Hải-Thu và Tam-Cam-Say mỗi người đều mưu đồ cho cá nhân mình để kế vị Lệnh-Trạch-Dân, trong khi đó Hoàng-Nam-Hùng nuôi dưỡng kế hoạch đưa Ông Hoàng-Cường-Đề từ Nhật-Bản về đây để trao phó chức Chủ-tịch đảng cho mình. Ông Hoàng-Cường-Đề, người mưu toan lấy lại ngai vàng An-Nam, đã từ lâu là minh chủ của Phan-Bội-Châu và nay không còn ai theo Ông cả.

VỤ ÁM SÁT TY-THƯỢNG-MAI.

Địa vị Lệnh-Trạch-Dân còn vững chắc là nhờ sự hậu thuẫn của TQQĐĐ, địch thủ của Ông quyết định thủ tiêu Ông cùng người thân tín là Ty-Thượng-Mai. Việc ám sát được quyết định trong buổi họp tại nhà Hoàng-Nam-Hùng. Ông này kiếm được một khẩu súng lục và trao cho Đào-Văn-Cứu. Ngày 6-1-1931 Cứu bắn chết Ty-Thượng-Mai tại nhà bằng 7 phát đạn súng lục. Sau đó Cứu đến

nhà Lệnh-Trạch-Dân. Nhờ sự vắng mặt có lẽ không phải hoàn toàn ngẫu nhiên mà Lệnh-Trạch-Dân thoát khỏi số phận của Mai. Sau vụ ám-sát, Đào-Văn Cứu sang Nhật ẩn lánh cạnh Ông Hoàng-Cường-Để cho đến đầu năm 1932.

THAY ĐỔI DANH XƯNG CỦA ĐẢNG QUỐC-GIA QUẢNG-CHÂU.

Cho đến hồi đó Lệnh-Trạch-Dân cũng chỉ thành lập được một Ủy-ban Trung-Uơng. Tất cả đảng của Ông là đó. Để bổ khuyết, Ông nghĩ đến cách tăng cường đảng bằng những đảng viên Quốc-Gia An-Nam ở Vân Nam mà Ông có giao thiệp. Cuối 1931 và đầu 1932 nhiều phần tử thuộc nhóm trên đã đến Quảng-Châu gia nhập vào đảng của Lệnh-Trạch-Dân. Ông cũng thương lượng nhiều lần để thu hút thêm người và Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Vân-Nam được đổi thành một chi bộ của đảng Quảng-Châu Để tránh những sự phản kháng có thể xảy ra, tên đảng của Ông không mang chữ « Cách-mạng » nữa vì tên của 2 đảng chỉ khác nhau có chữ « Cách-mạng ».

Hồi đó qui chế mà đảng chấp nhận được soạn thảo tùy theo khả-năng và sự huênh hoang (vanité) của người soạn. Phần quyền hạn của giới lãnh đạo đầy đủ chi tiết nhưng phần tổ chức tổng quát của nhóm lại chỉ được phác họa qua. Các soạn giả trình bày sơ lược quan điểm chính trị của đảng nhưng ngược lại họ dài dòng trong phần ân thưởng những phần tử theo họ có công với đảng.

Tóm lại, có rất nhiều mâu thuẫn; thí dụ người ta đọc thấy ở đoạn đầu là đảng ghi trong điều lệ sự thực hiện chế độ « Trung-ương tập quyền dân chủ » (Centrisme démocratique) trong khi ở đoạn sau lại ghi những người lãnh đạo cao cấp các tổ-chức được chỉ định bởi Chủ-tịch.

Hồi đó, dự tính thống nhất vừa đề cập đều không có kết-quả và chỉ đến năm 1933 sự thống nhất điều khiển mới thực hiện được giữa hai nhóm (và cho đến bây giờ, mỗi nhóm đều có một Ủy-Ban chấp-hành Trung-ương).

KẾ-HOẠCH LẬP ĐỘI QUÂN VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG.

Vào khoảng tháng 3-1932, để tự quan trọng hóa cũng như để kiếm thêm tiền, Lệnh-Trạch-Dân giao phó cho *Hoàng-Minh-T'ang*, nguyên đầu đảng cướp được Tôn-Vân phong tướng, việc tuyển lựa người tình nguyện để lập đạo quân Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng và nhất là để bán chứng thư chỉ huy mà người Trung-Hoa rất ưa chuộng như ta biết. Sự thực, mặc dầu gửi nhân-viên tuyển mộ đi nhiều nơi để kết nạp những binh sĩ chính qui giải ngũ, nhưng vẫn không một cơ đội nào được tổ chức bởi Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng và nếu năm ba kẻ đói khổ nào đến trình diện văn-phòng tuyển mộ của *Hoàng-Minh-T'ang* thì lại không bao giờ nhận được quân trang binh khí cả (?).

Kế hoạch tổ chức một « Chính-Phủ lâm thời Đông-Dương ».

Chính ở thời kỳ đó Lệnh-Trạch-Dân đã nghĩ đến biến đổi đảng Ông thành « Lâm Thời Chính-Phủ » tức « Chính-Phủ Lâm Thời Đông-Dương ». Ông cũng phác họa qua thành phần ; một Tổng-Thống Cộng-Hòa An-Nam với 6 Tổng-Trưởng lần lượt đảm-trách nhiệm-vụ sau :

- 1.— Tuyên truyền cách mạng.
- 2.— Nội-Vụ.
- 3.— Ngoại-Vụ.
- 4.— Kinh-Tài.
- 5.— Chiến-tranh.
- 6.— Công-chánh, Bưu-diện.

Dĩ nhiên những ghế Tổng-Trưởng trên được phân phát cho những người thân tín của Lệnh-Trạch-Dân. Cho nên những người như Nghiêm-Xuân-Chí, Ngô-Đình-Ninh, Hoàng-Văn-Nội, Nguyễn-Đáng-Tường, Hoàng-Quá-Định, đều là Tổng-Trưởng hoặc Thứ-Trưởng. Còn chức vụ chưa được bổ nhiệm thì dành cho vài người Trung-

Hoa giàu có đã trả một giá đắt để mua những chức tước danh dự đó. Chiếc ghế Tổng-Thống Cộng-Hòa vẫn trống vì Lệnh-Trạch-Dân không dám dùng quyền hành để tự phong cho mình.

Tổ chức ngoài biên thùy một « Chính-Phủ Lâm Thời » dựa trên một nhóm không bao giờ quá 36 người quả là ý tưởng của một người nghiệm ý tưởng đó đã làm cho Hoàng-Nam-Hùng phải ghen tỵ và lo ngại trước quyền hành của đối thủ nên Ông đã tố cáo với chính quyền Quảng-Châu việc mộ binh sĩ mà theo Ông, có mục đích gieo rắc xáo trộn trong tỉnh Chính quyền yêu-cầu Lệnh-Trạch-Dân giải tán « đội quân » của Ông và rút tất cả chứng thư chỉ huy đã bán cho người Trung-Hoa.

NGHỊ HỘI 28 4-1932.

Lệnh-Trạch-Dân tái lập Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng nhưng lại muốn tổ chức lại đảng để được phong làm Tổng-Thống. Do đó ông sửa soạn một buổi lễ cốt ý để gây tiếng vang. Với sự giúp đỡ của cố vấn Hoa-Tiên-Min, Ông triệu tập một nghị hội gọi là « tái tổ chức Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng » vào ngày 28-4-1932 ở phòng khánh tiết của Ủy-Ban địa-phương Quốc-Dân-Đảng Trung-Hoa ; Đảng gửi đi rất nhiều thiệp mời và đã hơn 500 người đến tham dự.

Đặng-Sư-Mạc đọc diễn văn khai mạc Vi-Đặng-Tường đọc bài tường trình liên quan đến việc tổ chức của buổi họp này ; Lệnh-Trạch-Dân đáp từ những bài diễn văn của quan khách buổi họp kết thúc với những cuộc phiếm luận theo đúng kiểu Trung-Hoa. Không một chương trình nào được dự thảo trước và cũng không một vấn đề chính trị nào được đề cập tới.

GIẢI TÁN VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG QUẢNG-CHÂU.

Để trả lời cuộc vận động trên, ít ngày sau, Hoàng-Nam-Hùng tổ-chức ở cùng địa phương điểm đó một buổi họp mà mục đích là chỉ trích trước sự hiện diện các đại-diện Trung-Quốc Quốc-Dân-Đảng,

hành động của Lệnh-Trạch-Dân và đồng đảng. Mặt khác, để hành động, Hoàng-Nam-Hùng mượn tay người bạn Ste-Yng-Pei, một luật sư Trung-Hoa rất ảnh hưởng trong TQQĐĐ. Nhưng âm mưu trên cùng với âm mưu của Tam-Cam Say làm TQQĐĐ phải hủy bỏ từ ngày 1-5 tiền trợ cấp hàng tháng 400 « *Hoa-Viên* » cho Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng. Ít lâu sau, vào đầu tháng 6, do sự tố giác của Hoàng-Nam-Hùng, chính quyền Quảng-Châu mới biết nhiều công-chức Trung-Hoa có chứng thư chỉ huy trong đội quân Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng mà Lệnh-Trạch-Dân dĩ nhiên không thể bởi hoàn tiền lại được. Chính quyền Quảng-Châu tuyên bố giải tán Đảng và quyết định trục xuất lãnh tụ.

Đảng tan rã hoàn toàn. Nhờ sự giúp đỡ của người bạn là *Hou Tien Min*, Lệnh-Trạch-Dân ẩn náu được tại Quảng-Châu rồi đi Hương-Cảng. Về số đảng viên, những kẻ đường cùng thì xin gia nhập quân-đội Trung-Hoa hay xin vào học tại các quân trường, những người khác thì đi *Tongking* ở gần lãnh thổ chúng ta và sự thuận tiện của giao thông đã giúp họ nhận được trợ cấp của gia đình hay bạn bè ở Mong-Cay.

TỔNG KẾT HOẠT-ĐỘNG CỦA VIỆT-NAM QUỐC-DÂN ĐẢNG QUẢNG-CHÂU.

Kết quả hành động của Lệnh-Trạch-Dân ở Quảng-Đông trong gần 3 năm trời thật mỏng manh: In một số truyền đơn bằng chữ Hán; một số ít được rải ở biên giới nhưng không thể lọt được vào lãnh thổ Đông-Dương; nhiều bài đã được đăng trên báo chí của Quảng-Châu nhưng không một cơ quan nào thuộc Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng được thành lập, sau hết, Đảng cũng không thành công trong việc tuyên truyền vào nội địa.

LỆNH-TRẠCH-DÂN ĐẾN NAM-KINH.

Biết không còn làm gì được nữa ở Quảng-Châu với sự giúp đỡ lộ phí của một người đàn bà Trung-Hoa giàu có Lệnh-Trạch-Dân, Ông Đặng Tường cùng với người khác bỏ đi Nam-Kinh vào tháng 8-1932.

Qua trung gian của Lữ-Hán, chủ-tịch hội-đồng quân sự của chính-phủ quốc-gia Nam-Kinh, Lệnh-Trạch-Dân bắt liên lạc được với Ủy-Ban Chấp-Hành Trung-Ương TQQĐĐ và những cơ cấu quan trọng khác của Chính-phủ Trung-Hoa, Ông lại được phép thiết lập ở Nam-Kinh trụ sở Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng và được tài trợ dưới hình thức trợ cấp hàng tháng.

Ông cũng kêu gọi sự hào hiệp của «Liên Minh những dân tộc Đông-Phương bị áp bức». Tổ chức này tính thống nhất Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng với chi nhánh Đông-Dương gồm độ 10 người mà phần đông là người An-Nam tại Trung-Hoa và hoạt-động của họ và lại vô hiệu cho đến nay, sự thương lượng hình như chưa kết quả.

Sau đó Lệnh-Trạch-Dân triệu tập một đại hội khoáng đại với sự tham dự của Đại-diện Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng thuộc nhóm Văn-Nam, đại-diện quốc nội và các sứ giả của nhóm người ở Quảng-Đông.

LỆNH TRẠCH DÂN CHẾT.

Trước khi có thể triệu-tập được buổi đại hội trên thì Lệnh-Trạch-Dân lâm bệnh và mất ngày 7-3-, chi-phí tổng-táng và dựng bia mộ đều do tiền lạc quyền trong giới hoa kiều do Lữ-Hán tổ chức.

Vấn-đề người kế-vị chức Chủ-Tịch đảng được đặt ra sau khi Lệnh-Trạch-Dân chết. Các đảng viên theo Ông đến Nam-Kinh còn quá trẻ để kế-vị chức-vụ trên nên Vy-Đăng-Tường đề-nghị trao chức Đạo-bộ-trưởng cho nhà lão thành Đặng-Sur-Mặc ở Quảng-Châu; với tuổi-tác cũng như quá trình tranh đấu chống sự đô hộ của Pháp ở Đông-Dương, Ông xứng đáng được chỉ-định vào chức-vụ đó. Nhưng tin rằng sự hiến dâng đó chỉ là mưu-kế lừa Ông đến Nam-Kinh để đối thủ khai trừ Ông dễ dàng nên Đặng-Sur-Mặc đã không rời khỏi Quảng-Châu; hơn nữa, ở đây, Ông còn hưởng được sự tài trợ của vài người bạn Trung-Hoa như *Chu-Lo*, Giám-Đốc Viện Đại-Học Tôn-Văn.

Vy-Đăng-Tường chủ-tọa buổi họp ngày 2-5 ở Nam-Kinh.

Trong buổi họp, việc duy-trì trụ sở Ủy-Ban Trung-Ương Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng ở Nam-Kinh được quyết-định. Tiếp-tục đường lối chính-trị của Lệnh-Trạch-Dân. Ông đã thành công từ khi họp nhất với Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Vân-Nam. Việc này sẽ được đề-cập đến trong phần III.

■ ■ VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG VÂN-NAM.

LÊ-PHÚ-HIỆP VÀ TRUNG-VIỆT CÁCH MỆNH LIÊN QUÂN.

Từ nhiều năm nay, Ông Hoàng-Cường-Đề và nhất là Hoàng-Nam-Hùng, phục-vụ trước đây như một sĩ quan ở Vân-Nam, vẫn liên-lạc với một cựu đảng của Phan-Bôi-Châu là Lê-Phú-Hiệp. Ông này lưu-vong sang Vân-Nam đã lâu, bị kết án tử-hình khuyết tịch bởi tòa án Yên-Báy năm 1914 vì những âm-mưu cách-mạng mà Ông đã tham-dự mặc dầu vẫn cư-trú tại Vân-Nam. Từ thông ngôn sở hỏa xa Pháp, Ông qua phục-vụ nền hành-chánh Trung-Hoa và đã tự tạo được một địa-vị trọng yếu; Ông ở hàng Đại-Tá và có uy-quyền thực sự đối với người An-nam ở Vân-Nam.

Nhiều lần Lê-Phú-Hiệp tìm cách khai thác ảnh hưởng trên để kết hợp các kiểu bào thành một đảng cách-mạng do Ông cầm đầu. Sự toan tính trên chỉ trở thành hành động một lần vào năm 1928 với sự giúp đỡ của Đào-Chu-Khải, nhân-viên sở hỏa xa mà chúng tôi sẽ có dịp đề-cập đến sau này. Nhóm lấy tên là « Trung-Việt Cách-Mệnh liên quân » tức « Liên Minh Cách-Mạng Trung-Hoa An-nam » Việc liên-lạc với người quốc-gia Quảng-Châu và Bắc-kỳ đều không kết-quả; sứ giả gửi đi Quảng-Châu phải ngừng lại giữa đường vì mất hết tiền bạc được trao phó; còn sứ giả có nhiệm vụ hoạt-động ở Bắc-Kỳ thì về nước đúng ngày Bazin bị ám sát nên phải giữ sự im lặng vì sự ám sát gây ra những vụ bắt bớ tại nhà các đảng viên quan-trọng Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng.

Mối bắt hòa tăng nhanh chóng giữa những người lãnh đạo, và lại

Lê-Phú-Hiệp tỏ ra quá bất tài nên Đào-Chu-Khai bỏ đi lập một nhóm cách mạng khác ở A mi Châu (Amitchéou) vì tại đây Ông mới cải nhiệm được. Về sau, Ông phải liên kết với đảng của Nguyễn-Thế-Nghệp. Từ đó Trung-Việt: Cách-Mệnh liên quân tan rã nhanh chóng và hoạt động cách mạng của người An-Nam ở Vân-Nam chỉ bởi sinh với sự có mặt của Nguyễn-Thế-Nghệp. Chỉ riêng có Ông này là đã tổ-chức được ở Vân-Nam một đảng chính trị đồng đảo và kỷ luật.

THÀNH LẬP VÀ TỔ CHỨC VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG Ở VÂN-NAM.

Nguyễn-Thế-Nghệp, nguyên thư-ký tòa sứ, là một trong những nhân vật tài ba « Quốc-Dân-Đảng » ở Bắc-Kỳ. Bị kết án 10 năm khổ sai bởi hội đồng đề hình ngày 5-7-1929, Ông đã vượt ngục và vượt qua được biên giới Vân-Nam vào đầu năm 1930.

Từ Hồ-Khê, trước tiên Ông thành lập và điều khiển chi bộ Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Lào-Kay. Ông đi dần dần dọc theo đường xe lửa, kết hợp quanh Ông tất cả những người An-Nam cùng bản và thất nghiệp sống ở Vân-Nam với nghề « buôn lậu » « cướp bóc », những kẻ đào tẩu chính trị cùng những thường phạm bị cáo khuyết tịch. Nhờ sự giao thông lén lút dễ dàng với Bắc-Kỳ, nên Ông vẫn bất liên lạc thường xuyên được với Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng ở nội địa và cũng do sự yêu-cầu của Ông mà ở Bắc-Kỳ, vào năm 1930 đã xảy ra nhiều vụ cướp bóc có vũ khí nhằm tiếp tế cho Ông những gì Ông thiếu. Đáng kể nhất là vụ ám sát phát ngân-viên Nguyễn-Bình mang về cho đảng được 10 000\$00 trong đó 5.000 được gửi cho Nguyễn-Thế-Nghệp. Sau đó, Ông thành lập Ủy-Ban chấp-hành trung-trương ở Phủ-Vân-Nam và những tổ hoạt-động ở những trung-tâm quan trọng liên lạc được bằng xe lửa như: Hồ Khẩu (Hokéou) Tche Ts'ouen, Mông Tự (Montzeu) A mi Châu (Amichéou) Pouo Hi và Nghi Lương (Yi-Léang) nhờ đó, Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng đã được khôi phục lại.

Những người An-Nam giúp việc cho công-ty hỏa-xa Vân-Nam,

dầu ưng hay không, đều bị Nguyễn-Thế-Nghiệp kết nạp; Và ta có thể nói rằng trong khoảng thời gian ngắn, phần đông những người An-Nam trên đã đóng góp cho đảng một phần lương bổng của họ và đảm trách việc liên lạc không những giữa các cơ cấu Vân-Nam mà còn cả với các cơ cấu tổ-chức Bắc-Kỳ nữa.

Thiệt khó mà ước lượng được số đảng viên Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Vân-Nam. Vào thời cực thịnh của đảng, ta có thể chấp nhận đảng có ít nhất 300 người, nhưng độ 100 người là tối đa thuộc đảng viên hoạt động.

Qua trung gian Lê-Phú-Hiệp, Nguyễn-Thế-Nghiệp liên lạc được với các kiều bào ở Quảng-Châu. Nhưng từ lâu, Ông chống lại tất cả mọi toan tính điều khiển cả hai đảng của họ.

Tài lớn nhất của Nguyễn-Thế-Nghiệp là biết lòng đảng của Ông vào Quốc-Dân-Đảng Trung-Hoa, mỗi một phân chi Quốc-Dân-Đảng An-Nam thì tương xứng và phụ thuộc vào một phân chi của đảng đàn anh. Chính nhờ lẽ đó mà tổ chức của Ông trải qua được những thăng trầm mà không tan rã. Sau nữa, cá nhân Ông đã kết bạn được với đảng viên thế lực của tỉnh đảng bộ TQQĐĐ. Đảng là *T'ien T'ing-P'ing*; trưởng ban tuyên truyền và *Pei Tch'ouan Fan*, trưởng ban tuyển mộ. Cả hai đã giúp đỡ Ông trong nhiều trường hợp.

Vào giữa năm 1930, dưới sự điều khiển của các phụ-tá Nguyễn-Thế-Nghiệp như Nguyễn-Kim-Ngũ, Đào-Chu-Khai và Vũ-Văn-Giang, đảng viên Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng thu thuế bằng mọi cách (cưỡng đoạt tài sản), « trộm cắp », mưu hại ngay cả Pháp-kiều) dọc theo đường xe lửa. Việc này xảy ra thường xuyên và trầm trọng đến nỗi chính quyền Trung-Hoa phải phản ứng và bắt giữ nhiều tên « bắt lương » đó (*Mal-faiteurs*) [?]. Những người chủ mưu thoát dễ dàng các cuộc rượt xét của Cảnh-sát, nhưng Nguyễn-Thế-Nghiệp quyết định rời khỏi Vân-Nam đi Miến-Điện để đặt bộ chỉ huy của Ông ở đây. Trong tháng 9-1930, Nguyễn-Thế-Nghiệp đến BHAMO cùng với 15 Việt-Kiều. Tiền bạc cạn nên phần nhiều đảng viên phải làm cu-li đắp đường hay trong

hầm mỏ. Để những người bạn tưởng ở lại BHAMO, Nguyễn-Thế-Nghiệp trở về Vân-Nam để tìm trợ-cấp; Nhưng tình thế tại đây đã thay đổi hoàn toàn. Trong lúc ông vắng mặt lâu chừng 4 tháng — phải mất ít nhất 3 tháng để cả đi lẫn về — Cựu phụ-tá của Ông là Nguyễn-Kim-Ngũ đã chiếm giữ phần lớn quyền hành đối với nhiều đảng viên. Ông này lên án Nguyễn-Thế-Nghiệp đã phung phí quỹ của đảng và tìm cách thay thế Nguyễn-Thế-Nghiệp để chỉ-huy tỉnh bộ Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Vân-Nam.

NGUYỄN-KIM-NGŨ BỊ ÁM SÁT VÀ NGUYỄN-THẾ-NGHIỆP BỊ BẮT GIỮ.

Từ nay Nguyễn-Thế-Nghiệp không quan tâm gì nữa đến những người An-Nam ở lại BHAMO dưới quyền của Hoàng-Văn-Nội mà chỉ còn nghĩ đến tranh đấu chống lại ảnh hưởng của địch thủ. Kết cuộc là theo lệnh của Nguyễn-Thế-Nghiệp, đảng viên thuộc nhóm Ông đã ám sát Nguyễn-Kim-Ngũ, ở Vân Nam ngày 21-5-1931. Theo đơn kiện của phe Nguyễn-Kim-Ngũ, Nguyễn-Thế-Nghiệp bị bắt cùng với những đồng lõa Vũ-Vân-Giang và Đào-Chu-Khai. Một đảng viên là Dương-Tự-Thành tự tố cáo và đòi lãnh trách nhiệm án mạng cho mình ông. Do đó Thành bị kết án tử hình và bị bắn bởi chính quyền Trung-Hoa còn những thủ phạm chính chỉ bị phạt mấy năm tù.

Từ nhà giam, Nguyễn-Thế-Nghiệp tiếp tục điều khiển đảng nhờ sự liên lạc hàng ngày với bên ngoài. Cho nên ông lấy lại sự kiểm soát đa số các đảng viên.

Ít lâu sau, đảng viên của ông lập cách Mường-Là vài cây số và ở biên giới Bắc-Kỳ, một trung-tâm giao liên gọi là « địa điểm » ở đó các đảng viên phải tập xử dụng súng và sửa soạn tấn công một trong những đồn biên giới của chúng ta. Nhưng đây lại là vùng nước độc nên những người An-Nam nguyên quán tại miền xuôi sinh sống rất khó khăn.

Ngoài ra, họ lại phải sống như những « tên cướp » (Pirates) với

mọi sự nhọc nhằn và hiểm nguy. Khi địa điểm trường Điều-Đình-Lục bị giết trong một cuộc đụng độ thì nhiều người di tản đến những trung tâm dọc theo đường xe lửa. Hiện nay, địa điểm bãi bỏ hoàn toàn và chúng ta sẽ thấy dự tính cùng một loại trên đã được thực hiện ở một vùng khác.

Vào khoảng tháng 9 1931, vì không nhận được một khoản tài trợ nào của những Kiều bào ở Vân-Nam và cũng vì chán nản đời sống khổ cực nên những người An-Nam ở BHAMO (Miến-Điện) đã phải chia tay nhau — Đa số trở về Vân-Nam Phủ; có hai phụ nữ ở lại Miến-Điện; và sau đó có hai người đến được Quảng-Châu bằng đường bên Hoàng-Văn-Nội là một trong hai người sau. Ít tháng sau, trước thái độ ác cảm của phe Nguyễn-Thế-Nghiệp, nhiều cựu đảng viên trong nhóm Nguyễn-Kim-Ngũ phải trốn khỏi Vân-Nam và đến gặp Hoàng-Văn-Nội

VŨ-TIẾN-LŨ MANG LẠI MỘT PHẦN KHỞI MÓI CHO ĐẢNG.

Trong lúc Nguyễn-Thế-Nghiệp bị cầm tù, nhiều phần tử mới từ Bắc-Kỳ sang. Trong số này, Vũ-Tiến-Lũ và Trần-Ngọc-Tuấn tỏ ra có khả năng nhất. Dầu đã học hết bậc tiểu-học, Vũ-Tiến-Lũ bị kết án khiếm diện ở Bắc-Kỳ về tội « cướp bóc », « cưỡng đoạt tài sản ». Nhờ sự gan dạ trong hành động nên Ông được nể sự ngay trong đảng và tỏ ra là một lãnh tụ.

Vẫn liên lạc với Nguyễn-Thế-Nghiệp, Vũ-Tiến-Lũ tiếp tục đường lối chính trị của Ông này, và đã thu lượm được nhiều kết quả đáng kể. Quy chế chung quyết của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Vân-Nam được thảo xong và quan tâm nhiều đến một tổ chức tinh tế và luôn luôn sao lại quy chế TQQĐĐ.

Nhờ có hậu thuẫn của TQQĐĐ, Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng bắt đầu thực hiện được một trong những công-tác chính là huấn luyện quân sự cho đảng viên. Một số đảng viên được theo học trường

võ-bị Vân-Nam vài người đã trở thành sĩ-quan; nhiều người ở cấp bậc dưới (hạ-sĩ-quan) còn những người khác là binh-sĩ. Tất cả gồm 50 người được phân phối đi các đơn vị Trung-Hoa.

Đọc theo đường xe lửa, họ vẫn tiếp tục kiểm soát thực sự các hành-khách, giữ lại những phần tử lãnh đạm và đáng nghi mà họ muốn, với mọi giá, không cho trở về Bắc-Kỳ; bắt giữ bằng vũ lực những người An-Nam không chịu tuân theo quyết định của đảng, thủ tiêu bằng cách ám sát những người nghi ngờ là nhân-viên của chính quyền Pháp.

Mặt khác, nhiều người An-Nam làm việc tại công binh xưởng Vân-Nam và học được cách chế tạo lựu đạn và bom. Sự hiểu biết của họ giúp ích rất nhiều cho những đảng viên ở quốc-nội và những công thức chất nổ từ Vân-Nam du nhập vào được tìm thấy ở vài người trong số này.

Họ cũng ra báo tuyên truyền. Nhưng vì thiếu những ngòi bút có khả năng nên những tờ báo đó không vượt được khỏi mức độ tầm thường và vẫn không có giá trị hữu ích.

Sau đó, sự liên lạc với Bắc-Kỳ vẫn được duy trì và sự di lại của những mật sứ được thiết lập giữa 2 nơi để mang mật lệnh, quyền tiền và bảo trì tinh thần cách mạng của đảng viên. Năm 1932, nhờ sở tình báo, ta bắt giữ được những mật sứ quan trọng nhất trong lúc họ lên lút xâm nhập vào Bắc-Kỳ.

VŨ-TIẾN-LŨ ĐI NAM-KINH.

Cuối năm 1932 biết được chúng ta đã xin dẫn độ và cảm thấy không còn sống yên ổn được ở Vân-Nam, Vũ-Tiến-Lữ cùng với Trần-Ngọc-Tuan đi Nam-Kinh bằng ngã Tse Tch'ouen. Ông đến kinh-đô Trung-Hoa ngày 1-1-1933 — Cùng đến Nam-Kinh sau Vũ-Tiến-Lữ ít lâu, *Pei Tch'ouan-Fan*, thơ-ký của *Tangpou* Vân-Nam, ủng hộ Vũ-Tiến-Lữ để xin với chính quyền kinh-đô trả tự do trước cho Nguyễn-

Thế-Nghiệp, Vũ-Văn-Giang, Đào-Chu-Khai giam ở Vân-Nam phủ từ tháng 5-1934.

Ông được như ý. Ba người An-Nam đó được thả vào đầu tháng 4 và được dẫn đến Nghi-Lương và kẻ đó Khai-Hóa về phía biên giới Quảng-Tây. Người ta tin rằng họ bị trục xuất khỏi địa giới tỉnh là để thi hành bản án đã dự liệu một hình phạt bổ sung. Sự thực, đó là thói quen của người Trung-Hoa làm cho Lãnh sự Quán chúng ta tin rằng những người thuộc quyền quản hạt của Pháp mà họ đã đem xử không kể những thỏa ước hiện hành, đều chịu hình phạt đầy đủ. Riêng có Vũ-Văn-Giang và Đào-Chu-Khai thì tiếp tục đi Quảng-Tây và Quảng-Đông; còn Nguyễn-Thế-Nghiệp trở về Vân-Nam phủ và lại hoạt động cách mạng ngay, với sự thừa nhận, nếu không nói là sự ủng hộ của chính quyền Vân-Nam. Việc đầu tiên của Ông là thanh-tra và kích thích các thành phần của đảng đã ngừng hoạt động từ nhiều tháng nay.

TÌNH HÌNH KINH-TẾ CỦA ĐẢNG.

Để tự cung cấp những nguồn lợi, đảng đã lập vài xí nghiệp thương mại ở những trung-tâm đặc biệt: có đông đảng viên: Như nhà may cắt ở Nghi-Lương, Tche Ts'ouen, Labati; đồn điền nông nghiệp ở Thông-Hải-phía nam vùng Hồ (région des lacs) ở Ban Đông phía tây Mường-Là.

Tất cả việc đó thu lợi ít và chỉ vừa đủ bảo trợ ít nhiều đảng-viên. Muốn phát triển hơn, họ nghĩ đến thành lập ở Khai-Hóa (phía đông Vân-Nam) một trung-tâm tập hợp (centre de ralliement). Đó là sáng kiến của một người An-Nam tên là Nguyễn-Văn-Trọng, hiệu Vương-thần-Thuấn, thiếu-úy trong quân-đội Trung-Hoa. Với sự ưng thuận và giúp đỡ của chính quyền dân sự và quân sự địa phương; trong những tháng đầu năm 1933 Ông dẫn hai cựu y-tá đến mở một hiệu thuốc tây, cùng những thợ may, nông dân, thợ mỏ và nhiều Kiều-bào khác đã xung vào quân-đội Trung-Hoa. Cả những người thuộc « địa điểm » trước ở Mường-Là cũng được

gọi đến. Tinh thần của những người điều khiển Khai Hóa là phải mang lại việc làm cho phần nhiều những đảng viên không có địa vị, cơ sở làm ăn. Ngoài ra, họ còn hy vọng có những nguồn lợi cần thiết cho đời sống và việc tuyên-truyền của đảng từ sự khai thác những ruộng lúa mà một phú hộ Trung-Hoa đã tặng họ và một mỏ than lộ thiên do chính quyền Trung-Hoa ân cần nhường lại. Khai Hóa lại ở xa đường xe lửa nên họ nghĩ rằng chúng ta sẽ rất khó khăn trong việc thu lượm tin tức ở đó. Sau nữa, đối với họ, trung-tâm này có lợi thế là nằm ở một cứ điểm rất dễ liên lạc với Bắc-Kỳ bằng rất nhiều lối giao thông ; đường mòn, đường cái và sông ngòi chạy đến tận biên giới của chúng ta giữa Hà Giang và Lao-Kay. Nhưng tân « địa điểm » không đáp ứng những hy vọng của người cày cấy, việc khai mỏ thì nặng nhọc lại ít lời ; Tiệm may suy đồi và tiệm thuốc tây phải đóng cửa vì không có khách hàng ; quân lính thấy binh nghiệp quá cực khổ và sự phục vụ của họ làm phật lòng các vị chỉ huy. Rất nhiều người đã phải đào ngũ

Như đã thấy, tình trạng vật chất của những người cách mạng An-Nam ở Vân-Nam thì bất ổn và có lẽ với hy vọng thoát khỏi tình thế nguy ngập trên mà Ủy-Ban điều-hành đã sát nhập với những cựu đảng viên Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Quảng-Châu đã mua chuộc sự ủng hộ của Ủy-Ban trung-ương TQQĐĐ Nam-Kinh.

■■■ DỰ SÁT NHẬP HAI ĐẢNG VÀ THÀNH LẬP VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG HẢI-NGOẠI BIÊN SỰ XỨ (BUREAU D'OUTRE MER DU VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG) Ở NAM- KINH.



Như trên đã nói, vào tháng 12-1932 Vũ-Tiến-Lữ đến Nam-Kinh để xin Ủy-Ban chấp-hành trung-ương TQQĐĐ ủng hộ Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng Vân-Nam Vào thời kỳ đó, Lệnh-Trạch-Dân và những thuộc viên đã giao thiệp với Ủy-Ban chấp-hành trung-ương TQQĐĐ nên được trợ cấp hàng tháng với tư cách là những người đại diện cho một đảng có cùng một danh xưng trên ; cho nên tìm

cách cướp chỗ đứng của họ vô ích hơn là hợp với họ để có một phần quyền lợi trong sự thông đồng với cơ quan tối cao của TQDD.

Tiếp theo một loạt các buổi họp từ 15 đến 24-7. Sự họp nhất hai đảng thành tựu sau khi hai phụ-tá của Nguyễn-Thế-Nghiệp, Vũ-Văn-Giảng và Đào-Chu-Khải đến Nam-Kinh. Trong phiên họp ngày 24-7 việc thành lập Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng hải ngoại biện sự xứ (Bureau d'outre Mer du Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng) một cơ quan tối cao của đảng ở hải ngoại được quyết định; cách điều hành và tổ chức được thi hành theo « qui tắc » đã ấn định. Thành phần của Biện sự xứ như sau:

— Vy-Đặng-Tường (Quảng-Châu) chủ nhiệm (président du Bureau) trưởng ban tổ-chức.

— Đào-Chu-Khải (Vân-Nam) bí thư, trưởng ban tuyên truyền và giáo-dục.

— Nghiêm-Xuân-Chí (Quảng-Châu): thủ-quy, trưởng ban kinh-tài và trình thám.

— Vũ-Tiến-Lữ (Vân-Nam) Ủy-viên.

— Trần-Ngọc-Tuấn (Vân-Nam) Ủy-viên.

— Vũ-Văn-Giảng (Vân-Nam) Ủy-viên.

— Vũ-Bá-Biên (Tong Hinh) Ủy-viên.

Thi hành những quyết định trong buổi họp 24-7 một kế hoạch qui chế và một kế hoạch hành động được dự thảo bởi ba thượng vụ ủy-viên phụ-trách những công tác chính. Đó là Vy-Đặng-Tường, Đào-Chu-Khải và Nghiêm-Xuân-Chí. Những kế hoạch trên hoàn tất ngày 15-8 nhưng chỉ trở thành chung quyết sau khi đại hội đồng của đảng phê chuẩn. Nhưng Đại-Hội-Đồng này chưa thể nhóm họp được vì lý do mối bất hòa giữa những người chỉ huy lại bùng nổ; chúng ta sẽ đề cập đến sau này.

Độc thảo án « Tổng Tắc » (Règlement général) của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng cho thấy phương cách nào đảng trông cậy vào để đem xử dụng.

Đảng tìm cách tổ chức ngoài Đông-Dương những đoàn tấn công vào biên giới của chúng ta trong khi xáo trộn sẽ bùng nổ ở trong những đội quân-trú phòng. Đảng cũng không dấu diếm việc áp dụng chiến thuật khủng bố. Trong những « qui tắc » tiếng « ám sát » cũng được xử dụng. Tiêu diệt và phá hoại cũng được chủ trương. Sau đó, tử hình cũng được trù liệu để trừng phạt những trọng tội của đảng viên. Chính đảng trường tuyên đọc hình phạt và chỉ thị trưởng ban trình thẩm thi hành.

Cũng nên nhớ những người điều khiển Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng đặc-biệt chú trọng đến sự tuyên truyền trong lãnh thổ Đông-Dương. Cho nên họ đã dự liệu việc tăng cường tổ chức đảng ở những điểm có thể tấn công được của biên giới chúng ta như Hồ-Khẩu (Tiokéou) ở Vân-Nam, Tong Hing ở Quảng-Đông và Long Tcheou ở Quảng-Tây. Ở tỉnh Quảng-Tây, người quốc-gia chưa đặt cơ sở được. Những phần tử cách mạng An-Nam ở Nan Ning thì thiên về cộng-sản hơn và những toan tính của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng thành lập ở đó một cơ quan tuyên truyền cho đến nay vẫn thất bại. Tuy nhiên, những đảng viên đi từ Vân-Nam đến Quảng-Đông qua Quảng-Tây vẫn được các nhà cách mạng lão thành ở Nan Ning cho ăn ở. Vẫn dọc theo biên giới Việt-Hoa, Đảng trù định thành lập những trung-tâm huấn-luyện chính-trị và quân-sự dành cho những đảng viên trẻ để tuyên truyền và sách động ở nội địa chúng ta. Để bổ túc những liên lạc của họ, Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng cũng nghĩ đến thành lập trạm giao liên ở Hương-Cảng và Tân-Gia-Ba. Hai hải cảng này bọc quanh Đông-Dương.

Sau hết, cũng nên lưu ý là chương trình của Đảng có ghi việc

lôi cuốn lính khổ đờ (tirailleurs) và lính thủy An-Nam đồn trú tại những tô giới Pháp ở Trung-Hoa. Vì vậy Đào-Chu-Khải và Vũ-Văn-Giang đã toan tính tuyên truyền ở Thượng Hải vào tháng 6. Đến tháng 7, Đào-Chu-Khải, Lưu-Văn-Vân, Đỗ-Văn-Chính và Nguyễn-Văn-Tính đến Hán Khẩu trong khi Vũ-Tiến-Lữ, Vũ-Văn-Giang và Trần-Ngọc-Tuấn đến Thiên-Tân với cùng một mục đích.



Nghị hội Nam-Kinh ngày 24-7 có thể là sự kiện chủ yếu trong lịch sử đảng quốc-gia An-Nam ở hải ngoại, nhưng với điều kiện là hải ngoại biện xứ được tất cả phần tử An-Nam có khuynh hướng quốc-gia ở Trung-Hoa công nhận. Vậy mà chúng ta cũng đã nhận thấy những rạn vỡ đang xảy ra trong cơ quan đó. Việc phân phối các chức vụ quan trọng cũng làm một số người bất mãn vì không chiếm được địa vị theo như thỉnh nguyện của họ. Nhất là trước khi đi Thiên-Tân, phần nhiều các đại-diện Vân-Nam đã biểu lộ sự ghen tỵ đối với Vy-Đặng-Tường và Nghiêm-Xuân-Chí. Trong nhóm Vân-Nam, riêng có Đào-Chu-Khải là trung thành với hải ngoại biện xứ Nam-Kinh. Sau khi thất bại trong công tác ở Hán Khẩu, Đào-Chu-Khải trở về Vân-Nam, nơi Ông đã đến vào đầu tháng 11.

Dù tương lai cơ quan mới ở Nam-Kinh thế nào đi chăng nữa, do kinh nghiệm chúng ta cũng biết rằng nhờ danh xưng của đảng, nhờ đường lối chính trị và nhất là sự ủng hộ của TQQĐĐ, những người quốc-gia An-Nam luôn luôn hưởng được sự ủng hộ kín đáo nhưng đầy thiện cảm và thường được tài trợ của chính quyền Trung-Hoa trong những hành động của họ chống lại nhà cầm quyền Pháp tại ĐÔNG-DƯƠNG.

Hà-nội, ngày 20-9-1933

L. MARTY



TRƯỜNG CỔ ĐIỂN HỌC BA-LÊ

và PHƯƠNG PHÁP VIẾT SỬ

■ ĐẶNG PHƯƠNG-NGHI

L.T.S. : Tác giả bài này là người Việt-Nam thứ hai sau ông Ngô-dinh-Nhu tốt nghiệp trường « Charles ». Tác giả cũng đã đậu bằng Tiến Sĩ Sử học và cử nhân triết học tại học đường Sorbonne. Chúng tôi mong rằng rồi đây cũng trên tập san này, tác giả sẽ trình bày về phương pháp sử học, đóng góp một phần nào vào việc xây dựng ngành sử học nước nhà vốn còn quá kém cỏi, nhất là về phương pháp khảo cứu.



Trường Cổ Điển Học Ba Lê sáng lập năm 1820 là một trong những trường Cao-đẳng công lập của nước Pháp, nằm trong khu đất Đại Học Sorbonne, nhưng không trực thuộc vào Đại Học Đường Ba-Lê mà trực thuộc vào Bộ Quốc Gia Giáo Dục Pháp.

Tất cả học trò, giáo sư và nhân viên nhà trường tính ra không đầy 80 người, thế mà được độc quyền sử dụng một thư viện có chừng 100 000 tài liệu hay sách khảo cứu về mọi ngành văn-học. Các giáo sư trường này phần đông đều là hội viên Hàn Lâm Viện Quốc Gia. (Institut de France & Académie des Inscriptions et Belles-

Lettres) hoặc là học-giả có nhiều thành tích. Học trò thì được chọn lọc rất kỹ càng qua một cuộc thi tuyển khắt khe. Mặc dù những người chỉ có bằng Tú Tài toàn phần cũng có thể dự thi, phần đông các thí sinh đều phải theo thêm một lớp huấn luyện hai năm tại trường trung học Henri IV (Ba-Lê) hay tại một trường trung học khác tại Toulouse (mới có từ hai năm nay) là hai trường duy nhất luyện thi vào trường Cổ Đền Học. Vì luật lệ cấm người ngoại quốc (trừ dân thuộc địa Pháp) thi vào những trường đào tạo công chức cao cấp, nên những người ngoại quốc chỉ được nhận vào trường nếu được Hội-Đồng giáo sư nhà trường chấp thuận sau khi xem xét kỹ lưỡng khả năng và bằng cấp của họ.

Mỗi năm trường chỉ nhận nhiều nhất là 20 học viên quốc tịch Pháp và vài học viên ngoại quốc. Học viên được coi như công chức tập sự và được lĩnh lương tạm thời vào khoảng 800F. một tháng trong suốt thời gian theo học.

Chương trình được chia làm bốn năm (năm thứ tư ngắn hơn các năm khác vì đến tháng 4 đã mãn khóa) Cuối mỗi năm các học viên đều phải qua một kỳ thi để lên lớp. Không một học viên nào có quyền ở lại lớp quá một lần và nếu họ thi trượt lần thứ hai, họ bị đuổi ra khỏi trường. Mỗi năm chỉ có một kỳ thi và các kỳ thi rất gắt nên có khi trên một khóa 20 người vào năm thứ nhất chỉ còn vốn vẹn 8 người tốt nghiệp (ví dụ khóa 1965).

Lối học ở trường tương đối hơi đặc biệt. Mỗi tuần chỉ có 15 giờ học nhưng sự có mặt bị bắt buộc. Học viên phải ký vào sổ kiểm diện mỗi đầu giờ. Trừ giờ tập đọc cổ tự và giải nghĩa, dẫn chứng sách, các bài giảng của các giáo sư đều có tính cách diễn thuyết, chứ không có bàn luận. Học viên có gì thắc mắc thì hỏi giáo sư sau giờ học. Hàng tuần học viên đều có bài làm. Nhà trường coi học viên như những nhà khảo cứu tương lai nên luôn luôn khuyến khích họ tự học lấy tùy theo sở thích, khả năng của từng người. Ngay năm thứ nhất, các học viên đã phải nghĩ tới luận án tốt nghiệp

cửa họ rồi, nhưng đến năm thứ hai họ mới phải trình đề tài cho giám đốc trường.

Trường có mục đích đào tạo những nhà sưu tầm khảo cứu về mọi ngành văn học nhưng chương trình học đặc biệt chú trọng về thời Trung Cổ Tây Phương. Tiếng La-tinh là ngôn ngữ thông dụng tại trường nhưng không có lớp dạy môn này, vì các học viên được coi như đã am hiểu cổ ngữ đó.

Năm đầu các môn học gồm có cổ tự học, thư tịch học, bác ngữ học (philologie).

Sang năm thứ hai học viên được coi như đã thạo cổ tự học, chỉ học tiếp thư tịch học và bắt đầu được dạy về công-văn-thư học (diplomatique), nguyên -thư-học (Sources de l'histoire) cùng Pháp chế sử.

Năm thứ ba, ngoài việc học tiếp nguyên-thư-học và pháp chế sử họ học thêm môn khảo cổ học.

Năm thứ tư được dành cho việc hoàn tất luận cứu và tập sự tại các thư viện hay văn khố (3 tháng tập sự, cốt cho học viên có một cái nghề).

Theo như trên, chương trình tuy mệnh mỏng nhưng thật ra phải giới hạn vì với vài giờ một tuần, các học viên không thể thông suốt những môn được giảng dạy. Như cổ-tự học chẳng hạn, làm sao trong một năm, học viên có thể đọc được mọi tài liệu từ thời thượng cổ đến thế kỷ thứ 18 một cách lưu loát được. Bởi vậy nhà trường mới để cho các học viên đi sâu vào chuyên môn ngay từ năm thứ nhất. Người nào ưa khảo cổ thì sẽ chuyên về khảo cổ, người nào thích Pháp chế sử sẽ chuyên về ngành này.

Trên thực tế số người tốt nghiệp tiếp tục chuyên về nghiên cứu không quá 1/2, còn thì trở thành những công chức gương mẫu chỉ biết việc hành chánh mà thôi.



Với người ngoại quốc nói chung và người Việt Nam nói riêng, trường Cổ Điển Học đem lại những ích lợi gì?

Vì theo truyền thống, nhà trường chỉ chuyên về thời Trung Cổ Tây Phương nên ban đầu các học viên ngoại quốc rất nản vì họ nghĩ rằng khi trở về xứ sở sau mấy năm học tập cực nhọc, họ sẽ không thực hành được gì nhiều về sở học của họ. Nhưng sau đó, họ mới nhận thấy rằng thật ra thời Trung Cổ Tây Phương chỉ là một đề tài thuận tiện cho sự xếp đặt chương trình thôi, rất hữu ích cho học viên Pháp nào muốn nghiên cứu về thời đó, nhưng cũng vô dụng đối với những học viên Pháp khác muốn chuyên về thời tiền sử, cận đại sử, như đối với họ.

Sự hữu ích lớn lao ở trường Cổ Điển Học chính là ở nơi đào tạo cho học viên một ý thức về sự tra cứu có tánh cách khoa học.

Viết sử không phải là thu thập bữa bãi tài liệu và chép lại rồi phổ biến. Trước khi viết, người học giả phải:

1.— Tìm tòi tài liệu :

Nói có sách, mách có chứng, người viết sử cần tham khảo tài liệu để tránh mọi sự lầm lẫn trong việc nhận xét Tài liệu đây gồm đủ loại ấn phẩm, các bản chép tay, phim hình... liên quan nhiều ít tới vấn đề được lưu ý tới.

Thường thường tài liệu được chia ra làm 2 loại :

— Tài liệu bậc một (document de première main) gồm các ấn phẩm hay thủ bút... liên quan trực tiếp đến vấn đề, do người trong cuộc viết. Đó là những di tích của những việc đã xảy ra.

— Tài liệu bậc hai (document de seconde main) gồm những ấn phẩm, bút phẩm .. nói về vấn đề liên quan sau khi việc đã xảy ra từ lâu.

Loại tài liệu bậc một đáng quý hơn loại tài liệu bậc hai và

thường thường chỉ có loại bậc một mới gọi là tài liệu, nhưng người viết sử phải tìm kiếm đủ các loại chứng cứ về sự kiện nêu ra.

Người viết sử không có quyền gian dối trong việc kê khai tài liệu. Bài tham khảo nào cũng phải kèm theo bản mục lục những sách, bài... đã được tác giả đọc. Nếu có những tài liệu thiết yếu mà sử gia không có cơ hội đọc, họ phải nói rõ trong đề tựa bài của họ để người khác nhớ đến và tra khảo sau.

2.— Khảo sát tài liệu thực hay giả.

Sự tra xét tài liệu này rất tế nhị và đòi hỏi ở người viết sử một học thức khá cao, Họ phải so sánh loại chữ, nét chữ, lối văn và xét xem tài liệu có điểm nào đáng nghi không, có lộ một chi tiết nào vô lý không.

Trong sự tra xét tài liệu có hai điều nghi vấn cần được đặt ra :

— Tài liệu do người xưng tên viết hay do một người khác có liên lạc tới việc đã xảy ra mạo danh tác giả để cố ý làm sai lầm cuộc điều tra ?

— Tài liệu có do một cá nhân hay cơ quan nào bịa đặt ra với mục đích vụ lợi nào đó không ?

Có khi tài liệu tuy giả nhưng cũng có giá trị vì hậu quả lịch sử của nó (ví dụ : di chúc giả của hoàng đế Constantin).

3.— Xét nội dung của tài liệu khách quan hay chủ quan.

Tác giả ghi đúng sự thực hay cố ý giả mạo ? Việc này rất khó biết và người viết sử phải có tinh thần bao quát và vô tư. Chính họ cũng tỏ ra khách quan bằng cách động viên đức tính kiên nhẫn, suy xét của họ trong việc tìm hiểu tài liệu. Họ phải tiếp nhận mọi tài liệu một cách thận trọng, đắn đo, không có quyền công nhận một chi tiết nào nếu chưa mổ xẻ nó một cách kỹ càng.

4.— *Viết sử và sử dụng tài liệu.*

Những công trình gom góp và nhận định tài liệu chỉ nhằm mục đích viết sử. Người học giả sẽ căn cứ trên những tài liệu đã được cho là xác đáng mà viết. Họ không được theo ý nghĩ riêng tư của họ. Nếu họ không chắc hay còn nghi ngờ điều gì, họ có thể cho một giải pháp của riêng họ với điều kiện họ phải nói rõ như vậy để người đọc khỏi thắc mắc.

Đã là học giả thì phải có lý tưởng độc nhất là tìm kiếm sự thật với bất cứ giá nào, dù phải đụng chạm đến những tin tưởng mạnh mẽ của chính mình. Muốn phụng sự lý tưởng đó, cần phải có óc tỉ mỉ, kiên nhẫn, sáng suốt phán đoán và cương trực. Cổ nhiên không cần phải học trường « Chartes » mới trở thành một sử gia lỗi lạc nhưng nếu bỏ ra bốn năm mà đạt được những đức tính trên để rồi góp công vào việc xây dựng một nền học vấn đứng đắn cho xứ sở thì bốn năm đó thật không uổng phí vậy.



Tin Mừng

Nhận được hồng thiệp báo tin ngày 7-5-1968. làm lễ thành hôn của bạn Nguyễn trọng Bối sánh duyên cùng chị Nguyễn thị Xuân Cát.

Thành thật chúc đôi bạn sắc cầm hòa hợp.

**Nguyễn Nhã, Trịnh Viết Thái
Trần Minh Chính, Trần Đức Thường
Đình văn Hào**

LÀO VIỆT

■ Phù Lang **TRƯỞNG BÁ-PHÁT**

■ **THÁI VIỆT ĐIỀU**

(tiếp theo Sử Địa số 6)

VẠN-TƯỢNG.

Xưa kia Vạn-Tượng được gọi là Ai-lao (ngày nay địa danh này được dùng để gọi cho toàn quốc-gia) dưới thời nhà Hán thuộc về quận Vĩnh-Xương, kể đến đời Đường thì thuộc Diêu-Châu. Vào khoảng năm Quý-sửu 1613 đến Ất-Hợi 1683 (bên Việt-Nam hồi đó thuộc đời (Nguyễn-Phúc-Nguyên) Vạn-Tượng có cả thảy là 21 mường, sau vì binh-biến phải cắt bớt cho Xiêm-la (Thái-lan bây giờ) hết 13 mường nên chỉ còn lại 8 mường, có lẽ vào lối tiền bán thế-kỷ thứ 19 Những mường bị chia cắt gồm có: Giác-thắc, Phù-kiêu, Ca-chăn, Hội-ất, Lạc-hoàn, Mục-đa-Hán, Don-Bút-La, Hiêm-Mã-Luyện, Mục-Xu-thôn, Con-Kiến, Phan, Ba-thắc và Xu-Văn-Na-Khâm. Vạn-Tượng chỉ còn giữ lại 8 mường sau đây:

- 1) Mường Xâm.
- 2) Mường Phan (trên kia cũng mường Phan, có làm chăng?)
- 3) Nùng Bô.
- 4) Nùng Mạc.
- 5) Mường Hào.
- 6) Mường Vang.
- 7) Mường Cọc.
- 8) Mường Xay-Nha-Bầu-Li.

Vào thời Lý-Thái-Tôn người Ai-lao liên minh với Chiêm-thành sang quấy nhiễu Việt-Nam làm nhà Lý phải bận tâm đi đánh dẹp song không thấy sử sách nói việc đánh dẹp ra sao và kết quả như thế nào.

Năm Long-Chương Thiên-Tự thứ 2 (Đinh-mùi 1067) Sử chép rằng Ai-lao có cho người sang Thăng-Long xin gây tình thân-thiện với vua Lý-Thánh-Tôn và dâng lễ nhưng về sau không có nữa để vun trồng tình lân-quốc tương-thân ấy.

Đến đời vua Trần-Nhân-Tôn, nhằm năm Trùng-Hưng thứ 6 (Canh-Dần 1290), người Ai-lao gây rối ở miền biên-giới làm nhà vua phải thân chinh đánh dẹp mấy lần nên biên-thùy Thanh Nghệ mới yên tĩnh.

Dưới thời vua Trần-Anh-Tôn, nhằm năm Hưng-Long thứ 5 (Đinh-Dậu 1297) Người Ai-lao xâm lấn vào sông Chàng-Long, Trần-Anh-Tôn phải sai Phạm-Ngũ-Lão đem binh chống giữ, cử đại binh ba bốn phen mới thu phục lại đất đai.

Kể đến đời vua Trần-Hiến-Tôn, nhằm năm Khai-Hữu thứ 6 (Giáp-Tuất 1334) khi đó vua Trần-Minh-Tôn đã là Thái-Thượng-Hoàng rồi mà vẫn còn phải thân chinh. Minh-Tôn sai vận-lương-quan Nguyễn-Trung-Ngạn đi trước vào Thanh-Hóa lo tích-trữ lúa trước rồi Ngài cử đại binh đi sau. Lúc đại binh đến Kiềm-Châu (thuộc Tương-Dương, Nghệ-An) quân Ai-lao do Bổng chỉ-huy khiếp-dâm mà trốn hết. Minh-Tôn sai Nguyễn-Trung-Ngạn làm bia trên núi để ghi công, chữ to bằng bàn tay ngày nay hãy còn và được dịch ra Việt-Văn như sau :

« Chương nghiên Văn-triết Thái-Thượng-Hoàng là vua thứ sáu đời nhà Trần, nước Hoàng Việt, chịu mệnh trời nhất thống cõi trung hạ, trong đất ngoài bể đều cũng thần phục. Nước Ai-lao nhờ mọn kìa dám ngạnh Vương-hóa; cuối mùa thu năm Ất-hợi (1335) vua thân đem sáu quân đi tuần cõi Tây, thế từ nước Chiêm-thành, nước Chân-lạp,

nước Xiêm-la và tù-trường các đạo Mán là Quì, Cầm, Xa, Lạc, tù-trường rợ Bồn Man mới phụ và các bộ Mán Thanh-xa đều mang phương vật tranh nhau đến đón rước. Chỉ có tên nghịch Bồng cứ giữ mê tối, sợ phải tội chưa lại châu ngay. Cuối mùa đông, vua đồng quán ở cánh đồng Cự, thuộc châu Mật, sai các tướng và quân rợ mọi vào tận nước, nghịch Bồng theo gió chạy trốn. Vua mới xuống chiếu đem quân về. Lúc bấy giờ là ngày tháng chạp nhuận năm Ất-hợi, niên-hiệu Khai-hữu thứ 7, khắc vào đá». (Xin lưu ý độc giả rằng tháng chạp cũng như tháng giêng ta không bao giờ có tháng nhuận nên chúng tôi đánh một dấu hỏi về ngày tháng ghi trên bài bia đá này).

Bản về việc thể-tử nước Chân-Lạp và nước Xiêm-la v. v .. sang châu Việt-Nam (như đã ghi trên bia đá) sử gia TRẦN TRỌNG KIM cho rằng đó là một lời nói của người làm bia cho có vẻ trân trọng đó thôi chứ chưa chắc đã đúng với thực-tế. Lê-Thần tiên-sinh quả đã không xét vấn-đề cho thấu đáo vì theo nữ học-giả GITEAU, trong cuốn *Histoire du Cambodge*, trang 111 thì vua Yayavarmadiparamesvara có sai một sứ-bộ sang Trung-Hoa và một sứ-bộ khác sang Việt-Nam để dâng cống-phẩm. Các đạo mán cũng vẫn giữ đúng tục lệ này duy chỉ có Chiêm-thành và Xiêm-la thì không thấy nói đến triều-cống gì cho Việt-Nam cả.

Năm Khai-Hữu thứ 8 (Bính-tí 1336) quân Ai-lao lại gây rối ở miền biên-giới nữa. Vua Minh-Tôn cùng Kinh-lược đại-sứ Nghê-An là Đoàn-Nhữ-Hải làm Đô-Đốc chư quân đem binh đánh dẹp. Khi qua sông Tiết-la, quân Ai-lao nhờ lúc sương mù sa dày đặc, mai phục sẵn mới đổ quân ra đánh làm cho quân Việt phải chùn lại, lớp kéo xuống thuyền. lớp phải lội sông, đa số bị chết chìm trong đó có Đoàn-Nhữ-Hải (có lẽ Hải đã bị giết trước khi xuống thuyền) Cuối cùng quân Việt-Nam đành bỏ thể công vì không tiện tiến quân vào nội địa Ai-lao vốn rất hiểm trở, đành phải giữ thể thủ.

Từ đây cho đến đời Bình-Định-Vương Lê-Lợi không thấy sử đề cập đến chiến cuộc ở biên-giới nữa trong khoảng thời-gian dài đến 78 năm.

Về sau, Bình-Định-Vương muốn khởi nghĩa đánh đuổi quân Minh, bèn tìm cách liên-kết chặt-chẽ với Ai-lao để tìm một điểm tựa nếu ngày nào chẳng may thất bại thì có chỗ mà ẩn thân, nhưng vì có sự hiềm khích nào đó nên Ai-lao đem binh quyết đánh úp bản dinh. Lê-Lợi hay được tin bèn tìm cách dập tan mưu mô ấy và từ đó cắt đứt mối giao hảo với Ai-lao.

Từ Mậu-tuất 1418 đến Giáp-dần 1434, trong 16 năm liên dưới đời Lê Thái Tông, sử sách lại nói đến việc giao-thiệp với lân-bang như Xiêm-la, Chiêm-thành, Ai-lao. Các nước này đã lần lượt đem phẩm-vật tiến cống Việt-Nam có lẽ chẳng qua là thấy Việt-Nam đã đánh bại nhà Minh nên nghĩ phận mình một nước bé bỏng, thôi thì triều cống cho êm chuyện.

Dưới triều vua Lê-Nhân-Tôn, niên-hiệu Đại-hòa thứ 6 (Mậu-thìn 1448), có xứ Bồn-Man xin sáp nhập vào nước Việt. Xứ này, tên Việt là Qui-hợp, sau đổi là Trấn-Ninh, Đông giáp huyện Kỳ Sơn, Tây giáp Nam-Chương, Nam giáp Vạn-Tượng, Bắc giáp Trấn-biên, lúc bấy giờ gồm có 7 huyện : Quang-Vinh, Minh-Quảng, Cảnh-Thuần, Kim-Sơn, Thanh-Vị, Châu-Lương và Trung-Thuận.

Theo địa giới trên đây và tham-khảo bản địa-dồ Đông-Dương thì Trấn-Ninh ở vị-trí như sau :

- Đông giáp huyện Kỳ-Sơn.
- Tây và Tây-Nam giáp quốc-gia Viên-Chăn (Vientiane).
- Bắc giáp phủ Trấn-Biên, Tây-Bắc giáp nước Nam-Chương (quốc-gia Louang-Prabang).
- Nam giáp một huyện trong tỉnh Nghệ-An,

Sở dĩ xứ Trấn-Ninh có địa-giới như trên là vì vào năm Hồng-Đức thứ mười (Kỷ-hợi 1479), Chăm-Công không thần-phục nhà Lê, bèn liên-minh cùng Lão-qua hay là hầu-quốc Nam-Chương mà chống-đối làm cho vua Lê-Thánh-Tôn phải thân chinh, cùng quan quân đánh

chẳng vào Lào-qua tới tận bờ sông Kim-Sa. Cầm-Công thất trận và thất, Lê-Thánh-Tôn mới phong cho người Cầm-Đồng làm Tuyên-Úy Đại-Sứ để coi việc cai trị ở Trấn-Ninh.

Đến thời Lê mạt, xứ Ai-lao lấy tên là Vạn-Tượng vì miền này có nhiều voi: 300 thớt voi công, chưa kể voi của tư-gia tính không hết vì hồi đó chưa có thống-kê như bây giờ.

Viên-chăn thành là Đê-đô (Vientiane ngày nay) ở phía Nam Khung-giang (Mékong), có lúc gọi là Thành-Chăn và nhà Vua gọi là Thiên-Viên-Chăn.

Theo *Notes sur le Laos* của AYMONIER thì người Ai-lao không có sử viết (có lẽ bị người Xiêm đốt hết) nên chỉ nhớ có 4 tên vua mà thôi:

- Chau Phrasāi Settha,
- Chau Chantabauli,
- Chau In (Chiêu Ấn),
- Chau Anuh (Chiêu A-Nố).

Người ta nghi rằng tên Chantabauli là do chữ Chandrapouri là tên xưa của châu thành Viên-Chăn mà ra.

Người Ai-lao rất sùng đạo Phật, thích đúc tượng Phật, tượng Già Lam bằng vàng hay bằng bạc. Trong thành Viên-chăn có ngôi chùa Phộc-Bang và một ngôi miếu, mỗi năm có một kỳ hội tế (thuở ấy bên ta vào thời Nguyễn sơ). Người ta buôn bán đổi chác ở các chợ bằng tiền ốc (loa tiền). Họ thường bói sự thịnh suy của gia-dình bằng cách cắm một cây gỗ giữa dòng sông để cho ốc ở giữa sông bám vào. Cây nào ốc bám nhiều thì gia-dình ấy thịnh, hễ ốc bám ít là suy. Do sự tìm hiểu tỉ mỉ các bậc tiền nhân hồi bấy giờ về phong tục, tập quán, lối sinh hoạt của người Ai-lao một cách tường tận mà ngày nay chúng ta ước đoán rằng việc bang giao Ai-lao và Việt-Nam ngày xưa cũng có lúc mật thiết lắm.

Trở lại thời Lê-mạt, vào khoảng trước năm Canh-tí (1540) Nguyễn-Kim không chịu cộng-tác với Mạc-Đãng-Dung mới sang Ai-lao xin phép vua là Xạ-Đầu cho di-cư vào đất Cầm-Châu (lúc này có lẽ không còn thuộc quyền phụ-dung của nhà Lê như hồi Lê-thánh-Tôn nữa chẳng nên Nguyễn-Kim phải xin phép mới đến cư ngụ được!). Đoạn Nguyễn-Kim phái người thân tín tìm kiếm Lê-Trang-Tôn là giòng dõi nhà Lê để tôn lên ngôi vua. Sau khi tu chỉnh binh lương, Nguyễn-Kim đem quân tấn công Nghệ-an vào năm Canh-tí (1540) rồi cùng Lê-Trang-Tôn đánh lấy Thanh-hóa vào năm Nhâm-dần (1542) và lấy thành Tây-Đô trong năm sau (Quý-mão 1543).

Kể từ năm Nguyễn-Kim xin vào trú ngụ đất Cầm-châu đến 1543 trở về sau, việc bang giao với Ai-lao và các hầu-quốc được tốt đẹp. Trải qua bao nhiêu triều đại, từ Nguyễn-phúc-Nguyên cho đến đời các chúa Nguyễn-phúc-Lan, Nguyễn-phúc-Tần, Nguyễn-phúc-Trần, Nguyễn-Phúc-Chu, Nguyễn-phúc-Khoát, Nguyễn-phúc-Thuần, tính ra trên 142 năm không thấy sử sách nói gì đến việc bang giao Lào-Việt thì có lẽ là được tốt đẹp cả.

Về sau, lúc Tây-Sơn dấy nghiệp, Nguyễn-phúc-Ánh phải bỏ ba sang Xiêm. Lúc Nguyễn-phúc-Ánh đang còn ở Xiêm thì vua Ai-lao là Chiêu-Ấn tấn-công Xiêm nhưng vẫn giữ vẹn cảm tình với Phúc-Ánh cho nên khi chúa Nguyễn phục-hồi được đất Gia-Định, Chiêu-Ấn có sai sứ đến nhưng vì đường sá bị trở ngại nên sứ bộ không thể đến tận nơi để ra mắt được.

Năm Tân-hợi (1791) lúc Tây-Sơn cho người sang Ai-lao đòi lễ vật, Chiêu-Ấn từ chối. Nguyễn-Huệ bèn sai Trần-quang-Điều đem binh sang Ai-lao hỏi tội và cho quân chiếm đóng xứ này (theo sách *Cán trai thi tập* của Trịnh-Hoài-Đức thì viên tướng chỉ-huy chiếm đóng Ai-lao là Thiệu-Phó Nguyễn-Điều). Vua Ai-lao mới dùng kế tập kích bắt được một số tù binh, còn trống đem dâng nộp cho vua Xiêm (lúc này đã thần phục nước Xiêm).

Xem thế thì đủ rõ Chiêu-Ấn thuận với Nguyễn-phúc-Ánh mà nghịch với Tây-Sơn, nhưng vì hồi ấy phải thần-phục Xiêm nên mỗi

bang giao với Việt-Nam không được chặt-chẽ lắm. Năm Kỷ-mùi 1799 (theo *Lịch triều hiến-chương, Việt-Nam Sử-lược* thì nói là năm Đinh-tị 1797) Nguyễn-Vương về Gia-Định. Vì thấy thế-lực Tây-Son còn mạnh, Nguyễn-Vương phái Nguyễn-văn-Thụy sang Vạn-Tượng mượn binh về đánh Nghệ-An hay Thuận-hóa để chặn đường tiếp-viện của Tây-Son từ mặt Bắc vào (theo *Việt-Nam Sử-lược* thì Nguyễn-văn-Thụy qua cầu viện ở Xiêm). Khi đến Viên-chăn, Thụy vào làm lễ bái chào Chiêu-Ấn và bày tỏ mục-dịch cuộc công-du của mình. Chiêu-Ấn phán : *Ai-Lao rất thù Tây-Son. Gần đây Trẫm có được tin binh Thanh, Nghệ đồn cả vào Thuận Hóa nếu thừa thế này mà đánh úp Thanh, Nghệ thì át thắng, nhưng năm nay gió Nam thổi muộn quá, gây trở ngại cho binh ta không ít, và lại chiếm hai tỉnh ấy thì dễ nhưng giữ vững đừng cho dễ sảy ra khỏi tay là việc khó. Chỉ bằng phái-viên trở về mặt trình như vậy để tới sang năm, ngày nào binh quí quốc tấn công Thuận-hóa. Trẫm sẽ đem hết lực-lượng tấn công Tây-Son*

Nguyễn-văn-Thụy sai viên tham-quận Lê-văn-Xuân trở về Gia-Định mật tấu lên Nguyễn-Vương, theo chân có sứ giả của Chiêu-Ấn đem về tặng mấy thớt voi đực và lễ vật khác. Từ đấy mỗi bang giao giữa hai quốc-gia Lào-Việt lại càng thêm chặt chẽ.

Mùa hạ năm Canh-thân 1800, quân sĩ Vạn-Tượng theo chân Nguyễn-văn-Thụy qua Nghệ-An giao-chiến với Tây-Son ở Bồ Đồn-Giám và thắng trận. Các thổ-ty Thanh-Ba, Hưng-Hóa đều hưởng ứng nhiệt-liệt và tiếp tay đánh giết Tây-Son. Chiêu-Ấn sai đem tin lành về Triều được Nguyễn-Vương khen ngợi và ban thưởng.

Năm Tân-Dậu 1801, nhân buổi đầu Xuân, Chiêu-Ấn sai sứ-bộ đem cống-phẩm và bản-đồ Thanh, Nghệ qua dâng Nguyễn-Vương được Vương tặng lại 4 lượng kỳ-nam, 2 cây súng bắn chim, 100 cân chì trắng, 100 cân thiếc trắng để tỏ tình phúc-đáp

Mùa hè năm ấy, trong khi Nguyễn-Vương đang khắc-phục Phú-Xuân thì Diên-quân Lư-Phúc-Tường và binh Vạn-Tượng đang đánh Nghệ-An nhưng vì thiếu lương-thực nên quân Ai-Lao phải lui

về Vạn-Tượng trong khi đó Lưu-phúc-Tường vượt biển trở về Linh-giang.

Tháng giêng năm Nhâm Tuất (1802) tướng Tây-Sơn Nguyễn-quang-Thủy tiến quân đánh lũy Trấn-Ninh. Tuy sử không có nói tới nhưng chúng ta cũng phải hiểu rằng việc binh đao xảy ra trên đất Trấn-Ninh, tất phải có quân Ai-lao của vua Chiêu-Ấn chiến-đấu bên cạnh quân của Nguyễn-Vương rồi.

Mùa thu năm ấy, khi nghe tin Nguyễn-Vương lên ngôi vua lấy niên hiệu là Gia-long (nguyên-niên — đệ nhị lục cá nguyệt), Chiêu-Ấn sai sứ bộ qua mừng. Để tỏ lòng cảm-kích, Vua Gia-long mới cho qui hoàn đă Trấn-Ninh về cho Ai-lao.

Có một điều đáng khen Chiêu-Ấn là đất Ai-lao tuy nằm chịu áp-lực giữa Việt-Nam và Xiêm-la nhưng nhờ ở tài bang giao mà làm vừa lòng được cả hai bên mà không hề nao núng. Mùa Đông năm Gia-long nguyên niên, sau khi Chiêu-Ấn tiếp thu đất Trấn-Ninh và sai sứ-bộ đi đáp lễ Vua Gia-long thì có bọn Ô-Đồ-To (?) đến đánh phá và bao vây thành Xương-Sân (chắc là Xiêng-Khoảng). Chiêu-Ấn đích thân chỉ-huy binh mã, bắt sống được 1000 quân địch; 300 con ngựa cùng vô số khí giới nhưng rồi lại đem nộp cho Xiêm-Vương có lẽ vì bọn Ô-Đồ-To này gốc gác ở Xiêm.

Tháng 11 năm ấy (Nhâm-Tuất 1802) Chiêu-Ấn lâm bệnh và băng hà. Người Xiêm lập em là A-Nỗ lên làm quốc-vương. A-Nỗ lên ngôi rồi sai sứ sang Việt-Nam báo tang. Vua Gia-long bèn sai viên cai cơ Nguyễn-văn-Uẩn, Hàn-lâm Lê-văn-Phú đem 100 lượng bạc, 100 tấm vải, 200 cân sáp sang Ai-lao phúng điếu.

Vào thời đại này, có một sự-kiện đã xảy ra là lúc Thiều-Xanh, tù trưởng Trấn-Ninh chết, thay vì lập Thiều-Nội (con trai Thiều-Xanh) lên nối tiếp, A-Nỗ lại cử Xà-Cương (anh ruột của Thiều-Xanh) lên làm tù-trưởng. Do đây mà xảy ra vụ tranh chấp quyền-hành giữa hai bác cháu và cuối cùng vì không phục Xà-Cương nên

Thiệu-Nội đem 600 người vây cánh chạy qua Trà-lân tức phủ Tương-Dương nay gọi là Tứ-Lân (*Đại-Nam Nhất-Thống-Chí*, tỉnh Nghệ-An, tập thượng, tập hạ, trang 18) và được Triều-đình Huế xuống lệnh cho trấn Nghệ-An cấp phát 200 phượng gạo. Chắc Triều-đình Huế có tư sức hỏi A-Nỗ vụ này và giải-nghĩa về quyền thừa kế cho nên sử mới chép rằng vào năm Gia-long thứ 3 (Giáp-Ti 1804) A-Nỗ có dâng biểu chương tâu rằng: « Vì người Trấn-Ninh không phục Xà-Cương nên xin lập Thiệu-Nội để chiêu phủ dân chúng » và được Triều-đình Huế hoan-hỉ chấp thuận.

Năm Ất-Sửu 1805 A-Nỗ sai sứ-bộ triều cống Việt-Nam khi đến Quảng-Bình có dâng biểu như sau :

Về các trào Liệt-Thánh trước, nước chúng tôi cứ 3 năm dâng lễ một lần, chẳng may từ khi Tây-sơn nổi dậy tàn bạo vô cùng, nhân dân không còn đất sống, ép lòng chúng tôi làm mới chạy sang Xiêm thì lại bị Xiêm ngược đãi. Ngày nay có Thánh-Đế lên ngôi, man-di đâu đâu cũng phục, vậy xin theo lệ hiến phẩm vật như xưa.

Tỉnh-thần chuyển đệ biểu-văn đi trước rồi sứ-thần đến sau được Triều-đình Huế đãi ngộ xứng đáng, sứ-bộ được phép vào hoàng-thành, nghỉ ngơi ngoài công quán, binh-trượng được trần thiết và lại được Đức Gia-long lưu lại Kinh-thành luôn trong một tháng khi vào bệ kiến. Hoàng-Đế lại gửi tặng A-Nỗ Quốc-vương 5 tấm đoạn lông màu hồng, 20 tấm lụa, vóc 5 màu, 50 tấm tơ trắng, ba cái trống nhỏ, 3 cái bao tấu, và 5 cây gương Tây-Dương.

Ngoài ra, theo sách *Nhu-Viễn*, (trang 135) toàn thể sứ-bộ cũng được ban nhiều đồ vật như Chánh và phó sứ mỗi người 20 lượng bạc, áo trện bằng gấm lam mỗi người một cái; mẫu ty màu cánh kiến (đỏ tía) 30 thước, mỗi người một cái trống nhỏ, một súng bắn chim, một cái bao tấu.

Cho hai viên thông-ngôn mỗi người 5 lượng bạc, áo trện bằng lụa màu lam mỗi người một cái.

Cho 36 người bộ-lạc mỗi người 2 lượng bạc mỗi người một cái áo trện bằng vải đen, mẫu ty màu cánh kiến 7 thước.

Gia-Long lại xuống dụ rằng :

«Quốc-trường trước của nước người là Chiêu-An vẫn là bề tôi của trẫm trước đây Đối với nước của người trẫm rất thân yêu cầu vớt. Nay tới người, người phải thận-trọng trong nhiệm-vụ của người, săn sóc dân luôn luôn, miễn làm thế nào cho vừa ý.»

Lại vua Gia-Long giao ba năm phải dâng lễ, bắt từ năm Thìn, rồi tới Mùi đến Tuất và cuối cùng thì Sửu trở lại. Có điều này nhướm về độc-tài là vua Gia-Long bắt buộc dâng phẩm-lễ là : hai thớt voi đực, hai tòa tề giác, hai ngà, năm cân nhục-quế. Sứ-bộ gồm có : 1 chánh-sứ, 1 phó-sứ, 3 tù-trưởng, 1 thông-ngôn, 30 theo hầu Sứ-lộ thì đến trạm Nghệ-An rồi ở đấy cho người hộ-tống không nên đi tắt qua đường Ai-Lao Cam-Lộ.

Sách *Nhu-Viên*, trang 47, có nói rõ về sứ-lộ như vậy :

Năm Gia-Long thứ 4 (1805) sứ-thần nước Vạn-Tượng đến doanh Quảng-Trị. Doanh này khai báo tên và chức phận của sứ-bộ cùng số người do bộ Lễ tâu lên. Hai viên của bộ Lễ, một cai đội tiểu hậu cùng quân Phấn-dực được chuẩn định dự-bị ba chiếc thuyền cùng đến doanh Quảng-Trị nghinh tiếp và hộ-tống đem các phẩm-vật dâng công.

Ngày đến Kinh-đô, sứ-bộ ấy được phép vào thành. binh tượng lại được trần-thiết để tiếp sứ-bộ ấy vào công-quán an-nghĩ.

Lúc trở về, sứ-bộ được đưa đến Cam-Lộ, lúc lên bộ lại được dân-phu và voi hộ-tống về nước.

Chuyện này giống như Thanh-trào đối với vua Gia-Long hồi năm Nhâm-Tuất (1802) khi Gia-Long sai Trịnh-Hoài-Đức đem cống-phẩm lên Bắc-Kinh để dâng cho nhà Thanh.

Quan nhà Thanh bắt sứ-bộ phải ở lại Quế-Lâm (Quảng-Tây) chờ đợi tầu trình về Bắc-Kinh rồi Bắc-Kinh chấp thuận cho tiến-kính, sứ-bộ mới được đi.

Không biết phải vì lý-do an-ninh cho sứ-bộ hoặc cho Trung-Hoa hay vì một nguyên-cớ nào khác mà vua nhà Thanh hành-động như vậy. Ở bên Việt-Nam, vua Gia-Long cũng hành-động giống, chưa biết vì lẽ nào, sách không nói rõ.

Dẫu sao thì chúng ta cũng quan-sát rằng mối bang-giao thắt chặt thêm vì lẽ bên Ai-lao hiến vật lạ, bên Việt-Nam cũng tặng lại lụa là gấm vóc.

Năm Gia-Long thứ 8 (Kỷ-Tị 1809) sứ Ai-Lao sang dâng biểu-chương rằng: trước kia số dân sáu trăm theo Thiệu-Nội lánh nạn định-cư ở Trà-Lân, nay xin cho họ trở về cố thổ.

Trần-hân Nghệ-An không chấp nhận, rồi tâu việc đó về triều. Gia-Long phán dân đã ở yên, đã sanh cơ lập nghiệp vững chắc rồi, nay ta không vì lẽ nào mà buộc họ phải bỏ tài-sản sự nghiệp để dời đi, trần-thần không chấp nhận là phải. Đến như Vạn-Tượng vốn là thần thuộc của ta, kỳ cống rồi đã thiếu, nay lại muốn đem những lưu-dân về, chắc là có ẩn-ý gì chăng? Việc này phải cho trần-thần thẩm-vấn mới xong.

Khi bị chất-vấn, A-Nỗ sai sứ tạ lỗi. Lúc sứ-giã ở Huế vua Gia-Long hỏi về phong-tục, tập-quán, chánh-trị, những sự ưa thích của quốc-vương A-Nỗ. Sứ-giã trình bày ra, vua ban cho hai cái trống trận vì vua biết A-Nỗ sẽ thỏa mãn được sở-thích. Lại A-Nỗ bảo sứ-giã đem luôn qua 30 lính đào ngũ. Vua Gia-Long dụ rằng :

«Vạn-Tượng đã sang cống hiến lại trả về 30 lính đào-ngũ thế thì đủ tỏ tấm lòng trung thành, kính nể. Vậy Trẫm ban khen cho được an dạ. Thoảng như bọn thổ-phỉ Trịnh-Vân; Lê-Đoàn có chạy sang đồ, quốc-vương câu lưn lại, giải sang cho Trẫm. Vậy thì Vạn-Tượng là hàng rào của nước Trẫm.»

Sứ giả lãnh chiếu ra về.

Từ năm Gia-Long thứ 8 (Kỷ-Tị 1809) đến năm Gia-Long thứ 16 (Đinh-Sửu 1817) tình bang-giao Lào-Việt cứ vậy mà trôi chảy, nghĩa là không đứt đoạn.

Năm Gia-Long thứ 16 (Đinh-Sửu 1817) bên trào-dinh Huế có đại-lễ tấn phong Hoàng-Thái-Tử, quốc-gia Vạn-Tượng có phái sứ bộ đến chúc mừng.

Năm Minh-Mạng thứ 2 (Tân-Tị 1821), sứ-đoàn trưởng của Vạn-Tượng là Phì-Chủ-Phô vào dâng lễ và tâu rằng : « *Tiểu-quốc nghe tin Tiên-đế thăng hà, Kim-thượng lên nối ngôi, nhưng hiềm vì núi non cách trở, nghe tin mà không rõ thực hư, nên theo lễ cống thường, còn chỉ như lễ tiến-lương Tiên-đế và khánh-hạ Kim-thượng thì thiếu sót, cúi xin lượng cả thượng kẻ ở xa xôi, mà thứ lỗi cho, thật không có gì may mắn hơn vậy.* »

Vua Minh-Mạng thương theo lệ tuế-công, lại còn cho thêm quốc-vương A-Nỗ :

5 tấm cấm-đoạn, « là » màu, hoàn màu, lụa màu mỗi thứ 10 tấm, đồ trà nạm vàng cùng những chén nạm vàng bạc mỗi thứ một cái, mười đĩa nạm bạc, một trống to.

Ngoài lễ-vật tặng thưởng cho Quốc-Vương trên, Minh-Mạng còn biếu cho Phì-Chủ-Phô 20 lượng bạc, đồ trà, một vông, một lọng, 2 khẩu súng tây, một cái dao khảm bạc, một cái áo chiến bằng gấm đỏ, một quần bằng gấm mọi. Lại ban cho viên phó-sứ 20 lượng bạc, đồ trà, một vông, một lọng, một súng tây, một dao cán khảm bạc, một áo chiến bằng nhung đoạn màu lam, một cái quần mọi, cùng cho tù-trưởng, cho thông-ngôn. cho các binh sĩ đi theo, bạc, đồ-vật (*Như-Viễn*, tr. 151, 153)

Sứ giả tâu rằng : « *Khi thần phụng mạng sang chầu đi đến Nghệ-An, hạ thần vương phái rất nhiều trở ngại.* »

Minh-Mạng sức cho trấn-thần Nghệ-An phái binh hộ-tống ra khỏi biên-giới.

Nguyên trước cuộc di sứ này bọn Phì-Chủ-Phô sai thuộc man ở Qui-Hợp là Phộc-Khâm và nội bọn phá phách dân Động Dịch, ngày nay dân Động tố-cáo với trấn-thần, trấn-thần tư biểu-chương về tâu. Minh-Mạng phê rằng «chúng là bọn man-di bên ngoài giáo-hóa của ta», nên Minh-Mạng cố ý khoan hồng, chỉ có hạ chiếu cho A-Nỗ bảo y khuyên răn Phộc-Khâm, khiến Phộc-Khâm sửa đổi thái-độ lại để yên cõi ngoài mà thôi

Năm Minh-Mạng thứ 3 (Nhâm-Ngọ 1822), A-Nỗ sai sứ-bộ sang Nghệ-An xin dâng lễ phúng điếu còn thiếu hồi 3 năm về trước, nhưng Minh-Mạng cho rằng tang vua Gia-Long đã xong, không cần phúng điếu nữa và sức cho trấn-thần Nghệ-An hậu-đãi sứ-bộ và cho về xứ.

Có thể rằng A-Nỗ thấy cuộc bang-giao giữa Lào-Việt tốt đẹp mà khai thác triệt-để nên y xin cho thuộc man Phộc-Khâm đầu thuộc ở Động-Dịch.

Minh-Mạng sai quan đến nơi xét đoán. Phộc-Khâm khai rằng : trước kia Khâm nghe lầm Động-Dịch thuộc về phủ Lạc Hoàn (Lạc-Hoàn-Cống Man là nhóm mọi có tiền-cống trong triều Tiên-tổ nhóm man này là Ất-Nha-Lũg, Lũg chết, đời con là Ất-Thăng qui phụ Xiêm-La, có lẽ bị Tây Sơn bắt buộc quá nên thông đồng với Tây-Sơn, Xiêm-La bắt Ất-Thăng giam, rồi Thăng chết, Xiêm lập rể của Thăng là Mã-Xí-Xương, Xí-Xương chết, Xiêm lại lập con trai của Thăng là Thiệu-Mang, đến lúc Gia-Long lên ngôi thì xứ Lạc-Hoàn lại xin phụ thuộc vào triều Huế và xin dâng cống. *Đại Nam Nhất Thống Chí*. tỉnh Nghệ-An tr. 26). Vì lầm tưởng là Động Dịch thuộc phủ Lạc-Hoàn nên nghe lời Phì-Chủ-Phô đến đầu thuộc, nay biết đã lầm, Khâm xin nhận tội.

Giữa lúc ấy, ở đạo Cam-Lộ, hai châu Phú-Băng và Xương-Khâm cũng bị tù-trưởng ở Ba-Thắc (Bassac ở mé Nam của châu-thành

Paksé hiện nay) con vua A-Nỗ, sai người đến đòi thuế. Sự kiện thấu về trào Huế.

Minh-Mạng xuống chiếu rằng : Động-Dịch là đồn biên-giới của trào đình Huế, đã có ghi trong sổ bộ của trào-đình rõ rệt. Phộc-Khâm đã làm lơ, rồi biết hối lỗi thì đáng tha thứ, còn như Phú-Băng và Xương-Khâm trong đạo Cam-Lộ là thuộc về trào Huế, xưng thần nạp lễ cống đã hai trăm năm rồi, chưa hề có ai dám dă động tới, ngày nay Hạt-Xà-Bút lại dám làm liều đòi thuế, thật đáng trị tội, nhưng vì xét là bọn phiên thần không suy nghĩ, nên cũng thứ lỗi, vậy cho quốc-vương Viên-Chăn hay để răn he Hạt-Xà-Bút bảo hãy tuân pháp-luật của trào-đình Huế, hầu hưởng phước lộc của quả-nhơn dạng dài lâu.

Theo hai sự-kiện lịch-sử trên đây chúng tôi thấy rằng cuộc bang-giao giữa Việt-Nam là thượng-quốc và Viên-Chăn là nước vệ-tĩnh có phần tốt đẹp nên Viên-chăn muốn hơn đà ấy mà vùng dậy để xin các phần đất như Động-Dịch, hai châu Phú-Băng, Xương-Khâm hoàn về cho Viên-Chăn. A-Nỗ cũng là tay chính-trị, y xúi người để tránh tiếng, rồi nếu đòi được, A-Nỗ lại đòi châu khác.

Doudart de Lagrée có nói: « Cuộc thống-trị của người Việt, tới năm 1831, là bên bờ trái của sông (sông Mé Kong), từ vĩ-tuyến 16 đến vĩ-tuyến 17. Nhơn-dân của khu-vực nói trên phải nộp thuế-cống »

Cuộc tình-cờ lịch-sử khiến cho hai dân-tộc Lào Việt sống kề cận nhau và trào Huế ở lọt vào khoảng không-gian giữa vĩ-tuyến thứ 16 và vĩ-tuyến thứ 17.

Năm Minh-Mạng thứ 5 (Giáp-Thân 1824) có sứ-thần sang dâng lễ cống.

Đến năm Minh-Mạng thứ 8 (Đinh-Hợi 1827) Vạn-Tượng đánh nhau với Xiêm.

Tuy chuyện quan-hệ trực-tiếp đến Viên-Chăn và Xiêm-La nhưng nó dính líu đến Việt-Nam vì Viên-Chăn ở giữa làm phụ-dung cho

cả hai quốc-gia Xiêm và Việt. Động đến quốc-gia Viên-Chăn tức có động gián-tiếp đến quốc-gia Việt.

Sở là thấy quốc-gia mình nhỏ bé quá, A Nỗ mới vận-động gả con gái cho con vua Chắt-Tri đang trị vì Xiêm-quốc, là Chiêu Lục-Thư. Cuộc kết duyên tơ tóc ấy sanh ra Sầm-Ma-Yết. Sau Chiêu-Lục-Thư lại lấy cô con gái người Xiêm sanh ra Thôn-Kha-Phá. Thôn-Kha-Phá muốn diệt Sầm-Ma-Yết để sau lên nối ngôi vua. Việc này Chắt-Tri đã hay nhưng không can ngăn.

Tới phiên A-Nỗ rõ biết, nén lòng giận không nổi mới cử binh chiếm Cỏ-lạt (Korat), giết 500 binh Xiêm. Xiêm-vương sai đệ-nhi-vương là Sá-chiêu-Oan-Na (em của Chiêu Lục-Thư) đem mấy vạn binh đi phản-công.

A-Nỗ và con là Hạt-Xà-Bút thua chạy. (Sách *Bản-triều bản nghịch liệt truyện*, trang 47 và 49).

Bùi-Quang-Tung, trong việc A-Nỗ nêu thuyết khác có lý hơn, và có khoa-học hơn. (*B. S. E. I*, 1958, p, 401) A-Nỗ có sai nhiều người qua Xiêm-La đắp đường. (Có lẽ là Xiêm-La trưng-dụng nhưn công?) Xiêm-La phán-đoán rằng cuộc đắp đường còn chưa thỏa đáng, những người Ai-Lao /đổi đắp cường ngạnh, do đó mà sanh ra dấy động can qua. —

Một nguyên-nhơn thứ nhì: Năm Ất-Dậu 1825, nhưn A-Nỗ công-du Xiêm-La thấy những gia-quyến dân Lèo bị bắt đem về bên Xiêm từ mấy thế-kỷ trước, nay con cháu họ đều cũng còn bị lưu-trú một chỗ, nên A-Nỗ mới xin với Xiêm-vương tha cho họ về Ai-Lao. Chắt-Tri khăng khăng không cho, A-Nỗ tức giận lui về, và đem binh qua giao-chiến.

Một nguyên-nhơn thứ ba: Dưới sự bảo-hộ của Xiêm-La, Ai-Lao cảm thấy nặng nề hơn sự thần thuộc của Ai-Lao đối với Việt-Nam, nên A-Nỗ tính ngầm côi ách Xiêm-La.

Thế hai nguyên-nhơn thấy được là nguyên-nhơn nhút nhối, còn cái chánh lại là nguyên-nhân ngăm.

Cuộc động binh xảy ra, chẳng may A-Nỗ bại trận chạy sang Tam-Động (Tam-Động là Thâm-Nguyên, Yên-Sơn và Mộng-Sơn, thuộc phủ Trấn-Ninh tỉnh Nghệ-An) cùng một con là Hạt Xà-Bút (trong *Bản-triều bản-ngịch liệt-truyện*, trang 49 gọi là Hạt Xà-Bông, Rachavong hoặc là Latravong) còn một con khác là Chiêu-Ba-Thắc bị bắt sống.

Như ta đã thấy, A-Nỗ chạy đến Tam-Động, ở đấy, và xin binh cứu viện.

Minh-Mạng sai Tham-Tán Quân-Vụ Nguyễn-Công-Tiếp đem một sắc-chỉ đến A-Nỗ bảo A-Nỗ đem thân-quyền theo quan-binh về công-quán ở trấn Nghệ-An yên-ngỉ, và cho A-Nỗ 1.000 lượng bạc để chi-tiêu, lại khi vào đến trấn Nghệ-An rồi truyền cho A-Nỗ chọn một người trong hàng con cháu theo phái-viên của trấn Nghệ-An về châu ở Huế để cho Minh-Mạng được yên lòng. — (Sách *Nhu-Vấn*, tr. 79 và 81).

Xem vậy, quý độc-giả thấy Minh-Mạng đối với A-Nỗ rất mực chí thân, nhưng xét về quyền lợi của quốc-gia Việt Nam, Minh-Mạng thấy viễn-tư-ởng can-thiệp trực-tiếp không có lợi cho Việt-Nam, làm to và rối chuyện thì cũng như thọc tay vào giỏ của chó không ích gì? Vua Minh-Mạng bèn hạ chiếu chỉ cho quân đóng chặn bên-giới trước, rồi sau Minh-Mạng sai Đô-Thống-Chế Phan-Văn-Thúy sung chức Kinh-Lược Biên-Vụ Đại-Thần kiêm lãnh Trấn-thủ Nghệ-An, Hữu-quân-phó-tướng Nguyễn-Văn-Xuân sung-chức Bang-Biện quân-vụ, Đô-Thống-Chế trung quân dinh Thần-Sách là Đoàn-Văn-Trường, Tạng-quân Thống-Chế Lê-Văn-Hoan Lại-Bộ Thượng-thư Trấn-Vân-Trình sung chức Tham-Tán và phát cho 2000 tinh binh, 30 con voi kéo ra Nghệ-An.

Lúc ấy A-Nỗ sai Suy-Miên dâng biểu chương, Trấn-thần giữ lại Qui-Hợp, đệ tờ biểu về Huế.

Minh-Mạng phán dụ rằng hãy cho người qua Tam-Động báo cho A-Nỗ biết binh đã đóng theo biên-giới chỉ chờ một hiệu-lệnh của Trẫm là tiến quân ngay.

Trở lại mặt trận Xiêm Kbi được tin Xiêm từ bờ mặt sông Mé Kong qua sông chiếm Vạn-Tượng, và đuổi theo A-Nỗ, A-Nỗ lại bỏ Tam-Động mà chạy đến làng Chiêu-Chân, ở biên-giới Lào - Việt. A Nỗ lo sợ dâng thư lên xin quân bảo-hộ vì Xiêm-quân tiến gần đến Lạc-Hoàn cổng man.

Phan-Văn-Thúy đốc thúc quân tiến mau, nhưng đến trấn Nghệ-An thì không thấy bóng dáng Xiêm-quân. Thúy sai cai đội Nguyễn-Trọng-Thai đến làng Chiêu-Chân vấn an A-Nỗ. Khỏi phải tả ra nỗi vui mừng của A-Nỗ trong lúc này. A-Nỗ dâng thư, Thai tiếp lấy đem về.

Xem được thư, Thúy giao cho Nguyễn-Văn-Xuân, Lê-văn-Hoan đến đóng ở Kỳ-Son, Đoàn-Văn-Trường đến đóng ở Qui-Hợp, Nguyễn-Công-Tiếp lo việc lương, Trần-Lợi-Trình ở lại tại trấn Nghệ, thu lượm tin tức để báo cáo về triều Huế.

Trong sách *Bản triều bản nghịch liệt-truyện*, tờ 51 nói tháng sáu năm ấy (Đinh-Hợi 1827) các hạt thuộc Trấn-Ninh xin phụ thuộc nước ta. Xin lưu-ý các độc-giả rằng trước kia Thiệu-Nội đã đem đất Trấn-Ninh xin nội-thuộc triều-dinh Huế, còn nay là các hạt thuộc Trấn-Ninh, có lẽ đất ở chung quanh rìa Trấn-Ninh.

Xưa kia, xứ này được Lê-Duy-Mật chiếm cứ đến 30 năm, dùng làm sào huyệt an toàn lắm. Nguyên Lê-Duy-Mật cùng nhiều hoàng thân khác như Lê-Duy-Quý, Lê-Duy-Chúc và các trào-thần như Phạm Công-Thế. Võ-Thước định đốt kinh-đô Thăng-Long để diệt chúa Trịnh, hầu khôi lưu lại mỗi họ về sau Chúa Trịnh huy động đón trước, dập tắt mỗi lửa tranh-chấp. Lê-Duy-Mật thất thế, bôn đào vào Thanh-Hóa, chiêu binh mã, đánh các hạt Hưng-Hóa và Sơn-Tây, nhưng thua trận, chạy vào Nghệ-An giữ núi Trình-Quang ở Trấn-Ninh để làm nơi sơn trại. Năm Kỷ-Sửu 1769 Trịnh-Sâm sai tướng Bùi-Thế

Đặt cử binh đánh vào. Con rể của Mật là Lại-Thế-Chiều có lòng phản lại, mở cửa cho quân Trịnh kéo vào, Duy-Mật và vợ con tự hỏa-thiêu. Nếu Lại-Thế-Chiều không có nbi-tâm chưa ắt Duy-Mật chịu chết, mà còn chống cự lâu nữa, vì lẽ Duy-Mật biết tất cả các chỗ hiểm trở.

Minh-Mạng xuống dụ bằng lòng lắm vì đất ấy làm tăng cường những mảnh đất phiên-thuộc.

Xiêm-La nghe quân Việt đến biên-cảnh liền cho lập em A-Nỗ là Ấp-Ma-Hạt làm vua xứ Ai-Lao, cho mấy trăm binh ở lại Ai-Lao, còn bao nhiêu đều qua sông Khung-giang (sông Mé-Kong) về lãnh thổ Xiêm.

Nguyên lúc A-Nỗ tẩu nạn, Ấp-Ma-Hạt không chịu chạy theo mà trốn ở lại, A-Nỗ bắt mẹ và bốn con của Ấp-Ma-Hạt theo đến Tam-Đông.

Từ lúc Xiêm-La xua binh chiếm cứ thành Viên-Chăn, quyền cai trị về tướng Xiêm, nay nghe binh Việt-Nam tiến đến chỗ giáp-giới Ai-Lao — Việt-Nam, tướng Xiêm hơi khiếp mới lập Ấp Ma-Hạt người Ai-Lao, lên làm vua Ai-Lao, cho danh chánh ngôn thuận. Ấu cũng là một ngón đòn ngoại-giao vượt ve gián-tiếp Việt-Nam. Hồi bấy giờ, quốc-gia Việt-Nam thật có oai-thể đối với nhiều quốc-gia khác ở Đông-Nam-Á, như các ngài đã thấy quốc-gia Xiêm đối với quốc-gia Việt-Nam.

Khi lên ngôi Ai-Lao, công-việc đầu tiên của Ấp-Ma-Hạt là viết một bức thư cho Hạt-Xà-Bông, đại-ý trong thư mời A-Nỗ về nước, nếu có điều gì hại đến A-Nỗ thì Ấp-Ma-Hạt sẽ đền mạng thế cho, trong thư còn nói là xuất-ngoại sợ e cho mẹ và bốn con của Hạt vất-vả. Đồng thời tướng Xiêm là Xú-Phả-Họa-Di (Rajasou-phavadi) cũng viết bức thư mời A-Nỗ về Viên-chăn, vì tướng ấy nói rằng đã xin lỗi thế cho A-Nỗ với vua Xiêm và vua Xiêm cũng ưng thuận xóa bỏ. Sách *Bản-triều bản-ngịch liệt truyện* bàn rằng việc

Xứ-Phả-Họa Di mời A-Nỗ hồi loan là một chánh-sách khôn ngoan của người Xiêm lúc bấy giờ.

A-Nỗ nhờ quan Trấn-thủ Nghệ-An đệ vờ trào xin cho quan binh ứng-hộ về Viên-Chăn thôi, ngoài ra còn việc gì lôi-thôi với Xiêm A-Nỗ lãnh lấy trách-nhiệm mà không dám mong cậy đến binh Việt.

Minh Mạng ưng thuận một mặt truyền lệnh cho trấn-thần Nghệ-An hay sẽ ứng hộ A-Nỗ trở về Ai-Lao, mặt khác gửi lời dụ cho A-Nỗ biết là sẽ đưa y về Ai-Lao và khuyên xóa bỏ mọi tị hiềm giữa em cháu, và nên viết một bức thư, chọn lấy một người con của Ấp-Ma-Hạt cùng một vài người trong đám người theo A-Nỗ về trước, để dò xét tình hình ra sao.

Nhưng đạo dụ chưa tới tay A-Nỗ thì A-Nỗ đã nói với Trấn-thần cho một con của Ấp-Ma-Hạt về trước rồi.

Thấy 8 năm ấy (Đinh-Hợi 1827), A-Nỗ sai Hạt-Xà-Bông đem tặng lễ, Minh-Mạng nhận 10 thớt voi thôi, còn các thức khác Minh-Mạng đều trả về. Lúc Hạt-Xà-Bông vào trào, Minh-Mạng phán hỏi, đại-y rằng không có bá quan văn võ hay sao mà chỉ có một mình nhà người và Thiệu Ba-Thắc là hai người hoàng thân. Hạt-Xà-Bông tâu rằng có, nhưng vì các tướng lớp bị cách chức vì phạm lỗi trong việc dụng võ-công, lớp kéo sang hàng Xiêm, lớp bị bắt sống lúc Xiêm tấn-công, bấy giờ chỉ còn vẹn trong thành Viên-Chăn còn một tướng thôi. Sau khi nghe Minh-Mạng hỏi nữa về hoàng hệ, Hạt-Xà-Bông nói mới có năm đời, Minh-Mạng cười rằng người Ai-Lao không có văn-tự, cuộc truyền nối đều không ghi chép nên nói là có năm đời, rồi Minh-Mạng hậu-thương cho về Nghệ-An. A-Nỗ cảm kích vì cử-chỉ quảng đại của Minh-Mạng là cho quan quân ứng-hộ, liền hiến dâng hai mươi ba viên ngọc do tổ tiên để lại, nhưng Minh-Mạng khước từ.

Năm Minh-Mạng thứ 9 (Mậu-Tí 1828) Minh Mạng xuống dụ cho A-Nỗ đại-y như sau đây:

Ấp-Ma-Hạt bề ngoài là tôi của quốc-vương nhưng bên trong

hắn là em của quốc-vương, thế mà hắn chờ cơ-hội để đoạt ngôi vua. Vậy thì thấy hắn chiếm nước, phản anh rõ rệt. Trước kia, hán nói là vua Xiêm đã bằng lòng thứ lỗi do tướng Xiêm tẩu rồi, vậy hỏi hán coi lấy gì làm bằng-chứng chắc. Hỏi câu này để xem hán phản-ứng cách nào. Hắn muốn chiếm-đoạt ngôi của quốc-vương, hắn phải lo nhưn dân ấy là nguồn gốc của sự lâu bền, mà muốn vậy phải đi kinh lý để thu-phục dân-tâm. Như đám công-du ra ngoài cung-nội là hán có bản-lãnh, chuyện ấy rồi chúng ta sẽ tính sau. Còn mặt khác, quốc-vương phải sai nhiều người lên về cố-quốc, chiêu dụ những kẻ trung-thành để thêm vây cánh, rồi sau sẽ dựa vào đó gây thêm oai đức, mà khi phục giang-sơn thổ địa Quốc-vương đẩy binh đến đâu đều có bọn người hưởng ứng đến đó. Những việc này phải quốc-vương tự đảm-đương mới xong, nên phải tính thật kỹ lưỡng.

Đây là những lời nhủ chí tình của Minh-Mạng đối với A-Nỗ. Ai xem thấy cũng biết.

A-Nỗ dâng biểu tâu rằng: « Trước có sai những người về chiêu dụ các bộ-lạc tình nguyện ứng-nghe rồi số người này lên tới mấy vạn. Hiện giờ, chỉ xin nhờ sức quan quân ủng-hộ cho tăng thêm thanh thế, còn về phía thần, thần sẽ điều động dân-quân trở về đồ cũ, thoãn như gặp quân Xiêm công-kích, thần và dân-quân chống cự mà thôi, không dám làm phiền đến quan quân Việt, thần cam-đoan rằng giá quân Xiêm trở lại tấn-công thành trì, thần sẽ liều chết mà cố thủ, cuộc hồi về cố-đó được thành tựu cũng là nhờ oai đức của Bệ-Hạ. »

Trần-thần Nghệ-An thấy A-Nỗ dâng chiếu đại-đề như nói ở trên, liền gọi tờ ấy về triều Huế.

Minh-Mạng xem rồi hạ chiếu cho Binh-Bộ Viêa-ngoại lang Huỳnh-Sĩ-Quang đem tờ dụ cho A-Nỗ tường tri, đồng thời cũng xuống lệnh cho Thống-chế Phan-Văn-Thúy sung chức Kinh-Lược, Nguyễn-Văn-Xuân làm Phó-Kinh-Lược, Nghệ-An Hiệp-Tổng-Trấn Nguyễn-Khoa-Hào sung chức Tham-Tán, cấp cho 3 000 tướng sĩ cùng 30 thớt tượng (sách *Bản-triều bạn...* nói 20 thớt) kéo sang Trấn-Ninh hạ trại. Từ Trấn-Ninh đến Lạc-diên, Phan-Văn-Thúy phải dựng đồn điểm, thay

phiên canh phòng để bảo-vệ lương thực và đồng thời do các đồn ấy chuyển các tin tức về.

Minh-Mạng lại xuống chiếu cho Lang-Trung Lê-Nguyên-Hy, Cai-đội Nguyễn-Văn-Lễ đem thơ sang qua Xiêm báo cho Xiêm-vương biết sự có mặt của binh-đội Việt-Nam trên xứ Ai-Lao.

Xem thế đó thấy thái-độ Minh Mạng đối xử với A-Nỗ là đem tình thân thiện đến một độ cao, còn đối với Xiêm-La thì Ngài muốn chứng tỏ lực-lượng mình để khỏi sử-dụng nó vì Xiêm thấy vậy phải so sánh hai lực-lượng, tức nhiên nảy sinh ra tình-cảm lo ngại và hậu-quả của tình-cảm ấy. Minh-Mạng rất sành khoa tâm-lý chiến vậy.

Khi đến Trấn-Ninh, Kinh-Lược Phan-Văn-Thúy đóng đại-trại ở Lạc-Điền hay là tên gọi khác Cát-huyện thuộc phủ Trấn-Ninh, tỉnh Nghệ-An, (năm Minh-Mạng 15, nhằm năm Giáp-Ngọ 1834 đặt phủ trị Trấn-Ninh ở đó, sau mới dời đi nơi khác).

A-Nỗ vui mừng hết sức, tự-nguyện chỉ huy quân binh Ai-Lao để tiến vào Kinh-đô Viên-Chăn.

Chánh và Phó-Kinh-Lược sai viên Cai-đội Nguyễn-Trọng-Thai chỉ-huy hai đội Thần Sách hộ-tống A-Nỗ.

Tháng 6 năm Mậu-Tí 1828 A-Nỗ vô đến Viên-Chăn, điều tàn bởi khói lửa, quân Xiêm, tự-động rút lui qua Khung-Giang, hạ trại ở Phiên-Bác, trên bờ mé mặt sông này. Một lát, sang sông trở lại, chiếm đóng các kho bên bờ trái của Khung-Giang. Hạp-Xà-Bông, con A-Nỗ đến lấy lương. Bị quân Xiêm cản trở, Hạp-Xà-Bông muốn chiếm lại các kho lương, và diễn ra cảnh tranh giành rồi đến tấn-công và phản-công. A-Nỗ đem binh đến binh vực con A-Nỗ giết chết Xiêm tướng là Phi-nhã Phi-chiếm-Sủng Sâm (*Phya Vichit Song Khrum*) và binh tướng khá nhiều, sách *Bản-triều bạn-ngịch liệt truyện* nói đến 200, còn bao nhiêu tướng-sĩ đều bỏ cả khí-giới chạy trốn.

Về thuyết của Xiêm, thì hình như Xiêm-tướng thấy Xiêm-vương

thứ lỗi cho A-Nỗ, Xiêm-tướng không phòng bị để cho A-Nỗ tấn công thành-linh và tàn sát các binh lính của mình còn ở lại thủ-đô, và hình như A-Nỗ thúc quân đuổi theo tướng Phia Papha (?) ở lối Ma Kleng. (Theo bài của Bùi-Quang-Tung)

Chúng ta xét hai thuyết trên đây thì thấy rằng vì bị thua năm trước, năm này về được cổ-đô là nhờ binh Việt-Nam và hiện giờ có binh ấy tại thủ-đô và đại binh, tại Lạc-Điền, nên Hạp-Xà-Bông có lớn lối, khêu khích binh Xiêm. Thế mới xảy ra to chuyện vì có bằng chứng là khi nhận được tin này Minh-Mạng phán rằng :

«A-Nỗ nóng nảy khinh thường, vụt chốc lại gây hấn với Xiêm, với cái nhục này đời nào Xiêm-La lại chịu nhin, một mai kéo quân sang đánh trả thù thì A-Nỗ lấy sức đâu mà chống cự, lại không sang mà nương tựa bên ta sao? Việc xử trí của Trào-đình đối với Vạn-Tượng thiết là rất mực che chở. Thế, A-Nỗ không nghe lời Trẫm gián-tiếp phụ ơn Trẫm rất nhiều Vậy sau này hễ A-Nỗ chạy sang, các khanh đuổi thẳng đi, đừng bao dung hấn nữa».

Liền khi đó, Minh-Mạng xuống lệnh sai viên Cai-đội Phan-Văn-Thống, Hiệp-Thủ Lê-Văn-Duật đem dụ khiển-trách A-Nỗ và bắt A-Nỗ phải sang Xiêm-La tạ lỗi, trả các khí-giới để Xiêm-vương nguôi giận.

Tháng 7, Phan-Văn-Thống, Lê-Văn-Duật đồng tới Khung-Giang, sang bờ bên mặt, tới đồn Phổ-Khâm. Không có quân báo tin trước, hay có mà Xiêm-tướng không đếm xỉa gì hết, Phan-Văn-Thống bị tướng Thung-Vi-Sai (*Phya Narong Pichai*) chặn đánh, Thống bị tử trận với 50 tùy-binh, Lê-Văn-Duật bị bắt giải về Xiêm-đình, may có tên man-binh chạy thoát về báo với trấn Nghệ-An, trấn này tâu về Trào.

Minh-Mạng được tin hai tướng trào đình mình một mất mạng, một bị Xiêm giam cầm thì phán: «Trước kia, khi đưa A-Nỗ về, binh Xiêm lần trốn nay sai Phan-Văn-Thống bắt A-Nỗ tạ tội, Thống

lại bị tướng Xiêm hại. Người Xiêm trả thù việc đã xảy ra ở Vạn-Tượng chăng? Binh lực chúng được là bao mà dám như vậy ».

Theo Bùi-Quang-Tung thì hồi bấy giờ nghĩa là năm Mậu-Tí 1828, một lẽ chánh-yếu thúc đẩy Minh-Mạng thận trọng trong việc gây hấn với Xiêm La là lãnh-thổ Việt-Nam rộng lớn: Chơn-Lạp dưới quyền bảo-hộ của Việt-Nam, Trấn-Ninh, Hạ-Lào đều qui-thuận theo Trào Huế. Nếu Minh-Mạng không cẩn thận trong việc ngoại-giao với Xiêm, thì trong một sớm một chiều Xiêm sẽ tấn-công vào Chơn-Lạp hay Hạ-Lào một cách dễ dàng vì hai quốc-gia liên-giới với nhau dày dặt. Như vậy khó lòng cho Minh-Mạng điều-động binh-sĩ mau lẹ để cản ngăn.

Bởi lẽ chánh-yếu trên mà Minh-Mạng không chịu đứng về phe A-Nỗ trong việc gây hấn lần đầu (1827), Minh-Mạng chịu đưa A-Nỗ về với hai đại-đội binh Thần-Sách thôi và cũng năm 1828 sai sứ-bộ đến Xiêm tới năm chục người để xin giải hòa trên Ai-Lao. (Còn việc đại-binh đóng ở Lạc-Điện do Kinh-lược Phan-Văn-Thúy điều-khiển lại không thấy sử nói đến).

Tháng 9 tướng Xiêm là Xư-Phả-Họa-Di (*Rajasonphavadi*) kéo 3 000 binh-sĩ (theo tác-giả Xiêm đến 20.000 quân sĩ) đến tấn công Viên-Chăn. A-Nỗ đem binh nghinh chiến, mặt khác phái tướng Phì-Xà-Nộn cấp tốc sang Nghệ-An xin binh viện-trợ.

Sau khi có chiếu của trấn-thần Nghệ-An dâng lên, Minh-Mạng xuống dụ khước-từ ngay. Phì-Xà-Nộn lùi về cho A-Nỗ hay.

Tháng 10, A-Nỗ và quân Xiêm đánh nhau A-Nỗ bị Xiêm-binh bánh bại, bỏ thành Viên-Chăn cho Xiêm-binh cướp phá, chạy qua Trấn-Ninh, nơi đây A-Nỗ bị viên Phòng-Ngự-Sứ là Chiêu-Nội bắt sống đem nạp cho Xiêm

Từ đó nước Vạn-Tượng bị mất về tay Xiêm-vương.

Theo một tác-giả Pháp. A-Nỗ luôn cả ba con đều uống độc-được hủy mình.

Viên Phòng-Ngự-Sử Trấn-Ninh vì có tư thông với Xiêm-vương là bắt A-Nỗ nạp cho vua Xiêm thay vì áp giải qua Minh-Mạng, còn làm ấn-tín giả, theo *Bản Triều bạ nghị* trang 59, song lấy tính thần khách quan mà xét có lẽ là lỗi vu-cáo để bắt tội Chiêu-Nội.

Năm Kỷ-Sửu 1829 binh trào Huế tấn-công Chiêu-Nội, cầu lưu được y và áp-giải về Huế phán xét Chiêu-Nội bị hành quyết lối đầu tháng 1 năm 1830 (lời tháng chạp Kỷ-Sửu). Về phần quốc-gia Viên-Chăn của A-Nỗ thì còn kém sút về mọi mặt mà nhứt là về binh lực, song A-Nỗ hành động không chịu suy xét, nên phải bị th' m hại,

Vun trồng bao thế-kỷ, có khi thặng, có khi trầm, tình bang-giao Lào-Việt kể cũng là đẹp đẽ, nhưng vì sự không khéo léo của A-Nỗ mà đứt đoạn sau khi ngôi vua của A-Nỗ bị sụp đổ. Kể cũng là đáng tiếc lắm vậy !

Ngày nay, năm châu chung chợ, bốn biển một nhà, các quốc-gia bạn ở xa còn liên-lạc mật-thiết với Việt-Nam, hưởng chi là Ai-Lao ở sát nách Việt-Nam, cùng chung một biên-giới, cùng nhau đau buồn khi bị địch xâm lăng, cùng nhau chung hưởng vui sướng khi thanh-bình trở lại,

Vậy người Việt và người Lào cùng nhau siết chặt tay, cùng tương thân tương trợ trên công bằng, bực ái để mạnh bước trên con đường tiến-hóa.



NHỮNG SÁCH DÙNG ĐỂ THAM-KHẢO

● HUIT ERUDITS, *L'homme avant l'Ecriture*, Librairie Armand Colin, 1959 p. 322.

● ETIENNE AYMONIER, *Notes sur le Laos*, Saigon, Imprimerie du Gouvernement, 1885, pp. 117 - 118.

● CHARLES LEMIRE, *Le Laos annamite*, édition Challamel, Paris 1894, pp. 6, 9.

● BÙI-QUANG-TUNG, *Chao Anou, Bulletin de la Société*

des Etudes Indochinoises, Nouvelle Série, Tome XXXIII, N^o 4, 4ème trimestre 1958, Saigon, 1958, pp. depuis 401 à 406.

● M GITEAU, *Histoire du Cambodge*, éditions Didier, Paris, 1957, trang 111.

● KHÂM-ĐÌNH VIỆT-SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG-MỤC TIỀN-BIÊN, quyển II, trang 19, quyển IV, trang 9

● TRẦN-TRỌNG-KIM, *Việt-Nam sử-lược*, quyển thượng, 1919, Hanoi, những trang 7, 38, 41, 42, 43, 112, 142, 143, 146, 219, 220, 229.

● TRẦN-TRỌNG-KIM, *Việt Nam sử lược*, quyển hạ, in lần thứ hai, ấn-quán Vĩnh và Thành, Hanoi, 1928, những trang 9, 16, 63, 138.

● LÊ-TẮC, *Annam chí lược*, Viện Đại-Học Huế xuất-bản, 1961, những trang 140, 141, 142.

● Dịch-giả Tu-Trai NGUYỄN-TẠO, sách *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tỉnh Bình-Định, xuất-bản 1964, trang 10, và những tỉnh Quảng-Nam tr. 5, Quảng-Ngãi trang 9, Thừa-Thiên-Phủ, Tập Thượng trang 21.

● Dịch-giả Đông-Minh ĐẶNG-CHU-KÌNH, sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* tỉnh Nghệ An, tập thượng tập hạ, Bộ Văn-Hóa Giáo Dục, 1965, những trang 7, 18, 20, 26.

● *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tỉnh Phú-Yên trang 7; *Đại-Nam Chính Biên Liệt truyện*, sơ tập, quyển 33.

● Giá-sơn KIỀU-OÁNH-MẬU, phiên dịch: TRẦN-KHẢI-VĂN, sách *Bản triều bản nghịch liệt truyện*, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản, 1963, những trang 47, 49, 51, 53, 55, 57, 59

● Dịch-giả TẠ-QUANG PHÁT, hiệu đính: BỬU-CẦM, sách *Nhu Viễn*, Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục xuất-bản, 1965, những trang 29, 47, 51, 79, 81, 135, 151, 153, 169, 171, 175.

● NGUYỄN-NHU-LÂN, *Hai trăm năm dương-lịch và âm-lịch đối chiếu 1780-1980*, nhà in Man-Sanh, 1961.

● Địa-đồ Indochine physique, politique, économique, dressée par E. Girard Géographe, 17 rue de Buci, Paris.



ĐẠI-NAM THỰC-LỤC CHÁNH-BIỆN *

■ đệ nhất kỷ

Thực-lục về Thế-tổ Cao Hoàng đế

■ PHAN KHOANG dịch

(tiếp theo *Sử Địa* số 6)

Giặc Tây (Sơn) Nguyễn Văn Huệ dẫn binh về Qui-nhon, đề người đảng là Đô-úy Đặng Văn Trấn ở lại chiếm cứ Gia-định. Tháng 5, Lê Văn Quân đem bộ thuộc 600 người đến hành tại bãi yết. Các tướng sĩ cũng tiếp tục tìm đường mà đến, ngày càng thêm đông. Vua bèn sai lo việc đồn điền để cung cấp lương thực cho quân, lại sai ra hải đảo đóng chiến thuyền, hoặc lên về Gia-định mộ người nghĩa dũng, từ từ tính kế hưng phục

Mùa đông, tháng 12, Điều-khiển Dương Công Trừng tấn công giặc ở Long-xuyên: Công Trừng từ khi thua ở Giác-ngư, bị giặc bắt; nghe tin Vua ở thành Vọng các, thừa dịp đem bộ thuộc và ba chiếc chiến thuyền thẳng ra biển, đến Đại-dồng (bờ biển Tiêm-la), lúc ấy Cai-cơ Lê Thượng, Nguyễn Tần cũng vâng mạng đem 10 chiếc binh thuyền lên đến Long-xuyên dò xét giặc, bèn cùng nhau hợp binh, nhân đêm đánh úp đồn giặc ở Long xuyên, phá được, bắt được Bình-nhung của giặc là Trục (không biết họ). Bọn Công Trừng đóng binh ở Ông-do (tên đất), sai Nguyễn Văn Nhân, Tổng Văn Khương đem giặc đã bắt được hiến lên ở hành tại.

Vua nói: "Long-xuyên là yếu địa của Gia-định, giặc ắt sẽ

* Dịch ở bản *Đại nam thực-lục*, của HỮU-LÂN-ĐUỜNG, xuất bản ở Nhật năm Chiêu-hòa thứ 36.

dành đất này. Vả lại, Ông-do ở bờ biển, đường thủy, đường bộ đều không tiện, nay các tướng cùng cô quân chiếm giữ đất ấy, nếu quân giặc đến thành linh thì lấy gì mà ứng phó?» Lập tức sai Văn Nhân đến báo các tướng dời thuyền ra hải đảo đề sau sẽ mưu tính. Văn Nhân chưa đến, Thái-bảo giặc là Phạm Văn Tham đã từ Sài-côn đem binh đi tắt đến đánh úp. Bọn Công Trừng binh ít không chi trì được, Lê Thượng, Nguyễn Tần đều chết tại trận. Công Trừng lại bị giặc bắt. Tham hỏi: «Mày đã đầu hàng ta, ta đãi mày không bạc, vì sao lại phản?» Công Trừng mắng rằng: «Ta hàng mày là dối, bỏ mày đi là vì nghĩa vậy, chủ ta còn, ta không lý gì lại hàng mày; muốn giết thì giết, hà tất phải hỏi nhiều.» Tham liền giết. Công Trừng lúc gần chết, miệng vẫn mắng giặc không ngớt. Vua nghe tin than rằng: «Các tướng không biết binh pháp cho nên phải thua như thế.» rồi thương tiếc không thôi. (Công Trừng người Long-xuyên).

Bính-ngọ, năm thứ 7 (Lê Cảnh-hưng năm thứ 47, Thanh Càn-long năm thứ 51) mùa xuân, tháng giêng, vua ở hành-tại Vọng-các. Tháng 2 binh Miến-điện do ba đường vào xâm lấn Sài-nặc (ên đất) của Tiêm. Vua Tiêm tự mình đem quân chống cự, xin Vua giúp kế hoạch. Vua nói: «Miến-điện cử binh từ xa đến, lương hường chở đi nghìn dặm cũng đã mệt rồi. Ta xin giúp, đánh chóng ắt được.» Vua Tiêm liền tiến binh. Vua tự đem quân của mình đánh giúp, sai Lê Văn Quân, Nguyễn Văn Thành tiến trước, dùng ống phun lửa mà đánh, binh Miến-điện sợ chạy, chết không xiết kể, bị bắt sống 500 người. Vua Tiêm tán phục; về rồi, đem vàng, lụa đề tạ, muốn lại giúp vua thu phục Gia-định.

Vua hội các tướng lại đề bàn. Nguyễn Văn Thành tâu rằng: «Vua Thiệu-Khương chỉ có một lữ (1) còn phục hưng được nhà Hạ. Nuôi sức mạnh đề thừa dịp, ta có thể làm được việc, còn nếu nhờ người ngoài giúp, đem di địch vào chỗ tâm phúc thì e

(1) 500 quân là 1 lữ.

đề lo về sau, chẳng bằng cứ yên tĩnh đề chờ đợi là hơn.» Vua cho là phải. Việc ấy bèn thôi.

Tháng 3, sai bọn Tổng nhung Chưởng cơ Hoàng Tiến Cảnh, Tổng-nhung Cai-cơ Nguyễn Văn Nhân, Cai-cơ Võ Di Nguy, Nguyễn Văn Định, Trương Phước Luật đem binh ra núi Chàng-khảm đóng 10 chiến thuyền.

Đồ-bà (1) đến đánh Tiêm. Vua sai Lê Văn Quân đem thủy binh cùng vua thứ hai nước Tiêm đi đánh, bình được. Vua Tiêm trọng tài làm tướng của Quân, đổi dãi lễ phép rất trọng hậu.

Mùa hạ, tháng 5, giặc Tây (Sơn) Nguyễn Văn Huệ tiến bức Phú-xuân, quân Trịnh thua to Trước đó, Huệ muốn đánh Phú xuân, Nguyễn Văn Nhạc ngăn lại nói rằng : « Con ông có nọc, đừng tự nhận lấy độc của nó.» Vừa lúc ấy, tướng Trịnh là Phạm Ngô Cầu sai thuộc hạ là Nguyễn Phù Như lên sang Tây-sơn đề do thám, Phù Như cùng tướng giặc là Nguyễn Hữu Chinh vốn tử tế với nhau, mới nói với Chinh tình trạng Thuận-hóa có thể lấy được. Chinh đem nói với Nhạc, Nhạc sai Chinh làm Hữu-quân, Võ Văn Nhậm làm Tả-quân, Nguyễn Văn Lữ đốc thủy quân, theo Huệ quân suất, tiến bức Phú-xuân. Bộ binh của giặc đến Hải vân, Chinh biết Cầu là người khiếp nhược, đưa thư đến trước đề dụ hàng. Cầu được thư, trong lòng có ý đón giặc. Giặc đến, Phó-tướng của Trịnh là Hoàng Đình Thề ra thành cự chiến, thuốc đạn không được kể tiếp đưa đến, sai người vào xin Cầu, Cầu không cho, Thề giận, muốn vào thành, trước chém Cầu rồi sẽ ra đánh, quân hơi lùi, giặc nhân đó tiến lên. Cầu ở trên thành dựng cờ trắng. Quân giặc đánh trống reo hò tiến vào, Thề và hai con đánh, đều chết. Cầu tự trói tay hàng giặc, giặc giết chết, rồi thừa thắng chia binh gấp đến Quảng-bình, Thủ-tướng của Trịnh vỡ chạy, giặc bèn trộm chiếm cứ Thuận-hóa.

(1) Xưa ta gọi người Mã-lai, người các đảo Nam-Dương ngày nay là Đồ-bà.

Tháng 6, Nguyễn Hữu Chinh đem binh của giặc Tây (sơn) do đường biển thẳng đến đô-thành An-nam (tức tỉnh-lý Hà-nội ngày nay). Nguyễn Văn Huệ sai Nguyễn Văn Lữ ở lại giữ Phú-xuân, tự mình đem thủy binh kế tiếp tiến ra. Tướng Trịnh là Hoàng Phùng Cơ chống đánh không được, 6 người con đều chết ở trận, Cơ trốn chạy, Trịnh Đống (1) xuất quân, bị người ở Sơn-tây là Nguyễn Tráng bắt nộp cho giặc, Đống tự vẫn, chết. Chinh nhân đó bày cho Huệ giả danh phò Lê, ép xin vua Lê thị triều, Huệ vào yết, dâng đồ bản và sổ sách trong nước. Vua Lê đem người con gái út là Ngọc-hân gả cho.

Nguyễn Văn Nhạc nghe tin Huệ đã diệt Trịnh rồi, nghi là phản lại mình, bèn đem binh đi gấp đường, kế đến, cướp hết của cải, bừa vật rồi cùng đem nhau về, Bắc-hà tao nhiễu, không ai là không nghiến răng đối với Chinh. Vì vụ này, anh em giặc tranh giành nhau vì tài, sắc, do đó sinh ra ác cảm với nhau.

Bá-đa-lộc hộ vệ hoàng trưởng tử Cảnh sang nước Đại Tây, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Văn Liêm cho Hồ Văn Nghị đem biều văn về hành tại ở Vọng-các để báo cho vua biết, rồi ở lại hầu vua.

Mùa thu, tháng 7, vua Lê nước An-nam băng, đặt thụy là Hiền-tông Vinh Hoàng-đế, cháu là Duy Kỳ nối ngôi, lấy năm sau, đinh mùi, làm Chiêu-thống năm đầu.

Giặc Tây (sơn) Nguyễn Văn Nhạc sai Nguyễn Văn Huệ ở giữ Phú-xuân, rồi dẫn binh về Qui-nhơn. Trước kia, anh em Nhạc dấy loạn, Huệ rất giáo quyết. Đến nay, Huệ đã đánh được Bắc-hà, muốn tự lập, bèn nói lên tội ác của Nhạc, dẫn binh vây thành Qui-nhơn. Nhạc vững thành chống giữ, cáo cấp với người đảng là Đặng Văn Trấn. Trấn đề Tham-đốc là Trần Tú ở giữ Gia-định rồi đem binh về cứu viện Đến Tiên-châu thuộc Phú-yên

(1) Tức Trịnh-Khải.

thì bị binh của Huệ đón đánh, bắt được. Trấn thua rồi, Huệ cùng Nhạc đánh nhau, giết và làm bị thương rất nhiều, rồi giảng hòa. Huệ lui binh, chiếm cứ từ Thăng, Điện trở ra bắc, đóng ở Phú-xuân, tự xưng là Bắc-bình vương. Từ đó, thế giặc vỡ từ bên trong, không rảnh mà dòm ngó phương nam nữa.

Tháng 9 nhuận, tướng giặc là Trần Tú giữ Gia-định, các hào kiệt sở tại dò thấy sự rạn nứt, muốn cử động. Người Trấn-biên là Nguyễn Văn Nghĩa, Nguyễn Văn Tuyết đều dựng cờ khởi nghĩa, đánh giặc; người Phiên-trấn là Lê Công Trấn, Phạm Điền cũng cử hợp quân chúng mưu đánh úp đồn Ngưu chũ (Bến Nghé), việc tiết lộ, Tú đánh úp, bắt được, giết.

Mùa đông, tháng 12, sai Cai-cơ Phạm Văn Châu và Nguyễn Văn Định về Hà-tiên chiêu tập nghĩa binh, do thám thế giặc.

(Còn nữa)



Tin mừng

Nhận được hồng thiếp báo tin bạn Nguyễn Hữu Khiêm giáo sư Trung Học Kiến Hòa, đẹp duyên cùng chị Phan Thị Huỳnh Cúc. Hôn lễ cử hành ngày 26-4-1968.

Thành thật chúc đôi bạn trăm năm hạnh phúc.

Nguyễn Nhá

VỤ BẮC SỨ NĂM CANH - THÌN

Đ Ờ I

CẢNH - HƯNG

với **LÊ QUÍ-ĐƠN** và trình bày bằng văn nôm

HOÀNG XUÂN HÂN

● tiếp theo *Sử Địa* số 6

TRỪ-BỊ TÀI-CHÁNH

Sau khi sấm-sửa cống-vật và lựa-chọn sứ-thần, triều-đường lo đến các chi-phí trong việc sứ : lộc cấp sứ-bộ, lễ yết thần-kì, lễ biểu quan Thanh, tiền cấp phu đài-tải, vãn vãn.

Thượng-tuần tháng hai năm Kỉ-tị (1759), theo thường-lệ, chúa cấp cho nhân-viên sứ-bộ nào *dân-lộc* (tiền sưu), nào *điền-lộc* (thuế ruộng), nào tiền mặt :

1) Chánh-sứ được cấp dân-lộc một xã vừa, 120 quan *tiền-cổ* (tiền-cổ đời bấy-giờ cũng bằng tiền *quí*, nghĩa là ăn 600 đồng tiền) và *mễ-điền-lộc* (hoặc điền-lộc) 50 mẫu ;

Mỗi viên phó-sứ được cấp dân-lộc một xã vừa, 100 quan tiền cổ và 40 mẫu *mễ-lộc-điền* ;

Mỗi hành-nhân được cấp 12 suất *nhiều-phu* (suất tiền mà dân góp để được miễn dao-dịch), vào 10 mẫu *điền-lộc* ;

Mỗi tùy-nhân được cấp 6 suất *nhiều-phu* và 5 mẫu *điền-lộc*.

Các *điền-lộc* thì kể bắt đầu từ mùa năm ấy. Các lộc ấy dùng để sấm sửa hành-trang, lễ-vật dùng trong sứ-trình.

2) Đó là phần chi-tiêu cấp cho sứ-bộ. Còn các phái-bộ chỉ đi đến biên-giới trừ bị hai việc tuế-cống và cáo-ai, tuy đi không xa, nhưng chi-phí cũng không phần kém, hoặc phải biếu các quan Thanh để làm lễ chào (lễ *xi-khien*), hoặc phải nộp một khoản bạc và lễ-vật mỗi khi xin mở cửa Nam-quan, hoặc nộp một ống công-văn nhờ chuyển đạt về triều.

Bảng sau đây ghi những chi-phí ấy :

Hầu-mệnh							
	Thổ-ngân (lạng)	Thổ-quyển (tấm)	Hồ-tiêu (cân)	Quạt chiếc	Hương đen (cây)	Hương trắng	Sáp thơm (bình)
Tuế-cống	700	50	300	200	2000	2000	
Cáo-ai	350	25	15	100	1000	1000	
Mở quan và nạp công-văn							
Tuế-cống	66	29	29	250			58
Cáo-ai	30	10	10	100			20

Về việc cáo-ai của bộ Hầu-mệnh, bản sao chép 15 tấm thổ-quyển và 15 cân hồ-tiêu, nhưng so sánh với các con số về việc tuế-cống thì tôi nghĩ rằng đó phải là 25 tấm và 150 cân, nghĩa là bằng nửa phần tuế-cống như các khoản khác.

3) Hành-trình đi Yên-kinh rất dài và hiểm-trở. Theo tín-ngưỡng xưa thì các sông núi đều có Hà-bá hoặc Sơn-thần coi giữ. Sứ-bộ qua đó muốn vô-sự thì phải có lễ cáo và cầu yên. Ma những vị thần linh có bốn-phận phù-hộ sứ-đoàn thì ai hơn vua chúa đã qua đời. Các lễ tế trên đất Thanh thì các sứ-thần phải tự-biện, còn các lễ tế trên đất ta, thì phủ-liêu đã xin chúa cấp cho 59 quan cổ-tiền 5 tiền và 30 đồng. Lê Quý-Đôn đã ghi các chi-tiết rõ-ràng : tên đền và

giá lễ-vật, khiến cho ta được biết những địa-diểm quan-trọng đã qua trên đường Nam-quan, và nhất là giá thực-liệu tương-đối vào khoảng năm 1759.

Bảng sau đây ghi những chi-tiết ấy. Sẽ viết tắt: *q* là quan cổ-tiền (600 đồng), *t* là tiền (60 đồng) *đ* là đồng tức là đồng tiền bằng đồng *ch* là hãy xem chú-thích ở dưới:

Địa-diểm	Đền hoặc Thần	Trâu	Lợn	Xôi mâm	Vàng-mã mâm	Hương	Rượu	Trầu
Nhị-hà	Hà-bá		1 8 t	1 2 t	1	1 2 t	1	
Thăng-long	Cung-miếu 7	7 28 q		7 2 q 1 t	7 1 q 30 đ	7	7 7 t	7
Đình-bảng	Lí Bát-đế	1 4 q		1 3 t	1	1 3 t	1	
Doanh cầu	ch.	1 4 q		1 2 t	1	1 2 t	1	
Quỉ-môn quan	ch.	như trên						
ch.	Trung-vũ	như trên						
Mai-pha Lạng-son	Pha-long	như trên						
Đồng-đăng	Pha-duy	như trên						

Không biết rõ bảy cung-miếu ở Thăng-long là những miếu nào, nhưng chắc gồm có *Lê Thái-miếu* thờ các vua Lê, *Trịnh Thái-miếu* thờ các chúa Trịnh, và có lẽ cả *Văn-miếu* thờ Khổng-tử.

Đền *Lí Bát-đế*, hoặc Lí Bát-vị thờ tám đời vua triều Lí, kể cả nữ-vương Chiêu-hoàng, ở làng Đình-bảng, phủ Từ-son, tỉnh Bắc-

ninh (trấn Kinh-bắc đời Lê), cạnh bên quan-lộ đi Lạng-sơn. Vì vậy có lẽ yết riêng.

Doanh Cầu hoặc *Cầu-doanh* là một trạm can-trọng trên đường sứ, thuộc tỉnh Bắc-giang. Theo các sách, như *Đại-nam nhất-thống-chi* thì đền thờ hai vị Đô-thiên phụ-quốc và Minh-giang đồ-thống; có lẽ đều là thiên-thần.

Quý-môn-quan ở xã Chi-lăng gần biên-giới Bắc-ninh và Lạng-sơn. Tục truyền rằng đền thờ Phục-ba tước-quân Mã Viên, nhưng có lẽ không đúng vì đền có bức tượng hình đàn-bà (*Đại-nam nhất-thống chi*). Có lẽ chỉ là một sơn-thần.

Đền Trung-vũ không biết đích ở đâu trên khoảng từ Chi-lăng đến Đoàn-thành (trấn-sở Lạng-sơn). Về đời Nguyễn, các sứ qua khoảng này đều yết đền Hổ lao ở Đèo Voi, gần đồn Mai-sảo (Lí Văn-Phúc: *Sứ-trình tiệp lãm*), phải chăng cũng cùng một đền. Hình như Liễu Thăng bị giết ở đó. Nay có tảng đá dài hình giống người nằm sắp. Người ta coi như là hóa-thân của Liễu-thăng.

Đền Pha-long ở cạnh trấn-sở Lạng-sơn. Với đền Pha-duy đều thờ thiên-thần.

3) Công việc đãi-tải hành-lí, theo nguyên-lệ, các quan phủ huyện dọc đường phải lấy tiền *bưu-đình* mà thuê phu, mỗi người mỗi ngày được lĩnh ba tiền, nghĩa là 180 đồng. Nhưng theo lời phủ-liều, thì từ vụ cống năm Quý-dậu (1753), lấy tiền công do Hộ-phiên cấp mà tiêu vào việc ấy. Vậy dự-định số tiền 324 quan để cấp cho bộ hầu-mệnh thuê 240 phu trên địa-phận trấn Kinh-bắc, từ sông Nội-hà đến xã Chi-lăng, đường đi hết bốn ngày rưỡi. Còn trên địa-phận Lạng-sơn thì dân sở-tại phải cúng-đáng công việc đãi tải, vì đã được miễn thuế.

Riêng về hành-lí công và tư của sứ-bộ, phủ chúa cấp cho mỗi người phu 5 quan. Phí-tổ cộng thành 2445 quan, phân-tách như sau:

Quan-vật 11 hòm	84 phu	420 quan
Riêng của chánh-sứ	70 phu	210 quan
Riêng của phó-sứ	120 phu	360 quan
Riêng của hành-nhân		
	225 phu	675 quan
Riêng của tùy-nhân		
	260 phu	780 quan
Tổng cộng	729 phu	2445 quan

Sách *Bắc-sứ thông lục* ghi rõ ràng các vật đựng trong các hòm. Ngoài những cống-vật đã kể trên, có nhiều thứ vải như *thổ-quuyến* (lụa quuyến) gồm ba hạnh lụa dệt trong xứ, và nhất là một số tấm *đà-la* màu hồng và màu xanh. *Đa-la* tức là vải (dạ).

BAN CẤP SỨ-THẦN

Từ tháng chạp năm Mậu dần (1758), sau khi được tuyển dự « hoàng hoa », các sứ-thần phải lo lắng tiền-noag mà cũng được tư-cấp bổng-lộc và ban cấp nhiều vinh-dự.

Ngày 20 tháng giêng năm sau (Kỉ-mão 1759), các sứ-tần vào bái mạng, rồi ngày 23 vào Nội-diện tạ ơn.

Quan tham-tụng Nguyễn Quý-Cảnh trình xin chiếu lệ cấp dân-lộc, điền-lộc như đã kê trên. Các lộc ấy là tiền trợ-cấp vào các khoản chi-phí trong sứ-vụ. Trong lời khải của các sứ-tần vào hạ-tuần tháng giêng, có nói:

« ... Theo lệ cũ, về công-trang, nhà nước chỉ phát bạc, quuyến, *đa-la*. Còn các lễ-vật đãi khách, tham-yết, phân-phát thì các bồi-thần phải biện riêng, đại-để tổn-phí có đến hơn hai nghìn quan Vì lễ ấy mà các bồi-thần đã xin chúa ban chức cho các tùy-nhân mà mình được tự-chọn, để các người này nạp tiền chức-sắc thêm vào quỹ chi-phí... »

Những lộc ban ấy, tuy tiếng là to, nhưng trong thực-tế cũng không thu dễ và bị hao trừ vì tổn-phí giấy mực. Ví như về tiền

bút-mực, đóng ấn thì phải nộp cho nha-môn 12 quan (bằng giá ba con trâu). Các sứ-thần phải xin phủ-quan châm chước. Thượng-tuần tháng năm, các bồi-thần lại xin lĩnh trước tiền phụ-cấp đãi-tải riêng. Trong lời khải có nói:

«.Thông tính thì tiền phu khoán các thuộc ba viên bồi thần và mười viên tùy nhân cộng là 1170 quan. Theo lệ thì đến ngày khởi hành sẽ được quan Hộ-phiền cấp phát với tiền phụ-cấp thuê phu gánh công-hàm và hành-lý riêng của hành-nhân. Nay xin lĩnh trước để biện công-trang. Đợi đến ngày cấp phát sẽ chiều mà trừ .. »

Suốt nửa đầu năm Kỉ-mão (1759), các sứ-thần bận-rộn về các việc chọn tùy-nhân, biếu công-trang như vậy, để cho kịp khởi-hình vào tháng chín như đã dự định. Nhưng, như ta đã biết, vào tháng sáu nhuận, Thượng-hoàng mất. Ngày khởi-trình bị hoãn, để xin cho sứ-bộ tuế-sống kiêm cả việc cáo ai. Trong khi đợi triều-dinh Thanh chấp-thuận, thì những vinh-dự thường-xuyên vẫn tiếp làm rạng về sứ-thần.

Thượng-tuần tháng 8, phủ-liêu quan trình xin theo lệ ban yến, thưởng ngân cho sứ-bộ. Lễ thưởng ngân gồm:

Bạc : 148 lạng, 9 tiền, 9 phân, 9 li

Cổ-tiền : 125 quan, 2 tiền, 50 đồng

Hoa-ngân : 3 hốt

Sứ-tiền : 149 quan, 1 tiền, 30 đồng

Áo châu : 3 bức

Mũ châu : 3 chiếc

Đai thau (đồng pha kẽm) : 3 chiếc

Vải đen (láng ?) : 22 tấm

Quyển (lụa) 22 tấm

Mắm trê (chữ nho : Hàm) : 152 bình. 鹹

Lễ-nội-yến (thết yến riêng) đặt ở điện Vạn-thọ, ban cho ba bồi-thần :

Bạc : 9 lạng, 9 tiền, 9 phân, 9 li
cho hai mươi hai hành và tùy-nhân :

cổ-tiền : 11 quan, 2 tiền, 50 đồng

Lễ ngoại-yến (thết yến ở ngoài) đặt ở Đan-trì, phía phải; ban cho ba bồi-thần, mỗi người 10 lạng bạc và 10 quan cổ-tiền; cho chín hành-nhân mỗi người 5 lạng bạc và 5 quan cổ tiền; cho mười ba tùy-nhân mỗi người 3 lạng bạc và 3 quan cổ-tiền.

Trên đây là các lễ thưởng của vua Lê. Các bồi-thần lại phải bái tạ chúa Trĩ h. Được chúa ban cho mỗi bồi-thần :

1 bức áo châu (Gồm ba áo : ở ngoài thì áo lụa dày màu đen, trong dùng linh đồ và trắng)

1 mũ

1 đai bằng thau, dùng sừng trâu bọc chung quanh

1 hốt hoa-ngân.

Mỗi hành-nhân hoặc tùy-nhân được ban một tấm vải đen. Lại ban chung 149 quan sứ-tiền, 1 tiền, 30 đồng và 152 chính mắm trê. Riêng các y-sĩ của phái-đoàn được ban thuốc, bút mực và 25 lạng bạc (theo lời khải ngày mồng 10 tháng 8 năm Kỉ mao 1759).

Ngày mồng 10 tháng 9, chúa Minh tới yết Quốc-tử-giám, ở Khổng-miếu Thăng-long. Lê-Quý-Đôn ghi rằng : « Chánh-sứ vì ốm nên cáo. Phó-sứ Lê Quý-Đôn theo hầu; được chúa dụ rằng hãy tới yết Văn-miếu ở Thượng-quốc, về lấy các kiểu cổn (áo vua) mền (mũ vua), theo đúng như vậy mà chế-tạo rồi mang về ». Áo mũ nói đây là đồ thờ Khổng-tử mà các triều-đại Trung-quốc đã tôn vào hàng vương.

Vào hạ-tuần tháng chín, các việc công chuẩn-bị sứ-vụ đã gần, cống-kì cũng gần đến. Lê Quý-Đôn dâng khải xin về làng « để chỉnh-bị tư-trang, một tháng sẽ trở về kinh để đợi công việc ». Đó chắc là giai-đoạn làm hủ-hê lòng « quan sứ » nhất, còn hơn là khi vinh

qui báí tổ sau lúc đậu bằng-nhân tam khôi. Và chẳng bấy giờ, ông còn trẻ (34 tuổi), cha còn mạnh mới về trí-sĩ, cái vinh-hạnh càng lan tràn đến họ-hàng làng xứ Trong bài *Đề từ cửa ập Bắc-sứ Thông lục*, Quý-Đồn có nhắc chuyện rằng :

« Nhớ lại ngày tôi tám, chín tuổi, Đại-nhân nhà (tức là cha, tên là Lê Phú-Thứ, tiền-sĩ khoa Giáp-thìn 1724, làm quan đồng triều với con) dạy tôi học Luật-ngữ. Đến câu *Hành kỳ hữu sĩ, sự ư tứ phương bất nhục quân mệnh, khả vị sĩ kỳ* (Làm việc riêng của mình biết đều thẹn, đi sứ bốn phương không làm nhục mệnh vua. Được như thế thì có thể gọi là kẻ sĩ — Lời Khổng-tử trả lời Tử-Cống trong thiên Tử-Lộ sách Luận-ngữ), hỏi tôi rằng : « Mày có làm như thế được không ? » Tôi trả lời rằng : « Biết đều thẹn là khó mà thôi. Đi sứ làm rạng nước nhà, trọng mệnh vua, thì có khó gì » Đại-nhân nhà cười rằng : « Thằng bé này có khí hào », và bảo rằng : « Ý khí thì cố-nhiên nên hào. Không thái quá, không chịu thua, không làm sai phẩm-cách ; nhưng cũng nên êm dịu, nhã nhặn, không thì thành như một tảng thô-suất ». Tôi trả lời xin vâng. Rồi tôi đi thi đậu đầu ; bảy năm sau vâng sứ-mệnh với chức phó-sứ. Bấy giờ mới 33 tuổi. Đại-nhân nhà mừng mà bảo rằng : « Đọc kinh Thi ba trăm chương, nay thấy sự thật dụng đó. Hãy gắng sức ». Tôi cũng cương quyết tự hứa .. »

Thấm-thoát đã gần cuối tháng mười một. Ti-thiên-giám chọn ngày giờ đại yến các sứ-thần và ngày lên đường. Viên Thuận-lĩnh-bá Đình Công-Vĩ, đầu tháng chạp, trình đã chọn ngày giờ các việc sau :

Các quan hầu mệnh lên đường : ngày Nhâm-thìn 16 tháng chạp năm ấy, giờ Thìn (7 giờ sáng mồng 2 tháng 2 năm 1760).

Ban nội-yến cho sứ-bộ : ngày Bính-thìn, mồng 10 tháng giêng năm sau (3 giờ chiều ngày 26 tháng 2 năm 1760) giờ Thân.

Ban ngoại-yến cho sứ-bộ : ngày hôm sau, giờ Thân.

Các quan hộ-cống (Tiêm-vũ-hầu và Đồn-cung-hầu coi hai cơ lính đi hộ-tống các cống-vật) khởi hành : ngày Bính-dần, 20 tháng ấy.

Các sứ-thần khởi-hành: ngày Giáp-tuất 28 tháng ấy, giờ Thìn (9 giờ sáng ngày 15 tháng ba năm 1760).

KHỞI-TRÌNH VÀ HÀNH-TRÌNH TỚI YÊN-KINH

Với bản *Bắc-sứ thông-lục* mà tôi được đọc thì ta không biết chi-tiết gì khoảng đầu hành-trình vụ đi sứ này, vì nó chỉ còn hai quyển, đầu và cuối: quyển đầu chép khoảng trừ-bị cho đến cuối năm Kỉ-mão (1759); quyển cuối chép nhật-trình từ khi về đến địa-hạt tỉnh Giang-nam, trên sông Dương-tử, bắt đầu từ ngày 26 tháng 6 năm Tân-tị (1761). Chính trong hai quyển thiếu, Lê-Quý-Đôn đã ghi nhật-trình từ khi từ biệt triều-đường, đến lúc tới Yên-kinh làm tròn sứ-mệnh, rồi đến nửa khoảng đường về Mong rằng ở Bắc-Việt còn có hai quyển ấy, để sau ta có thể biết tường-tận khoảng này.

B.i khai bằng nôm của sứ-thần gửi về trình chúa Minh đã cho ta biết một phần n.º về hành-trình từ tỉnh lỵ Quảng-tây, Quế-lâm, đi Yên-kinh. Sau đây, tôi sẽ thêm một vài chi-tiết khác.

Riêng về bộ Hàu-mệnh, thì ngày khởi-hành ở trong năm Kỉ-tị, cho nên quyển đầu sách BSTL còn ghi tờ khai của bộ ấy trình về. Sự đặc-biệt la tờ khai này cũng bằng chữ nôm như bài trên, nhưng ngắn hơn nhiều:

« Cảnh-hưng nhị thập niên thập nhị nguyệt, thập bát nhật.

Phụng-sai hầu mệnh PHẠM SĨ-THUYỀN. NGUYỄN XUÂN-HUYỀN, TẠ ĐÌNH-HOÀN dâng, cầu . khai động lay... Đức Thượng muôn muôn năm, Ngự hay:

Tháng này ngày mười sáu, chúng tôi đã sang (vãng?) khởi trình; còn tạm trú xứ Bắc (: Kinh-bắc), Thị-cầu dịch. Ngày hai mươi, chúng tôi sang (vãng?) sai thông-sự vãng quan thượng (đi lên cửa Nam-quan), cho hiệp với phó-thủ-ải, cùng tiền-lộ thông-sự tra không Nội-địa tiền-tức chi chưa, thì hữu từ (: có thư) về cho chúng tôi được biết, để chúng tôi sang đệ tiến.

Vậy phải... động-đặt Ngự hay.

Chúng tôi động lạy... Đức Thượng muôn muôn năm.

Tư cần... khải (: nay cần thận thưa trình) ».

Bài đề-từ dẫn trên còn cho biết rằng bấy giờ chúa Minh Trịnh Doanh « vừa quyền chú điền (Lê Quý-Đôn), lòng không muốn tôi đi xa. Mùa thu năm Kỉ-mão (1759) chúa bảo Cồn quận-công (Trương Khuông một thân-thần võ tướng được Trịnh Doanh rất tin dùng) rằng muốn giữ tôi ở lại để giúp chính (âm bồi tụng) và bảo hỏi dò ý tôi. Tôi quì trình rằng : « *Muôn tạ ơn Thánh-chúa vùn đáp cho tôi. Tôi thì trên luyện vua, dưới nhớ cha mẹ ; há lại không muốn xin ở lại, Nhưng nghĩ rằng người xưa làm quan ắt nên trải mọi việc Việc sứ ba năm đi về cũng không lấy gì làm lâu Vậy xin vẫn được qua xem Thượng-quốc, chính-trị ra sao, nhân-vật ra sao* ». Chúa bằng lòng ; ban cho chức nhập-thị thêm sai, lại cho tước bá... »

Vậy toàn sứ-bộ không thay đổi, sau một năm chờ đợi, đã đến kì ra đi.

Lúc vào chào chúa, chúa ban cho sứ-bộ một bài thơ còn chép trong tập *Cần-nguyên ngự-chế thi-tập* của Trịnh Doanh. Trái với nhiều bản khác, bài thơ ấy làm bằng chữ Hán :

Ban sứ-thần Trần Huy-Mật đăng

Lạc bí phi phi khoái trước tiên
Sứ hoa điều đệ phất tình yên
Ba kinh bảo duyệt thi tam bách
Chức khiếp dao thông lộ kỉ thiên
Tỉ xá thành phu Trần Bắc-địa
Lữ đình giá trọng Đẩu Nam thiên
Quan quang trừ vọng hồi trình
tảo
Quốc khánh gia hựu cộng thế
diên

放使臣陳輝法等
駱轡非非快著鞭
使華迢迢拂晴煙
葩經好閱詩三百
緘篋遙通路幾千
比舍誠孚辰北地
旅庭價重斗南天
觀先竚望回程早
國慶家休共世延

Đại-khai nghĩa như sau ; « Cầm cương ngựa xăm xăm phất roi liễn liễn, sứ-nhân đóng-giã khi tạnh khi mù Từng thích đọc ba trăm chương kinh Thi, nay chỗ hòm níp vượt đường xa hàng nghìn dặm. Khi tới kinh bầy tỏ lòng thành đối với Vua đất Bắc ; trên đất khác bầy làm cao giá nước Nam Xem xét nước người đi, ta đợi trở về cho chóng. Nước đẹp nhà vui mãi với đời ».

Chúa Minh rất trọng văn học và rất ham làm thơ, thơ chữ và thơ nôm. Tuy không phải là thi-sĩ đặc-biệt, nhưng thơ rất đúng khuôn sáo. Nhân đây ta bầy so với bài thơ nôm mà chúa ban cho sứ-bộ Nguyễn Huy-Oánh lúc đi tuế-cống năm năm sau (Ất-dậu 1765) :

« Vó câu đường phẳng mặc khoan-thai
Công nghĩa hai bề vẹn cả hai
Tiền ngọc khăng khăng vãng bộ ngọc
Rượu mai phẳng-phẳng chuốc đình mai
Niềm trung ái đành ghi dạ
Gánh quân thân ước nặng vai
Kịp thấy qui thiếu công được vẹn
Danh thơm càng vẹn chốn Vân-đài »

(Sách kể trên và *Phụng-sứ Yên-đài* tổng-ca)

Xem những chứng trên, ta thấy rằng trước đời Tây-Son, văn thơ bằng Việt-ngữ được chuộng và dùng trong công-sự nhiều, và không phải vì không thông chữ Hán mới dùng Điều thông thường là Hán-văn và Việt-ngữ hay xen lẫn với nhau. Cũng trong tập BSTL này, có bài trình sau này có tính-cách ấy :

« *Cảnh-hưng nhị thập niên cừu nguyệt sơ tam nhật*

Bản niên cừu nguyệt sơ tam nhật, thiêm-tri Bình-phẩm Châu-thọ-hầu đệ biểu tấu tư di trình-văn cọng nhị thập bát đạo (đạo công-văn gửi cho quan Thanh), lĩnh tấu chuẩn đoãn. Tái phụng chỉ phán truyền trung-giám tinh tả (viết cho tinh) cho kịp trống ba ; như chẳng kịp thì đợi đến canh năm là giờ Hoàng-đạo hãy

viết, kéo canh tư là giờ Không-vong chẳng nên. *Dĩ phụng
truyền Ti-thiên-giám trạch thì, thủ bản nhật giáp khác tả giản..»*

Ngày 28 tháng giêng năm Canh-thìn, sứ-bộ lìa khỏi Giang-
đỉnh, là chỗ tòa nhà dựng bên sông Nhị-hà để triều-thần tiễn sứ. Sau
đầy, tôi mượn ít câu ca bằng Hán-văn trong bài *Tổng-ca* của Nguyễn
Huy-Oánh để tả hành-trình trên đất nước ta:

Li câu thanh náo hành ca
Triều độ *Nhị-hà* trú *Ái-mộ* thôn...
Xu trình thập tập hành nang
Cầu-doanh văn bạc, *Thọ-xương* biểu hành
Sổ thiên phủ đảo *Cần-doanh*
Sơn thê *Bát-vị*, kiều hoành *Hóa-giang*
Quỉ-môn quan miếu tiễn hương
Chỉnh phu phục đảo *Quang lang* tạm đình
Kháo liên Mẫu Tử tài kinh
Việt sơn trực để *Đoàn thành* trú quân

(*Phụng sứ Yên-đài tổng ca*)

Đường đi qua làng Ái-mộ thuộc Gia-lâm, Cầu-doanh (Thị-cầu,
Đáp-cầu) trên sông Nguyệt-đức, Thọ-xương (phủ Lạng-thương trên
sông Nhật-đức); Cầu-doanh kề sông Hóa (chợng-lưu sông Nhật-đức);
lên giữa hẻm đá Quỉ-môn-quan mà vào địa-phận Lạng-sơn huyện Quang-
lang, rồi vượt liền hai núi Kháo-mẹ và Kháo-con để đến trấn-thành
Lạng-sơn.

Nổi lời trên tôi lại mượn nguyên-văn *bằng nôm* của Nguyễn
Tông-Khuê một sứ-thần đi Thanh trước đó mười sáu năm:

Non xanh nước biếc mây lồng
Tam-thanh một động gồm cùng hòa ba
Ngọc đông nên cảnh chiến già
Hương lừng mùi quế, bóng lò màu đàn

Bờ-lao om núi kêu ran
 Sơ-sương một tiếng đánh tan mọi niềm
 Khấu-lừa cây rợp bóng êm
 Cửa the nhà gấm vầy thêm tư bề
 Khách thương buồn bán đi về
 Cửa thông hai nước, chợ lè sáu phiên
 Dịch Mai sẩy thấy tin truyền
 Quí-đông mừng bảy sứ liền quá quan
 Tiếng người tiếng súng dậy ran
 Kê về Kinh-quốc, người sang Yên-dài

(Lữ hành ngâm)

Từ ngày sứ-bộ qua cửa quan (Mồng 7 tháng 11), những chi-tiết khác kể trên chắc không thay đổi trong tháng hai năm Canh-thìn. Cũng như mọi sứ-bộ khác trong triều Lê, các sứ-thần đợi ở trấn-thành Lạng-sơn lệnh và giờ mở cửa Nam-quan. Khi được tin thì tiến đến phía nam cửa quan đợi ở nhà công *Ngưỡng-đức đài*. Đến giờ đã định, sứ-bộ Đại-Việt từ Nam và phái-đoàn Đại-Thanh từ bắc cửa quan cùng tiến đến cửa quan. Cửa quan mở, súng phát đón chào, rồi phái-đoàn Bắc dẫn sứ-bộ đến tòa nhà công ở phía Bắc cửa quan, tên *Chiêu-đức đài*, để trao các biểu chương. Rồi sứ-bộ đi lên bắc, bộ Hầu mệnh trở về Thăng-long.

Từ đó sứ-bộ theo đường bộ đến *Bình-tường*, doanh *Qui đạo*, rồi xuống thuyền ở *Ninh-minh*. Nguyễn Huy-Oánh (sách PSYĐ) và Nguyễn Tông-Khuê (sách *Lữ hành ngâm*) cho đến những sứ-thần đời Nguyễn đều kể rõ nhật-trình trong khoảng này.

Theo PSYĐ thì sứ-bộ được cấp mười bốn chiếc thuyền *mộc-mã*. Thứ thuyền này mũi và lái thấp, ở giữa hơi cao; trên mũi gác sàn tre, hai bên ghép ván, có thể đi chạy trên ván để chống thuyền (PSYĐ 3a). Lê Quí-Đôn trong VDLN cho biết rõ rằng « Từ Quảng-tây đến Hồ-nam, đi bằng thuyền *mộc-mã* làm bằng gỗ cây chương và cây phong, đầu đuôi thấp, ở giữa hơi cao, trên mũi gác sàn tre,

hai bên bắc ván để đi chạy, gọi là giang-kiều. Thuyền dài hơn bốn trượng rộng bảy thước» (mỗi thước bằng 0,487m).

Thay lời Lê Quý-Đôn, tôi tiếp mượn lời ca của Nguyễn Tông-Khuê sứ-thần gồm thi-nhân:

Xuống thuyền ngược (?) giao sông Ninh
Hai quan bạn-tổng đem binh giữ-giàng
Đồi bên mười dặm một đảng (đồn giữ sông)
Tiếng la, tiếng súng rập-ràng đến đưa
Có nơi cây bầy non thừa
Cày làm chẳng đổ đất thừa bên giang
Có nơi la-đá (tảng đá) mọc ngang
Nước xô cuộn cuộn sóng vang ù ù
Có nơi kềm hiểm thông chu
Cây om núi biếc, khói mù duềnh xanh
Thuận dòng ruổi đến Thái-bình
Viện lễ xí-kiến, lễ hành nghinh-tân
Nữ-nhi khác thói thôn-dân
Cung-hài, trâm tóc, nhỏ chân, trơ đầu
Da gồi phẫn, mặt phau phau
Tân-ninh lét thảy ruổi mau đến thành

(Lữ hành ngâm)

Từ Ninh-minh, hai viên bạn-tổng, họ La và họ Bành, một quan văn, một quan võ (theo *Lữ hành ngâm*) đón sứ và có nhiệm vụ hộ vệ sứ-bộ dọc đường đi về. Thuyền xuôi dòng sông *Tả-giang* qua phủ *Thái-bình*. Có quan tri-phủ họ *Tra* đưa thơ sách họa (theo *Đề từ*). Thành-phố lớn được gặp trên sông (cũng gọi là *Tầm-giang*) là *Nam-ninh*. Thuyền lại xuôi đến *Tầm-châu*, rồi đến *Ngô-châu* là nơi giáp-thủy sông *Tầm* và sông *Quế* từ phương bắc chảy xuống. PSYD ghi rằng « chỗ này sông chia làm hai ngã, một ngã xuôi nước chảy xuống Quảng-dông, đó là đường đi sứ cũ...; một ngã, phía bên trái, ngược dòng lên thông Quảng-tây » (trang 9a). Xét sách *Dịch*

trình đề vịnh tập thì thấy vào khoảng năm 1597 Phòng Khắc-Khoan đi sứ Minh đã theo đường ấy (xem bản-dồ ở trang 152 trong SB số 6). Chuyến này, thuyền sứ ngược dòng sông Quế.

« Tròng-châu ngỏ cửa đợi trăng
Gió xuân một trận xem bằng gió thu
Mới tăng thấy cảnh Ngô-chu (châu)
Nước chia hai ngách, sóng thu nghìn trùng
Sứ xưa xuôi đạo Quảng-đông
Tiết này lên bắc ngược dòng Quế-giang
Đất tiên bên ngọc sông vàng
Người hoa cảnh báu phong-quang có thừa »

(Lữ hành ngâm)

Nếu nhật-trình lần này cũng như lần sau, năm 1765, thì gần hai tháng thuyền mới tới Ngô-châu, nghĩa là vào trung-tuần tháng tư. Từ Ngô-châu thuyền ngược dòng sông Quế rất là vất-vả, nhưng cảnh-vật rất hùng vĩ và cũng có phần nguy-hiểm:

« Ngược dòng cho phải đẩy sào
Vững tay cầm lái quản bao hiểm ghèo
Nước san, đá chạy, thuyền leo
Mặc long chống-chỏi hò reo vang lừng
Rợp trời những núi cùng rừng
Kham chi Miếu Liễu (dân Mèo) nó từng ghẹo binh »

(Lữ hành ngâm)

Tờ khai bằng nôm của sứ-bộ đã cho ta biết rằng thuyền đến Quế-lâm trị-sở Quảng-tây, vào tháng năm. Theo lệ, các cống-vật được đưa lên nạp tại đây. Trong vụ cống sau, Nguyễn Huy Oánh cho biết rằng: « Bấy mươi trai phu tải cống-vật đến doanh Bồ-chánh qua cửa giữa vào .. Các quan tỉnh đều mặc áo măng-bào. Trước hết bảo đem hòm đựng các tờ biểu tới. Công-phiên mở khóa, các vị xem xong các biểu, rồi hai người giúp việc mở hòm cống-vật, lần lượt cân

tất cả các vật, thu nhận và giao cho viên đề-linh Theo Nguyễn Tông-Khuê, các cống-vật ấy được chở về Kinh bằng đường bộ (chú-thích *Lữ hành ngấm*) Công việc xong quan tỉnh Quảng-tây sai mở tiệc và diển tuồng mừng sứ-bộ.

«Đời bên cân nhắc cho xong
Cống nghi đã linh lại phong mặc người
Yến diên tiệc mở đời-mỗi
Tạ từ thôi mới vẽ-vòi sơn xuyên »

(*Lữ hành ngấm*)

Đến đây, phần đầu sứ-mệnh đã hoàn-thành. Cho đến Yên-kinh, hành trình chỉ một cuộc viễn-du, đến đâu có quan địa-phương cung-cấp phu-phên và lương-thực Sứ-nhân mà trở nên du-khách được trọng-vọng, rất nhàn-hạ, được nhịp qua những đất, những thành, những thắng-cảnh, cổ-tích mà từ thủa trẻ từng quen biết qua các kinh, các sử, các thi-văn. Dễ-dàng ta tưởng tượng được cái khoái chí của những văn-nhân như các sứ-giả.

Ngược dòng sông Quế tới nguồn rồi không phải đổi thuyền mà lại bắt sang dòng sông Tương để xuôi dòng lên phương bắc. Ấy là nhờ những cống nước mà từ đời Tần đã biết xây đập trong núi Mã đầu.

« Mưa mai khói liễu đưa thanh
Giang sơn chốn chốn thị thành đều xuân
Hoa trời, núi đất, ruộng dân
Linh-cừ một dải thanh-tân mọi bề
Lạ thay tát nước bằng xe
Lạ thay đội ruộng có lẽ rắc vôi
Quanh co khúc bảy mươi hai
Ba mươi sáu đầu (ngăn) mặc ai đi về »

(*Lữ hành ngấm*)

Thuyền xuôi sông Tương, nhưng vì « gặp tiết Hồ Quảng hoang

hạn, Tương-giang cạn-khô, tháng bảy ngày mười chín mới đến Tràng-sa » (Gò khải). Sông Tiêu hợp với sông Tương tạo những cảnh nổi danh, thường gọi là *Tiêu Tương bát cảnh*. Lê Quý-Đôn trong gần một tháng đã ngâm vịnh nhiều : kết-quả là tập *Tiêu Tương bách vịnh*. Chưa được đọc tập ấy (chắc bằng Hán-văn), tôi lại mượn lời nôm của Nguyễn Thông-Khuê để tả qua khoảng ấy :

« *Vinh-châu* phong-cảnh hữu-tình
Tiêu Tương hai gác một duênh chảy tuôn...
.. Phong-quang cu-góp một bầu
Cây lồng thức gấm, suối mau tiếng đàn
Cổ-đỉnh vôi-vọi thạch-bàn
Bốn mùa trăng gió một đoàn sơn xuyên...
.. Bảy mươi hai đỉnh cao xây
Non cao đặc đặc, tranh vây huyện *Hành*
Cá ngon gạo trắng bạch-canh
Đất sang người xúm, sông thanh nước dài...
... Tràng-sa thành rộng phố dày
Lầu thơ điểm rượu tỉnh say đòi đoàn
Chèo thương, buồm khách, thuyền quan
Bóng mờ đáy nước, cột đan nửa dòng
Ba con mới đổi thuyền hồng
Rèm the cửa triện bình-bồng mặt ta »

(*Lữ hành ngâm*)

Thế là sáu tháng sau khi từ già Thăng-long, sứ-bộ mới tới Tràng-sa, inh-lị Hồ-nam, sắp sửa phải qua hồ Động-dinh sóng to gió cả. PSYĐ chép rằng : « Được cấp thuyền *tuyền-lâu* ba chiếc. Thuyền đóng dài hơn bảy mươi thước, rộng mười ba thước. Hai bên, khách đi chạy được. Ở giữa gác lầu, chia thành phòng, có chạm khắc sơn tô, vẽ hình ; dùng gỗ thông làm cột buồm, đường kính hai ba tấc » (trang 21a). Lê-Quý-Đôn trong *Văn-đài loại-ngữ* cũng chép rằng « ở Hồ-bắc, Giang-nam, có nhiều thuyền *tuyền-lâu*, hoành-khoái, có gác lầu, chia thành phòng, chạm vẽ, sơn trang-hoàng mầu

đò, có hai cột buồm lớn, hai bên có giang-kiều. Thuyền dài hơn tám trượng, rộng mười ba thước». Sứ bộ lần này được cấp thêm một chiếc.

Động-dinh hồ! trời nước mênh-mông, lại thêm núi mọc giữa hồ. Chung quanh biết bao nhiêu thắng cảnh, bao nhiêu cổ-tích. Vì vậy hồ đã là một người thơ vô-tận tự ngàn xưa cho văn-nhân thi-khách Trung-hoa và cho tất cả các sứ-thần Việt qua đó.

« Động-dinh một nước một trời
Rủ-rê Phạm Lãi dong chơi bảy chầy
Mênh mang bờ cõi khôn hay
Gió nồng nghìn dặm, trăng đầy ba thu (chu: thuyền?)
Quân-sơn một đỉnh mù mù
Hồn Trương in trúc, cầm Ngụ mượn từng
Nhạc-dương lâu nọ đứng trông
Ba phen ông Lã hứng nồng chưa người
Đành như *Xích-bích* vũng doi
Non Nam (Nam-binh) còn dấu còn đài *Cần-phong*
Ngàn lau phới phới gió đông
Chẳng hay *Ba nước* tranh hùng nơi nao
Được thua mấy cuộc thấp cao
Giang-sơn đành-rạnh khác nào ngày xưa »

(*Lữ hành ngâm*)

Lời Nguyễn Tông-Khuê tả rõ trạng-thái tâm-hồn của các sứ-giả. Rồi bốn chiếc lâu-thuyền vào lạch sông Giang (Dương-tử) xuôi dòng xuống *Hán-khẩu*, *Vũ-xương* tỉnh-lỵ Hồ-bắc. Đến đó ngày băm hai tháng tám. Theo lệ, sứ bộ đổi thuyền, có lẽ sang thứ thuyền *hoàng-khoái* mà Lê Quí-Đôn đã tả chung với thuyền tuyền-lâu trong *VĐLN*, để xuôi đến Kim-lăng (Nam-kinh). Khoảng đường này đi mất vừa một tháng, đã dẫn các sứ-giả qua nhiều nơi cổ-tích liên-quan đến nhiều văn-hào đời trước: lâu Hoàng-hạc bắc thơ Thôi Hạo, Bờ *Xích-bích* ghi phú Tô Thức bên *Tầm-dương* nhớ hành Bạch Cư-Dị, các *Đằng-vương* ngâm phú Vương Bột, gềnh Thái-thạch sùng thi bá Lí Bạch, núi Lô-sơn gọi thuyền Đào Tiềm.

«Tiên-ông cười hạc bao giờ
 Lầu còn chầm chầm đứng chờ bên sông
 Một thơ *Thôi Hạo* ngoan nồng
 Làm cho gác bút mếch lòng Thi-tiên (Lí Bạch)...
 ... *Tô tiên* (Tô Đông-Pha) đếm nguyệt chơi đầu
 Có đình còn phú, có lầu còn thơ
Tầm-dương gió liễu phất-phơ
 Ngược xuôi buồm khách đến đưa đòi ngày
Cửu-giang lướt côi *Giang-tây*
 Sông chia chín ngác, núi xây nghìn từng
Tì-bà đình hây đón trăng
 Đợi chàng họ *Bạch* có chăng mới đàn...
 ... Thú vui mấy rặng *Mã-đương*
 Bóng *Đào Bành-trạch* mơ-màng giậu đông
 Một phen nổi trận trảng-phong
 Đưa người *Vương Bột* tới cong (trong) *Các Đàng*..
 ... Một bầu *Thái-thạch* say người
 Dưới sông nước tú, trên trời non thanh
 Kia ai bắt nguyệt duềnh xanh
 Trần-ai rữ sạch cười kinh ngao-du
 Ngang-tàng một đứng trượng-phu
 Càn khôn là ngụ, giang hồ là vui »

(*Lữ hành ngâm*)

Ngày hăm một tháng chín, thuyền đến Nam-kinh. Sứ-bộ lưu lại đó trong gần hai mươi ngày, tha hồ du-lãm các thắng-tích Nguyễn Huy-Oánh sau đó cũng lưu lại hơn tháng, và đã chép rằng : « ... Sông Tản-hoài chảy giữa thành. Chú-vi thành 180 dặm, mở 13 cửa. Hàng gì cũng có Phường sách hơn trăm, lại có phường dệt. Thuyền có bao-lon bày ghế ăn, tiếng tơ tiếng trúc ồn ào khắp làng xóm Tục thích chầu cảnh. Có nhà gồng đến trăm bần để bán... »

Nguyễn Tông-Khuê trước đó đã đi sứ hai lần, cũng ca ngợi rằng :

« *Kim-lăng* vương khí đầu tày
Rồng quanh, Hồ xúm tranh vầy gấm phong
 Non vàng nước ngọc trùng trùng
 Sáu triều chồn ấy di-phong đời đời
 Thành vây trăm dặm tám mươi
 Nhà nhà phú quý người người phong-lưu
 Hoa xuân gió hạ trăng thu
 Thuyền lan bến đỗ, đèn cù lầu chong
 Cửa tuôn nam bắc tây đông
 Xe mù dặm liễu ngựa giong đường hòe
 Vui thay một lạch *Thanh-kê*
 Lầu son gác vẽ thuyền kẻ nguồn tiên
 Người thơ tuần rượu con thuyền
 Sớm nơi *Đào-độ* tối miền *Hạnh-thôn*
Báo-ân tháp ngọc chẳng mòn
 Dấu cầu *Chu-tước* hầy còn như xưa
Ô y con én ngân-ngơ
 Tìm nhà Vương Tạ u-ơ chào người
 Chùa *Thanh-lương* cũng thanh-thoi
 Yên chi phần đượm hương trời chưa phai
 Một chèo viếng cảnh *Tần hoài*
 Trúc xoang, tơ bấm, chiều ai hứng nồng
 Bước mây lên đỉnh non *Chung*
 Ba nghìn thế-giới một thung bầu trời
 Thành xưa dấu cũ khách chơi
 Nền nhà *Tần Tần* là nơi đi về
 Mãng vui cảnh vật sơn Khê
 Gió kim (tây) thổi lọt rèm the bao giờ »

(*Lữ hành ngâm*)

Chắc rằng các sứ-giả văn-nhân trong chuyến đi này đều cũng
 mất hoa, lòng cảm, trí khoái, hồn rung, trong khi viếng cảnh Kim-
 lăng như thế.

Trong khi lưu-trú ở Nam-kinh, sứ-bộ lại thay thuyền một lần nữa. « *Hoán thuyền nhưng phục chiếu tuần cữn qui* », (PSYĐ), nghĩa là: đổi thuyền vẫ lại theo đòi lệ xưa. Thứ thuyền này chắc là thuyền *phi sa* (bay qua cát) mà Lê Quý-Đôn tả trong VDLN: « Vùng Hoài, Dương đến Yên-kinh có nhiều thuyền phi sa, cửa lớn, cửa sổ có chạm khắc sơn vẽ, dài sáu trượng, rộng chín thước ». Thứ thuyền này ngắn và hẹp hơn thuyền *tuyền-lâu* và thuyền *hoàng-khoái*, và sứ-bộ sắp lìa sông Dương-tử để quay vào kênh Vận-hà, vượt vùng đồng, thẳng lên bắc.

Ngày mồng chín tháng mười, sứ-bộ rời khỏi Nam-kinh, qua sông Dương-tử để vào cửa sông đào. Sông Vận-hà là công-trình vĩ-đại, đã nhiều triều-đại nối nhau kiến-thiết dần dần. Mục-dích là nối các hồ mà đất hai tỉnh Giang-nam và Sơn-đông có nhiều, mở một thủy-đạo thông các sông Giang, Hoài, Hoàng, Bạch, để tải muối và gạo từ Nam lên Bắc. Kênh có nhiều cống đá xây; hoặc cống ngang để nâng mực nước, hoặc cống dọc để tháo nước vào đồng. Đồi bảy giờ sông Hoàng còn ra biển ở phía nam tỉnh Sơn-đông, cạnh cửa sông Hoài (xem bản-đồ trong số 6). Vì vậy khoảng cách giữa hai sông lớn Giang và Hoàng khá gần nhau, nhưng sông cạn, phải dùng cửa cống khi đóng khi mở để ngược dòng. Ngày mồng sáu tháng mười một, mới qua sông Hà chỗ cạnh *Hoài-âm*.

Trong quãng này, cổ-tích về đời Hán tuy nhiều, nhưng trời đã cuối thu, khí chừng đã lạnh. Lại trên sông ít nơi đông hội, tuy nhiên thi-húng của sứ-giả không sòn. Duy có Dương-châu là đất Quảng-lăng xưa, thuyền xuyên qua thành-phố:

« Một duênh trăng tỏ soi lâu
Lại hai mươi lẻ bốn cầu nước trắng
Điểm thơ báí (quán?) rượu thăng-thăng
Quần hồng áo cánh hương lừng đường hoa
Thuyền lan tiếp tiếp kề nhà
Mùi thông sức-nước tiếng ca rập-rình

Mậu-đơn thuộc-dược dấy cảnh
Dấu con lầu Ngọc vườn Quỳnh thú tiên »
(Lữ hành ngâm)

Thuyền lên đến Hoài-âm, đất phong của Hàn Tín
«*Hoài-âm* đất phẳng như tờ
Trong thành nghi-ngút miếu thờ *Hàn-vương*
Điền-đài tạc biển bên giang
Một từ *Xiếu-mẫu* khói hương chưa tàn...
... Lọt *Hoài* bóng ngả tà-dương
Bên trời chiếc nhạn pha sương bay về
Phất-phơ bến liễu đường hòe
Vàng in dấy lá, bạc phê đầy cảnh
Tiếng thu xào-xạc trên xanh
Một đèn hầy tỏ năm canh chưa nằm
Hoàng-hà sóng dấy ăm ăm
Vượt ngang hầy vững tay cầm lái ta ! »
(Lữ hành ngâm)

Khởi Hoàng-hà, kênh gọi *Lt-hà*, thuyền đi tám ngày thì vào địa-hạt Sơn-dông đến cổng *Đài-nhi* (trong tờ khải, tôi chưa bản sao viết *Đài-nhi-gian* ra *Đài-nhi-quan*, nhưng có lẽ đúng ra thì phải đọc *Đài-nhi-áp*, Áp là cửa cổng hoặc cổng. Cả ba chữ *Gian*, *Quan*, *Áp* tự dạng rất gần nhau, viết dễ lẫn). Ấy là ngày mười bốn tháng mười một.

Tờ khải nói rõ rằng bấy giờ tiết đông lạnh, nước sông đã đóng váng, làm cho các cửa cổng không mở được dễ-dàng. Vậy, quan địa-phương cấp phu, xe ngựa để sứ-đoàn theo đường bộ đi Yên-kinh, Hai mươi bốn ngày sau, sứ bộ đến Yên-kinh, đúng ngày mồng tám tháng chạp.

Tuy chưa được đọc những quyển hai và ba sách BSTL, tôi tin rằng hành-trình trong k' oảng này không khác hành-trình vụ sứ năm năm sau, chép trong PSYĐ Lần sau này, khi thuyền sứ đến Đài-nhi-trang, nước sông cũng đã đóng giá làm trở ngại thuyền:

« *Đài-nhi bằng ngại khách thuyền* » (PSYD) nhưng còn đi thêm được bảy ngày, đến *Đằng huyện* mới lên bộ. Quan bộ-tổng phải cho thuyền con đi trước, lấy sào đập văng giá để nước cuốn trôi; như vậy thuyền sứ mới tiến được. Quan địa-phương cấp cho sứ bộ Nguyễn Huy Oánh hăm hai cỗ xe, mười ngựa và răm mươi phu. Đường qua thành *Tế-ninh* có nhà thờ *Đỗ Phủ*, huyện *Đông-a* có mộ *Hãng Vũ*, các huyện *Đông-xương*, *Ấn*, *Đức châu* *Cảnh-hầu*. Ngày đi hai buổi, tối trú tại nhà tư-gia, chắc là kẻ hào phú trong vùng; hai bữa ăn có quan địa-phương cấp. Giữa đường đổi xe, ngựa và phu. Đường đi rất rét. « Tay không để lộ ra được, nhỏ nước bọt thành giá; nước mũi chảy xuống râu, chốc lát đóng thành hạt châu, nổi tiếp như râu » (PSYD).

Địa-điểm lớn là huyện *Hà-gian*, có *Đào-viên kết nghĩa*. Rồi qua *Trạc-châu* mà tới *Kinh-đô*.

(Còn nữa)

MARUKA MACHINERY CO. LTD.

Đại diện

Vỏ và ruột xe máy,
Đồ phụ tùng xe máy,
Đồ phụ tùng xe hơi
Bạc đạn đủ loại

Các loại máy móc
Kỹ nghệ, đồ Bi và
bạc đạn, vật dụng
và đồ sắt

Tủ lạnh « Hi-tachi »
Máy điều hòa không
khí « Hi ta chi »
đồ điện « Hi-tachi »
máy móc kỹ nghệ

HÀNG NGUYỄN XỨ

NHẬT — MỸ — ĐẠI HÀN — ĐÀI LOAN

Saigon Office :

13, Trần Hưng Đạo

P. O. Box No. 121. Sài Gòn

Cable address : « Maruka »

Tel : No 23A8988

Head Office :

No 41 Bungo-Wachi

Higashi — Ku

Saka Japan

P. O. Box No Higashi : 350-
Osaka

Cable Add : « Maruka Osaka »

Tel : No 940271 9

T Â Y

THÁI

H Ậ U

* Nguyên tác: VƯƠNG-THỨC

* Bản dịch: MAI-CHUỞNG-ĐỨC

LTS.: Loại lịch sử kỳ sự nếu không ích gì cho việc nghiên cứu, lại lợi cho sự phổ biến, Tây Thái Hậu, nguyên tác của Vương Thức, xuất bản tại Thượng Hải năm 1948. Chúng tôi đăng với lý do trên. Tuy vậy tác phẩm của Vương Thức căn cứ trên những tài liệu chân xác.

(Tiếp theo Sử Địa số 6)

Đến khi lâm cảnh trạng như thế. Hoàng thượng và quần thần, dù muốn hưởng sự yên ổn nhất thời, sớm chiều ca múa dạo chơi chốn núi hồ cũng không thể được. Và, e rằng chỉ cầu giữ lấy phận tằm thường chốn Trường-an cũng khôngặng yên!»

Tiên sinh đối với tình hình giới chính trị rất thông suốt nên có lời nhận định rằng:

— Thời Hàm-Đồng vì u-muội, không biết cải cách mới, nên đành chịu bao sự khước nhục! Chuyện xảy ra, đối với Pháp, Nhật, cũng chỉ vì thiếu sự hiểu biết mà cảnh-trạng mới kéo dài đến ngày

nay!... Thử nghĩ ta có 400 triệu dân, những bậc nắm giữ quyền hành có thể thông suốt thời cuộc chẳng qua bậc Công-khanh, Đài-giám Đốc phủ khoảng chừng 100 vị! Còn ngoài ra trăm quan vạn số khác không am tường mọi chuyện! Họ đều tuân tợ theo qui củ xưa, chưa có dịp xuất ngoại nhìn rõ cảnh vịnh nhục nước nhà, lại tự hãnh diện sanh ra ngạo-mạn, không cầu học bậc tài cao hiểu rộng. Những sách mới về chính trị Tây phương phát hành trong những năm gần đây, quần thần thuộc phái cựu học Hàm-Đồng chưa đọc qua. Tuổi càng chổng chất với tinh-thần mệt mỏi, chuyện chính-trị càng rối-ren, không có thì giờ đề khảo cứu chính sách mới và cũng không rõ tình trạng hiện nay khắp các nước! Cái tệ hèn bên tai mắt, là họ chỉ thuộc rỗng lý thuyết xưa và cùng hợp nhau bàn cãi theo bản-tánh cũ, nhận thấy là rất đúng hợp thời. Ôi! nổi lòng kẻ hiền tài, càng mang bao nỗi lo sầu thêm! Nghĩ lại cho cùng nếu họ vẫn theo đuôi kẻ-hoạch riêng, khác gào như xác chết không tạo nên trò trống chi!

Có người phân giải các đường lối mới đệ trình, họ tỏ vẻ kiêu-căng bài bác. Bàn chuyện tân-pháp mới có thể đem lại sự cường-thịnh nước nhà, thì mặt bưng giận hỏi vặn quanh co! Còn nói đến chuyện thay đổi pháp-chế tự cường, thì họ bịt tai lẩn tránh! (1)

Trong cuộc vận động duy-tân đương thời, Ông-đồng-Hòa đóng vai trò rất quan trọng, là vị thầy của vua Quảng-Tự. Quyền lực ở địa vị cao trong chính-phủ. Ông tiên-sinh xem qua bản văn Khang-hữu-Vi, với lời lẽ cỉm-kích, khẳng khái, phần uất vì nước nhà đa đoan, lòng vô cùng cảm động; bèn thúc dục Hoàng-đế rằng :

(1) Thiên tấu chương thời Quang-Tự 23 niên, và mùa đông người Đức sau khi chiếm cứ Giao-Châu loan. Đoạn văn ghi cuộc phân liệt, chỉ sự vận động qua phân đương thời. Bài tấu, cũng xem «Lương thị chính biên ký» thiên I chương I.

— Khang-hữu-Vi con người tài cán rất cao, gấp bội các cựu thần; thỉnh cầu Hoàng-Thượng nghe theo mà hưng quốc.

Hoàng-đế đảo mắt xem qua một câu: « Cầu an-phận tầm thường chốn Trường-an cũng không thể được! » Lòng ngài phần khích sôi trào, quay về đám cựu thần mà phán rằng:

— Nếu không phải là người trung can, nghĩa dũng chẳng màng đến chuyện sống chết; há dám nói thẳng những lời này đệ trình đến Trẫm!

Và Vua Quang-Tự nhất-quyết thay đổi pháp chế mới!

Ông-đồng-Hòa, bậc đại sư trong công cuộc vận-động duy tân, quê vốn ở huyện Thường-Nhiệt tỉnh Giang-Tô là đất văn học rất thịnh. Phụ thân giữ chức Tề-phụ, sau khi Ông tiên-sinh đỗ trạng-nguyên, giữ chức thầy dạy học Vua và là bậc đại thần quân cơ. Xét qua tài năng cá biệt của Ông từ thuở xuất thân lập nghiệp đã tỏ ra rất thông minh sáng đáng mọi việc, nay với chức vụ lãnh tụ Tân-đảng rất hợp cách:

Tuy Ông-đồng-Hòa là một danh sĩ, học giả, xuất thân trong gia-đình danh vọng thái-bình Tề-tướng. Nhưng vấn-đề thực tế chính-trị, ngoại giao không được thông rõ, ít khi tham dự. Nên mọi việc thường ngày đều phải giao phó cho một bạn thân Trương-Ấm-Hoàn, tài-năng học thức cao, thông-thạo mọi chuyện Tây phương (2).

Trương Ấm Hoàn nhân-vật trọng yếu thứ ba trong cuộc vận động duy tân. Giúp ích nước nhà giải quyết mọi chuyện rắc rối, bậc sĩ đại phu trẻ, tuổi nhưng tài-cán hơn người. Chẳng bao lâu sau, Trương tiên sinh được lệnh đi sứ sang Âu-Mỹ; trở về nước giữ chức Khanh-nhi, đại-thần Tổng lý nha môn. Một người bạn Trương-quân kể lại một sự kiện nhỏ nói lên tài trí của họ Trương rất thân thiết với Ông-đồng-Hòa như sau:

(2) Xem quyển « Ngô-vĩnh tây thú tùng đàm » trang 15 - 16.

«Tướng công... khỏe, mạnh thông minh, tỏ rõ ý chí đặc-biệt. Giữ chức chốn quan nha lâu năm, hiểu rõ mọi thế lực nước ngoài. Ông-Thường-nhiệt (Đồng-Hòa) thuở cầm quyền, trông cậy rất thân thiết; phạm mọi chuyện đều hỏi qua sự cứu xét của Trương-công, rồi sau mới đem thi hành. Mỗi ngày Ông tiên-sinh đều cầm thư lui tới những 5,3 lần. Tuy chức vụ cao hơn Trương công, nhưng trong thư thường xưng hô « Anh tôi », có lúc xưng « Thầy tôi », tỏ ra tôn sùng quý trọng. Đến nay, Trương-thị thu thập những bức trát thảo tay, dày bằng vài mươi quyển sách to ; hện chỉ còn 8 quyển, tôi cất giữ. Mỗi buổi chiều, gửi đến một phong thư lớn, bên trong ghi rõ việc xảy ra trong ngày. Các bản tấu, sớ, thư trát, nhất nhất đều qua mắt của Trương-công; sau đó mới công bố».

Trương-công thích chơi áp-bảo, mỗi buổi chiều sau khi dùng cơm xong, mời các quan thân cận ngồi vây quần họp cuộc; Tiên sinh làm chủ cuộc! Ông Đồng-Hòa thường vào lúc này, đem gửi đến một phong thư. Sau khi gỡ phong-bì ra xem, bên trong văn kiện rất phức tạp, khoảng vài mươi bản. Các quan thân cận cầm đuốc đứng hầu bên trái, một người bên phải chấm bút vào mực; duyệt qua tùy theo khoản sửa đổi bôi xóa câu văn. Nguyên cảo vài ngàn chữ, sửa lại chỉ còn hơn khoảng 100 chữ, thêm vào vài trăm chữ. Khác nào một luồng gió trời quét ngang, chỉ trong khoảnh-khắc vội vàng giao lại phong-thư :

Qua ngày sau Thường-Nhiệt (Đồng-Hòa) thảo thư đa tạ, nói rằng chữ trong mỗi câu sửa lại, khác nào phá sắt thành vàng. Trong thư đầy lời lẽ cảm ơn thăm thiết, đủ thấy sự mau lẹ xem văn của Trương, chứng tỏ có sự suy nghĩ tinh tường, kiến thức sâu rộng mới quyết-định mưu-kế được». (2)

Sau này Từ-Hy phết chức Ông-dồng-Hòa, cho trở về quê xưa làng cũ. Thực quyền Tân đảng, dĩ nhiên được giao-phó Trương-Ấm-Hoàn đảm-nhiệm. Sau vài ngày chính biến bùng phát, Y-đăng-Bác-Văn từ Bắc-Kinh gửi người bạn thân Nhựt-bản một

phong thư như sau : “Trương-Ấm-Hoàn tiên sinh một tin bảo rằng buổi sớm hôm nay đã bị giết, không biết sự thực cuối cùng ra sao... Có người nhận thấy Vua gây cho Thái-hậu chẳng vui. Lý-hồng-Chương biết Thái-hậu gây điều phạt ý .Hoàng-đế.

Cho nên vào khoảng đầu tháng, Lý-hồng-Chương từ chức; Trương-thị đến trước Hoàng-đế tỏ lời phiền trách: Sự việc xảy ra sáng nay, Lý hồng Chương bèn đến Thái-hậu can gián! Hai người sau đó hết tình bạn tri kỷ. Tỉ như một người bị giết, thì họ biết rất rõ. Tối hôm qua, Lý-quân tuyên bố không bàn việc xảy ra thế nào cả! quyết hết lòng cứu giúp Trương-Ấm-Hoàn”. (3)

Căn-cứ bức thư trên, không phải Trương-Ấm-Hàn và Lý-hồng-Chương tạo nên cột-trụ đối lập giữa Đế-đảng và Hậu-đảng. Song, trên trường ngoại-giao thì thế nào?

Khang-hữu-Vi và Trương-Ấm-Hoàn, không những kết tình đồng chí trong đảng duy tân; họ đều cùng là người quê hương ở Quảng-đông Nam-hải. Hai nhân vật chủ yếu, trên mặt giao thiệp riêng tỏ ra rất thân thiết; Khang-hữu-Vi thường trú ngụ tại nhà Trương-Ấm Hoàn (4).

Ngoài Ông-đồng-Hòa, Trương-Ấm-Hoàn, Khang-hữu-Vi; nhân vật nòng cốt Tân đảng gồm các vị; Đàm-từ-Đông, Khang-quảng-Nhân, Dương-thâm-Tú, Dương-Nhuệ, Lưu-quang-Đệ, Lâm-Húc (đều được gọi Mậu-tuất lục quân-Tử). Lương-khai-Siêu, Lý -đoan. Phần Từ-trí-Tĩnh, Từ-nhân-Chú, Từ nhan-Kính, Văn-đình-Thức, Vương-Chiếu, Trương-nguyên-Tế, Tống-Bá-Lỗ, Hùng-hy-Linh, Trần-bửu-Châm, Trần-tam-Lập và Hoàng-đạo-Hiến; đều giữ chức vụ tại trung-ương hoặc địa-phương. Thấy thấy họ đều hăng-hái mãnh-liệt gieo ảnh hưởng khắp kinh-đô Bắc-Kinh đến miền Nam!

(3) Xem quyển I «Tiểu tòng lục biên Y-Đàng công toàn tập» trang 78.

(4) Xem quyển II Diệp-đức-Huy biên, «Dục-Giáo tòng biên.»

4.— 100 NGÀY DUY-TÂN.

Cung thân vương tuổi nay đã trọng, tư-tướng dần dần sanh ra cố-chấp. Tiên-sinh bảo rằng Khang-Lương và phái thiếu niên Lạc Dương, không thể lo chuyện quốc sự được; chỉ chuốc lấy điều thất-bại. Đối với cuộc vận động duy tân tỏ sự phản đối đủ mọi mặt!

Quang-Tự cho vời Khang-hữu-Vi đến bàn chuyện nước nhà; Cung-thân-Vương liền bẩm trình:

— So sánh chốn triều đình, không phải bậc Tứ-phẩm, Thượng quan không thể triều kiến. Giờ đây, Khanh-hữu-Vi chỉ giữ chức tước quan nhỏ! Hoàng-thượng định muốn xét hỏi việc chi hãy ban lệnh cho đại-thần đáp thế vậy!

Tiên-sinh khuyên Quang-Tự hãy noi theo pháp chế tồ-tông từ xưa không nên thay đổi. Theo Quang-Tự nghĩ rằng tất cả giang sơn, tồ-tông không thể bảo vệ xong được, thì còn tranh thế nào với pháp chế tiên tổ? Nhưng, Cung-thân-Vương là bậc lãnh tụ quân cơ; là một ông quan cao niên khiến cho mọi người đều tỏ ra trọng nề thái độ của họ Cung.

Khoảng tháng 4 năm thứ 24, Cung-thân-Vương mệnh chung; Quang-Tự kết chặt sợi dây liên hệ với phái Khang-Lương mở-màng cuộc vận-dộng duy tân mãnh liệt!

Ngày 23 tháng 4, Hoàng-đế chính thức phát biểu quốc sách; quyết định duy tân thay đổi pháp chế: « Trong vài năm gần đây, các quan thần trong ngoại luận bàn chuyện thời cuộc, có nhiều chủ trương thay đổi pháp chế tự cường... Chỉ vì đường lối hoạt động chưa bành trướng mạnh, không thích hợp, hoặc chỉ phò thác trong tay những bậc già nua đảm đương quốc sự!

Chương tịch cũ mãi khur-khur bám giữ, không nghĩ gì đến kế hoạch mới, thấy thấy đều mang lời lẽ phản đối chê trách, không đem lại kết quả gì! Thử hỏi thời cuộc ngày nay như thế, thế lực

quốc gia như thế ! Thí như vẫn không luyện tập binh đội, làm việc không có kỹ thuật kẻ sĩ không được thầy hay chỉ dạy. Mạnh yếu giống nhau, nghèo giàu thì hạn cách biệt xa ! Há như thế có thể chế tạo được áo giáp rắn chắc, binh khí sắc sảo không ?... Ngũ đế tam vương, không cùng hợp sức mạnh, không theo câu « đông cầu hạ cát » (mùa đông mặc áo da, mùa nóng mặc áo đai) thì không thể được ! Bản tuyên-thị đã quá rõ ràng, vậy những bậc nổi đời bậc Thần-công lớn nhỏ trong ngoài, bậc vương công đến hàng sĩ thứ ; hãy nỗ lực noi theo bề trên, phát khởi thêm cho được hùng cường. Học điều nghĩa lý Thánh, hiểu rõ nguồn gốc. Cần phải biết chọn Tây-học thêm sâu rộng, thích hợp thời cuộc hãy ra sức nghiên-cứu. Tránh cái tệ-đoan rỗng khoát, phải chuyên tâm bền chí, tìm điều tinh-túy sâu xa ; không nên tranh luận qua lý-thuyết suông. Tóm lại với niềm kỳ vọng, biến hóa cái vô-dụng thành hữu-dụng ; với tài thông-thạo ấy thay đổi cả về mặt kinh-tế » (5).

Từ lúc khởi sự duy-tân đến ngày 10 tháng 8, cuộc chính biến đành bị gián đoạn. Trong vòng « 100 ngày duy tân », chỉ có 3 ngày mà Quang-Tự ban-bố vài mươi điều tân Thánh chỉ. Tổng hợp những quan điểm trong 100 ngày, công việc quan trọng hơn hết chỉ gồm 2 sự kiện sau đây :

Thứ nhất : Ngưng bỏ bát cở, Thánh chỉ ngày 5 tháng 5 ban rằng : « Thời gian gần đây phong tục mỗi ngày một giảm ; văn thì ngày càng kém ! Chốn trường thì tranh đua tài năng, đều noi theo đề tài diễn rộng văn vẻ ; kinh-nghĩa không sâu rộng. Sớ tấu nông cạn trống rỗng, thường chỉ thấy những kẻ bắt tài dự tuyền. Thí như không vì thời thế mà sửa đổi, cố gắng nâng cao nền thực học thì không thể trở thành bậc tài giỏi ! Thí như chọn khoa cử làm khởi điểm, thi Hương, Hội cùng sinh đồng thể khoa ; thầy thầy đều dùng văn Tứ-thư (bát cở, nhứt luật phải được sửa đổi sách luận thi cử... Đặc biệt giáng dụ chỉ lần này, hợp

(5) (6) Xem chương 2, quyển I « Lương-thị chính biến kỷ ».

với thời văn chương đang sa-sút ; tất phải sửa đổi gây nên tiếng vang rộng, phá những tập quán cũ mãi ràng buộc lớp ngu dân. Những bậc sĩ tử cầu học Tứ-tự, Lục-kinh làm nền tảng ; Sách luận và Chế-nghe (bát cồ) đặc biệt lưu-hành một thế. Văn không ngoài ý định đề thông kinh sử, thấu triệt đường lối thời cuộc. Và mọi người phải cố gắng học hành cho thông cái đạo Nho » (6).

Sách luận — một loại văn chương thích hợp thực tế bàn-bạc về thời cuộc.

Sĩ tử thuở trước, căn cứ giải bày tiết điệu tiếng đàn hát, phân tích qui luật ; và có thể đậu Tú-tài, Cử-nhân, Tấn-sĩ được chấp nhận vào Hàm-lâm ; dần dần chiếm bậc Trạng nguyên. Ngày nay cần phải nghiên-cứu chính tình quốc nội, các thế-lực quốc tế, và thảo kế-hoạch trong tương lai.

Tuy vậy, chế-độ khoa cử vẫn chưa được xóa bỏ hẳn, nội dung được sửa đổi nhiều ! Khang-hữu Vi tấu trình Vua Quang-Tự :

— Cắt phần đất đai Liêu Đài, đền bồi 200 triệu ; đành phải bỏ xứ Lưu-Cầu, An-Nam, Miến-diện. Tàu-bè, thiết-lộ, khoáng-vụ thương-vụ điều phải dâng hiến bọn ngoại nhân ! Quốc gia yếu hèn, dân cùng khổn đều do cái hại « bát cồ ».

Quang-Tự cảm-khái phán rằng :

— Âu-Tây ngày ngày học điều thực dụng, dân ta đến nay mà chưa nghĩ đến, ôi thôi !

Quần thần hội họp bàn-bạc, truất bỏ cựu-pháp ngàn năm ; soạn thảo theo phương khắp mới : « thi-Hương, Hội văn định phân tam trường ; đệ nhất trường ; thi Trung-quốc sử, bàn về chính-trị quốc triều, ngũ đạo. Đệ nhị trường : thi kế hoạch thời cuộc, ngũ đạo ; hỏi về chính-trị các nước năm châu, tài năng chuyên môn. Đệ tam trường : Văn thi Tứ-thư chú nghĩa 2 thiên, Ngũ-Kinh chú nghĩa một thiên ».

Thứ nhì : quyết định thể chế các cơ-quan Thánh chỉ ngày 14 tháng 7 ban rằng : «Quốc gia — phong chức tước quan quyền, các ty sở chuyên môn, ngoài Kinh quan thần bậc lớn nhỏ, theo thể cách xưa thường sinh ra những lạm ! Thời gian gần đây, thần công dân số, điều trọng là phải giảm bớt, sa thải các quan tham nhũng ! Song, chưa thể thi hành hoàn-toàn, phải xem xét cho phù hợp tình-hình, cần cải cách cho nhanh chóng. Trẫm giao phó chức quyền các quan, không ngoài ý định đảm đương nhiệm vụ. Hiện đang khởi công xây dựng, trẫm sự lo liệu thời cuộc đa đoan. Số lương hạn chi tiêu trong năm theo lệ thường, không thể cung cấp cho sự những phí vô dụng mà gây thêm điều trở ngại việc nước nhà.» (70)

Biện pháp quyết định ; thứ nhứt : cơ quan Cửu-khanh trung-trong như : Chiêm-sự phủ, Thông-chính ty, Quang-lộc tự, Thái thường Tự, Thái bộc Tự, Đại-lý tự gồm chung vào nội các lục bộ ; thứ nhì : chính-phủ địa phương, thay đổi những Tổng-đốc tuần-phủ nội thành, các chức Hà-đốc khai khẩn sông ngòi, Lương đạo vận tải thực phẩm, Diêm đạo xem xét muối.

Sự kiện thứ nhứt, đại cải-cách chế độ giáo-dục ; sự kiện thứ nhì, đại cải-cách chế độ chính-trị. Theo chúng tôi (tác giả) nhận xét đường lối đương thời, tốt đẹp thuận với «lẽ đạo trời đất tự nghìn xưa». Song le, ngoại trừ Cựu-đảng, phái sĩ tử quan lại cũng đều gào thét phản đối ; vậy phải giải quyết thế nào ? Vì xu hướng cải cách đả phá lối sống của họ. Vài trăm quan Hàm-lâm, vài ngàn Tấn-sĩ, vài vạn Cử-nhân, vài mươi vạn Tú tài, vài trăm vạn người học hành toàn quốc, nhận thấy viễn ảnh xảy ra trước mắt, các quan lại thi hành ráo riết ; lòng họ quyết chống đối với mọi hình thức !

Khang-hữu-Vi chưa hiểu rõ cái thế lực phái cựu trào ! Thuở ban sơ thay đổi pháp chế, lần thứ nhứt tiên-sinh xin yết kiến Quang-Tự, Quang-Tự kêu than rằng :

(17) Xem quyền II, chương 3 (Lương thị chính biến ký)

— Mọi chuyện xảy ra trên đất Tàu ngày nay đều làm lẫn trong tay các quan thần cựu Trẫm há chẳng biết ư? Song, quyền lực Trẫm không thể trừ khử họ được, khắp cung đình đều như thế! Vậy phải hành động ra sao?

Khang-hữu-Vi bằ m trình :

— Xin Hoàng-thượng chớ phể thái lớp cựu thần, mà chỉ nên thêm quan viên mới. Chớ giáng chức cựu đại thần, chỉ dần dần thăng chức bậc quan nhỏ. Hãy triệu vời các chí sĩ cựu trào, không phải là thêm tước quan mà chỉ giao-phổ việc lật-vật, thưởng bậc Khanh-hàm ; với nhiệm-vụ tấu trình văn sớ, thì họ thỏa-mãn ! Các bậc đại thần noi theo lẽ-lối cũ, ta hãy tôn vị trọng lộc họ. Việc cải-cách pháp-chế mới nên giao trách-nhiệm cho bậc tiểu thần. Thì phái cựu đại thần, không tổn công lo liệu mọi chuyện ; thì dần dần họ tự thân lui về hưu ! (11)

Điều pháp trên, đem thi-hành thì Quang Tự vươngng nhiều nỗi lo âu !

Việc cải-cách giáo dục, thêm một khoản chiếu chỉ đại-ý bàn về pháp chế học đường. Tại Bắc Kinh : thiết lập kinh-sư đại học đường ; các tỉnh : cao đẳng học đường ; các phủ : trung đẳng học đường ; các huyện : sơ đẳng tiểu học. Ngoài việc luận bàn về khoa cử đào tạo nhân tài, khuyến khích người học hành dần dần từ khoa cử vào học đường ; bác cử chuyển sang thực học ; « nước chảy miết thành rãnh sông » há không tốt đẹp lắm ư ?

Di nhiên Quang Tự cùng với phái Khang-Lương rất khồ tâm ! Hiện thời kẻ địch vây khắp tứ phía nước Tàu, cảnh diệt vong xảy ra trước mắt. Nếu như không « toàn biến » không « tó c biến » cứu nguy không xong, thì đế quốc phải buông rũ hút bóng !

(11) Sự bàn mưu mật Đàm-tự-Đồng và Viên thế-Khải từ « Thân báo » qua sự tường thuật « Viên-thế-Khải chi Mật-tuất nhật ký ». Nhưng văn-kiện không đúng, nay vẫn theo « Chính biến ký » quyển 6, Đàm-tự-Đồng truyện.

Nhưng, quân quyền không có trong tay, mà chỉ trông cậy vào nhiệt tình và sự dũng cảm ; thì không sao có thể cứu giúp tình trạng thực tế hiện nay được !

5.— CHÍNH BIẾN MẬU-TUẤT.

Thái độ và cách xử trí của Thái-hậu đối với công cuộc vận-động duy tân rất thờ ơ lãnh đạm ! Tân chính-sách càng hoạt-động mãnh-liệt. Quan thần cựu đảng mang trong lòng nỗi nơm mớp sợ hãi, thấy thấy đều thỉnh cầu Thái-hậu « lộ diện » ra tay ngăn chặn !

Từ Hy mỉm cười không đáp, họ rửa nước mắt đầm-đìa quyết van nài, thì Thái-hậu càng cười và mắng rằng :

— Hỡi các người quản lãnh việc triều thần sao mà nhao nhao lên vậy ? Há, ta chứng kiến cảnh huống, mà nữ nào không sát cánh cùng các người ư ?

Khoảng tháng 4 bắt đầu thay đổi pháp-chế, Từ-thái-hậu hạ một độc thủ thật dễ dàng như trở bàn tay nhưng không kém phần quan trọng ; thì hành vài chuyện như sau đây :

Thứ nhất : Cách chức Ông-đồng-Hòa, bỏ buộc tiên sinh phải lìa chốn kinh-đô trở về vườn xư : «Thượng-thư Ông-đồng-Hòa giữ chức Hiệp biện-đại-học sĩ bộ Hộ, trong thời gian gần đây làm việc không tích cực gây cho những quan thần lòng không từng phục, thường cho nhiều vị dâng sớ kêu ca. Mỗi khi triều-kiến nghị bàn chuyện quốc sự, thì mặc ý phủ nhận. Hay tỏ rõ sự vui giận qua lời lẽ thái-độ, dần dà tâm trí quyền thế sa vào tình trạng cuồng nghịch chống đối hẳn là không thể giữ được nhiệm vụ quan thân-cận trọng-yếu như trước được. Triều đình xét thấy tường tận những hành vi đó. Vậy ta cần phải trừng trị nặng nề làm gương ! Song, nghĩ tình Đồng-Hòa nhiệm chức Hành-tầu lâu năm tại Dục-Khánh cung không nở nào gia tội thêm, đề giải

trút điều lỗi, phải trở về ngay quê quán không thể nuối tiếc nán lại giây phút nào thì mới mong an toàn tính mệnh (12).

Thứ nhì: Phàm là bậc nhị-phàm đến hàng quan to mới ¹nhiệm chức, hãy đến trước Thái-hậu tạ ơn!

Thuở ấy, Từ-Hy lui về sống tại Di-Hòa viên chỉ là hình thức bên ngoài để che đậy sự dèm xiêm của quần chúng mà thôi!

Hoàng-đế muốn phò biến những bản tấu chương phê chỉ, vẫn phải đệ trình Thái-hậu duyệt qua. Hiện tại chức quan to từ nhị-phàm trở lên, phải do Từ-Hy chỉ dạy việc điều-khiển tổ chức cơ cấu trị quyền. Thực quyền chính-trị rơi vào tay từ thái-hậu:

Thứ ba: Giao phó Vinh-Lộc giữ chức quan Tổng-đốc Trực-lệ và là nhân vật thân-tín đắc lực nhất của Từ-Hy. Với chức Tổng-đốc Trực-lệ bấy giờ rất là quan trọng nắm giữ cả thực quyền một cách rộng rãi; chỉ huy đại quân gồm cả 10 vạn, đóng những vùng phụ cận Kinh-đô. Sở dĩ lệnh cho Vinh-Lộc với tước phẩm này là để thay thế Thái-hậu và phái Cựu-đảng đề lo liệu việc bố-trí cơ sở quân sự. Nhân vật Ông đồng Hòa đóng vai trò chính trong đảng duy-tân, tiên-sinh giờ đây hồi hương; thì ra vì cánh Tân đảng đã ảnh hưởng không ít phần tiềm lực hùng hậu ấy.

Xét trong 3 sự kiện nêu trên, điểm quan trọng là giao phó cho Vinh-Lộc trấn đóng Trực-Lệ. Quân quyền đều nằm gọn trong lòng bàn tay Thái-Hậu, có thể dễ-dàng bủa lưới đàn áp lớp Tân-đảng. Các nhân vật phái Cựu đảng giờ đây, vẫn đứng-dưng không lo sợ trước cuộc vận-động duy tân 100 ngày! Họ sung sướng tin tưởng nhiệt thành, lại ra chiều chống đối lại, mà không cầm dăng só quy lụy dưới bề rồng Quang-Tự nữa!

Vua Quang-Tự bàng hoàng sức tỉnh! biến thân mình hoàn toàn trong vòng vây các ngày càn xiết chặt dưới móng vuốt của phe Thái-hậu. Ngài phán chỉ cùng với đồng chí Khang-hữu-Vi rằng:

(12) Xem cùng truyện Đàm-tự-Đồng chuyện »

— Trẫm nghĩ đến thời cuộc thật vạn chiều khó-khăn, nếu như không thay đổi pháp chế, thì chẳng có thể cứu Trung-quốc. Không loại trừ phái đại thần thủ cựu, xuẩn động mà dùng nhân sĩ thông thái với trào lưu mới thì không thể thay đổi pháp chế được! Còn Hoàn thái-hậu thì không sao làm ngơ được! Trẫm thường khuyên can hết lòng, Thái-hậu bưng-bưng nộ khí. Ngày nay địa vị của Trẫm, hầu như không còn được an-toàn nữa; các Khanh như : Khang-hữu-Vi, Dương-Nhuệ, Lâm-Húc, Đàm-từ-Đồng, Lưu-quang-Đệ hãy ra công cố gắng thỏa thuận với nhau để bí mật trừ hoạch mau chóng! Hãy nghĩ cách tạo đường hướng mới mong cứu giúp nhau. Ôi! Trẫm thập phần náo nức, không gì trong vọng hơn nữa! (12)

Phái duy tân Khang-hữu-Vi lại nghĩ đến một người có thể đương đầu với Vinh-Lộc chỉ có một Viên-thế-Khải. Viên-thế-Khải là một quân nhân, tham dự việc chính-trị từ lúc tuổi còn trẻ, khi phách lại dồi dào! Năm 20 tuổi họ Viên đặt chân sang Cao-Ly, chỉ trong vòng 10 năm dài mà một thân lo liệu đối với mọi thể-lực nước Nhật-bản và Nga Sau chiến-tranh Giáp-Ngo, được chính-phủ ban khen đặc biệt chỉ định về đến Thiên-tân lo việc huấn-luyện binh-đội. Phẩm trật tiên-sinh với chức Án-sát-sử Trực-Lệ kiêm Viện-trưởng pháp-viện cao-đẳng tỉnh Hà-bắc. Thực ra công tác chính là chuyên về huấn-luyện quân đội theo phương-pháp mới Âu hóa. Đám tân quân này được mệnh danh “tân kiến quân”, ước chừng vào khoảng 7 hay 8 ngàn với sức chiến đấu dũng cảm rất thích hợp với cuộc chiến tranh mới hiện thời! Tuy nhiên quân số vẫn còn ít, những khả năng tinh nhuệ gấp mấy vạn binh lính của Vinh-Lộc. Phái đồng chí Quang-Tự Khang-hữu-Vi mang ý nghĩ đình-ninh rằng Viên-thế-Khải sẽ là một vi cánh đặc lực trong đường hướng duy tân.

Theo sự bàn định kế hoạch thì vào tháng 9, Lưỡng cung đến duyệt binh tại Thiên-tân, Viên-thế-Khải có thể thừa cơ hội thích hợp, giết ngay Vinh-Lộc; đưa Thái-hậu vào bước đường cùng, ắt là được rảnh tay!

Quyết trừ tận gốc rễ thế lực bọn Cựu-đảng, và ban hành tân chính sách mới có thể đạt sở nguyện!

Quang-Tự triệu vời Viên-thế-Khải đến Kinh bàn chuyện quốc sự một hai lần. Tuy chưa nói rõ ý định mưu bí mật nhưng đã có những lời lẽ khích-tệ khuyến dụ! Quang-Tự thăng chức tiên-sinh, nhiệm bậc Thị-Lang Hậu-bồ. Đảng duy tân khuyến Đàm-từ-Đồng hãy đến tư-thất Viên-quân, mở rộng tình giao thiệp thân thiện hơn!

«Ngày 1 tháng 8, triệu kiến Viên-thế-Khải, đặc thưởng chức Thị-Lang. Ngày 2 lại triệu kiến, chiều ngày 3, ông Anh (Đàm-từ-Đồng) đến thẳng Pháp-Hoa tự nơi Viên trú-ngụ, hỏi chuyện rằng:

— Ông bạn nghĩ sao về Hoàng-thượng?

Viên bèn đáp:

— Là bậc Thánh-tổ đáng tôn kính!

Ông Anh hỏi tiếp:

— Theo âm mưu duyệt binh tại Thiên-tân, Ông bạn chắc đã biết rõ chứ? (xét theo sự chỉ định khoảng tháng 4 đến tháng 9 lưỡng cung đến Thiên-tân duyệt binh. Có thuyết cho rằng Từ-Hy có ý nghĩ vào lúc đó, ra lệnh cho quân lực Vinh-Lộc nổi dậy phế để lập nên vị Vua mới).

Viên đáp:

— Phải, có nghe như thế!

Đàm-từ-Đồng bèn đưa ra mặt chiếu và nói:

— Ngày nay người có thể cứu Hoàng-thượng chúng ta, chỉ có mỗi mình túc hạ. Túc hạ muốn cứu, việc ắt thành công!

Và dơ tay vỗ vào ngực nói:

— Nếu không muốn cứu, xin mời túc hạ vào Di-Hòa viên để

làm kẻ tôi trung thành mà giết hại đồng bạn, thì có thể được giàu sang sung sướng cả đời!

Viên nghiêm nét mặt, quát mắng ầm cả lên:

— Ông Anh cho rằng Viên đây là người thế nào vậy ư? Chúng ta đều chung thờ bảo vệ Thánh chủ, hãy đồng-tâm kháng-khát nhau; phải có bồn phận che chở cho nhau. Có chỉ dạy điều chi; bộc cổ gắng nghe theo!

Ông Anh nói:

— Vinh-Lộc định thi hành quỷ kế tại cuộc duyệt-binh Thiên-tân. Vậy tức hạ hãy cùng ba quân Đồng (phúc-Tường), Nhiếp (Thập-thành), dưới quyền của Vinh-Lộc nổi loạn dấy động tạo nên đại sự! Xét ra quân của Đồng-Nhiếp không đủ sức, mà người hùng của binh quyền, chỉ có mỗi tức hạ thôi! Thử như loạn dấy khởi, tức hạ điều khiển một cánh quân chống lại hay cánh quân kia. Che-chở Thánh chủ được an toàn, khôi phục lại quyền hạn rộng rãi đốc lòng vì vua thanh liêm. Cuộc chỉ huy nếu thành công thì ơn này không bao giờ phai mờ!

Ông Anh nói tiếc:

— Vinh-lộc đối với tức-hạ vốn đã có sẵn cảm tình, tức-hạ sao còn dợm chi?

Viên cười không nói; ông quan cận vệ Viên-quân đáp thế:

— Vinh tặc không mến thích gì nguyên-súy Ủy (Thế-Khai tực Ủy-Đình); đã có lần Viên quân định tăng thêm quân số Vinh bèn đáp: «Người Hán không thể lập binh quyền mạnh được!

Cả đôi bên lời lẽ cùng thông cảm, thấu rõ việc cứu nguy cho nước nhà, Viên nói:

— Giờ đây, súng đạn, thuốc nỏ trong doanh trại; tên Vinh Lộc nắm giữ các quan, quân đội tuần-cảnh, hầu hết thuộc cựa thần. Sự khần thiết quá, mưu lược đã định và ta phải cấp tốc

trở về bản doanh. Tuyển chọn tướng quan, xếp đặt dự trữ đạn dược!

3 giờ đêm, mừng 3 tháng 8 đến mừng 5, Viên trở lại triều kiến nghe tuân theo có cuộc mật đàm. Đến tháng 6, cuộc biến chuyển phát khởi» (11).

Phải duy tân, đều lầm lẫn về con người Viên-thế Khải trong cuộc diện thực tế. Chúng ta có thể phác họa ngay trước mắt hai sơ đồ rõ-rệt: 1 — Hoàng đế tuổi còn trẻ bồng-bột với đảng duy-tân không mọi tắc sắt trong tay; 2 — Thái-hậu tay chính trị già dặn xảo quyết với 10 vạn quân đội Vinh-Lộc. Binh lính hợp lực cùng Thái hậu thì Hoàng-đế nhứt định phải thất bại. Còn họ hợp tác với Hoàng-đế ư? Ôi thật là sự mạo hiểm là dường nào! Viên-thế-Khải dẫn đo sự lợi hại, không còn do dự gì nữa. Viên bèn trở về Thiên-tân gặp gỡ ngay với Vinh-Lộc, và tiết lộ âm-mưu cho tên tặc!

Vinh-Lộc tức tốc đến Kinh, vào Di-Hòa viên bẩm trình với Thái-hậu; thuật lại căn kẽ đầu đuôi câu chuyện do Viên-thế-Khải phước trình! Từ-Hy sa sầm nét mặt, vội vàng truyền lệnh xa giá thẳng tiến vào thành. Với đôi mắt sắc, lông mày nhú lại; giọng hạ thấp gần từng tiếng với Hoàng-đế rằng:

— Đờ trẻ thơ ngu muội! Ngày nay không có ta, ngày mai sao có người!

Vị Hoàng-đế đã ban hành tân chính-sách, tiến nhanh tợ như sấm vang gió cuốn. Thái-hậu hạ lệnh rũ ngục ngay! Hoàng-đế bị giam-cầm trong ngôi đình nhỏ giữa hồ Tây-uyên được gọi Doanh đài. Cửa nhuộm màu son tươi đẹp, dọi bóng dương liễu nước vờn xanh. Tuy phong cảnh đượm vẻ đẹp để biết bao, nhưng cõi lòng ngày đà tan nát!

Khang-hữu-Vi, Lương-Khải-Siêu đã trốn thoát. Các nhân vật đồng chí Tân đảng kẻ thì bị cách chức đày đến miền xa

xôi ; hoặc chịu cảnh chết chóc dưới bàn tay độc hiểm. Đàm-tự-
Đồng, Lâm-Húc, Dương-Nhuệ, Khang-quảng-Nhân, Lưu thâm-Tú,
Lưu-quang-Đệ — mệnh danh 6 vị quân tử năm Mậu-Tuất, đều bị
lâm nạn trong cuộc chính biến !

Song, những cái chết bi tráng ấy, huyết lệ vẫn còn chan
chứa khắp nơi. Làn sóng cách mạng về sau càng bành trướng
mạnh thêm, nộ khí sôi trào lên. Nếu như tâm hồn ái-quốc tuyệt-
vọng, thì trên con đường cứu quốc với tân chính sách đánh thất bại
thì thật đáng tiếc !

Từ Thái-hậu lần thứ 3, buông rèm nhiếp chính !



Cần được nhượng lại quyền Tự học chữ Miên của Lê Hương.

Mong được hân hạnh gặp mặt tác giả.

(Xin biên thư về Mai Chương Đức, nhờ tòa báo chuyển giao)

Khóc bạn

*Bác sĩ NGHIÊM SĨ TUẤN, ngày 11-4-68 từ Khe Sanh
vĩnh biệt bạn bè không một lời nói. Đau đớn khóc thương người
bạn đáng kính mến.*

**Nguyễn Nhá và các bạn học
cú C.V.A**

Giới thiệu Sách Bào

● NGUYỄN THẾ-ANH, *Bibliographie critique sur les relations entre le Việt Nam et l'Occident (Ouvrages et articles en langues occidentales)*. Paris, Ed Maisonnave et Larose, 1967 Thư mục chú giải về các cuộc bang giao giữa Việt Nam và Tây Phương các tác phẩm và các bài viết bằng tiếng Tây phương)

Những người tìm hiểu lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI trở lại đây, không ai không biết rằng ngoài những tài liệu bằng chữ Hán hay chữ Việt tìm thấy ở Việt Nam hay ở Trung Hoa, còn có những tài liệu viết bằng các ngôn ngữ tây phương do những người tây phương viết. Những người này đa số là các giáo sĩ hay các thương gia đã từng lui tới hay lưu trú ở nước ta trong những thế kỷ trước đây. Tuy nhiên biết là biết vậy thôi chứ chưa mấy ai tới hay có dịp tới những nơi chứa đựng các tài liệu ấy tìm hiểu, sưu tầm cặn kẽ, làm các bản kê khai, sắp xếp theo một thứ tự hợp lý để sau này nghiên cứu hay ít ra cũng là để giới thiệu với giới ham học nói chung hay với đồng bào ta nói riêng. Trước đây một số học giả Pháp và nhất là ông Ch. B. Maybon đã có giới thiệu một phần những tài liệu ấy và giới thiệu với tất cả những chi tiết cần thiết để những người chú tâm tới có thể tra cứu một cách dễ dàng. Tuy nhiên họ hãy còn bỏ sót rất nhiều tài liệu quan trọng, đặc biệt là các tài liệu liên quan đến các hoạt động thương mại của người Y Pha Nho và người Bồ Đào Nha trong thời đó.

Tác phẩm của Nguyễn Thế Anh, đồng thời cũng là luận án tiến sĩ của ông, có thể nói là tác phẩm tương đối đầy đủ nhất về những tài liệu kể trên, cho đến những ngày hiện tại. Với trên ba trăm trang giấy khổ 16 X 25 và 9 phụ bản đính kèm, tác giả đã

trình bày một cách hết sức cặn kẽ và có phương pháp tất cả những gì cần biết từ tổng quát đến chi tiết liên quan đến các tài liệu này. Sách gồm có cả thảy 19 chương chia làm bốn phần.

Phần thứ nhất gồm ba chương dành cho sự trình bày những « dụng cụ làm việc » của tác giả, trong đó Nguyễn Thế Anh đã lần lượt liệt kê và chú thích các tạp chí, các chu san, các tài liệu của các hội nghị về Sử Học, các văn khố của các nước Âu Châu có chứa đựng các tài liệu liên quan đến lịch sử Việt Nam (Pháp, Hòa Lan, Anh, Bồ Đào Nha, Ý Pha Nho, Ý) và các tác phẩm tổng quát mà người ta có thể dùng để đi đến các tài liệu về Việt Nam nói trên.

Ba phần còn lại với 16 chương là phần chính của tác phẩm. Lối sắp xếp đã được lựa chọn ở đây là sắp xếp theo thứ tự thời gian của lịch sử Việt Nam : từ khởi thủy cho đến năm 1847 (phần thứ hai), sự can thiệp của người Pháp và thời Pháp thuộc (phần thứ ba) và Việt Nam trên chính trường quốc tế (phần thứ tư). Nhưng đồng thời trong mỗi phần, tác giả lại dùng lối phân chia thành từng vấn đề hay từng khu vực sinh hoạt. Chẳng hạn như trong phần thứ ba nói về sự can thiệp của người Pháp và thời Pháp thuộc, ông đã dành những chương riêng cho chế độ thuộc địa, cho các biến đổi về sinh hoạt kinh tế, trí thức trong xã hội Việt Nam, cho sự hình thành của Phong Trào Quốc Gia Việt Nam. . Cuối cùng ngay trong một vấn đề hay một khu vực sinh hoạt, tác giả cũng sắp xếp các tài liệu tổng quát đến chi tiết chứ không theo thứ tự thời gian xuất hiện của tài liệu hay thứ tự A.B.C. của tên tác giả.

Để có thể đem lại cho tác phẩm những chi tiết liên quan đến 1635 tài liệu, Nguyễn Thế Anh đã phải công phu đến tận các văn khố, các thư viện, các cơ quan liên hệ ở các thủ đô hay đô thị lớn ở Âu Châu. Một việc làm rất hào hứng, thú vị nhưng không phải là không mệt nhọc.

Tất nhiên một công trình khảo cứu, dù là công trình của những người có thẩm quyền mấy đi chăng nữa cũng không thể nào không có những thiếu sót Tác phẩm của Nguyễn Thế Anh cũng vậy. Gia di, đây lại là một công trình phức tạp lẽ ra cần phải được thực hiện dưới hình thức làm việc tập thể. Đã có những người tỏ ý thất vọng khi họ không tìm thấy một vài tài liệu liên quan đến vấn đề Việt-Nam, trong những năm về sau này (những năm Chiến Tranh Việt Pháp hay những năm sau Hội Nghị Genève) Một sự thất vọng không phải là không đúng nhưng dù sao người ta cũng phải hiểu rằng với sự phát triển của sinh hoạt văn hóa và của ngành xuất bản hiện tại, trong khoảng vài chục năm chưa chắc đã có thể thu thập được biết tất cả các tài liệu, sách vở liên quan đến một vấn đề nào đó chứ chưa nói là một vài năm. Không những thế trong việc lựa chọn các sách vở và tài liệu để đem vào một thư mục dùng cho một khoa học như Sử Học người ta cần phải thận trọng, phải cân nhắc kỹ càng, không phải vớ được gì cũng đặt đại vào. Do đó không nên quá vội vã mà cho rằng đó là thiếu sót Dầu sao, người ta cũng phải nói rằng giữa lúc việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam bị lâm vào một thế kẹt và có thể càng ngày càng kẹt, vì sự phá hủy man rợ trực tiếp hay gián tiếp của cuộc chiến tranh hiện tại, tác phẩm của Nguyễn Thế Anh đã đóng góp và sẽ đóng góp được một phần không nhỏ vào gia tài văn hóa của nước nhà.

Đã có lúc người ta đã nghĩ tới việc cử một phái đoàn sang các thủ đô văn hóa Tây Phương hay sang những nơi nào cần thiết để thu thập bằng cách chụp vi ảnh tất cả những tài liệu liên quan đến lịch sử Việt Nam đem về nước. Nhưng đó chỉ là những ý nghĩ nếu không muốn nói rằng đó là những mơ ước vì hiện tại người ta còn có nhiều việc cần phải làm hơn. Mà dù cho là một phái đoàn được cử xuất ngoại để làm việc đó đi chăng nữa, những khó khăn không phải là đã hết, vì sang đến nơi người ta còn phải tính cho chắc nơi nào có, phải tìm tòi lục lợi chán chê, phải lựa chọn kỹ càng cần

thận mới chụp được. Công việc này cũng đòi hỏi một thời gian không phải là ngắn. Bây giờ với công trình mà Nguyễn Thế Anh đã làm, người ta đủ vượt được một đoạn đường rồi vậy.

P. C. D.

● Tập San Sử Địa, đã nhận được :

— *Non nước Phú-Yên*, địa phương chí do NGUYỄN ĐÌNH TƯ biên soạn. Sách dày gần 200 trang, Tiền Giang xuất bản, 1965. Giá 68\$.

— *La Sucession de Thiệu Trị* của BÙI QUANG TUNG, nguyên hội viên Trường Viễn Đông Bác Cổ và Giảng viên Đại Học Văn Khoa, Đại Học Sư Phạm Sài Gòn và Huế. Công trình nghiên cứu rất công phu, có giá trị, dày gần 150 trang, B.S.E.I., N.S. Tome XLII, Nos 1 et 2, 1er et 2e trimestres 1967.

— *Contribution à l'Étude d'un des premiers poèmes narratifs d'inspiration Catholique en langue Vietnamiennne romamisée: INÊ TỬ-ĐẠO VẤN* du *Le Martyre D'Agrès* của VÕ LONG-TÊ, B.S.E.I. N.S.— Tome XLII, No 4, 4è trimestre 1967.

— *La Formations Latéritiques à Bình Dương*, do NGUYỄN HUY biên soạn, B.S.E.I, N.S.— Tome XLIII.— No 1, 1er trimestre 1968.

— *Sử-Học*, của PHẠM CAO DƯƠNG, LÊ KIM NGÂN, NGUYỄN-KHẮC NGŨ. Cuốn sử lớp đệ thất, soạn theo chương trình hiện hành, nội dung phong phú, trình bày sáng sủa. Nam Sơn xuất bản, 1968. Giá 60\$. Sắp xuất bản cuốn *Lịch sử lớp đệ nhị* với lối trình bày thật mới mẻ.

— *Câu Hỏi Trắc Nghiệm Sử Địa lớp Đệ Nhị* của LÂM VĂN BẾ, tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm, cử nhân Văn Khoa Gồm 700 câu hỏi trắc nghiệm, Nguyễn Duy xuất bản. Giá 70\$.

— THƯ VIỆN TẬP SAN, số 1, bộ mới, tháng 6-1968, của Hội Thư Viện Việt Nam. Tập San có phần luận thuyết, khảo cứu văn nghệ và phần Thư tịch học.

Trân trọng giới thiệu cùng quý đọc giả.

Chúc Mừng

Thành thật chúc các bạn

Bùi Quang Hân — Dương Ngọc Lý

Trương Thiệu Hùng — Nguyễn Ngọc Hà

Trăm năm hạnh phúc.

Nguyễn Nhã Phạm Văn Quảng

Trần Ngọc Ban

Chúc mừng

Thành thật chúc mừng các bạn :

Phạm Đức Liên — Nguyễn thị Duy Chính

Nguyễn Công Quan — Võ Ngọc Nhã

trăm năm hạnh phúc

Nguyễn Nhã — Trần Quốc Giám Trần ngọc Ban

Trần Đình Thọ — Nguyễn Xuân Phép

và các bạn cựu sinh viên Đại Học

Sư Phạm Saigon ban Sử Địa khóa 5

CÔNG-TY GIẤY VÀ HÓA-PHẨM ĐỒNG-NAI

(Société de Papeterie et de Produits Chimiques du Donnai)

C O G I D O

CÔNG-TY NẶC-DANH VỐN 213.180.000\$00

Trụ sở

17, Bến Chương-Dương, SAIGON

Nhà máy

An-Hảo — BIÊN-HÒA

Văn-phòng Thương-Mại

3, Võ Di-Nguy, SAIGON

Điện-thoại : 25.659

▽

CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI

Giấy in

Giấy viết

Giấy bìa

Giấy gói

Giấy Duplicateur

Giấy Bristol

Carton DUPLEX

Carton gris

Carton paille

NGANG HÀNG VỚI SẢN-PHẨM NGOẠI-QUỐC

HỌP HỒ SỬ ĐỊA

■ Một số độc giả tại Sài gòn hỏi tin tức về ông Hoàng Xuân-Hãn. — Hiện nay Hoàng Tiên sinh ở Paris, vẫn gửi bài đều cho *Sử Địa*. Từ [hồi cuối năm ngoái, Tiên sinh bị mờ cả hai mắt, công việc biên khảo rất khó khăn. Tuy nhiên khi phải mờ một mắt, Tiên sinh vẫn cố gắng viết xong bài «Việt Thanh Chiến sử» để gửi về đăng vào số xuân như đã hứa. Đến nay, mặc dù hai mắt vẫn chưa khỏi hẳn, nhưng Tiên Sinh vẫn cố gắng biên khảo nốt phần còn lại của bài «Vụ Bắc Sử năm Canh Thìn» để độc giả khỏi trông đợi. Người có lòng như Tiên sinh đối với ngành khảo cứu, với Văn Hóa nước nhà cũng như đối với *Sử Địa* thật rất hiếm hoi.

■ Ông THÁI NGUYỄN, Nha Trang. — *Sử Địa* tập I, đóng bộ từ số 1 đến số 4. Giá 150\$ không kể cước phí. Trong thư ông không đề rõ địa chỉ của ông.

■ Một số học sinh trường Tổng Phước Hiệp, Vĩnh Long. — *Sử Địa* vẫn xuất bản đúng kỳ hạn, vì số Xuân gộp cả số 9 và 10, nên 6 tháng sau mới ra số kế tiếp. Rất cảm ơn.

■ Một sinh viên Đà-lạt, xin liên lạc với tòa soạn để nhận tài liệu của ông Phù Lang mà bạn muốn biết.

HĂNG BÓNG COBOVINA

BẠCH TUYẾT

SẢN XUẤT BÔNG, BĂNG, GẠC

148/1 Nguyễn Minh Chiêu

Tân Sơn Nhất

ĐÍNH CHÍNH

SỬ ĐỊA SỐ 9 VÀ 10

Thay vì :

Xin đọc là :

«BÀI VAI TRÒ CỦA NGUYỄN HUỆ...»

Trang 34, dòng 16

«Chó còn có ích...»	«Chó có ích...»
trg 38, d 4 : tả hữu quân ý	tả hữu quân lý
trg 38, d 29 : không ngần ngại	và ông không ngần ngại
trg 39, d 25 : Quang Trung Cho đến khi	Quang Trung cho đến khi
d 7 : Dương thất Nguyễn	Dương thất Nguyễn
d 8 : Phiên văn Tài \	Phiên văn Tài

BÀI « CHIẾN THẮNG CỦA NGUYỄN HUỆ ...»

trg 49, d 1 : chạy trên quen thuộc	chạy trốn quen thuộc
d 11 : bọn người giết	bọn này giết
d 19 : thêm người ta	thêm người
d 24 : Tổng quát Phan tấn Thuận	Tổng suất Phan tấn Thuận
trg 50, d 28 : chính tên là	chính là
d 29 : Malais du Campot là tướng	là binh tướng
trg 51, d 26 : (Bình tuy Sông Ma ly	(Bình tuy). Sông Ma ly
d 33 : Đức công hải khẩu	Đốc công hải khẩu
trg 54, d 8 : Thất xỉ da	Thát xỉ da
trg 56, d 7 : thử thắng	thủ thắng
d 12 : các gian hội tăng	các giai hội tảo

BÀI « DÂN ĐẠI VIỆT »...

trg 59, d 3 : chúng đã	chúng ta đã
trg 62, d 10 : Dương nhân	Đường nhân
trg 63, d 1 : giết chết không có	giết hết nếu không có
hình chụp : NAM KỶ	NAM HÀ
trg 65, d 5 : dầm vi, trồng ở vườn	hơn trầu trồng ở vườn
d 28 : khăn chi	khăn chít

Tại sao hàng chục ngàn người đổ xô ghi tên mua SUZUKI ? Vì:

■ SUZUKI xài BOUGIE THƯỜNG như tất cả các loại xe gắn máy khác.

■ SUZUKI 2 THÌ, 30% phụ tùng ít hơn các xe khác 4 THÌ nên máy móc rất giản dị, khỏe và rất bền, không hư bậy.

■ SUZUKI nếu hư thì người thợ sửa xe ở góc đường cũng có thể sửa được, khỏi cần đưa vào một xưởng xe hay phải đưa tới thợ chuyên môn.

■ SUZUKI nhiều đại lý nhập cảng xe nhất và đồ phụ tùng cũng nhập cảng nhiều nhất so với các hiệu xe khác.

■ Hãng IMI đã tổ chức các xưởng chuyên sửa xe SUZUKI trong đó có các kỹ sư của chính hãng SUZUKI từ Nhật sang trông coi và huấn luyện các chuyên viên ráp máy cũng như sửa chữa.

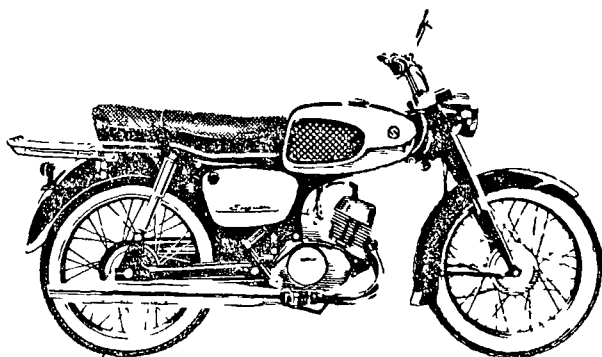
Châm ngôn của người Việt hiện nay là :

Ăn chắc, mặc bền đi... SUZUKI

LA KHỎI... THẮC MẮC

GIÁ PHÒNG ĐỊNH :

M30 : 30.500\$ M15-2 : 32.500\$ M12-2 : 33.500\$



SUZUKI-50 MODEL M-15 M-15D

▼ 50cc — ▼ 2 thì — 1 xy-lanh

▼ 4,5 mã lực — 8.000 tua

▼ Tốc lực 85 cây số một giờ

100 cây số hết 1 lít 5 xăng

Đại-Lý Độc-Quyền : IMI, 58 Pasteur — SAIGON

Điện - Thoại : 25.676

Thuốc Bác-sỹ Tín vì sao ra đời ?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp-dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học, y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trông thấy khuyết-diểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thổ-sản, thổ-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông, công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bệnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc, thấu thập cái hay của người đặng nâng cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tổ-chức một sở bao-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hợp với cơ-thể người mình và khi hậu nhiệt đới. Toa nhãn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phổ-thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình văn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách háo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN

lại còn có tham-vọng :

- 1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v. v...
- 2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.
- 3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)

CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

Công-Ty nặc-danh vốn 175 triệu bạc VN.

Trụ-sở : 34, 35 bến Vân-Đồn, KHÁNH-HỘI Sài gòn

Điện-thoại : 24.454, 24.455, 20.141

Hộp thơ 286



- Nhà Máy Đường và Rượu tại HIỆP-HÒA (Tỉnh HẬU-NGHĨA)
- Nhà Máy Đường và Rượu tại KHU KỸ-NGHỆ BIÊN-HÒA
- Nhà Máy Lọc Đường tại KHÁNH-HỘI SAIGON

CHUYÊN SẢN-XUẤT :

- Đường cát trắng tinh, trắng ngà
- Đường miếng đóng hộp 1 kilô, tinh-khiết.
- Rượu luyên tinh, bán luyên tinh, rượu đốt.

Và hai SẢN-PHẨM ĐẶC-BIỆT

- * Rượu mạnh « RUM VIEUX HIỆP-HÒA » để lâu trên 3 năm trong những thùng bằng cây « Chêne » theo đúng tiêu-chuẩn Âu-châu, dành riêng cho người sành điệu.
- * Rượu khai-vị có chất Quinquina « APERITIF HIỆP-HÒA » chế bằng rượu vang và chất Quinquina nhập-cảng thẳng tại Âu-châu, dành cho các Bà và đấng khách tao-nhã.

NGÂN HÀNG VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Số Vốn 200.000.000\$

Trụ-sở Chánh : 17, Bến Chương-Dương — SAIGON

ĐIỆN THOẠI SỐ 90 491 — 90.495

Chi
Nhánh

- CHOLON 75-77-79, Tổng-Đốc-Phương Đ.T. 37.345
- GA SAIGON Công-Trường Diên-Hồng Đ.T. 25.072
- CẦNTHƠ Số 1, Lê-văn-Duyệt
- BÀXUYỀN 44, Góc Gia-Long/Nguyễn-Huỳnh-Đức
- LONGXUYỀN 1, Đại-lộ Đồng-Khánh
- PHANTHIẾT 1, Nguyễn-văn-Thành
- NHATRANG 29, Yersin
- ĐÀNNẰNG 52, đường Độc-Lập
- RẠCH GIÁ 1, Công-Trường Thủ-Tướng Thịnh
- MỞ TRƯỞNG MỤC TIẾT KIỆM TẠI TRỤ SỞ VÀ CÁC CHI-NHÁNH
- ĐẢM-NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG
- CÓ ĐẠI DIỆN KHẮP HOÀN CẦU

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ, 62 Lê-Lợi Saigon

Việt-sử toàn thư	<i>Phạm-văn-Sơn</i>
Việt-sử tân biên	—
I Thượng và Trung cổ thời đại	—
II Trần-Lê thời đại	—
III Nam Bắc phân tranh	—
IV Tây-sơn và Nguyễn sơ	—
V Việt-Nam kháng Pháp sử	—
VI Việt-Nam cách mạng cận sử	—
VII Chế độ Pháp thuộc ở V. N.	—
Việt-Nam sử lược	<i>Trần-trọng-Kim</i>
Lam-sơn thực-lục	<i>Nguyễn-Trãi</i>
Việt-Nam Pháp thuộc sử	<i>Phan-Khoang</i>
Việt-sử Tiêu án	<i>Ngô-thời-Sĩ</i>
Cuộc đời cách mạng Cường-Đề	<i>Trang-Liệt</i>
Lịch sử thế giới	<i>Nguyễn-hiến-Lê</i>
Việt sử kinh nghiệm	<i>Nguyễn-văn-Hầu</i>
Việt-Nam Tranh Đấu sử	<i>Phạm-sơn-Sơn</i>
An-nam chí lược	<i>Lê-Tắc</i>
Hải ngoại ký sự	—
Mục-lục châu bản Triều Nguyễn	—
I Triều Gia-long	—
II Triều Minh-Mạng	—
Khâm định Việt sử Thông giám Cương Mục	—
Bản Triều Bản Nghịch liệt truyện	<i>Kiều-oánh-Mậu</i>
Hoàng Việt Giáp Tý Niên biểu	<i>Nguyễn-bá-Trác</i>
Tổ chức chính quyền Trung ương dưới Triều Lê Thánh-Tôn	<i>Lê-kim-Ngân</i>
Nhu Viễn trong khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ	—
Việt-Nam Cận đại sử ca	<i>Huỳnh-thiên-Kim</i>
Đại-Nam quốc sử diễn ca	<i>Hoàng-xuân-Hãn</i>
Trung-Hoa sử cương	<i>Đào-duy-Anh</i>
Trung-quốc sử lược	<i>Phan-Khoang</i>
Sử ký Tư mã Thiên	<i>Nhượng-Tống</i>
Quang-Trung Nguyễn-Huệ	<i>Hoa-Bằng</i>
Ngôi Tù Khám lớn	<i>Phan-văn-Hùm</i>
A Modern History of Việt-Nam	<i>Nguyễn-phát-Tấn</i>
Đông-nam-Á sử-lược	—
Việt-Nam gấm vóc	<i>Phạm-xuân-Hòa</i>
Non nước xứ Quảng	<i>Phạm-trung-Việt</i>
Địa hình thái học	<i>Lâm-thanh-Liêm</i>
Các cường quốc kinh-lẽ	—
Địa linh nhân kiệt	<i>Huỳnh-Minh</i>
Thực trạng của giới nông dân V. N. thời Pháp thuộc	<i>Phạm-cao-Dương</i>

No 11
3ème trimestre 1968
3rd quarter 1968

REVUE TRIMESTRIELLE

7
S U Đ I A

QUARTERLY REVIEW

■ REVUE TRIMESTRIELLE DE RECHER-
CHE HISTORIQUE ET GÉOGRAPHIQUE

▼ QUARTERLY REVIEW OF HISTORI-
CAL AND GÉOGRAPHICAL RESEARCH

■ PUBLIÉE PAR L'UNION DES PROFESSEURS ET DES ÉTUDIANTS
DE LA FACULTÉ DE PÉDAGOGIE DE SAIGON.

▼ PUBLISHED BY A GROUP OF INSTRUCTORS AND STUDENTS
OF THE FACULTY OF PEDAGOGY, UNIVERSITY OF SAIGON.

■ TABLE DE MATIÈRES

▼ CONTENTS

1 ■ NGUYỄN THẾ ANH, *Le Viet Nam et les Compagnies des Indes orientales* pp. 3 - 11.

▼ NGUYỄN THẾ ANH, *Việt Nam and the East Indian Companies* pp. 3-11.

2 ■ NGUYỄN HẢI, *Les marées, les marées sur la Côte Vietnamienne* pp. 12-30.

Définition, description et théories des marées. Etude de marées sur la côte Vietnamienne. Glossaire franco-Vietnamien.

▼ NGUYỄN HẢI *Tides, tides along the Vietnamese coast* pp. 12-30.

Definition, description and theories of the tides study of the tides along the Vietnamese Coast French-Vietnamese glossary,

3 ■ M et Mme TRẦN ĐĂNG ĐẠI, *Essai sur les murs de Trường Dục et Đồng Hới* pp 31-54.

Origine de la construction des 2 murs. Biographie de leur architecte Đào Duy Từ (1572-1634) — Bibliographie.

▼ Mr et Mrs TRẦN ĐĂNG ĐẠI, *Essay on the walls of Trường Dục and Đồng Hới* pp. 31-54.

Origin of their construction. Biography of their architect, Đào Duy Từ (1572-1634). Bibliography.

4 ■ PHAN KHOANG, *Les premières pages de l'histoire des 2 provinces de Thuận Quảng; les premières expansions vers le Sud du peuple Vietnamien* pp 55-80.

Historique de la politique Vietnamienne dans les provinces de Thuận et Quảng.

▼ PHAN KHOANG, *The first pages of the History of the province of Thuận Quảng; the first southward expansion of the Vietnamese people* pp. 55-80.

Historical account of the Vietnamese Emperors' politics in the territories of Thuận and Quảng.

5 ■ LÊ ƯỚC (Đại Thạch), *L'insurrection de Duy Tân en 1916 et Phan Thành Tài (1882-1916)* pp. 81-101.

Relation détaillée de l'insurrection. Rôle joué par Phan Thành Tài lors de la révolte.

▼ LÊ ƯỚC (Đại Thạch), *The insurrection of Duy Tân and Phan Thành Tài insurrection (1882-1916)*, pp. 81-101.

History of the insurrection of Duy Tân; part played by Phan Thành Tài in the revolt.

6 ■ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG, *Les lettres en caractères démotiques de Nguyễn Ánh rassemblées par le R. P. Cadière* pp. 102-123.

Commentaire et traduction en Vietnamien de lettres publiées par le P. Cadière dans le Bulletin des Amis du Vieux Huế, Janvier-Mars 1926.

▼ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG, *The letters in demotic Characters of Nguyễn Anh, Collected by R. P. Cadière*, pp. 102-123.

Commentary and translation into Vietnamese of the 14 letters published by Cadière in BAVH, Janvier-Mars 1926.

7 ■ NGUYỄN KIẾN (Doãn Thành), *Le concours regional sous La Restauration des Lê (1678 →)* pp. 124-135.

Description de la procédure du « concours ».

▼ NGUYỄN KIẾN (Doãn Thành), *The regional competitive examination under the Restoration of the Lê (1678 →)* pp. 124-135.

Description of the proceeding of the examination.

8 ■ NGUYỄN HUY, Trad, «*Le Vietnam Quốc Dân Đảng*» ou «*Parti national annamite*» à l'étranger (1930-32) pp. 136-156.

Suite de la traduction du fascicule (commencée dans *Sử Địa*, N° 6) Consacré au VNQDD; publié en 1933 par la Direction des Affaires politiques et de la Sûreté Générale de l'Indochine.

▼ NGUYỄN HUY, Transl. «*Viet Nam Quốc Dân Đảng*» or «*The Vietnamese national party*» abroad (1930-33).

Sequel and end of the translation (begun in *Sử Địa*, N° 6) of the fascicle on VNQDD published in 1933 by the Directorate of political Affairs and General Security of Indochina.

9 ■ ĐẶNG PHƯƠNG NGHI, *Esquisse de l'Ecole National des Chartes de Paris et de la méthode historique* pp. 157-162.

▼ ĐẶNG PHƯƠNG NGHI, *Sketch of the «National School of Charters» in Paris and the historical method*, pp 157-162.

10 ■ TRƯƠNG BÁ PHÁT & THÁI VIỆT ĐIỀU, *Les relations entre le Laos et le Viet Nam* pp. 163-187.

Suite et fin de l'article (commencé dans *Sử Địa*, N^o 6), comprenant un historique des relations Lao-Vietnamiennes et des courtes monographies des provinces laotiennes.

▼ TRƯƠNG BÁ PHÁT & THÁI VIỆT ĐIỀU, *The relations between Laos and Vietnam* pp. 163-187.

Sequel and end of the article (begun in *Sử Địa*, N^o 6) including an historical account of the Laotian Vietnamese relations and short monographies of Laotian provinces.

11 ■ PHAN KHOANG, Trad, « *Đại Nam Thực Lục chính biên* » pp. 188-192.

Suite de la traduction en Vietnamien du Recueil « *Đại Nam Thực lục chính biên* » (commencée dans *Sử Địa* N^o 1).

▼ PHAN KHOANG, Transl., « *Đại Nam Thực lục chính biên* » pp 188-192.

Sequel of the translation into Vietnamese (begun in *Sử Địa*, N^o 1) of the Annal « *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* ».

12 ■ HOÀNG XUÂN-HÃN, *L'ambassade en Chine de 1761 sous le règne de Cảnh Hưng et Lê Quý Đôn; son rapport en caractère démotique* pp. 193-215.

Suite et fin de l'article (commencé dans *Sử Địa*, N^o 6) relatant les buts de l'ambassade, ses constitutions et suite, ses préparatifs (correspondance officielle) et son déroulement.

▼ HOÀNG XUÂN-HÃN, *The Embassy to China of 1761 under the reign of Cảnh Hưng and Lê Quý Đôn, its report in demotic characters* pp. 193-215.

Sequel and end of the article (begun in *Sử Địa*, N^o 6) relating the aims of the embassy its constitutions and train, its preparation (official records) and its developping.



SAIGON-TAIPEI-SAIGON



- Mỗi Thứ Ba và Thứ Bảy
bằng *Phân Lực Cơ Caravelle*
VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG
- Mỗi Thứ Hai và Thứ Sáu
bằng *Super Constellation*
CHINA AIR LINES

Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các Hãng Du Lịch hay



AIR VIETNAM

116, NGUYỄN-HÜE, SAIGON. Đ.T. 91.624-91.625-91.626



CHINA AIR LINES

16, Dương-Tu-Đo, SAIGON. Đ.T. 24.452-23.144-23.846

MỤC-LỤC

⊕ Lá thư tòa-soạn	
⊕ Việt-Nam và các Đông-Ấn Công-tv	
	NGUYỄN HẢI 3
⊕ Thử tìm hiểu về Lũy Trường-Dục và Lũy Đồng-Hới	
	Ông và Bà TRẦN ĐĂNG ĐẠI 31
● Những trường đầu của lịch-sử hai xứ Thuận Quảng. Những đợt di dân đầu tiên trong cuộc Nam-tiến của Dân Tộc Việt-Nam	
	PHAN KHOANG 55
● Cuộc Duy-Tân khởi-nghĩa 1916 và Phan-Thành-Tài	
	LÊ ƯỚC (Đại Thạch) 81
⊕ Những bức thư chữ Nôm của Nguyễn Ánh do Giáo-sĩ Cadière sưu tập	
	TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG 102
⊕ Phép thi Hương đời Lê Trung Hưng	
	NGUYỄN KIẾN (Doãn Thành) 124
⊕ Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Hải ngoại	
	NGUYỄN HUY 136
⊕ Vài nét về Trường Cờ Điền Học Ba-Lê và phương pháp chép sử	
	ĐẶNG PHƯƠNG-NGHI 157
● Bang giao Lào Việt	
	TRƯỜNG BÁ PHÁT và THÁI VIỆT ĐIỀU 163
● Đại Nam Thực lục Chính biên	
	PHAN KHOANG 188
⊕ Vụ Bắc sứ năm Canh Thìn đời Cảnh Hưng với Lê Quý Đôn và bài trình bằng chữ Nôm	
	HOÀNG XUÂN HÂN 193
⊕ Tây Thái Hậu	
	MAI CHƯỞNG ĐỨC 216
⊕ Giới thiệu sách báo	233
● Hộp thư Sử Địa	238
● Mục lục phân tích bằng ngoại ngữ	245

Đón đọc Sử Địa số 12 đặc khảo về

«100 năm NGUYỄN TRUNG TRỰC»

Giá: 80\$